NGUYỄN NGỌC THẠCH

HẰNG SỐ LUÂN HỒI

THÁI CỰC HOA GIÁP

THUYẾT PHONG THUỶ THẾ GIỚI TIỀN TÂM LINH

THUYẾT 3T- PHẬT LỊCH 2551



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ THÔNG TIN

HẰNG SỐ LUÂN HỒI

&

THÁI CỰC HOA GIÁP

TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

Hằng số Luân hồi

&

Thái cực Hoa giáp

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ - THÔNG TIN

LỜI NÓI ĐẦU

TÍNH CẦN THIẾT CỦA THÁI CỰC HOA GIÁP

Hiện nay có hai bảng *Lục thập Hoa giáp* và *Lạc thư Hoa giáp* khác nhau ở sự không tương đồng về vị trí của 12 hành Thủy và 12 hành Hỏa (Hình 28: Bảng Thái cực Hoa giáp truyền thống). Để phân định đúng, sai là khó vì nguyên lý tổng quát xây dựng nên những bảng Hoa giáp này đã thất truyền.

Sự xuất hiện của Lạc thư Hoa giáp phần nào nói lên tính bất ổn của Lục thập Hoa giáp; tình trạng loạn tin trong bói toán, sự huyền bí gắn với Phong thủy học cơ bản có nguyên nhân sâu xa bắt nguồn từ thất truyền nguyên lý tổng quát này.

Trên cơ sở tư tưởng Phật giáo với thuyết Luân hồi Nhân quả cùng quan niệm Cân bằng Sinh thái Tự nhiên làm nền tảng, trường phái *Phong thủy Thế giới Tiền Tâm linh* lấy truyền thống niềm tin vào khái niệm Âm - Dương Ngũ hành làm mô hình trực quan; coi Nhân Tâm là giới hạn không gian nghiên cứu; lấy chấp nhận hướng tới giải thoát Tâm - Thân làm gốc tọa độ và Tuệ giác Thiền định làm công cụ tiếp cận thế giới khách quan. Nguyên lý tổng quát của các bảng Hoa giáp đã được minh định: *Thái cực Hoa giáp là công cụ định vị chu trình cân bằng động của Thái cực con người trong hệ Mặt trời; là mô hình toán diễn hiện nhân sinh quan, vũ trụ quan của Đức Phật; Lạc thư Hoa giáp là vỏ Thái cực Hoa giáp truyền thống với điểm khởi đầu GIÁP TÝ của nó trùng với hành KIM (s) của nhân Thái cực; Lục*

thập Hoa giáp hình thành từ tổ hợp 3 trường hợp riêng của vỏ Thái cực Hoa giáp dạng:

$$T = (2.10^{13}\text{-}5\text{-}5\text{-}5\text{-}15)\text{-}(60).$$

Chuyển tư duy "Lục thập Hoa giáp" sang "Thái cực Hoa giáp" về hình thức giống như chuyển khái niệm hình học phẳng sang hình học không gian hoặc tương tự như thay cách nhìn nhận phiến diện siêu hình bằng quan niệm toàn diện biện chứng trong triết học.

Kinh nghiệm sử dụng Thái cực Hoa giáp trong đời sống tâm linh là Lục thập Hoa giáp. *Kinh Dịch* là kết quả sử dụng phiên bản Thái cực Hoa giáp dạng T = $(2.10^{13}$-5-5-5-30)-(64). Đấu pháp theo nguyên lý dung sai Thái cực là Thái cực quyền diễn hiện một số nguyên lý cơ bản của Phật giáo bằng mô hình toán là các phiên bản của Thái cực Hoa giáp dạng:

$$T = ([N_0]-[k-j]-[l-m])\text{-}([c-t]).$$

Để công cụ mô phỏng Thái cực con người ngày càng đầy đủ, khách quan, mở rộng giao diện tiếp cận thế giới nội tâm, phục vụ tốt hơn ý nguyện khám phá bản thân và môi trường xung quanh, *Thái cực Hoa giáp sẽ thay thế Lục thập Hoa giáp trên nền tảng văn hóa phương Đông và tư tưởng triết học Phật giáo.*

Trong cấu trúc tam tài của thuyết Phong thủy thế giới tiền tâm linh (Thuyết 3T), Thái cực Hoa giáp sẽ là thuyền Bát nhã đưa người ta đến bến ngộ chữ NHÂN trong nội hàm: Nhân sinh quan, Thế giới quan của Đức Phật.

Cuộc đời và sự nghiệp của các danh nhân, mà gần đây nhất là thành công của Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước theo tư tưởng Hồ Chí Minh; Định hướng tu tập của môn phái Nam Huỳnh Đạo; Khí công của môn phái Lâm Sơn Động; Kinh nghiệm xử lý Phong thủy của Địa lý sư Thích Thiện Mỹ; Thông

tin giao lưu giữa thế giới Âm - Dương được dịch giải qua năng lực ngoại cảm của Thạc sĩ Phan Thị Bích Hằng - là những bằng chứng sống cho tính chân xác của Phật pháp. *Tinh hoa đó của Đức Phật một lần nữa lại được cô đọng và chuyển hóa thành ngôn ngữ hiện đại trong cuốn sách này.*

Nội dung sách gồm 4 phần:

Tổng quan về phương pháp tiếp cận nhân sinh quan, thế giới quan Đức Phật bằng Thiền pháp được diễn hiện qua ngôn ngữ toán học hiện đại.

Xây dựng mô hình Thái cực Hoa giáp tổng quát trong giới hạn lãnh địa quán tưởng bằng tiên đề và định nghĩa Phong thủy: xem phần *Mô hình dung sai Thái cực; Mô hình định vị Thái cực.*

Triển khai mô hình Thái cực Hoa giáp trong giới hạn hệ Mặt trời với mục đích chứng minh tính đúng đắn của mô hình dung sai Thái cực vừa xây dựng ở trên và chỉ ra các hạn chế của thuyết Âm - Dương Ngũ hành trong quan niệm và hiểu biết hiện tại của con người về cấu tạo vật chất của thế giới khách quan. Bên cạnh đó cũng làm sáng tỏ nhiều điều về bản mệnh con người còn đang là vấn đề không nhất quán trong nhiều công trình nghiên cứu về phong thủy ngày nay cũng như xưa kia (Được viết trong phần *Thái cực Hoa giáp truyền thống*).

Vận dụng Thái cực Hoa giáp truyền thống với lưu ý về độ chính xác của thuyết Âm - Dương Ngũ hành khi áp dụng trong Dự trắc học có liên quan đến khái niệm Bản mệnh con người được thể hiện trong: *Lịch Phong thủy, Ngũ hành phả, định vị mồ mả, tìm nhân sự* v.v...

Sự logic nhất quán từ đầu tới cuối của cuốn sách được duy trì bởi các quy luật toán học. Tuy nhiên đó cũng là hạn chế cho nhiều độc giả vì rào cản của các thuật toán, thậm chí có người

nói vui: "Đọc hiểu chết liền", thực chất không đến nỗi như vậy. Để thẩm thấu từ từ có thể bỏ qua những phần "xương xẩu" của học thuật hoặc hãy để tham khảo chúng ta nên đi thẳng vào phần ứng dụng của cuốn sách như: *Ngũ hành phả tìm người; Quy hoạch mồ mả dòng họ; Lịch Phong thủy tìm ngày giờ tốt cho bản thân* v.v... Nó sẽ không làm chúng ta thất vọng về sự không nhất quán như nhiều sách xưa khi nói về lĩnh vực Bản mệnh con người - Điều mà hầu như được mặc nhiên thừa nhận khi viết rằng: "Sách xưa viết vậy".

Ý tại ngôn ngoại, xin tri ân tình thương mà bề trên, người thân, bạn bè, đồng môn, đồng nghiệp dành cho tác giả.

Rất mong được lượng tình tha thứ cho những sai sót chắc chắn không thể tránh khỏi khi viết và ấn bản.

NGUYỄN NGỌC THẠCH

Cẩn bút

MỘT SỐ NHẬN XÉT VỀ CUỐN SÁCH *HẰNG SỐ LUÂN HỒI VÀ THÁI CỰC HOA GIÁP*



Địa lý sư
Thượng tọa THÍCH THIỆN MỸ

Chấn chỉnh thành công mọi ước mơ
Xưa nay Phong Thủy bị lu mờ
Bây chừ đã có người tham khảo
Kết quả phân hành sách hóa thơ

Thân tặng

Tiến sĩ Nguyễn Ngọc Thạch

TP Mỹ Tho 07-07-07.



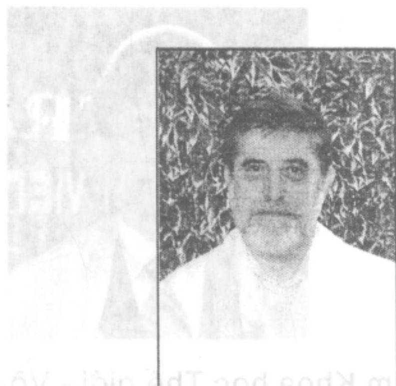
Nhà ngoại cảm - Thạc sĩ Kinh tế
PHAN THỊ BÍCH HẰNG

Phong thuỷ và tâm linh luôn gắn liền với cuộc sống, vận mệnh của con người và đất nước. Lý thuyết đó có từ ngàn xưa và ngày nay đã được đúc kết lại trên cơ sở của những lý thuyết khoa học hiện đại. Tất cả đã được cô đọng trong cuốn sách này. Hãy đọc và suy ngẫm, áp dụng để thấy được sự diệu kỳ vô lượng, vô biên của chiêm tinh trong những Hằng số luân hồi và thái cực hoa giáp

5.5.07

Hằng

Phan Thị Bích Hằng



Viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Thế giới
- Tiến sĩ Sử học và Xã Hội học
OGUĐIN VALENTIN LEONHIĐOVICH
(Tác giả của nhiều công trình về Phong thủy bằng tiếng Nga)

Хочу выразить глубочайшую признательность господину Нгуену Нгок Тхать за проделанный им титанический труд. Эта классическая работа, которая станет основой фэншуй нового времени, на следующие тысячелетия. Господин Тхать - человек высоко одарённый, глубокой мудрости. Пусть ему всегда сопутствуют удача, благополучие и благоденствие.

31. 08. 07 Ваш / Огудин Валентин Леонидович

Tạm dịch:

Tôi xin bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc đối với ngài Nguyễn Ngọc Thạch về công trình vĩ đại mà ngài đã hoàn thành. Công trình này sẽ là nền tảng cho Phong thủy của thời đại mới cho tới hàng nghìn năm sau. Ngài Thạch là người thiên phú minh tuệ. Xin chúc ngài luôn may mắn và thịnh vượng.

Ngày 31-08-2007
OGUĐIN VALENTIN LEONHIĐOVICH



Viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Thế giới - Võ sư - Viện sĩ
LƯƠNG NGỌC HUỲNH
Sáng lập võ phái Lâm Sơn Động

Từ vô cực phát triển đến vạn vật
Từ vạn vật lại trở về vô cực
Đó là nguyên lý của vũ trụ là dịch
lý phương đông.

Moscow. 25. 08. 2007

Trí Tuệ xưa nay đã hiếm rồi
Sức người không thể đối phong ba
Nâng ngộ nhân tìm trong tiềm thức
Tâm sáng lòng thành cốt ở đức
Thiên địa nằm trong số luân hồi.

Thân tặng. T.S. Ng~ ngọc Thạch

Võ sư viện sỹ. Lương ngọc Huỳnh

BÀI TOÁN CỦA THÁI CỰC HOA GIÁP

Việc xác định Ngũ hành cho các phần tử của bảng Lục thập Hoa giáp cổ điển được diễn hiện trong bài thơ "Lục thập Hoa giáp".

Can, Chi, Hành của Năm sinh khi biết tuổi sinh tính đến thời điểm bấm ngón tay được tìm trên bàn tay trái theo nguyên tắc nhất định; để tham khảo chúng ta lấy ví dụ: Nam nhân tính đến năm 2007 được 48 tuổi (kể cả tuổi Mụ) hỏi Nam nhân này tên tuổi Can - Chi là gì và bản mệnh thuộc Hành gì?

GIẢI: Xét bài thơ mã khóa của bảng Lục thập Hoa giáp:

五 Ngũ 行 Hành

寅 Dần 申 Thân

辰 Thìn 戌 Tuất

子 Tý 午 Ngọ

六 Lục 甲 Giáp 起 Khởi 為 Vi 頭 Đầu

漢 Hớn 地 Địa 燒 Thiêu 柴 Sài 濕 Thấp

煙 Yên 滿 Mãn 寺 Tự 鐘 Chung 樓 Lâu

銀 Ngân 燈 Đăng 架 Giá 壁 Bích 鉤 Câu

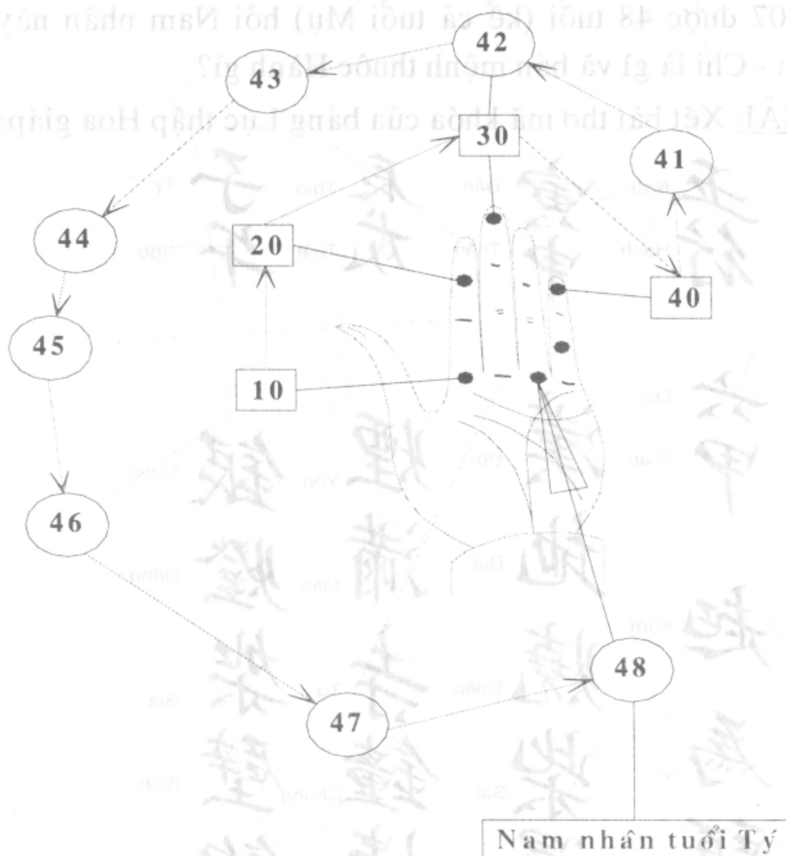
Về ngữ nghĩa, bản thân bài thơ này không có gì phải bàn, tuy nhiên thành phần cấu trúc của các chữ trong bài thơ có ý nghĩa đặc biệt.

Ví dụ: Bộ KIM có trong chữ NGÂN, CÂU, CHUNG. Bộ HỎA có trong chữ YÊN, ĐĂNG, THIÊU. Bộ MỘC có trong chữ GIÁ, SÀI, LÂU. Bộ THỔ có trong chữ BÍCH, TỰ, ĐỊA. Bộ THỦY có trong chữ MÃN, THẤP, HÁN.

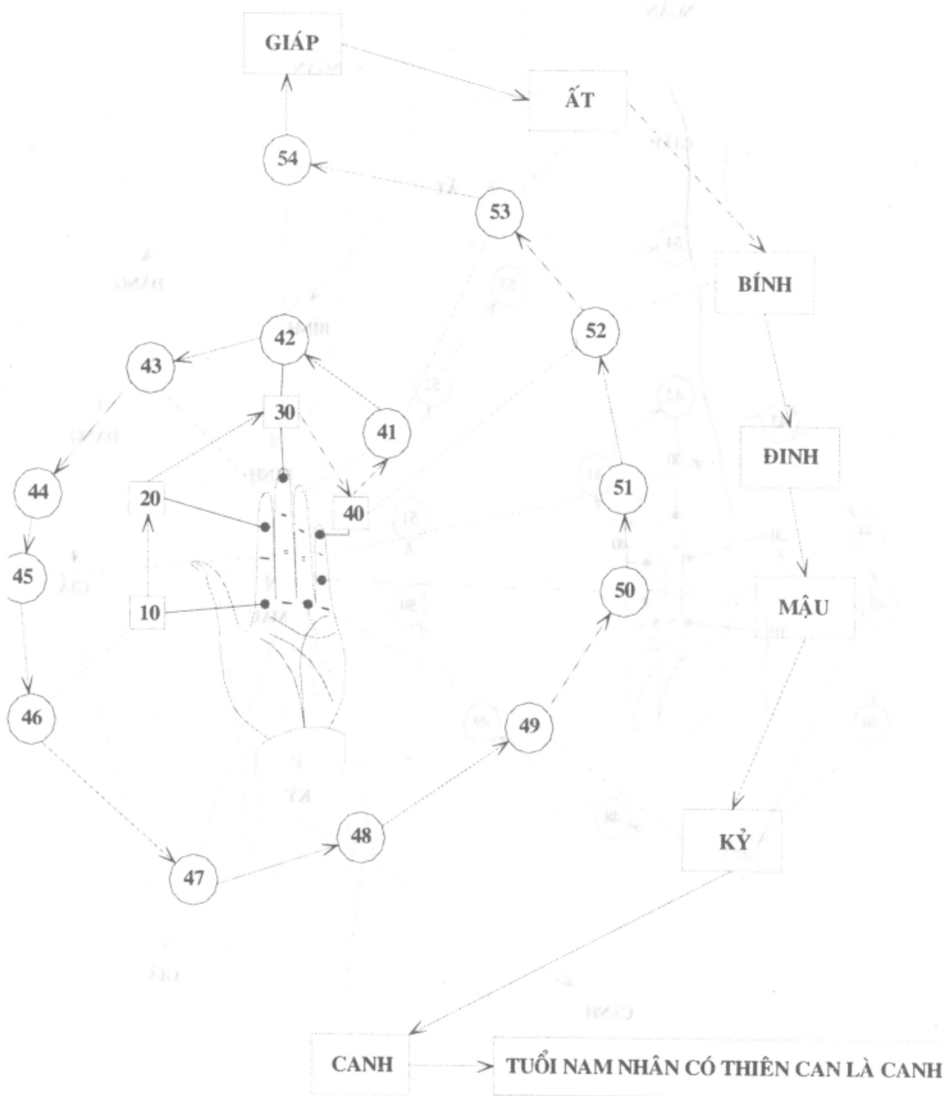
Chính là dấu hiệu cho biết tuổi Can - Chi đó thuộc Hành gì!

Xét bàn tay tìm tên Can - Chi của tuổi Nam nhân:

Năm 2007 cung Khởi là Dần.



Hình 1: Bàn tay tìm Địa chi



Hình 2: Bàn tay tìm Thiên can

Lưu ý: Tới năm 2007, cả sáu con Giáp đều lọt vào số 4

Hình 3: Bàn tay tìm Bản mệnh

Tương tự, quy tắc trên áp dụng cho vòng Giáp Tý, chúng ta có thể tìm được bản mệnh của 59 phần tử còn lại của bảng Lục thập Hoa giáp cổ điển. Tuy nhiên bài thơ và quy tắc tìm bản mệnh có nguồn gốc từ đâu và nguyên lý xác định bản mệnh của 60 phần tử Lục thập Hoa giáp cho đến nay vẫn là câu hỏi lớn chưa có lời giải.

BẢN MỆNH là khái niệm cơ bản nhất của thuyết Âm - Dương Ngũ hành khi nói về chữ NHÂN. Trong vòng luân hồi Giáp Tý của bảng Lục thập Hoa giáp (60 năm) mỗi năm được tượng trưng bởi 1 hành riêng biệt khác với 5 cặp năm có cùng tên gọi của Ngũ hành nhưng khác nhau bởi khí độ của hành được nạp cho nó.

Ví dụ: Trong vòng Giáp Tý 1946 - 2006 có 12 năm là hành THỔ với tên gọi khí độ của Ngũ hành tương ứng:

Năm 1946, 1947 là năm THỔ có tên can chi là năm BÍNH TUẤT, ĐINH HỢI tương ứng với khí độ Ngũ hành có tên là ỐC THƯỢNG THỔ.

Năm 1960, 1961 là năm THỔ có tên can chi là năm CANH TÝ, TÂN SỬU tương ứng với khí độ Ngũ hành có tên là BÍCH THƯỢNG THỔ.

Năm 1968, 1969 là năm THỔ có tên can chi là năm MẬU THÂN, KỶ DẬU tương ứng với khí độ Ngũ hành có tên là ĐẠI TRẠCH THỔ.

Năm 1976, 1977 là năm THỔ có tên can chi là năm BÍNH THÌN, ĐINH TỴ với khí độ Ngũ hành có tên là SA TRUNG THỔ.

Năm 1990, 1991 là năm THỔ có tên can chi là năm CANH NGỌ, TÂN MÙI tương ứng với khí độ Ngũ hành có tên là: LỘ BÀNG THỔ.

Năm 1998, 1999 là năm THỔ có tên can chi là năm MẬU DẦN, KỶ MÃO với khí độ Ngũ hành có tên là: THÀNH ĐẦU THỔ.

Tương tự như vậy đối với 4 hành còn lại của thuyết Âm - Dương Ngũ hành là: KIM, MỘC, THỦY, HỎA cũng có cách nạp hành tương tự cho 48 năm còn lại của vòng Giáp Tý 1946-2006 cũng như đối với bất kỳ vòng Giáp Tý nào khác. Và khi sắp xếp chúng theo tên gọi Can - Chi theo thứ tự nhất định từ Giáp Tý đến Quý Hợi sẽ tạo thành bảng gọi là bảng LỤC THẬP HOA GIÁP. Ứng dụng thực tế của bảng Lục thập Hoa giáp cổ điển có thể tìm thấy trong các tác phẩm cổ xưa như: *Ngọc hạp chính tông, Diễn cầm tam thế, Tướng mệnh khảo luận...*

Bảng Lục thập Hoa giáp này đã là nền tảng của mọi lý thuyết về Thuật-Y-Lý-Số tồn tại hàng nghìn năm nay, là niềm tự hào của nền văn minh lúa nước và văn hóa phương Đông.

Tuy nhiên do ảnh hưởng của tam sao thất bản kết hợp với sự tàn phá của thời gian mà tác hại của nó đã đẩy các nhà nghiên cứu tới lúc có quyền nghi ngờ tính chân xác của các phiên bản còn lưu lại tới ngày nay của học thuyết Âm - Dương Ngũ hành.

Câu hỏi lớn nhất chưa có câu trả lời thích đáng: Nguyên lý xây dựng nên bảng Lục thập Hoa giáp này như thế nào? Đặc biệt đã xuất hiện những công trình nghiên cứu trong đó thẳng thắn đề nghị thay hành của những năm mà bảng Lục thập Hoa giáp ghi là năm hành HỎA thành năm hành THỦY và ngược lại (*Tìm về cội nguồn Kinh Dịch* - NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2001). Tác giả còn đề xuất 1 bảng nạp Ngũ hành mới cho học thuyết Âm - Dương Ngũ hành có tên gọi: LẠC THƯ HOA GIÁP.

Điều này vô cùng hệ trọng vì nếu không giải quyết triệt để thì mọi suy lý của chúng ta theo kiểu Tương sinh, Tương khắc giữa các hành mà trước kia được cho là hành THỦY hoặc hành HỎA đều sẽ bị đảo lộn. Và như vậy mọi thành quả xưa nay của học thuyết Âm - Dương Ngũ hành trong dự đoán và chữa bệnh chỉ là ảo thuật; hoặc có thể việc sử dụng bảng Lục thập Hoa giáp còn có điều bí mật nằm trong phép biến hành mà nhiều người chưa ngộ được.

SAI LỆCH GIỮA LỤC THẬP HOA GIÁP VÀ LẠC THƯ HOA GIÁP

Lục thập Hoa giáp trong sách *Diễn cầm tam thế diễn nghĩa* của soạn giả Dương Công Hầu để tiện so sánh với *Lạc thư Hoa giáp* của tác giả Nguyễn Vũ Tuấn Anh, những phần tử mang hành Thủy và hành Hỏa được gạch dưới chân.

BẢNG LỤC THẬP HOA GIÁP

Số 4 : Coi tuổi gì , nhằm mạng gì ?

Giáp Tý	Ất Sửu	mạng Kim	Vàng dưới biển
Bính Dần	Đinh Mẹo	mạng Hỏa	lửa trong lò
Mậu Thìn	Kỷ Tỵ	mạng Mộc	cây rừng lớn
Canh Ngọ	Tân Mùi	mạng Thổ	đất đường lộ
Nhâm Thân	Quý Dậu	mạng Kim	vàng gươm nhọn
Giáp Tuất	Ất Hợi	mạng Hỏa	lửa trên núi
Bính Tý	Đinh Sửu	mạng Thủy	nước dưới sông
Mậu Dần	Kỷ Mẹo	mạng Thổ	đất đầu thành
Canh Thìn	Tân Tỵ	mạng Kim	vàng chưn đèn
Nhâm Ngọ	Quý Mùi	mạng Mộc	cây dương liễu
Giáp thân	Ất Dậu	mạng Thủy	nước trong giếng
Bính Tuất	Đinh Hợi	mạng Thổ	đất nóc nhà
Mậu Tý	Kỷ Sửu	mạng Hỏa	lửa sấm chớp
Canh Dần	Tân Mẹo	mạng Mộc	cây tòng bá
Nhâm Thìn	Quý Tỵ	mạng Thủy	nước chảy dài
Giáp Ngọ	Ất Mùi	mạng Kim	vàng trong cát
Bính Thân	Đinh Dậu	mạng Hỏa	lửa dưới núi
Mậu Tuất	Kỷ Hợi	mạng Mộc	cây đất bằng
Canh Tý	Tân Sửu	mạng Thổ	đất vách nhà
Nhâm Dần	Quý Mẹo	mạng Kim	vàng lá trắng
Giáp Thìn	Ất Tỵ	mạng Hỏa	lửa ngọn đèn
Bính Ngọ	Đinh Mùi	mạng Thủy	nước trên trời
Mậu Thân	Kỷ Dậu	mạng Thổ	đất nền chòi
Canh Tuất	Tân Hợi	mạng Kim	vàng đeo tay
Nhâm Tý	Quý Sửu	mạng Mộc	cây dâu
Giáp Dần	Ất Mẹo	mạng Thủy	nước khe lớn
Bính Thìn	Đinh Tỵ	mạng Thổ	đất trong cát
Mậu Ngọ	Kỷ Mùi	mạng Hỏa	cây lựu đá
Canh Thân	Tân Dậu	mạng Mộc	cây lựu đá
Nhâm Tuất	Quý Hợi	mạng thủy	nước biển lớn

BẢNG LẠC THƯ HOA GIÁP

Giáp Tí	Ất Sửu	Bính Dần	Đinh Mão	Mậu Thìn	Kỷ Tỵ
Hải Trung Kim		Giản Hạ Thủy		Đại Lâm Mộc	
Canh Ngọ	Tân Mùi	Nhâm Thân	Quí Dậu	Giáp Tuất	Ất Hợi
Lộ Bàng Thổ		Kiếm Phong Kim		Tuyền Trung Thủy	
Bính Tí	Đinh Sửu	Mậu Dần	Kỷ Mão	Canh Thìn	Tân Tỵ
Lư Trung Hỏa		Thành Đầu Thổ		Bạch Lạp Kim	
Nhâm Ngọ	Quí Mùi	Giáp Thân	Ất Dậu	Bính Tuất	Đinh Hợi
Dương Liễu Mộc		Sơn Đầu Hỏa		Ốc Thượng Thổ	
Mậu Tí	Kỷ Sửu	Canh Dần	Tân Mão	Nhâm Thìn	Quí Tỵ
Trường Lưu Thủy		Tùng Bách Mộc		Tích Lịch Hỏa	
Giáp Ngọ	Ất Mùi	Bính Thân	Đinh Dậu	Mậu Tuất	Kỷ Hợi
Sa Trung Kim		Thiên Hà Thủy		Bình Địa Mộc	
Canh Tý	Tân Sửu	Nhâm Dần	Quí Mão	Giáp Thìn	Ất Tỵ
Bích Thượng Thổ		Kim Bạc Kim		Đại Khê Thủy	
Bính Ngọ	Đinh Mùi	Mậu Thân	Kỷ Dậu	Canh Tuất	Tân Hợi
Sơn Hạ Hỏa		Đại Trạch Thổ		Thoa Xuyến Kim	
Nhâm Tí	Quí Sửu	Giáp Dần	Ất Mão	Bính Thìn	Đinh Tỵ
Tang Đố Mộc		Phúc Đăng Hỏa		Sa Trung Thổ	
Mậu Ngọ	Kỷ Mùi	Canh Thân	Tân Dậu	Nhâm Tuất	Quí Hợi
Đại Hải Thủy		Thạch Lựu Mộc		Thiên Thượng Hỏa	

Xuất phát từ thực tế trên, có thể khái quát một vài vấn đề cần giải quyết cho thuyết Âm - Dương Ngũ hành sau:

Vấn đề thứ nhất:

Như trong phần đầu của sách này đã nói: Để phân định đúng, sai giữa Lục thập Hoa giáp và Lạc thư Hoa giáp là khó vì nguyên lý tổng quát xây dựng nên những bảng Hoa giáp này đã thất truyền! Thực tế có phải như vậy hay không? Phải chăng đó là lý do tại sao khi nói tới bản mệnh hầu như tất cả các sách đều né tránh và luôn có chung câu trả lời với ý nói: sách xưa viết vậy. Bảng Lục thập Hoa giáp vô hình chung đã trở thành vật cản khó có thể vượt qua nổi của nhiều công trình nghiên cứu về thuật-y-lý-số xưa nay.

Vấn đề thứ hai:

Vì không ai dám khẳng định là mình sẽ dự đoán trúng 100% khi vận dụng Thuật bói toán?! Như vậy dự đoán theo thuyết Âm - Dương Ngũ hành với việc vận dụng bảng Lục thập Hoa giáp làm nền tảng sẽ cho kết quả chính xác là bao nhiêu phần trăm? Làm thế nào để nâng cao độ chính xác của dự đoán theo thuyết Âm - Dương Ngũ hành?

Vấn đề thứ ba:

Nguyên tắc sử dụng bảng Lục thập Hoa giáp để dự đoán thế nào là đúng, thế nào là sai? Tại sao cấu trúc tứ trụ thời gian đều chứa con số 2. Ví dụ: 2 ngày, 2 tháng, 2 năm, 2 canh giờ v.v... có chung 1 hành?

Trong mỗi con người đều có đủ các thuộc tính như: Hỷ, Nộ, Ái, Ố v.v... mà bản mệnh chỉ ghi có 1 hành? Chả lẽ lại có ngày tốt, giờ tốt, hoặc ngày xấu, giờ xấu xảy ra cho tất cả nhân loại trong cùng một thời điểm hay sao? Giải pháp cho vấn đề này như thế nào?

Tại sao năm này lại có hành là A mà không phải là B? Lục thập Hoa giáp và Lạc thư Hoa giáp đúng sai ra sao? Chúng được

hình thành như thế nào? Từ nay về sau nên sử dụng bảng Hoa giáp gì? Bản chất của Kinh Dịch, con đường cập nhật Kinh Dịch trong tương lai? Bản chất của mọi bảng Hoa giáp? Ngưỡng cửa của phương pháp nghiên cứu khoa học ngày nay sẽ được khai mở như thế nào? Hiểu như thế nào về bản chất của Phong thủy và Phong thủy học hiện đại? v.v...

Tất cả những câu hỏi trên sẽ được giải đáp toàn bộ hoặc bước đầu lý giải trong cuốn sách này.

PHẦN A

MÔ HÌNH DUNG SAI THÁI CỰC

Chương 1

KHÁI NIỆM CƠ BẢN

1.1. THÁI CỰC

1.1.1. Định nghĩa

Thái cực là cái tên dùng chỉ thực tại khách quan tự thân viên mãn mà con người biết được do Tuệ Thiền. Thái cực không phụ thuộc vào nhận biết của bất kỳ đối tượng nào ngoài nó.

1.1.2. Nguyên lý bất biến Thái cực

Thái cực có ở mọi lúc, mọi nơi, không phụ thuộc vào thời gian và không gian. Thái cực có trong tất cả, tất cả có trong Thái cực.

Tương tự như câu: "Vạn thù quy nhất bản, nhất bản tán vạn thu" trong kinh *Hoa Nghiêm*.

Vũ trụ là một Thái cực bao gồm nhiều Thái cực. Trong đó có Thái cực "Con người". Con người đặc biệt ở tính Linh và năng lực Quán, Tưởng.

1.1.3. Thái cực Luân hồi

Định nghĩa: *Thái cực của các quy luật tự nhiên lặp lại tuần hoàn theo chu kỳ gọi là Thái cực Luân hồi.*

1.1.4. Vòng Luân hồi

Định nghĩa: *Độ dài một chu kỳ tuần hoàn của Thái cực Luân hồi gọi là Vòng Luân hồi.*

Có thể nhận dạng Vòng Luân hồi qua thứ nguyên của các biến nguyên của Thái cực.

Theo nguyên lý bất biến: Để định vị Thái cực chỉ cần chính nó hoặc tối đa một đơn nguyên gia số của một biến nguyên của nó là đủ.

Tuy nhiên, khả năng minh tuệ của con người không giống nhau phụ thuộc tính *năng ngộ bất mê*; vào tiên thiên *Cửu huyền thất tổ*; phụ thuộc vào năng lực phá *Trụ chấp* có căn nguyên kinh nghiệm. Vì vậy đại đa số rất thích hợp với mô phỏng Thái cực bằng *Bội nguyên gia số* của biến nguyên độc lập với tên gọi khác nhau.

1.1.5. Hàm Thái cực

Định nghĩa: *Hàm Thái cực là hàm số trong hệ quy chiếu n chiều R^n mô phỏng các quy luật tự nhiên của Thái cực.*

Thuộc tính của Thái cực biểu diễn bằng con số gọi là đại lượng của Thái cực.

1.1.6. Thái cực nhân ngộ

Định nghĩa: *Thái cực, mà các quy luật tự nhiên của nó có thể biểu diễn được dưới dạng hàm số gọi là Thái cực nhân ngộ.*

Ký hiệu: $F_o(M)$.

Đặc điểm Thái cực nhân ngộ: Từ nguyên lý bất biến suy ra Hàm Thái cực biểu diễn bằng hàm số $F_o(M)$và F(M) liên tục; khả vi $\forall$ $M \subset D \subset R^n$.

1.1.7. Thái cực gần đúng

Định nghĩa: *Thái cực gần đúng là Thái cực có hàm gần đúng hàm Thái cực nhân ngộ*

Ký hiệu: F(M), trong đó: $F(M) \cong Fo(M)$ $\forall$ $M \subset D \subset R^n$.

1.2. GIA SỐ BIẾN NGUYÊN

1.2.1. Khái niệm gia số

Tương tự như khái niệm biến số độc lập và biến số phụ thuộc của hàm số thông thường. Gia số ΔM của biến số độc lập M của

hàm Thái cực gọi là gia số của biến nguyên độc lập; gia số $\Delta F(M)$ của hàm Thái cực tương ứng với gia số của biến nguyên độc lập ΔM gọi là gia số của biến nguyên phụ thuộc của hàm Thái cực F(M) trong không gian R^n.

1.2.2. Đơn nguyên gia số

Định nghĩa: *Đơn nguyên gia số là một phần giá trị của gia số của biến nguyên độc lập thỏa mãn nguyên lý bất biến Thái cực.*

Ký hiệu: ΔS_0

Trong đó: $\Delta S_0 = \dfrac{F_0(M)}{N_0} = \lambda . F_0(M)$

λ = Hằng số Luân hồi Thái cực $\lambda = 5.10^{-14}$

$F_0(M)$ - Độ dài vòng Luân hồi của Thái cực nhân ngộ.

N_0 - Là số Đơn nguyên gia số hay còn gọi là số Chia hoàn nguyên Thái cực của $F_0(M)$.

1.2.3. Bội nguyên gia số

Định nghĩa: *Bội nguyên gia số là một phần giá trị của gia số của biến nguyên độc lập có độ lớn bằng bội số đơn nguyên gia số của biến nguyên độc lập đó.*

Ký hiệu: ΔS

Trong đó : $\Delta S = \varphi . \Delta S_0 = \dfrac{F(M)}{n_0}$

φ - Hệ số bội nguyên gia số; $\varphi \geq 1$

$F(M)$ - Hàm gần đúng của hàm Thái cực nhân ngộ $F_0(M)$

n_0 - Số bội nguyên gia số của hàm $F(M)$

Giá trị ΔS có độ lớn phụ thuộc vào việc chọn hệ số φ một cách chủ quan. Theo định nghĩa đơn nguyên gia số $\Rightarrow$ Bội nguyên gia số ΔS là số không thỏa mãn nguyên lý bất biến Thái cực.

Do đó: Dùng bội nguyên gia số thay thế cho đơn nguyên gia số khi nghiên cứu Thái cực với $\varphi \neq 1$ là không chính xác, mức độ sai số được lượng hoá qua hệ số dung sai nhân định ψ_n.

Ví dụ trong Lục thập Hoa giáp:

Giá trị bội nguyên gia số ΔS của biến nguyên độc lập của hàm Thái cực gần đúng của Thái cực nhân ngộ "Bản mệnh" được sử dụng như Thái cực gồm 5 tên gọi khác nhau: mệnh Kim, mệnh Mộc, mệnh Thủy, mệnh Hỏa, mệnh Thổ.

Giá trị bội nguyên gia số ΔS của biến nguyên độc lập của Thái cực gần đúng của Thái cực nhân ngộ "Lục thập Hoa giáp" được sử dụng như Thái cực gồm 60 tên gọi khác nhau:

Tuổi Giáp Tý, tuổi Ất Sửu,... tuổi Kỷ Hợi,... tuổi Tân Sửu,... tuổi Nhâm Tuất, tuổi Quý Hợi.

Giá trị bội nguyên gia số ΔS của biến nguyên độc lập của Thái cực gần đúng của Thái cực nhân ngộ. "Thời gian" có thứ nguyên, có độ lớn và tên gọi khác nhau: thiên niên kỷ, thế kỷ, năm, tháng, tuần lễ, ngày, giờ, phút, giây, v.v... Tất cả đều là công cụ định vị vòng Luân hồi của Thái cực "Thời gian". *Độ lớn ΔS của chúng là bội số của đơn nguyên gia số ΔS_0 của vòng Luân hồi "Thời gian" với hệ số φ khác nhau.*

Chương 2

HẰNG SỐ LUÂN HỒI

2.1. CHỈ SỐ HOÀN NGUYÊN THÁI CỰC

Định nghĩa: *Chỉ số hoàn nguyên là đại lượng cho biết độ chính xác của phép lấy xấp xỉ Thái cực nhân ngộ bằng Thái cực gần đúng. Ký hiệu:* Δ*; đơn vị là phần trăm (%).*

Chỉ số hoàn nguyên thoả mãn nguyên lý bất biến Thái cực gọi là chỉ số hoàn nguyên Thái cực. $\Delta_0 = 1 \times 100\%$.

Chỉ số hoàn nguyên không thỏa mãn nguyên lý bất biến Thái cực gọi là chỉ số hoàn nguyên nhân định. Ký hiệu Δ.

Trong đó:

$\Delta = (1 - \psi_n) \times 100\%$

ψ_n - Hệ số dung sai nhân định

HỆ SỐ DUNG SAI THÁI CỰC

Định nghĩa: *Hệ số dung sai Thái cực là đại lượng cho biết độ sai lệch giữa Thái cực gần đúng và Thái cực nhân ngộ khi thỏa mãn nguyên lý bất biến.*

Ký hiệu ψ_0

Trong đó: $\psi_0 = \dfrac{\Delta M}{\Delta F(M)}$

ΔM - Là gia số của bội nguyên gia số của biến nguyên độc lập của Thái cực $F_0(M)$.

Trong đó: $\Delta M = M - M_0 = \Delta S - \Delta S_0 = (\varphi - 1)\Delta S_0$

$\Delta F(M)$ - Là gia số của biến nguyên phụ thuộc của $F_0(M)$ tương ứng với gia số độc lập ΔM; $\Delta F(M) = |F(M) - F_0(M)|$; $\forall\ M; M_0 \subset D \subset \mathrm{R}^n$.

Khi phép lấy gần đúng thoả mãn nguyên lý bất biến Thái cực, hệ số dung sai $\psi_0 = 0$.

CÔNG THỨC TỔNG QUÁT ψ_0

$$\psi_0 = \frac{1}{\left(\frac{f'(M)}{1!} + \frac{\Delta M.f''(M)}{2!} + ... + \frac{\Delta M^{(k-1)}.f^k(M)}{k!}\right)\Big|_{M=M_0}}$$

Trong đó:

$f(M)^{(k+1)}\big|_{M=M_0}$ - Đạo hàm bậc (k+1) của hàm F(M) tại điểm M= M0

ΔM - Gia số của bội nguyên gia số của M.

Chứng minh:

Giả sử: Trong không gian thực n chiều R^n, hàm điểm F(M) với $M=M(x_1, x_2,... x_i,... x_n)$ xác định trong miền $D \in R^n$; liên tục, khả vi (k+1) lần trong vùng lân cận của điểm Mo, trong đó F(M) là hàm gần đúng của hàm Thái cực nhân ngộ Fo(M). Triển khai phép lấy gần đúng hàm Fo(M) bằng F(M) theo công thức Taylor. Xung quanh Mo, giá trị của F(M) có thể viết:

$$F(M)=F_o(M)+\frac{1}{1!}DF(M_o)+\frac{1}{2!}D^2F(M_o)+.....+\frac{1}{k!}D^kF(M_o)+\frac{1}{(k+1)!}D^{(k+1)}F(M_c) \quad \textbf{(1)}$$

Trong đó:

Ký hiệu : M_c - Điểm nằm giữa từ M $\rightarrow$ M_o;

$M_c = M\left((x_1^0+\theta\Delta X_1); (x_2^0+\theta\Delta X_2); ....; (x_n^0+\theta\Delta X_n)\right)$

Với: $0 < \theta < 1$.

$D^{(k+1)}F(M)\big|_{M=M_0}$ - Vi phân bậc (k+1) tại $M=M_o$ của F(M).

$f(M)^{(k+1)}\big|_{M=M_0}$ - Đạo hàm bậc (k+1) tại $M=M_o$ của F(M);

Với:

$D^{(k+1)}F(M)\big|_{M=M_0} = (\Delta M)^{(k+1)}f(M)^{(k+1)}\big|_{M=M_0}$ **(2)**

ΔM = M- M_0 - Gia số của M xung quanh M_0

Thay (2) vào (1) tại các vị trí tương ứng với cấp vi phân

i = 1,2,... k, (k+1). Đặt (ΔM) làm thừa số chung, chuyển $F_0(M)$ qua bên trái dấu bằng;

Ký hiệu: $\Delta F(M)$ - Gia số của biến nguyên phụ thuộc của Fo(M); Trong đó: $\Delta F(M) = |F(M) - F_0(M)|$

$$\Rightarrow \Delta F(M) = \Delta M \left(\frac{f'(M)}{1!} + \frac{\Delta M.f''(M)}{2!} + \frac{\Delta M^2.f'''(M)}{3!}.+......+\frac{\Delta M^{k-1}.f^k(M)}{k!}\right)\Big|_{M=M_0}$$

$$+\frac{\Delta M^{(k+1)}}{(k+1)!}f^{(k+1)}(M_c)$$

Ký hiệu:

$$\Omega(M) = \left(\frac{f'(M)}{1!} + \frac{\Delta M.f''(M)}{2!} + \frac{\Delta M^2.f'''(M)}{3!}.+......+\frac{\Delta M^{k-1}.f^k(M)}{k!}\right)\Big|_{M=M_0}$$

$$R_k(M) = \frac{\Delta M^{(k+1)} f^{(k+1)}(M_c)}{(k+1)!}$$

- Số dư dạng Lagrange bậc (k) của công thức Taylor.

Suy ra: $\Delta F(M) = \Delta M \,.\, \Omega(M) + R_k(M)$

Như vậy:

Với sai số không quá $R_k(M)$ - Là vô cùng bé bậc cao hơn ΔM; nếu xung quanh M^o thỏa mãn điều kiện: với mọi $\forall \varepsilon > 0$, luôn tồn tại r > 0 sao cho $\forall M \in D \in R^n$ cách điểm M^o một đoạn δ thỏa mãn $\delta = |M - M_0| < r$ thì $|F(M) - F_0(M)| < \varepsilon$; Khi đó: Gia số $\Delta F(M)$ của $F^o(M)$ có thể tính gần đúng theo công thức:

$$\Delta F(M) \cong \Delta M \,.\, \Omega(M) \Leftrightarrow \frac{\Delta M}{\Delta F(M)} = \frac{1}{\Omega(M)}$$

Suy ra:

$$\psi_0 = \frac{\Delta M}{\Delta F(M)} = \frac{1}{\left(\frac{f'(M)}{1!} + \frac{\Delta M.f''(M)}{2!} + ... + \frac{\Delta M^{(k-1)}.f^k(M)}{k!}\right)\Big|_{M=M_0}}$$

Trong đó giá trị $\psi_0 = f(\varphi, D, f^k(M_0))$ phụ thuộc bản chất các quy luật tự nhiên hàm chứa trong Thái cực được mô phỏng qua cấu trúc đại số của hàm $F_0(M)$; Hệ số bội nguyên gia số φ; Mmiền xác định D. Chúng ta sẽ thấy rõ mối tương quan này trong những phần tiếp theo.

SỐ CHIA HOÀN NGUYÊN THÁI CỰC N_0

Định nghĩa: *Số chia hoàn nguyên Thái cực là số có giá trị bằng tổng số các đơn nguyên gia số có thể có của vòng Luân hồi nhân ngộ sao cho hệ số dung sai Thái cực không xác định.*

Ký hiệu: N_0

Trong đó: $N_0 = \dfrac{F_0(M)}{\Delta S_0}$ khi Ψ_0 không xác định.

N_0 - nguyên; dương

$F_0(M)$ - Độ dài vòng Luân hồi của Thái cực nhân ngộ trong không gian (R^n).

2.2. SỐ CHIA GẦN ĐÚNG n_0

Định nghĩa: *Số chia gần đúng là số có giá trị bằng tổng số các bội nguyên gia số có thể có của vòng Luân hồi của Thái cực gần đúng.*

Ký hiệu: n_0; trong đó: $n_0 = \dfrac{F(M)}{\Delta S}$.

Quan hệ giữa số chia gần đúng n_0 và số chia hoàn nguyên Thái cực N_0: Từ định nghĩa N_0 và n_0 có:

$$\frac{N_0}{n_0} = \frac{F_0(M)}{\Delta S_0} \cdot \frac{\Delta S}{F(M)} = \frac{\Delta S}{\Delta S_0} \cdot \frac{F_0(M)}{F(M)} ;$$

Ngoài ra có:

$$\Delta S = \varphi . \Delta S_0 \Rightarrow \frac{\Delta S}{\Delta S_0} = \varphi \Rightarrow \frac{N_0}{n_0} = \varphi \frac{F_0(M)}{F(M)} \Rightarrow n_0 = \frac{N_0}{\varphi} \cdot \frac{F(M)}{F_0(M)} ;$$

⇒ Hệ số bội nguyên φ càng nhỏ thì số chia gần đúng n_0 càng tiến tới số chia hoàn nguyên N_0.

Quan hệ giữa hệ số bội nguyên φ; Số chia gần đúng n_0; Hằng số Luân hồi λ :

Theo định nghĩa Hằng số Luân hồi Thái cực và chứng minh trên có:

$$\lambda = \frac{1}{N_0} \Rightarrow N_0 = \frac{1}{\lambda} \Rightarrow n_0 = \frac{1}{\varphi.\lambda}\frac{F(M)}{F_0(M)} \Rightarrow \varphi = \frac{1}{n_0.\lambda}\frac{F(M)}{F_0(M)}$$

Trong thuyết Âm - Dương Ngũ hành có một vài con số được sử dụng để tính giá trị đơn vị đo trong phép lấy gần đúng cho chúng ta suy nghĩ hình như số đó giống như số bội nguyên gia số n_0 của vòng Luân hồi gần đúng $F(M)$. Nhưng kết luận về kết quả phép lấy gần đúng lại giống như đã sử dụng số đơn nguyên gia số N_0 của vòng luân hồi nhân ngộ $F_0(M)$ chứ không phải là n_0.

Ví dụ:

Số $n_0 = 5$. Con số này giống như số bội nguyên gia số tạo thành vòng luân hồi gần đúng $F(M)$ của Thái cực nhân ngộ Bản mệnh $F_0(M)$. Trong đó giá trị bội nguyên gia số ΔS của biến nguyên độc lập có tên gọi là: Kim, Mộc, Thuỷ, Hoả, Thổ; $F(M) = n_0 . \Delta S = 5\text{x } \Delta S$ (Hành) = (Kim + Mộc + Thuỷ + Hoả + Thổ).

Nhưng khi kết luận ví dụ như thường nói: Ông A, bà B có Bản mệnh là: mệnh Kim, mệnh Mộc, mệnh Thủy, mệnh Hỏa, mệnh Thổ. Nói như vậy có nghĩa là thuyết đã coi: ΔS có vai trò giống như Thái cực "con người", tương đương với việc coi: $\Delta S = \Delta S_0$ và $n_0 = N_0$ mà không biết $n_0 = 5$ đã thoả mãn điều kiện $\Delta = 1$ hay chưa?

Theo thuyết Âm - Dương Ngũ hành: Chiều dài vòng Luân hồi gần đúng $F(M)$ của biến nguyên độc lập "Bản mệnh" $F_0(M)$ của

có giá trị gần đúng là chu vi ngũ giác đều nội tiếp trong đó với 5 đỉnh là Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

Số $n_0 = 10$. Con số này giống như số bội nguyên gia số của vòng luân hồi gần đúng $F(M)$ của Thái cực nhân ngộ "Can - Chi" $F_0(M)$; trong đó giá trị ΔS = Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý.

Chiều dài vòng Luân hồi gần đúng $F(M) = n_0 . \Delta S$ = 10x Thiên can = (Giáp + Ất + Bính + Đinh + Mậu + Kỷ + Canh + Tân + Nhâm + Quý).

Nhưng khi dùng để định vị Nhân mạng hoặc thời gian thì n_0 lại biến thành số đơn nguyên gia số N_0. Ví dụ như trong câu: "Trai **Đinh**, **Nhâm**, **Quý** thì tài. Gái **Đinh, Nhâm, Quý** thì hai lần đò". Hoặc như: "Tuổi **Giáp** hợp **Kỷ** phá **Ất** xung **Canh**; tuổi **Bính** hợp **Tân** phá **Đinh** xung **Nhâm**; tuổi **Mậu** hợp **Quý** phá **Kỷ** xung **Giáp**" v.v...

Nói như vậy có nghĩa là thuyết đã coi: $\Delta S = \Delta S_0$; nhưng chưa chứng minh rằng với: $n_0 \equiv N_0 = 10$ thì hệ số hoàn nguyên Thái cực Δ_0 của $F(M)$ đã bằng 1 hay chưa?

Số $n_0 = 12$. Con số này giống như số bội nguyên gia số tạo thành vòng luân hồi gần đúng $F(M)$ của biến nguyên độc lập "Địa Chi" của Thái cực nhân ngộ "Can-Chi" $F_0(M)$ trong đó:

ΔS = Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

Và: $F(M) = n_0 . \Delta S = 12 . \Delta S$ = 12 x Chi = Tý + Sửu + Dần + Mão + Thìn + Tỵ + Ngọ + Mùi + Thân + Dậu + Tuất + Hợi

Nhưng khi dùng như thường thấy ví dụ: giờ Tý, giờ Sửu, giờ Dần, giờ Mão, giờ Thìn, giờ Tỵ, giờ Ngọ, giờ Mùi, giờ Thân, giờ Dậu, giờ Tuất, giờ Hợi v.v... ông A, ông B có thể động thổ xây dựng v.v... có nghĩa là Bản mệnh của những người này đã trở

thành đối tác ngang bằng với Ngũ hành của các ΔS thời gian tương ứng có tên gọi trùng với 1 trong 12 tên của Địa Chi ở trên. Điều này chỉ đúng khi đại diện của Thái cực thời gian là ΔS_0 chứ không phải là ΔS.

Như vậy theo thuyết Âm - Dương Ngũ hành: Chiều dài vòng Luân hồi gần đúng $F(M)$ của Thái cực nhân ngộ "Thời gian" $F_0(M)$ là chu vi đa giác đều 12 cạnh nội tiếp trong nó với 12 đỉnh: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi v.v...

Qua những ví dụ này chúng ta đã thấy thuyết Âm - Dương Ngũ hành sử dụng hệ số bội nguyên gia số φ mà không đưa ra khuyến cáo về nguyên lý bất biến Thái cực $\Delta = 1$ trong những ứng dụng của nó. Có lẽ đây cũng là nguyên nhân sâu xa của tình trạng loạn tin trong bói toán xưa nay.

HỆ SỐ DUNG SAI CỦA THÁI CỰC TRÒN ĐỀU ψ_{0T}

Định nghĩa: *Hệ số dung sai Thái cực ψ_0 khi vòng Luân hồi của nó là vòng tròn gọi là hệ số dung sai Thái cực tròn đều.*

Ký hiệu: ψ_{0T}.

Trong đó: $\psi_{0T} = \dfrac{1}{N_0}$

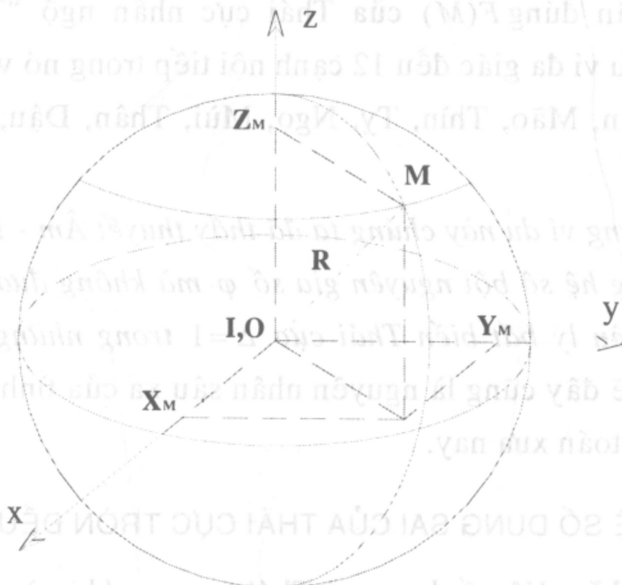
ψ_{0T} không phụ thuộc vào độ lớn của vòng tròn.

Chứng minh:

Xét bài toán: Tìm số chia hoàn nguyên Thái cực N_0 của biến nguyên độc lập của Thái cực nhân ngộ $F_0(M)$ - là chu vi S_0 của một trong những giao tuyến của Thái cực mặt cầu Φ trong không gian 3 chiều R^3 với Thái cực nhân ngộ mặt phẳng T trong không gian 2 chiều R^2?.

Giải:

Không làm giảm tính tổng quát của lời giải bằng cách vận dụng tính bất biến giá trị khảo sát hàm số khi thay đổi gốc hệ quy chiếu có: Trong không gian (R3) thiết lập hệ tọa độ 3 chiều (xOyz) sao cho tâm (I) của mặt cầu (Φ) trùng với tâm O (o,o,o) của hệ tọa độ; gọi R - là bán kính mặt cầu (Hình 4).



Hình 4

Giao tuyến giữa Φ và T là tập hợp tất cả các điểm M(X_M, Y_M, Z_M) cách điểm $I(x_i, y_i, z_i)$ một đoạn $R = |M - I|$ thỏa mãn:

$F_0(M) = (x_M - x_i)^2 + (y_M - y_i)^2 + (z_M - z_i)^2 - R^2 = 0$

Trong mặt phẳng (yOz): Theo cách định vị gốc tọa độ ở trên có: $x_M = 0$; $I(x_i, y_i, z_i) \equiv O(0,0,0)$ ⇒ Hàm số cuả Thái cực nhân ngộ giao tuyến D trở thành:

$F_0(M) = y_M^2 + z_M^2 - R^2 = 0$

Suy ra chiều dài vòng luân hồi $F_0(M)$ của Thái cực giao tuyến D trong mặt phẳng (yOz) chính là chu vi vòng tròn tâm I bán kính R: $S_0 = 2\pi R$.

Giá trị tọa độ của điểm M_0 của Thái cực nhân ngộ trước khi lấy gần đúng:

$$\Delta S_{no} = \frac{F_0(M)}{N_0} = \frac{2\pi R}{N_0}$$

Trong vòng tròn tâm I; bán kính R (Hình 4); Xét tam giác cân AIB có cạnh R; góc ở đỉnh I là α,

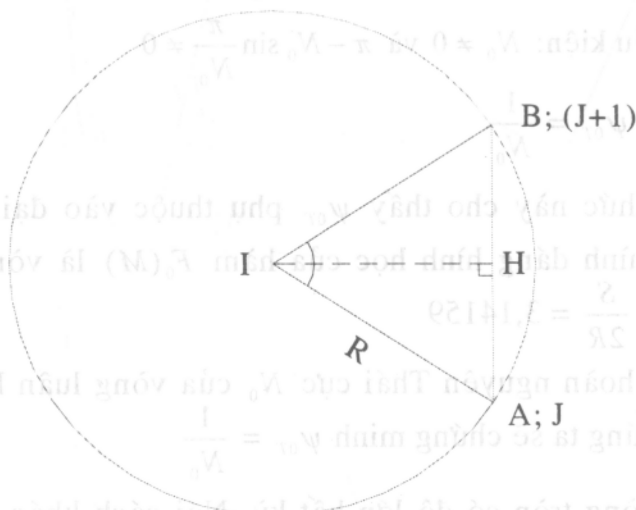
trong đó $\alpha = \frac{2\pi}{N_0}$;

H- là chân đường cao của tam giác AIB . A ≡ j; B ≡ j+1; trong đó: j = 1,2,3,...j, (j+1),..., N_0

Góc AIB = α.

ΔS_j - cạnh đa giác đều N_0 cạnh chính là giá trị bội nguyên gia số của Thái cực gần đúng $F(M)$ của Thái cực nhân ngộ $F_0(M)$. Có:

$$\Delta s_j = AB = 2AH = 2R\sin(\frac{\alpha}{2})\ ;\ \alpha = \frac{2\pi}{N_0} \Rightarrow \Delta S_j\ = 2R\sin(\frac{\pi}{N_0})$$



Hình 5

⇒ Gia số của biến nguyên độc lập M: $\Delta M = \Delta S_{m0} - \Delta S_j$

$$= \frac{2\pi R}{N_0} - 2R\sin(\frac{\pi}{N_0}) = \frac{2R}{N_0}\left[\pi - N_0\sin(\frac{\pi}{N_0})\right]$$

Giá trị của Thái cực gần đúng F(M) thoả mãn $\Delta = 1$:

$$S = \sum_{j=1}^{N_0}\Delta s_j = N_0\Delta s_j = 2N_0 R\sin(\frac{\pi}{N_0})$$

Theo ý nghĩa hình học: S là chu vi đa giác đều nội tiếp trong S_0 nên giá trị của S luôn nhỏ hơn chu vi của vòng tròn ngoại tiếp S_0 ⇒ $(S_0 - S) \geq O$ ⇒ Giá trị biến nguyên phụ thuộc của Thái cực $F_0(M)$ có thể viết:

$$\Delta F(M) = \left|S - S_0\right| = (S_0 - S) = 2R\left[\pi - N_0\sin(\frac{\pi}{N_0})\right]$$

Suy ra hệ số dung sai Thái cực vòng tròn:

$$\psi_{0T} = \frac{\Delta M}{\Delta F(M)} = \frac{\frac{2R}{N_0}\left[\pi - N_0\sin(\frac{\pi}{N_0})\right]}{2R(\pi - N_0\sin\frac{\pi}{N_0})} = \frac{1}{N_0}.\frac{(\pi - N_0\sin\frac{\pi}{N_0})}{(\pi - N_0\sin\frac{\pi}{N_0})};$$

Với điều kiện: $N_0 \neq 0$ và $\pi - N_0\sin\frac{\pi}{N_0} \neq 0$

Suy ra: $\psi_{0T} = \frac{1}{N_0}$

Công thức này cho thấy ψ_{0T} phụ thuộc vào đại lượng đặc trưng cho hình dáng hình học của hàm $F_0(M)$ là vòng tròn với hằng số $\pi = \frac{S}{2R} = 3,14159$

và số chia hoàn nguyên Thái cực N_0 của vòng luân hồi $F_0(M)$. Sau đây chúng ta sẽ chứng minh $\psi_{0T} = \frac{1}{N_0}$

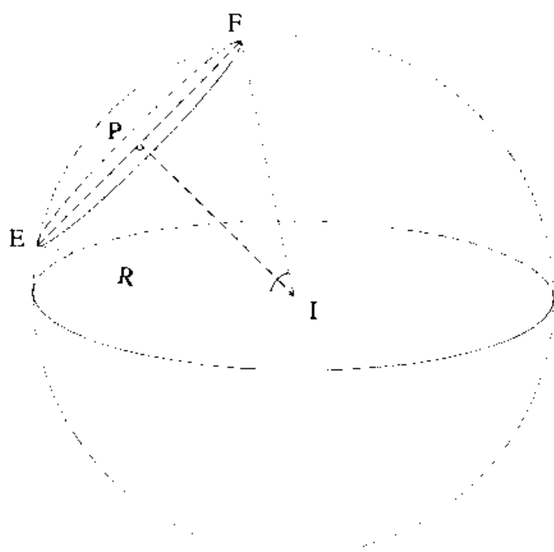
đúng với vòng tròn có độ lớn bất kỳ. Nói cách khác ψ_{0T} không phụ thuộc vào độ lớn bán kính R của vòng tròn - tượng trưng cho vòng Luân hồi tròn đều bất kỳ.

Chứng minh:

Xét bài toán tìm số chia hoàn nguyên Thái cực N_0 trong trường hợp tổng quát: Giả sử giao của ϕ và T là vòng tròn bán kính r bất kỳ thuộc mặt cầu ϕ trong không gian R^3.

Như đã biết: Giao tuyến mặt cầu với mặt phẳng là đường tròn.

Trong không gian R3 xét hình chóp nón đỉnh I (Hình 6) với góc ở đỉnh EIF = β; cạnh hình chóp nón R; đáy là vòng tròn tâm P bán kính r - là giao tuyến giữa ϕ và T.



Hình 6

Trong tam giác cân EIF có:

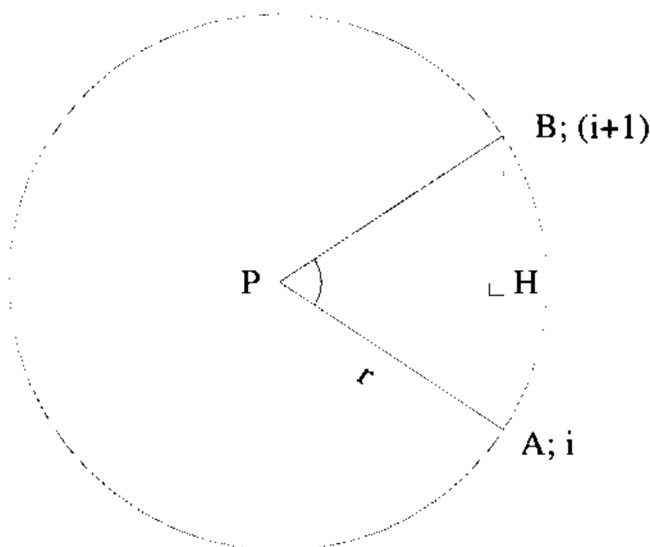
IP là đường cao $\Rightarrow$ $r = EP = R\sin\dfrac{\beta}{2}$;

Trong vòng tròn tâm P; bán kính r (Hình 7), xét tam giác cân APB; A ≡ i; B ≡ (i+1); i=1,2,3....i,(i+1),..... N_0. Đường cao PH; góc APB=α, trong đó $\alpha = \dfrac{2\pi}{N_0}$.

Giả sử: N_0 là số đơn nguyên gia số của vòng tròn tâm P bán kính r $\Rightarrow \Delta S_0 = \dfrac{S_0}{N_0} = \dfrac{2\pi r}{N_0}$;

$$\Delta S_i = AB = 2AH = 2r\sin\frac{\alpha}{2} = 2r\sin\frac{2\pi}{2N_0} = 2r\sin\frac{\pi}{N_0}$$

$$\Rightarrow \Delta M = \Delta S_0 - \Delta S_i = \frac{2r}{N_0}(\pi - N_0\sin\frac{\pi}{N_0})$$



Hình 7

Chu vi đa giác đều nội tiếp vòng tròn là:

$$S_i = \sum_{i=1}^{N_0}\Delta S_i = N_0\Delta S_i = 2N_0 r\sin\frac{\pi}{N_0}$$

$$\Delta F(M) = S_0 - S_i = 2r(\pi - N_0\sin\frac{\pi}{N_0})$$

Suy ra: $\Psi_{0T} = \dfrac{\Delta M}{\Delta F(M)} = \dfrac{\left(\pi - N_0\sin(\frac{\pi}{N_0})\right)}{N_0\left(\pi - N_0\sin(\frac{\pi}{N_0})\right)} (***)$

Với điều kiện: $N_0\left(\pi - N_0\sin(\frac{\pi}{N_0})\right) \neq 0$;

chia tử số và mẫu số của $(***)$ cho biểu thức: $\left(\pi - N_0\sin(\frac{\pi}{N_0})\right)$

$\Rightarrow \psi_{0T} = \dfrac{1}{N_0}$ $\Rightarrow$ điều phải chứng minh.

HỆ SỐ DUNG SAI NHÂN ĐỊNH TRÒN ĐỀU ψ_n

Định nghĩa: *Giá trị cho biết mức độ sai lệch giữa Thái cực gần đúng và Thái cực nhân ngộ tròn đều khi chọn bội nguyên gia số thay cho đơn nguyên gia số trong các phép tính dung sai gọi là hệ số dung sai nhân định tròn đều.*

Ký hiệu: ψ_n;

Trong đó: $\psi_n = \frac{1}{n_0}$

n_0 - Số bội nguyên gia số của Thái cực gần đúng $F(M)$.

Chứng minh:

Theo định nghĩa hệ số dung sai Thái cực có: $\psi_0 = \frac{\Delta M}{\Delta F(M)}$;

khi ΔS là đơn nguyên gia số $\Rightarrow \psi_0 = \psi_{0T} = \frac{1}{N_0} = 0$;

Vì ψ_0 thỏa mãn nguyên lý bất biến Thái cực.

Khi ΔS là bội nguyên gia số $\Rightarrow \frac{\Delta M}{\Delta F(M)} \neq 0$;

Vì ψ_0 không thỏa mãn nguyên lý bất biến Thái cực như đã chứng minh ở trên $\Rightarrow$ bao giờ cũng tồn tại ψ_n sao cho: $\psi_n = \frac{\Delta M}{\Delta F(M)}$.

Hệ số bội nguyên φ quyết định độ lớn giá trị bội nguyên gia số ΔS. Trong đó: $\Delta S = \varphi.\Delta S_0$; việc lựa chọn φ một cách chủ quan dẫn đến sai lệch giữa Thái cực gần đúng và Thái cực nhân ngộ được lượng hóa qua hệ số $\psi_n = \frac{\Delta M}{\Delta F(M)} \neq 0$

Tất cả quá trình hình thành nên những giá trị này đều do con người tạo ra. Do đó ψ_n có tên là hệ số dung sai nhân định tròn đều.

Tương tự như trong các chứng minh về giá trị của hệ số dung sai Thái cực ψ_0. Thay ψ_n vào vị trí của ψ_0 và thay n_0 vào các vị trí N_0 tương ứng có:

$$\psi_n = \frac{\Delta M}{\Delta F(M)} = \frac{\left(\pi - n_0 \sin \frac{\pi}{n_0}\right)}{n_0 \cdot \left(\pi - n_0 \sin \frac{\pi}{n_0}\right)}$$

Với điều kiện:

$$(\pi - n_0 \sin \frac{\pi}{n_0}) \neq 0 \Rightarrow \psi_n = \frac{1}{n_0};$$

Vì n_0 - nguyên, dương $\Rightarrow 0 < \psi_n \leq 1$

HỆ SỐ DUNG SAI LUÂN HỒI ψ_L

Định nghĩa: *Trị số cho biết sai lệch giữa vòng Luân hồi gần đúng $F(M)$ với vòng Luân hồi nhân ngộ $F_0(M)$ có hình dạng và kích thước bất kỳ trong không gian n chiều R^n gọi là hệ số dung sai luân hồi.*

Ký hiệu ψ_L .

Trong đó: $\psi_L = \dfrac{\Delta M}{\Delta F(M)} = \dfrac{\Delta S_{0i} - \Delta S_i}{l - \sum_{i=1}^{n_0} \Delta S_i}$

Với: ΔS_{0i} - Giá trị của phần chia thứ i của vòng luân hồi $F_0(M)$

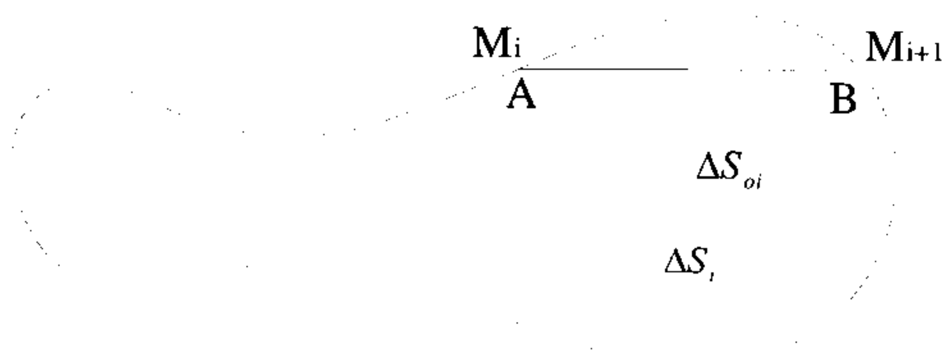
l - Chiều dài vòng luân hồi $F_0(M)$

n_0 - Số điểm chia l thành n_0 phần ΔS_{0i} bất kỳ

ΔS_i - Giá trị gần đúng của ΔS_{0i} là đoạn thẳng có chung điểm đầu và điểm cuối với ΔS_{0i} : $i = 1,2,3,.......i,(i+1),.....n_0$.

Chứng minh:

Trong không gian R^n, xét Thái cực luân hồi nhân ngộ $F_0(M)$ có chu vi vòng luân hồi là l. Dùng n_0 điểm chia chu vi l thành n_0 phần có độ lớn bất kỳ ΔS_{0i} không nhất thiết phải bằng nhau; Trong số đó chọn đoạn thứ i đặt tên là cung AB với $A \equiv M_i$; $B \equiv M_{i+1}$; M_i - Tọa độ điểm của hàm Thái cực $F_0(M)$ (Hình 8).



Hình 8

Trong hình 5, xét cung AB; ký hiệu ΔS_{0i} - Độ dài cung AB. $A\bar{B} = \Delta S_{0i}$

Xét đoạn thẳng AB:

Ký hiệu ΔS_i - độ dài cạnh thứ i của đa giác không gian n_0 cạnh; ΔS_i=AB.

Theo tiên đề Ơcơlít: Qua 2 điểm A và B chỉ vẽ được duy nhất đoạn thẳng AB=ΔS_i là ngắn nhất suy ra: mọi dây cung nối A và B có độ lớn $A\bar{B} = \Delta S_{0i}$ đều thỏa mãn bất phương trình:

$$\Delta S_i < \Delta S_{0i} \Rightarrow \Delta M = \Delta S_{0i} - \Delta S_i > 0$$

Xét gia số tọa độ của biến số M với giá trị ban đầu là M_0 tương ứng với tọa độ điểm A trên hình vẽ và giá trị tiếp theo của biến số M là M tương ứng với điểm B trên hình vẽ. Giá trị chênh lệch giữa độ lớn của cung $A\bar{B}$ và đoạn thẳng AB chính là gia số ΔM của biến nguyên độc lập M của Thái cực nhân ngộ vòng luân hồi $F_0(M)$; trong đó:

$$\Delta M = |M_0 - M| = \Delta S_{0i} - \Delta S_i .$$

Xét gia số $\Delta F(M)$ của hàm Thái cực $F_0(M)$ tương ứng với gia số của biến nguyên độc lập ΔM của nó: Có $F_0(M) = l$ và giá trị của hàm gần đúng của $F_0(M)$ là:

$$F(M) = \sum_{i=1}^{n_0} \Delta S_i .$$

Suy ra:

$$\Delta F(M) = |F_0(M) - F(M)| = \left| l - \sum_{i=1}^{n_0} \Delta S_i \right|.$$

Theo định nghĩa dung sai Thái cực có:

$$\psi_L = \frac{\Delta M}{\Delta F(M)} = \frac{\Delta S_{0i} - \Delta S_i}{\left| l - \sum_{i=1}^{n_0} \Delta S_i \right|} \text{ ; Vì } \Delta S_{0i} - \Delta S_i > 0 \Rightarrow \sum_{i=1}^{n_0} \Delta S_{0i} > \sum_{i=1}^{n_0} \Delta S_i .$$

Trong đó: $\sum_{i=1}^{n_0} \Delta S_{0i} = l \Rightarrow l - \sum_{i=1}^{n_0} \Delta S_i > 0$ suy ra: $\psi_L = \dfrac{\Delta S_{0i} - \Delta S_i}{l - \sum_{i=1}^{n_0} \Delta S_i}$

Đây là công thức tổng quát xác định hệ số dung sai vòng luân hồi của Thái cực luân hồi có hình dạng bất kỳ trong không gian R^n - Gọi là hệ số dung sai luân hồi. Ký hiệu: ψ_L.

Giá trị của ψ_L phụ thuộc vào cấu trúc hình học của vòng luân hồi vào số lượng điểm chia để lấy xấp xỉ n_0 và ψ_L phải thỏa mãn tiên đề Ơcơlít về giá trị cực tiểu của đoạn thẳng nối 2 điểm A, B bất kỳ.

Xét trường hợp đặc biệt:

1. Khi n_0 điểm chia vòng luân hồi $F_0(M)$ thành n_0 phần bằng nhau, có : $A\bar{B} = \Delta S_{0i} = \dfrac{l}{n_0}$

Nhưng vòng luân hồi có độ cong không đều $\Rightarrow \Delta S_i \neq \Delta S_{i+1}$;

$$\text{suy ra: } \psi_L = \frac{\Delta M}{\Delta F(M)} = \frac{\dfrac{l}{n_0} - \Delta S_i}{l - \sum_{i=1}^{n_0} \Delta S_i} = \frac{1}{n_0} . \frac{(l - n_0 . \Delta S_i)}{\left(l - \sum_{i=1}^{n_0} \Delta S_i \right)}$$

<u>Nhận xét</u>: Trong công thức trên:

Đã có : $l - \sum_{i=1}^{n_0} \Delta S_i > 0 \Rightarrow$ Để đảm bảo cho hệ số $\psi_L > 0$

$\Leftrightarrow (l - n_0 \Delta S_i) > 0$ suy ra: $\Delta S_i < \dfrac{l}{n_0}$;

Gọi ΔS_0 là giá trị trung bình của các đoạn ΔS_{0i};

Trong đó:

$$\Delta S_0 = \frac{\sum_{i=1}^{n_0} \Delta S_{0i}}{n_0} = \frac{l}{n_0} \Rightarrow \Delta S_i < \Delta S_0$$

Như vậy: *Việc chọn bội nguyên gia số gần đúng ΔS_i không được tùy tiện mà phải tuân theo tiên đề Ocơlít về giá trị cực tiểu của đoạn thẳng nối 2 điểm. Trong đó giá trị ΔS_i bao giờ cũng phải nhỏ hơn giá trị trung bình ΔS_0 của biến nguyên mà nó lấy gần đúng với:* $\Delta S_0 = \frac{l}{n_0}$.

Ví dụ:

Trong quan niệm Ngũ hành về Bản mệnh có nghĩa: $n_0 = 5$. Với giả thiết chu vi vòng luân hồi Bản mệnh có độ dài 100 năm thì độ lớn của mỗi hành là ΔS_i của nó dùng để thay thế cho vòng luân hồi. *Trong đó giá trị ΔS_i chỉ có nghĩa khi và chỉ khi độ lớn đó thỏa mãn tiên đề Ocơlít:*

$$\Delta S_i < \frac{l}{n_0} = \frac{100}{5} = 20 \text{ năm.}$$

2. Khi n_0 điểm chia vòng luận hồi $F_0(M)$ thành n_0 phần ΔS_{0i} bằng nhau; khi đó : $A\bar{B} = \Delta S_{0i} = \frac{l}{n_0}$.

Vòng luân hồi có độ cong đều nhau tại mọi điểm của nó

$$\Rightarrow \Delta S_i = \Delta S_{i+1} \Rightarrow \sum_{i=1}^{n_0} \Delta S_i = n_0.\Delta S_i \ ;$$

Khi đó: n_0 điểm tạo thành đa giác đều n_0 cạnh $\Rightarrow F(M)$ trong trường hợp này trở thành:

$F(M) = \sum_{i=1}^{n_0} \Delta S_i = n_0.\Delta S_i$; và: $\Delta F(M) = |F_0(M) - F(M)| = |(l - n_0.\Delta S_i)|$

Vì : $(l - n_0 \Delta S_i) > 0$;

suy ra: $\psi_L = \frac{\Delta M}{\Delta F(M)} = \frac{1}{n_0}.\frac{(l - n_0.\Delta S_i)}{l - \sum_{i=1}^{n_0} \Delta S_i} = \frac{1}{n_0}.\frac{(l - n_0.\Delta S_i)}{(l - n_0.\Delta S_i)} = \frac{1}{n_0}$

Đây là giá trị của hệ số dung sai nhân định tròn đều ψ_n như đã chứng minh ở phần 2.2; $\Rightarrow \psi_n$ là trường hợp riêng của ψ_L.

3. Khi n_0 điểm chia vòng luân hồi $F_0(M)$ thành n_0 phần ΔS_{0i} bằng nhau;

- Vòng luân hồi có độ cong đều nhau tại mọi điểm của nó;

Khi đó: n_0 điểm tạo thành đa giác đều n_0 cạnh; độ dài vòng luân hồi $F_0(M)$ là chu vi của vòng tròn bán kính R. Theo cách tính như phần 2.2 suy ra:

Giá trị 1 cạnh của đa giác đều n_0 cạnh có độ lớn là:

$\Delta S_i = 2R\sin\dfrac{\pi}{n_0}$; thay vào công thức trên có:

$$\psi_L = \frac{1}{n_0}.\frac{\left(l - 2n_0 R\sin(\dfrac{\pi}{n_0})\right)}{\left(l - 2n_0 R\sin(\dfrac{\pi}{n_0})\right)};$$

Trong đó $l = 2\pi R$ - chiều dài vòng luân hồi tròn đều.

Nhận xét:

Hệ số dung sai $\psi_L > 0$ theo tiên đề Ơcơlít về đoạn thẳng và theo định nghĩa. Do đó ψ_L không xác định khi và chỉ khi mẫu số của công thức tổng quát tính hệ số dung sai ψ_L bằng không.

Trong trường hợp vòng luân hồi là vòng tròn như ở đây, hệ số ψ_L không xác định tương đương với đẳng thức sau:

$$\Leftrightarrow l - n_0\Delta S_i = 0$$

$$\Leftrightarrow 2\pi R - 2n_0 R\sin(\frac{\pi}{n_0}) = 0$$

$$\Leftrightarrow \pi - n_0\sin(\frac{\pi}{n_0}) = 0$$

Giải phương trình này cho: $n_0 = 2.10^{13}$ là nghiệm.

Đây chính là số đơn nguyên gia số của vòng tròn như sẽ nói tới ở phần 2.3 sau đây.

2.3. HẰNG SỐ LUÂN HỒI λ

Giả thuyết: *Tất cả vòng luân hồi của các biến nguyên của Thái cực nhân ngộ $F_0(M)$ là vòng tròn có chu vi S_0 bán kính R trong quán tưởng. Kích thước và thứ nguyên của vòng luân hồi quy định độ lớn và thứ nguyên của R.*

Định nghĩa: *Hằng số luân hồi là số cho biết giá trị của đơn nguyên gia số ΔS_0 của biến nguyên độc lập của Thái cực nhân ngộ $F_0(M)$ khi thỏa mãn nguyên lý bất biến Thái cực sẽ có độ lớn bằng bao nhiêu phần độ lớn chu vi vòng luân hồi S_0 của biến nguyên đó của Thái cực $F_0(M)$.*

Ký hiệu λ;

Trong đó: $\lambda = \dfrac{\Delta S_0}{S_0}$; $\lambda = 5.10^{-14}$

<u>Chứng minh</u>:

Theo chứng minh ở phần trên có:

$$\Psi_{0T} = \frac{\Delta M}{\Delta F(M)} = \frac{\left(\pi - N_0 \sin(\frac{\pi}{N_0})\right)}{N_0\left(\pi - N_0 \sin(\frac{\pi}{N_0})\right)};$$

$$\psi_n = \frac{\Delta M}{\Delta F(M)} = \frac{\left(\pi - n_0 \sin\frac{\pi}{n_0}\right)}{n_0\left(\pi - n_0 \sin\frac{\pi}{n_0}\right)}$$

Điều kiện để hệ số dung sai Ψ_{0T} và ψ_n tồn tại là biểu thức:

$$N_0\left[\pi - N_0 \sin(\frac{\pi}{N_0})\right] \neq 0 \text{ và: } n_0\,(\pi - n_0 \sin\frac{\pi}{n_0}) \neq 0$$

Suy ra: $N_0 \neq 0$; và: $\left[\pi - N_0 \sin(\frac{\pi}{N_0})\right] \neq 0$

cũng như: $n_0 \neq 0$; và: $(\pi - n_0 \sin\frac{\pi}{n_0}) \neq 0$

Nhận xét:

Theo ý nghĩa hình học của phép lấy gần đúng vòng tròn: giá trị hệ số dung sai nhân định ψ_n và hệ số dung sai Thái cực Ψ_{0T} phụ thuộc vào phép lấy xấp xỉ chu vi vòng tròn bằng chu vi đa giác đều nội tiếp trong nó có n_0 hoặc N_0 đỉnh. Trong đó: Ψ_{0T} liên quan với N_0 và giá trị đơn nguyên gia số ΔS_0; ψ_n liên quan trực tiếp với n_0 và bội nguyên gia số ΔS của biến nguyên của Thái cực.

Số lượng đỉnh của đa giác càng nhiều thì giá trị chu vi gần đúng S_t *càng gần giá trị chu vi của vòng tròn* S_0, *hệ số* ψ_n *tiến càng gần tới giá trị* Ψ_{0T}, *bội nguyên* ΔS *càng tiến gần tới đơn nguyên* ΔS_0. *Trong đó:* $n_0 \le N_0$.

Để xác định giá trị n_0 có thể căn cứ vào mức độ chính xác thể hiện qua giá trị của hệ số hoàn nguyên nhân định Δ. Trong đó: $\Delta = (1-\psi_n).100\%$ do người ra đề bài yêu cầu.

Theo chứng minh : $\psi_n = \dfrac{1}{n_0} \Rightarrow n_0 = \dfrac{1}{\psi_n}$.

Theo định nghĩa chỉ số hoàn nguyên Thái cực: $\Delta = (1-\psi_n).100\%$

Suy ra: $n_0 = \dfrac{1}{1-\dfrac{\Delta}{100}} = \left[\dfrac{100}{100-\Delta}\right]$

Ví dụ: Tìm số bội nguyên gia số n_0 sao cho độ chính xác trong phép chọn Thái cực gần đúng của Thái cực tròn đều đạt 98%?

Giải: Có hệ số hoàn nguyên nhân định Δ theo đề bài: $\Delta =$ 98%. Theo công thức tính hệ số dung sai nhân định:

$$n_0 = \frac{1}{1-\dfrac{\Delta}{100}} = \left[\frac{100}{100-\Delta}\right];$$

Thay giá trị Δ vào công thức suy ra: $n_0 = \dfrac{100}{2} = 50$

Như vậy: Để độ chính xác của phép xấp xỉ Thái cực đạt trên 98% thì phải chọn Thái cực gần đúng của vòng tròn là đa giác đều nội tiếp với số đỉnh không nhỏ hơn 50.

Nói cách khác: Muốn sai lệch khi thay đơn nguyên gia số ΔS_0 bằng bội nguyên gia số ΔS trong các tính toán về Thái cực có hệ số dung sai nhân định ψ_n. Với: $\psi_n = 1 - \Delta = 1 - 0{,}98 = 0{,}12$ thì số bội nguyên gia số n_0 cần thiết phải là số không nhỏ hơn 50.

Để xác định giá trị N_0 phải căn cứ vào quan niệm coi hệ số dung sai Thái cực Ψ_{0T} có giá trị vô cùng bé bằng bao nhiêu thì đa giác đều nội tiếp và vòng tròn ngoại tiếp nó mới được coi là đạt yêu cầu về sự trùng khớp như thường nói: Phép lấy gần đúng đã thỏa mãn nguyên lý bất biến Thái cực. Việc lượng hóa giá trị Ψ_{0T} bằng con số còn phụ thuộc vào khả năng cho số lẻ nằm sau dấu phẩy của máy tính.

Về nguyên tắc: Để đảm bảo nguyên lý bất biến Thái cực khi lấy xấp xỉ Thái cực nhân ngộ vòng tròn bằng Thái cực gần đúng đa giác đều thì đẳng thức:

$$\psi_{0T} = \frac{1}{N_0} = 0;$$

suy ra số đỉnh N_0 của đa giác nội tiếp vòng tròn S_0 luôn phải đạt tới con số khổng lồ;

$$\text{vì: } \psi_{0T} = 0 \Rightarrow N_0 = \frac{1}{\psi_{0T}} = \frac{1}{0} = \oplus\ \infty$$

Xây dựng một đa giác đều có nhiều vô cùng đỉnh chỉ có thể làm được trong Thiền định. Do vậy mọi bảng Hoa giáp khi đã viết ra được theo quan niệm vi phân: Chia nhỏ Thái cực sau đó thay vì phải xem xét toàn bộ Thái cực thì chỉ cần xem xét vi phân của nó là đủ.

Với quan niệm đó thì giá trị đơn nguyên gia số ΔS_0 của biến nguyên độc lập của Thái cực nhân ngộ $F_0(M)$ bao giờ cũng đã bị thay bằng bội nguyên gia số ΔS của biến nguyên độc lập tương

ứng của Thái cực gần đúng $F(M)$ với hệ số $\varphi \neq 1$. Trong đó: $\Delta S = \varphi . \Delta S_0$ và hệ số dung sai Thái cực tròn đều Ψ_{0T} bao giờ cũng trở thành hệ số dung sai nhân định ψ_n với: $0 \angle \psi_n \leq 1$.

Suy ra: Mọi bảng Hoa giáp theo quan điểm vi phân đều là tập hợp của các giá trị bội nguyên gia số ΔS của Thái cực gần đúng $F(M)$ của Thái cực nhân ngộ $F_0(M)$.

Điều quan trọng nhất: *phải tìm ra căn nguyên các sai số của các giá trị gần đúng. Người soạn thảo các bảng Hoa giáp phải cảnh báo được mức độ sai số trong quá trình sử dụng bội nguyên gia số ΔS thay cho đơn nguyên gia số ΔS_0 và con đường tiến tới xóa bỏ các sai số này.*

Có thể nói:

Tình trạng loạn tin trong Dự trắc học xưa nay là tất yếu vì hệ thống dung sai của các bảng Hoa giáp bị lãng quên. Trong đó việc bỏ qua nguyên lý bất biến Thái cực - đường biên mỏng manh giữa tư duy biện chứng và tư duy siêu hình - là nguyên nhân chính.

Giá trị vi phân ΔS_0 thỏa mãn nguyên lý bất biến Thái cực khác xa với giá trị vi phân nhân định ΔS bị sử dụng mập mờ không khuyến cáo về độ lớn của chúng. Người đọc lạc vào mê hồn trận của cái vỏ ngôn ngữ vốn chỉ là phương tiện để chuyển tải thông tin, sau đó lâu dần chính những ký hiệu này trở thành dấu chấm hết cho tư duy sáng tạo, phong thủy trở thành lãnh địa bất khả xâm phạm, thuyết Âm - Dương Ngũ hành chí ít cũng trở thành bùa hộ mệnh cho quan điểm bảo thủ cố cựu. Đúng như câu: Ngôn ngữ đã trở thành xiềng xích của văn hóa.

Một trong những vai trò đích thực của các bảng Hoa giáp: *Là công cụ đánh dấu các sự kiện mang tính nhất thời tại thời điểm mà nó được xẩy ra, hoặc rộng hơn một chút: Đó là công cụ định vị chu trình cân bằng động của thế giới khách quan trong không gian nhân tâm.*

Tên của các Hành, tên các con vật được dùng làm ký hiệu trong các bảng Hoa giáp không phải là con người như vốn nó đã có mà đôi khi chúng ta vì thiếu thông tin đã tự vận vào thân mình rồi suy lý tốt xấu theo cái khởi đầu vô căn cứ.

Một vài sứ mệnh đơn giản của các bảng Hoa giáp có thể ví như vai trò cột mốc cây số trên cung đường. Nó có thể cho khách thập phương biết sơ bộ về khoảng cách từ vị trí họ đang đứng so với vật làm gốc nhưng bản thân giá trị của các con số ghi trên cột mốc đó tương tự như một vài thông số trong các bảng Hoa giáp, không thể thay thế cho việc đánh giá về chất lượng của cả con đường cũng như tốt, xấu, đúng, sai của cả cuộc đời con người.

Muốn biết nhiều hơn về cung đường thì cần khảo sát nó bằng cách chia nhỏ chúng bởi các mặt cắt mà giá trị khoảng cách giữa hai mặt cắt liên tiếp thứ i và thứ (i+1) chính là vi phân của đoạn đường hay chính là những bội nguyên gia số ΔS mà chúng thường được nhắc tới trong các nghiên cứu về dung sai.

Vi phân chiều dài chuẩn nhất đáp ứng yêu cầu về độ chính xác cần thiết là đơn nguyên gia số ΔS_0 của cung đường $F_0(M)$; Trong đó: $\Delta S_0 = \lambda . F_0(M)$; $\Delta S_0 \le \Delta S$; ΔS có thể là met, decimet, centimet, milimet v.v... Với cách khảo sát này sai số nếu có thể có trong kết quả đo chiều dài con đường $F_0(M)$ sẽ không vượt quá giá trị vi phân làm đơn vị ΔS; đơn vị đo càng nhỏ, độ chính xác của phép đo càng cao; *thông tin khảo sát về chiều dài cung đường càng gần với sự thật như vốn cung đường đã có không phụ thuộc vào bất kỳ phương pháp đo hay đơn vị đo của con người được sử dụng trong quá trình nghiên cứu.*

Từ công thức: $\Psi_{0T} = \dfrac{\left(\pi - N_0 \sin(\dfrac{\pi}{N_0})\right)}{N_0\left(\pi - N_0 \sin(\dfrac{\pi}{N_0})\right)} \Rightarrow \Psi_{0T} = \dfrac{1}{N_0}$

Có nhận xét: $N_0 = \pm\ 2.10^{13}$ là nghiệm của phương trình:

$$\left[\pi - N_0 \sin(\frac{\pi}{N_0})\right] = 0 .$$

Với các giá trị này hệ số dung sai Ψ_{0T} không xác định $\Leftrightarrow$ Đa giác nội tiếp N_0 cạnh đã trùng khít với vòng tròn ngoại tiếp nó tới độ không thể xác định được sai lệch giữa chúng bằng phương tiện tính toán thông thường. Tuy nhiên: Trong các giá trị N_0 làm cho Ψ_{0T} không xác định chỉ có giá trị $N_0 = 2.10^{13}$ là đáng quan tâm vì việc lấy gần đúng được thực hiện với N_0 nguyên, dương theo định nghĩa.

Như vậy: Nếu còn xác định được hệ số dung sai Ψ_{0T} thì Thái cực gần đúng F(M) còn có sai lệch với Thái cực nhân ngộ $F_0(M)$. Giá trị sai lệch đó có thể lượng hóa và con người còn có thể nhận biết được nhờ phương tiện tính toán thông thường. Nhưng khi việc chia nhỏ vòng luân hồi đạt đến mức độ linh nhuyễn nhất định thì hệ số dung sai Ψ_{0T} trở nên vô cùng bé, bé tới mức không thể xác định được bằng máy tính thông thường nữa. Điều này đồng nghĩa với điều kiện: Biểu thức tính dung sai

$$\Psi_{0T} = \frac{\Delta M}{\Delta F(M)}$$

trở nên không thể xác định được. Điều này xảy ra khi và chỉ khi $N_0 = 2.10^{13}$ là nghiệm của phương trình:

$$\left[\pi - N_0 \sin(\frac{\pi}{N_0})\right] = 0$$

Suy ra: $N_0 = 2.10^{13}$ là số đơn nguyên gia số Thái cực vòng tròn đảm bảo thực thi nguyên lý bất biến Thái cực trong phép lấy gần đúng hàm $F_0(M)$ bằng hàm gần đúng $F(M)$.

Với tiến bộ công nghệ thông tin hiện đại, khả năng máy tính chỉ cho được giá trị $N_0 = 2.10^{13}$ là nghiệm của phương trình: $\pi - N_0 \sin(\frac{\pi}{N_0}) = 0$.

Giá trị này đúng với mọi vòng tròn không phụ thuộc vào độ lớn bán kính R của nó, do vậy có thể nói:

$N_0 = 2.10^{13}$ là một hằng số.

Theo định nghĩa đơn nguyên gia số: $\Delta M_0 = \frac{1}{N_0} S_0$.

Đặt: $\lambda = \frac{1}{N_0}$.

Với $N_0 = 2.10^{13} \Leftrightarrow \lambda = 5.10^{-14}$

Giá trị bất biến này gọi là Hằng số luân hồi.

Để tiếp cận Thái cực trước tiên phải trụ chấp vào khái niệm Đơn nguyên gia số của nó. Nhưng khi mức độ xét đoán Thái cực đã cặn kẽ đến độ ví như sai sót nếu có thể có thì cũng sẽ không lớn hơn đơn nguyên gia số ΔS_0, khi đó sẽ ngộ được chính xác về vòng luân hồi . Đó là thời điểm cần phải phá chấp để đi vào thế giới bên trong của Thái cực. Vì vậy hằng số luân hồi còn gọi là *Hằng số phá chấp* hay là: *Hằng số hoàn nguyên Thái cực.*

Kết luận:

Với giả thiết vòng luân hồi là vòng tròn, có thể đi đến kết luận sau:

1. Đại lượng thay thế cho Thái cực luân hồi S_0 thỏa mãn nguyên lý bất biến Thái cực là đơn nguyên gia số ΔS_0 của nó. Trong đó:

$$\Delta S_0 = \lambda . S_0 \ ; \ \lambda = 5.10^{-14}$$

2. Việc chọn bội nguyên gia số gần đúng ΔS không được tùy tiện mà phải tuân theo tiên đề Ơcơlit về đoạn thẳng. Trong đó giá trị ΔS bao giờ cũng phải nhỏ hơn giá trị trung bình ΔS_0 của biến nguyên mà nó lấy gần đúng với: $\Delta S_0 = \frac{l}{n_0}$.

3. Muốn thấu hiểu bản thân cũng như xung quanh hoặc chấp nhận như vốn nó đã có; hoặc phải nghiên cứu toàn diện bằng công nghệ vi phân Thái cực sao cho độ thông tuệ về đối tượng có bản chất S_0 *phải đạt tới mức linh nhuyễn Thái cực. Nếu có sai sót thì vẫn không sai quá bản chất sự thật* S_0 *của nó giá trị đơn nguyên gia số. Trong đó:* $\Delta S_0 = \lambda . S_0$.

Ngạn ngữ Việt Nam có câu: "Uốn lưỡi 7 lần trước khi nói". Qua chứng minh ở trên cho thấy rằng chưa đủ, mà phải là 2.10^{13} lần. Do đó có lẽ phép tu TỊNH KHẨU nên chăng phải trở thành quốc sách cho việc giáo dục đạo đức nhìn nhận con người trong xã hội văn minh.

PHẦN B

MÔ HÌNH ĐỊNH VỊ THÁI CỰC

Chương 3

THÁI CỰC HOA GIÁP

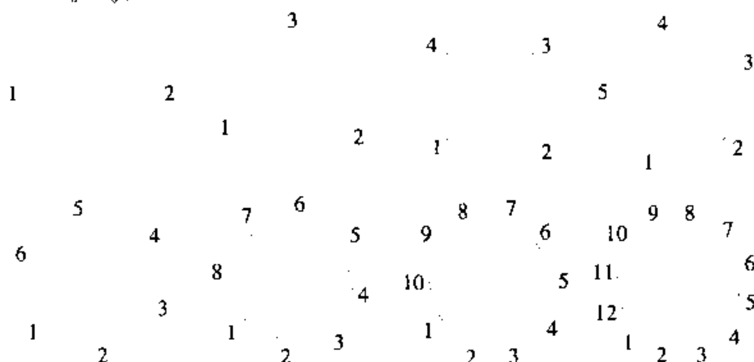
3.1. DUNG SAI TRONG HỆ ĐỊNH VỊ

Giá trị của chỉ số hoàn nguyên nhân định Δ xác định theo 2 cách: trực tiếp tính gia số ΔM và $\Delta F(M)$ của $F_0(M)$ đối với n_0 nhỏ nhằm mục đích kiểm nghiệm lý thuyết; hoặc có thể theo công thức tổng quát với mọi giá trị n_0 nguyên dương. Trong đó:

$$\Delta = (1-\psi_n).100\%\,;\ \psi_n = \frac{1}{n_0} \Rightarrow \Delta = (1-\frac{1}{n_0}).100\%$$

Theo ý nghĩa hình học của hệ số dung sai nhân định tròn đều, việc xác định ψ_n tương tự như tìm sự sai khác giữa chu vi đa giác đều n_0 cạnh với chu vi vòng tròn ngoại tiếp nó đối với đa giác đều n_0 đỉnh kết quả tính dung sai ghi ở bảng 1.

Theo mục 2.2, giá trị hệ số bội nguyên φ được tính theo công thức: $\varphi = \frac{1}{\lambda.n_0}.\frac{F(M)}{F_0(M)}$



Hình 8

HỆ SỐ DUNG SAI NHÂN ĐỊNH ψ_n

Bảng 1

n_0	$\Delta S_{n0} = \frac{S_0}{n_0}$	$\Delta S_i = 2R\sin\frac{\pi}{n_0}$	$\Delta M = \Delta S_{n0} - \Delta S_i$	$S_0 = 2\pi R$	$S_n = n_0 \Delta S_i$	$\Delta F(M) = S_0 - S_n$	$\psi_n = \frac{\Delta M}{\Delta F(M)}$	$\Delta = (1-\psi_n)$ x100%
1	6,28319R	0,00000R	6,28319R	6,28319R	0,00000R	6,2831R	1,0	0,0%
2	3,14159R	2,00000R	1.14159R	6,28319R	4,00000R	2,2831R	0.49999	50,0%
3	2,09440R	1,73205R	0.36240R	6,28319R	5,19615R	1,0870R	0.33338	66,6%
4	1.57080R	1,41421R	0.15659R	6,28319R	5,65685R	0,6263R	0.25000	75,0%
5	1,25664R	1,17557R	0,08107R	6,28319R	5,87785R	0,4053R	0.20000	80,0%
6	1,04720R	1,00000R	0.04720R	6,28319R	6,00000R	0,2831R	0.16667	83,3%
8	0.785398R	0,765367R	0.020031R	6,28319R	6.12293R	0,1602R	0.12499	87,5%
10	0.628319R	0,618034R	0.010285R	6,28319R	6,18034R	0,10285R	0.10000	90,0%
12	0,523599R	0,517638R	0.005961R	6,28319R	6.21166R	0,07153R	0.08332	91,6%
15	0,418879R	0,415823R	0,003056R	6,28319R	6,23735R	0,04584R	0,066667	93,3%
24	0.261799R	0.261052R	0,000747R	6,28319R	6.26525R	0.01794R	0.041639	95,8%
28	0,224399R	0,223929R	0.000470R	6,28319R	6,27001R	0,01318R	0.03566	96,4%
30	0,20944R	0,209057R	0.000383R	6,28319R	6,27171R	0,01148R	0.03336	96,6%
50	0,125664R	0,125581R	0,000083R	6,28319R	6,27905R	0.004138R	0,020058	97,9%
60	0,10472R	0,104672R	0.000048R	6,28319R	6,28032R	0,00287R	0.016725	98,3%
64	0,098175R	0.098135R	0.000040R	6,28319R	6.28064R	0.00255R	0.15686	98,4%
100	0.062832R	0.062822R	0.000010R	6,28319R	6.28220R	0.00099R	0.010101	98,9%
180	0.034907R	0,034905R	0.000002R	6,28319R	6,28287R	0,00032R	0.00625	99,3%

Khi lấy xấp xỉ chu vi vòng tròn bằng chu vi hình đa giác đều n_0 cạnh nội tiếp. giá trị ΔS và φ được gọi là bội nguyên gia số và hệ số bội nguyên của Thái cực gần đúng trong hệ dung sai n_0; Tên của n_0 sẽ được dùng làm tên của hệ định vị Thái cực.

Trường hợp: n_0 = 5 như quan niệm Ngũ hành, giá trị bội nguyên

gia số ΔS và hệ số bội nguyên φ tương ứng sẽ là:

$$\varphi = \frac{1}{\lambda . n_0} . \frac{F(M)}{F_0(M)} = \frac{1}{5.10^{-14}.5} \frac{5,87785R}{6,28319R} = 3,74196.10^{12}$$

$$\Delta S = \varphi . \Delta S_0 = 3,74196.10^{12} \; \Delta S_0$$

Từ bảng trên suy ra:

Kết quả của việc chọn ΔS thay cho ΔS_0 làm đơn vị đo chu vi vòng Luân hồi trong hệ dung sai Ngũ hành sẽ có độ chính xác đạt 80% so với việc chọn đơn nguyên gia số $\Delta S_0 = \lambda . F_0(M)$ của nó làm đơn vị đo.

Trong trường hợp này 1 hành gần đúng ΔS đã hàm chứa 3741,96 tỷ hành ΔS_0 của vòng luân hồi.

Giá trị dung sai của những Thái cực gần đúng khác trong các hệ định vị khác được xác định tương tự như đối với Thái cực Ngũ hành.

3.2. BỘI NGUYÊN GIA SỐ ΔS CỦA TỨ TRỤ THỜI GIAN

Bội nguyên gia số ΔS của tứ trụ thời gian là đơn vị đo chu vi vòng luân hồi gần đúng của Thái cực thời gian. Trong đó:

$$\Delta S = \frac{F_0(M)}{\pi} . \sin \frac{\pi}{n_0}$$

Thật vậy: Với giả thiết về tính tròn đều của vòng luân hồi có:

$F_0(M) = 2\pi R \Rightarrow R = \dfrac{F_0(M)}{2\pi}$, theo chứng minh ở mục 2.3:

$\Delta S = 2R \sin \dfrac{\pi}{n_0}$; Suy ra: $\Delta S = \dfrac{F_0(M)}{\pi} . \sin \dfrac{\pi}{n_0}$

Xét hàm số: $\Delta S = f(F_0(M); n_0)$ trong các trường hợp sau:

Trường hợp 1:

Giả sử: Số bội nguyên n_0 = constant; Ký hiệu: a= $\dfrac{1}{\pi} \sin \dfrac{\pi}{n_0}$

Có: ΔS = a. $F_0(M)$;

Ứng với mỗi giá trị n_0, đồ thị $\Delta S = f(F_0(M); n_0)$ là đoạn thẳng đi qua gốc tọa độ ($\Delta S ; F_0(M)$) có hệ số góc α không đổi. Trong đó:

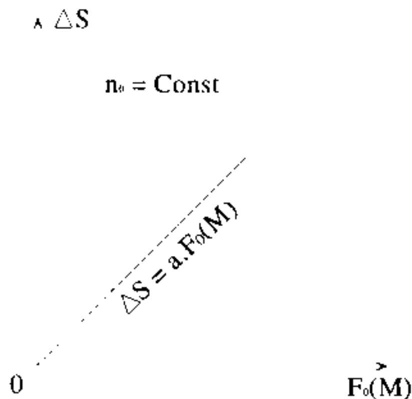
Tg (α) = a; với: $a = \frac{1}{\pi}\sin(\frac{\pi}{n_0})$; (Hình 9)

Trường hợp 2:

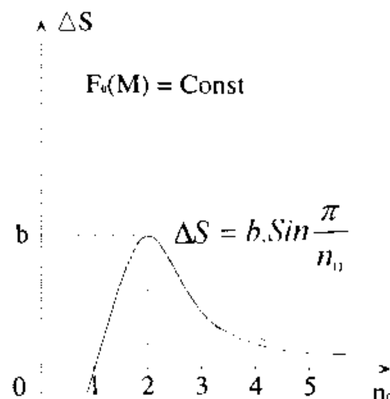
Giả sử: chu vi vòng luân hồi $F_0(M)$ = constant;

Ký hiệu: $b = \frac{F_0(M)}{\pi}$. có: $\Delta S = b.\sin\frac{\pi}{n_0}$

Ứng với mỗi giá trị $F_0(M)$ đồ thị cho giá trị cực đại tại $n_0=2$ và $(\Delta S)_{max}$ = b, đồ thị cắt trục n_0 tại điểm $n_0=1$ (Hình 10)



Hình 9



Hình 10

Trong hệ Mặt trời, độ lớn tứ trụ thời gian: năm, tháng, ngày, giờ và đơn vị của nó là chu kỳ chuyển động của Trái đất quanh Mặt trời và chu trình Trái đất tự quay quanh trục của nó. Trong đó:

1 năm $=\frac{1}{100}F_0(M)$ = 365,26 ngày; ký hiệu: $F_{01}(M)$

1 tháng = $\frac{1}{12}$ năm = 30,43833 ngày; ký hiệu: $F_{02}(M)$

1 ngày = $\frac{1}{365,26}$ năm= 23,93 giờ; ký hiệu: $F_{03}(M)$

1 canh giờ = 2 giờ; ký hiệu: $F_{04}(M)$

Quy ước:

1 giờ = 1x60x60 giây = 3600.10^9 nanogiây (ns)

$F_0(M)$ - chu vi vòng luân hồi 100 năm Trái đất

Suy ra:

1 canh giờ: $F_{04}(M)$ = 2x3600.10^9 ns = 0,007200.10^{15} ns

1 ngày : $F_{03}(M)$= 23,93x 3600.10^9 ns = 0, 086148.10^{15} ns

1 tháng : $F_{02}(M)$= 30,43833x $F_{03}(M)$ = 2,622200.10^{15} ns

1 năm : $F_{01}(M)$ = 365,26x $F_{03}(M)$ = 31,466400.10^{15} ns

100 năm: $F_0(M)$ = 100x $F_{01}(M)$ = 3146,6400. 10^{15} ns.

Thay n_0 và chu vi vòng luân hồi của tứ trụ thời gian như: năm $F_{01}(M)$, tháng $F_{02}(M)$, ngày $F_{03}(M)$, canh giờ, $F_{04}(M)$ chu kỳ hưởng dương $F_0(M)$ vào công thức tính ΔS:

$$\Delta S = \frac{F_0(M)}{\pi}.\sin\frac{\pi}{n_0}$$

sẽ được giá trị của các bội nguyên gia số tương ứng của tứ trụ thời gian theo quan niệm Ngũ hành ($n_0 = 5$).

Trong đó:

1. Độ dài 1 hành của Ngũ hành năm: ΔS_1

$$\Delta S_1 = \frac{F_{01}(M)}{\pi}.\sin\frac{\pi}{n_0} = \frac{31,4664.10^{15}}{\pi}\sin\frac{\pi}{5} = 5,8873.10^{15}\text{ ns}$$

$$= \frac{5,8873.10^{15} ns}{2,6222.10^{15} ns} = 2,245 \text{ (tháng)}$$

$$= \frac{5,8873.10^{15} ns}{0,086148.10^{15} ns} = 68,339 \text{ (ngày)}$$

Đơn nguyên gia số của vòng luân hồi năm: ΔS_0

ΔS_{01} = $\lambda.F_{01}(M)$ = 5.10-14.31,4664.10^{15} ns = 1573,32 ns.

Kết luận:

Theo Bảng 1 và kết quả tính trên có thể nói: khi mô phỏng vòng luân hồi thời gian có tên và thứ nguyên là năm, nếu sử dụng đơn vị đo là đơn nguyên gia số ΔS_{01} của nó có giá trị: ΔS_{01}=1573,32 (ns) sẽ cho độ chính xác về chu vi vòng luân hồi $\approx$100%.

Nhưng nếu sử dụng bội nguyên gia số ΔS_1 của Thái cực gần đúng của nó với giá trị: $\Delta S_1 = 5,8873.10^{15}$ (ns) = 2,245 (tháng) làm đơn vị đo thì kết quả chỉ có thể đạt được độ chính xác không quá 80%.

Nguyên nhân: Theo chứng minh trên: $F_{01}(M)$ = constant $\Rightarrow$ Giá trị ΔS_1 chỉ phụ thuộc vào n_0; trường hợp $n_0 = 5$ như thuyết Âm - Dương Ngũ hành chọn tương ứng với Bảng 1 chỉ số hoàn nguyên nhân định: $\Delta = 80\%$.

2. Độ dài 1 hành của Ngũ hành tháng: ΔS_2

$$\Delta S_2 = \frac{F_{02}(M)}{\pi}.\sin\frac{\pi}{n_0} = \frac{2,6222.10^{15}}{\pi}\sin\frac{\pi}{5} = 0,490608.10^{15} \text{ (ns)}$$

$$= \frac{0,490608.10^{15}\,ns}{0,086148.10^{15}\,ns} = 5,694 \text{ (ngày)}$$

$$= \frac{0,490608.10^{15}\,ns}{0,0072.10^{15}\,ns} = 68,14 \text{ (canh giờ)}$$

Đơn nguyên gia số của vòng luân hồi tháng: ΔS_{02}

$\Delta S_{02} = \lambda.F_{02}(M) = 5.10\text{-}14.2,6222.10^{15}$ (ns) = 131,11(ns).

Kết luận:

Theo Bảng 1 và kết quả tính trên có thể nói: Khi mô phỏng vòng luân hồi thời gian có tên và thứ nguyên là tháng; nếu sử dụng đơn vị đo là đơn nguyên gia số ΔS_{02} của nó có giá trị: ΔS_{02}=131,11 (ns) sẽ cho độ chính xác về chu vi vòng luân hồi tháng $\approx$100%.

Nhưng nếu sử dụng bội nguyên gia số ΔS_2 của Thái cực gần đúng của nó có giá trị: $\Delta S_2 = 0,490608.10^{15}$ (ns) làm đơn vị đo thì kết quả chỉ có thể đạt được độ chính xác không quá 80%.

Nguyên nhân: Theo chứng minh: Khi $F_{02}(M)$ = constant $\Rightarrow$ giá trị ΔS_2 chỉ phụ thuộc vào n_0. Trường hợp n_0=5 như thuyết Âm - Dương Ngũ hành chọn tương ứng với Bảng 1: Chỉ số hoàn nguyên nhân định: $\Delta = 80\%$.

3. Độ dài 1 hành của Ngũ hành ngày: ΔS_3

$$\Delta S_3 = \frac{F_{03}(M)}{\pi}.\sin\frac{\pi}{n_0} = \frac{0,086148.10^{15}}{\pi}\sin\frac{\pi}{5} = 0,016118.10^{15} \text{ (ns)}$$

$= \frac{0,016118.10^{15}ns}{0,0072.10^{15}ns}$ = 2,238 (canh giờ)

= 2x2,238= 4,476 (giờ)

= 4,476x 60 = 268,56 (phút)

Đơn nguyên gia số của vòng luân hồi ngày: ΔS_{03}

$\Delta S_{03} = \lambda.F_{03}(M)$ = 5.10-14.0,086148.10^{15} (ns) = 4,3074 (ns).

Kết luận:

Theo Bảng 1 và kết quả tính trên có thể nói: Khi mô phỏng vòng luân hồi thời gian có tên và thứ nguyên là ngày; nếu sử dụng đơn vị đo là đơn nguyên gia số ΔS_{03} của nó có giá trị: ΔS_{03}=4,3074 (ns) sẽ cho độ chính xác về chu vi vòng luân hồi ngày ≈ 100%.

Nhưng nếu sử dụng bội nguyên gia số ΔS_3 của Thái cực gần đúng của nó với giá trị ΔS_3 = 0,016118.10^{15} (ns) làm đơn vị đo thì kết quả chỉ có thể đạt được độ chính xác không quá 80%.

Nguyên nhân: Theo chứng minh: khi $F_{03}(M)$ = constant ⇒ Giá trị ΔS_3 chỉ phụ thuộc vào n_0; trường hợp n_0=5 như thuyết Âm - Dương Ngũ hành chọn tương ứng với Bảng 1 chỉ số hoàn nguyên nhân định: Δ = 80%.

4. Độ dài 1 hành của Ngũ hành canh giờ: ΔS_4

$\Delta S_4 = \frac{F_{04}(M)}{\pi}.\sin\frac{\pi}{n_0} = \frac{0,0072.10^{15}}{\pi}\sin\frac{\pi}{5}$ = 0,001347.10^{15} (ns)

$= \frac{0.001347.10^{15}ns}{3600.10^9 ns}$ = 0,374166 (giờ)

= 0,373166x60 = 22,45 (phút)

Đơn nguyên gia số của vòng luân hồi canh giờ: ΔS_{04}

$\Delta S_{04} = \lambda.F_{04}(M)$ = 5.10-14.0,0072.10^{15} (ns) = 0,06735 (ns).

Kết luận:

Theo Bảng 1 và kết quả tính trên có thể nói: khi mô phỏng vòng luân hồi thời gian có tên và thứ nguyên là canh giờ. Nếu sử dụng đơn vị đo là đơn nguyên gia số ΔS_{04} của nó có giá trị: ΔS_{04}=0,06735 (ns) sẽ cho độ chính xác về chu vi vòng luân hồi canh giờ ≈ 100%.

Nhưng nếu sử dụng bội nguyên gia số ΔS_4 của Thái cực gần đúng của nó với giá trị $\Delta S_4 = 0,001347.10^{15}$ (ns) = 22,45 (phút) làm đơn vị đo thì kết quả nhận định về chu vi vòng luân hồi canh giờ chỉ có thể đạt được độ chính xác không quá 80%.

Nguyên nhân: Theo chứng minh: Khi $F_{04}(M)$ = constant ⇒ giá trị ΔS_4 chỉ phụ thuộc vào n_0. Trường hợp n_0=5 như thuyết Âm - Dương Ngũ hành chọn tương ứng với Bảng 1 chỉ số hoàn nguyên nhân định: Δ = 80%.

5. Độ dài 1 hành của Ngũ hành hưởng dương 100 năm: ΔS

$$\Delta S = \frac{F_0(M)}{\pi}.\sin\frac{\pi}{n_0} = \frac{3146,64.10^{15}}{\pi}\sin\frac{\pi}{5} = 588,73.10^{15}\text{ ns}$$

$$= \frac{588,73.10^{15}\,ns}{31,4664.10^{15}\,ns} = 18,7098\text{ (năm)}$$

$$= \frac{588,73.10^{15}\,ns}{2,6222.10^{15}\,ns} = 224,5175\text{ (tháng)}$$

$$= \frac{588,73.10^{15}\,ns}{0,086148.10^{15}\,ns} = 6833,9369\text{ (ngày)}$$

Đơn nguyên gia số của vòng luân hồi hưởng dương: ΔS_0

$\Delta S_0 = \lambda.F_0(M)$ = 5.10-14.588,73.10^{15} (ns) = 157332 (ns).

Kết luận:

Theo Bảng 1 và kết quả tính trên có thể nói: Khi mô phỏng vòng luân hồi thời gian có tên và thứ nguyên là hưởng dương, nếu sử dụng đơn vị đo là đơn nguyên gia số ΔS_0 của nó có giá trị: ΔS_0=157332 (ns) sẽ cho độ chính xác về chu vi vòng luân hồi hưởng dương ≈100%.

Nhưng nếu sử dụng bội nguyên gia số ΔS của Thái cực gần đúng của nó với giá trị: ΔS = 588,73.10^{15} (ns) = 18,7098 (năm) làm đơn vị đo thì kết quả nhận định về chu vi vòng luân hồi năm chỉ có thể đạt được độ chính xác không quá 80%.

Nguyên nhân: Theo chứng minh: khi $F_0(M)$ = constant ⇒ giá trị ΔS chỉ phụ thuộc vào n_0; trường hợp n_0 = 5 như thuyết Âm - Dương Ngũ hành chọn tương ứng với Bảng 1, chỉ số hoàn nguyên nhân định: Δ = 80%.

6. Giá trị trung bình của bội nguyên gia số

Trong mục 2.2 đã kết luận:

Giá trị bội nguyên gia số ΔS của Thái cực gần đúng $F(M)$ của Thái cực nhân ngộ $F_0(M)$ phải nhỏ hơn giá trị trung bình ΔS_{tb} của nó tính theo số bội nguyên n_0 và độ dài vòng luân hồi nhân ngộ $F_0(M)$.

Chỉ những bội nguyên ΔS nào thỏa mãn điều kiện này mới là thành phần của vòng luân hồi gần đúng $F(M)$ (Tiên đề Ơcơlít về giá trị cực tiểu của đoạn thẳng nối giữa 2 điểm).

Sau khi kiểm tra thấy: tất cả 5 trường hợp trên đều thỏa mãn điều kiện này. Trong đó chênh lệch giữa ΔS và ΔS_{TB} tương ứng giá trị: 6,45%.

Thật vậy:

Với Ngũ hành năm : $\Delta S_1 = 5{,}8873.10^{15}$ (ns):

$$\Delta S_{TB1} = \frac{F_{01}(M)}{n_0} = \frac{31{,}4664.10^{15}(ns)}{5} = 6{,}29328.10^{15}(ns)$$

$$\Rightarrow \frac{\Delta S_{TB} - \Delta S_i}{\Delta S_{TB}} x100\% = 6{,}45\%.$$

Với Ngũ hành tháng: $\Delta S_2 = 0{,}490608.10^{15}$ (ns):

$$\Delta S_{TB2} = \frac{F_{02}(M)}{n_0} = \frac{2.6222.10^{15}(ns)}{5} = 0.5244.10^{15}(ns)$$

$$\Rightarrow \frac{\Delta S_{TB} - \Delta S_i}{\Delta S_{TB}} x100\% = 6{,}45\%.$$

Với Ngũ hành ngày: $\Delta S_3 = 0{,}016118.10^{15}$ (ns):

$$\Delta S_{TB3} = \frac{F_{03}(M)}{n_0} = \frac{0.086148.10^{15}(ns)}{5} = 0{,}01723.10^{15}(ns)$$

$$\Rightarrow \frac{\Delta S_{TB} - \Delta S_i}{\Delta S_{TB}} x100\% = 6{,}45\%.$$

Với Ngũ hành canh giờ: $\Delta S_4 = 0{,}001347.10^{15}$ (ns):

$$\Delta S_{TB4} = \frac{F_{04}(M)}{n_0} = \frac{0{,}0072.10^{15}(ns)}{5} = 0{,}00144.10^{15}(ns)$$

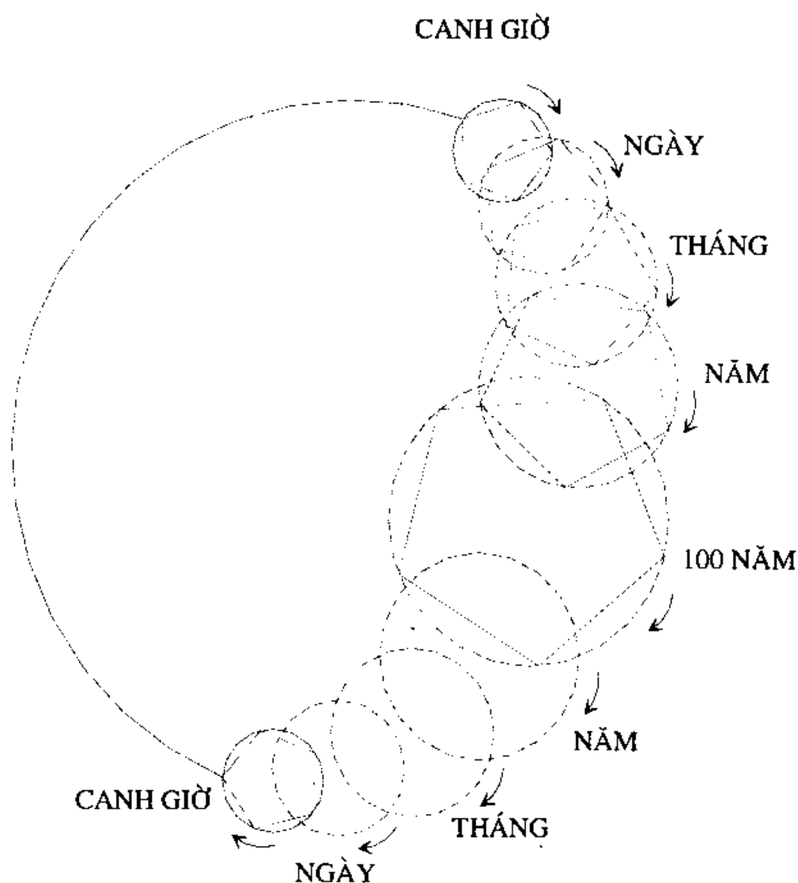
$$\Rightarrow \frac{\Delta S_{TB} - \Delta S_i}{\Delta S_{TB}} x100\% = 6{,}45\%.$$

Với Ngũ hành hưởng dương: $\Delta S = 588{,}73.10^{15}$ (ns):

$$\Delta S_{TB} = \frac{F_0(M)}{n_0} = \frac{3146{,}64.10^{15}(ns)}{5} = 629.328.10^{15}(ns)$$

$$\Rightarrow \frac{\Delta S_{tH} - \Delta S_t}{\Delta S_{tH}} x100\% = 6,45\%.$$

Chu trình vận hành tuần hoàn liên tục của tứ trụ thời gian trong hệ dung sai Ngũ hành được mô tả gần đúng về mặt định tính tương tự như quỹ tích tâm vòng luân hồi tứ trụ giờ, ngày, tháng, năm, 100 năm (Hình 11).



Hình 11: Quỹ tích tâm vòng Luân hồi của Tứ trụ thời gian trong Thái cực Hoa giáp: T = 5-5-5-5-5

3.3. NGUYÊN LÝ THIẾT LẬP THÁI CỰC HOA GIÁP

+ Nguồn gốc Thái cực Hoa giáp

Thái cực Hoa giáp có căn nguyên từ quan niệm của thuyết Phong thủy thế giới tiền tâm linh về đối tượng nghiên cứu của Phong thủy học, trong đó coi thân thể con người là kết quả tổ hợp các chu trình cân bằng động của vật chất trong vòng xoáy tụ khí tự nhiên.

Về định lượng: Thân thể con người là tổ hợp các đơn nguyên gia số ΔS_{0i} của các chu trình cân bằng động $F_{0i}(M)$ của vật chất.

Ký hiệu: T_0, với: $\Delta S_{0i} = \lambda.F_{0i}(M)$.

Mỗi người có một tổ hợp đơn nguyên gia số T_0 riêng. Người khác người là do không giống nhau về số lượng ΔS_{0i}, chất lượng ΔS_{0i}, quy trình tổ hợp ΔS_{0i}, thời gian và không gian kiến tạo nên tổ hợp T_0 từ các ΔS_{0i}.

+ Định nghĩa Thái cực Hoa giáp

Thái cực Hoa giáp là Thái cực gần đúng của Thái cực nhân ngộ T_0; là tổ hợp các bội nguyên gia số ΔS_{i-j} của Thái cực gần đúng $F_i(M)$ của Thái cực nhân ngộ $F_{0i}(M)$ trong hệ Mặt trời.

Ký hiệu: T

$$\Delta S_{i-j} = \varphi_{i-j}.\Delta S_{0i} = \varphi_{i-j}.\lambda.F_{0i}(M)$$

$\varphi_{i-j} = \dfrac{1}{\lambda.n_{0i-j}}.\dfrac{F_i(M)}{F_{0i}(M)}$ - Hệ số bội nguyên của vòng luân hồi thứ i của Thái cực gần đúng T trong hệ dung sai $j = n_{0i-j}$.

$\lambda = 5.10^{-14}$ - Hằng số luân hồi.

$n_{0i-j} = \left[\dfrac{N_0}{\varphi_{i-j}}.\dfrac{F_i(M)}{F_{0i}(M)}\right]$ - Số bội nguyên gia số thứ j của vòng luân hồi thứ i của Thái cực gần đúng T; n_{0i-j} - nguyên, dương.

$N_0 = 2.10^{13}$ - Số chia hoàn nguyên Thái cực tròn đều.

Số thứ tự j trong chỉ số của số bội nguyên gia số n_{0i-j} là tên hệ dung sai nhân định được sử dụng để nghiên cứu vòng luân hồi thứ i của Thái cực T, trong đó: $j = n_{0i-j}$

Giá trị ΔS_{i-j} là độ lớn 1 cạnh của đa giác nội tiếp vòng luân hồi gần đúng $F_i(M)$ của Thái cực gần đúng T.

Thứ nguyên của ΔS_{i-j} là thứ nguyên của các chu trình cân bằng động $F_{0i}(M)$ được thay thế cho Thái cực con người trong vai trò là đối tượng nghiên cứu của Phong thủy học.

Ví dụ: Các vòng luân hồi như: bản mệnh, tứ trụ thời gian, làm nhà, cưới hỏi, trùng tang, v.v...

QUY TRÌNH THIẾT LẬP THÁI CỰC HOA GIÁP

Thái cực Hoa giáp hình thành theo thứ tự 4 bước cơ bản sau:

Bước số 1: *Chọn hệ số dung sai nhân*

Theo định nghĩa chỉ số hoàn nguyên nhân định: $\Delta = (1 - \psi_n).100\%$; trong đó: $\psi_n = \frac{1}{n_0}$; $\Rightarrow \Delta = (1 - \frac{1}{n_0}).100\%$ $\Leftrightarrow n_0 = \frac{1}{(1 - \Delta)}$; với: $\Delta = 1 - \psi_n$

Như vậy: Giá trị của chỉ số hoàn nguyên Δ và hệ số dung sai ψ_n hoàn toàn phụ thuộc vào số bội nguyên gia số n_0. Đây cũng là số cạnh của đa giác đều nội tiếp vòng luân hồi của Thái cực và cũng là hệ định vị của Thái cực Hoa giáp. Do đó tên của n_0 là thành phần cấu thành tên của Thái cực Hoa giáp.

Ví dụ: n_0= 3 - Thái cực Hoa giáp đơn hệ dung sai Tam hành; n_0= 4 - Thái cực Hoa giáp đơn hệ dung sai Tứ hành; n_0 = 5 - Thái cực Hoa giáp đơn hệ dung sai Ngũ hành; ... ; n_0 = 99 - Thái cực Hoa giáp đơn hệ dung sai Cửu thập cửu hành v.v...

Thái cực Hoa giáp là hình ảnh chủ quan của Thái cực nhân ngộ trong hệ Mặt trời, là ký họa gần đúng về con người và tự nhiên trong Phong thủy học.

Do đó: Một Thái cực nhân ngộ có thể có nhiều Thái cực Hoa

giáp với nhiều hệ dung sai khác nhau. Tương tự như ống kính máy ảnh với độ phân giải khác nhau của thấu kính và với góc chụp khác nhau sẽ cho những bức ảnh khác nhau của cùng đối tượng. Chỉ số hoàn nguyên nhân định của Thái cực Hoa giáp trong trường hợp này là chỉ số hoàn nguyên của từng hệ dung sai riêng biệt đã sử dụng.

Có thể sử dụng 1 hệ dung sai đồng thời cho nhiều vòng luân hồi trong cùng 1 Thái cực Hoa giáp, hoặc trong nhiều Thái cực Hoa giáp thành viên. Điều này đã thấy sử dụng trong Thái cực Hoa giáp dạng Âm - Dương và dạng Ngũ hành. Trong đó: bội nguyên gia số ΔS_{i-2} của Thái cực Hoa giáp đơn hệ dung sai Âm - Dương:

$$\Delta S_{i-2} = 2{,}00\text{xRi-2} = \frac{2.00}{2\pi} F_{0i-2}(M),$$

chỉ số hoàn nguyên nhân định: Δ_2 = 50%, bội nguyên gia số của Thái cực Hoa giáp đơn hệ dung sai Ngũ hành:

$$\Delta S_{i-5} = 1{,}1755\text{xRi-5} = \frac{1.1755}{2\pi} F_{0i-5};$$

chỉ số hoàn nguyên nhân định: Δ_5 = 80% (Bảng 1).

Chỉ số hoàn nguyên nhân định của Thái cực Hoa giáp trong trường hợp đơn hệ dung sai và đa lượt sử dụng sẽ là hàm số mũ Δ_{Σ}^{m}

Trong đó: $\Delta_{\Sigma}^{m} = (\Delta_j)^i$;

i - số lần hệ dung sai thứ j được sử dụng trong Thái cực Hoa giáp;

Δ_j - chỉ số hoàn nguyên nhân định của hệ dung sai j với $j = n_{0i-j}$

Mối tương quan giữa giá trị bội nguyên gia số ΔS_{i-j} của Thái cực Hoa giáp dạng đơn hệ dung sai với giá trị của vòng luân hồi $F_{0i-j}(M)$ được mô tả tại Hình 11, mục 3.2.

Chỉ số hoàn nguyên nhân định Δ_{Σ}^{m} của Thái cực Hoa giáp với đa hệ dung sai và đa lần sử dụng hệ dung sai là tích số của tất cả giá trị chỉ số hoàn nguyên nhân định thành phần.

$$\Delta_{\Sigma}^{m} = (\Delta_j)^i x(\Delta_k)^f x(\Delta_p)^q x.....$$

Trong đó: j, k, p, ... - số thứ tự của các hệ dung sai.

I, l, q, ... - số lượt sử dụng các hệ dung sai.

$\Delta_j;\Delta_k;\Delta_p;$..... - chỉ số hoàn nguyên nhân định của các hệ dung sai j, k, p, ... tương ứng.

Thái cực Hoa giáp chỉ có 1 hệ dung sai gọi là Thái cực đơn hệ hành hay Thái cực Hoa giáp đơn hệ. Ngược lại, Thái cực Hoa giáp có từ 2 hệ dung sai trở lên gọi là Thái cực Hoa giáp đa hệ hành hay Thái cực Hoa giáp đa hệ.

Ví du 1: Một số phiên bản của Thái cực Hoa giáp đơn hệ hành:

Thái cực Hoa giáp đơn hệ dung sai Ngũ hành Hoa giáp:

n_0=5; φ= 3,74196.10^{12} ; ψ_n= 0,20000; $\Delta_{\sum}^{TC}$ = 80%

Thái cực Hoa giáp đơn hệ dung sai Thập ngũ hành Hoa giáp:

n_0=15; φ= 1,3236. 10^{12} ; ψ_n = 0,066667; $\Delta_{\sum}^{TC}$ = 93,3%

Thái cực Hoa giáp đơn hệ dung sai Tam thập hành Hoa giáp:

n_0=30; φ= 0,6654. 10^{12} ; ψ_n= 0,033360; $\Delta_{\sum}^{TC}$ = 96,6%

Thái cực Hoa giáp đơn hệ dung sai Lục thập hành Hoa giáp:

n_0= 60; φ= 0,3333. 10^{12} ; ψ_n= 0,016725; $\Delta_{\sum}^{TC}$ = 98,3%

Ví du 2:

Thái cực Hoa giáp đa hệ dung sai đa hành Hoa giáp T có mã số: T= 50-6-15-6-3.

Một số giá trị của các bội nguyên gia số ΔS_{i-j} thay đổi theo hệ dung sai j và theo độ lớn của các vòng luân hồi nhân định $F_{\alpha-j}(M)$ của Thái cực Hoa giáp T được ghi ở Bảng 2.

Trong đó:

1. Định vị vòng luân hồi số 100 trong hệ dung sai 50:

Chỉ số của hệ dung sai thứ 50 của vòng luân hồi hưởng dương $F_{0\text{-}100\text{-}50}(M)$ của Thái cực Hoa giápT: $j = n_{0_{i-j}}$ = 50

Thứ nguyên của $F_{0\text{-}100\text{-}50}(M)$: năm hưởng dương.

Giá trị 1 hành của Thái cực Hoa giáp T trong hệ dung sai N^o50:

ΔS_{100-50} = 1,998 (năm);

Giá trị của các hệ số dung sai thành phần tương ứng của Thái cực Hoa giáp T: φ = 3997. 10^{12} ; ψ_n = 0,020058; Δ_{50} = **97,9 %**

2. Định vị vòng luân hồi số 1 trong hệ dung sai 6:

Chỉ số của hệ dung sai thứ 6 của vòng luân hồi "năm Trái đất" $F_{01-6}(M)$: $j = n_{01-j}$ = 6.

Thứ nguyên của $F_{01-6}(M)$: năm Trái đất.

Giá trị 1 hành của Thái cực Hoa giáp T trong hệ dung sai N^o6: ΔS_{1-6} = 1,909 (tháng).

Giá trị của các hệ số dung sai tương ứng của Thái cực Hoa giáp T: φ =3,1831. 10^{12}; ψ_n = 0,16667; Δ_6 = **83,3 %**

3. Định vị vòng luân hồi số 2 trong hệ dung sai 15:

Chỉ số của hệ dung sai thứ 15 của vòng luân hồi "tháng Trái đất" $F_{02-15}(M)$: $j = n_{02-j}$ = 15.

Thứ nguyên của $F_{02-15}(M)$: tháng Trái đất.

Giá trị 1 hành của Thái cực Hoa giáp T trong hệ dung sai N^o6: ΔS_{2-15} = 2,0144 (ngày).

Giá trị của các hệ số dung sai tương ứng của Thái cực Hoa giáp T: φ =1,3236. 10^{12}; ψ_n = 0,066667; Δ_{15} = **93,3 %**

4. Định vị vòng luân hồi số 3 trong hệ dung sai 6:

Chỉ số của hệ dung sai thứ 6 của vòng luân hồi "ngày Trái đất" $F_{03-6}(M)$: $j = n_{03-j}$ = 6.

Thứ nguyên của $F_{03-6}(M)$: năm Trái đất.

Giá trị 1 hành của Thái cực Hoa giáp T trong hệ dung sai N^o6: ΔS_{3-6} = 1,904 (canh giờ).

Giá trị của các hệ số dung sai tương ứng của Thái cực Hoa giáp T: φ = 3,1831.10^{12}; ψ_n = 0,16667; Δ_6 = **83,3 %**

5. Định vị vòng luân hồi số 4 trong hệ dung sai 3:

Chỉ số của hệ dung sai thứ 3 của vòng luân hồi "canh giờ" $F_{04-3}(M)$: $j = n_{0i-j} = 3$.

Thứ nguyên của $F_{04-3}(M)$: canh giờ

Giá trị 1 hành của Thái cực Hoa giáp T trong hệ dung sai $N^{o}3$: $\Delta S_{4-3} = 33{,}07$ (phút).

Giá trị của các hệ số dung sai tương ứng của Thái cực Hoa giáp T: $\varphi = 5{,}5132.\ 10^{12}$; $\psi_n = 0{,}33338$; Δ_3 **= 66,6 %**

Chỉ số của bội nguyên gia số ΔS_{i-j} của Thái cực Hoa giáp T là i và j. Trong đó:

i - Số thứ tự của các chu trình cân bằng động của Thái cực nhân ngộ. Trong đó chúng ta quy định cho tứ trụ thời gian:

i=100 - Vòng luân hồi hướng dương; i=1- Vòng luân hồi năm; i=2 - Vòng luân hồi tháng; i = 3 - Vòng luân hồi ngày; i=4 - Vòng luân hồi canh giờ.

j - Số thứ tự của hệ dung sai được sử dụng trong vòng luân hồi thứ i của Thái cực Hoa giáp; $j = n_{0i-j}$.

Chỉ số hoàn nguyên nhân định của Thái cực Hoa giáp T = **50-6-15-6-3 :** $\Delta_{\sum}^{T} = (\Delta_i)^{l} x(\Delta_k)^{l} x(\Delta_p)^{q} x..... = \Delta_{50}.\Delta_6.\Delta_{15}.\Delta_6.\Delta_3$

= 0,979.0,833.0,933.0,833.0,666 **= 0,422 = 42,2 %**

Chỉ số hoàn nguyên nhân định của Thái cực Hoa giáp

T **= 2-5- 50-6-15-6:**

$\Delta_{\sum}^{T} = (\Delta_i)^{l} x(\Delta_k)^{l} x(\Delta_p)^{q} x..... = \Delta_2.\Delta_5.\Delta_{50}.\Delta_6.\Delta_{15}.\Delta_6.$

= 0,50.0,80.0,979.0,833.0,933.0,833 **= 0,2535 = 25,35 %**

Kết luận: Muốn tăng độ chính xác trong phép lấy gần đúng Thái cực cần:

1- *Tăng số bội nguyên gia số của hệ dung sai (Tăng n_{0i-j})*

2- *Tránh sử dụng bội nguyên gia số có giá trị lớn là kết quả của hệ định vị nhỏ để xây dựng Thái cực Hoa giáp.*

BIẾN NGUYÊN GIA SỐ TỨ TRỤ THỜI GIAN
TRONG THÁI CỰC HOA GIÁP ĐA HỆ : T = 50-6-15-6-3

Bảng 2

n_{0-i}	**100 Năm** ΔS_{100-i}	**Năm** ΔS_{1-i}	**Tháng** ΔS_{2-i}	**Ngày** ΔS_{3-i}	**Canh giờ** ΔS_{4-i}
1					0,00000
2					0,00229. 10^{15} ns =38,19 (phút)
3					0,001985.10^{15}ns **=33,07 (phút)**
4					0,00162.10^{15} ns =27,0 (phút)
5	588.73.10^{15} ns =18,709 (năm)	5,8873.10^{15} ns =2,245 (tháng)	0,490608.10^{15} ns = 5,694 (ngày)	0,016118.10^{15} ns =2,238 (canh giờ)	0,001347.10^{15}ns =22,45 (phút)
6	500,80. 10^{15} ns =15,9159 (năm)	5,00803. 10^{15} ns =**1,909 (tháng)**	0,417336.0^{15} ns = 4,844 (ngày)	0.01371.10^{15}ns =**1,904 (canh giờ)**	0.001146.10^{15}ns =19,09 (phút)
8	383,29. 10^{15} ns =12,181 (năm)		0,3194. 10^{15} ns =3,707 (ngày)		
10	309,513. 10^{15} ns =9,836 (năm)		0,2579. 10^{15} ns =2,99 (ngày)		
12	259,23. 10^{15} ns =8,238 (năm)		0,2160. 10^{15} ns =2,507 (ngày)		
15	208,246. 10^{15} ns =6,618 (năm)		0,1735. 10^{15} ns **=2,0144 (ngày)**		
16	195,404.10^{15} ns =6,209 (năm)		0,1628. 10^{15} ns =1,809 (ngày)		
24	130,736. 10^{15} ns =4,154 (năm)				
28	112,144. 10^{15} ns =3,563 (năm)				
30	104,696. 10^{15} ns =3,327 (năm)				
45	69,868. 10^{15} ns =2,22 (năm)				
50	62,8914. 10^{15} ns 1,998 (năm)				
60	52,42. 10^{15} ns =1,665 (năm)				
64					
100					
120					
180					

Trong Bảng 2:

Chu vi vòng luân hồi của tứ trụ thời gian được tính theo số liệu về độ lớn chu kỳ tuần hoàn của Trái đất xung quanh Mặt trời (1năm) và chu kỳ Trái đất quay quanh trục của nó (1ngày) của nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin (34, Bách khoa tri thức phổ thông, XB, 2003). Trong đó:

1 ngày : $F_{03}(M)$= 23,93x 3600.10^9 ns = 0, 086148.10^{15} ns

1 tháng : $F_{02}(M)$= 30,43833x $F_{03}(M)$ = 2,622200.10^{15} ns

1 năm : $F_{01}(M)$ = 365,26x $F_{03}(M)$ = 31,466400.10^{15} ns

100 năm: 100x $F_{01}(M)$= 3146,6400. 10^{15} ns.

Theo quy định tính giờ Can - Chi; 1 canh giờ có độ lớn bằng 2 giờ. Suy ra:

1 canh giờ: $F_{04}(M)$ = 2x3600.109 ns = 0,007200.10^{15} ns

Đơn vị đo thời gian làm chuẩn là nanogiây. Để thuận tiện cảm thụ độ dài của thời gian, giá trị của ΔS_i được chuyển sang các đơn vị đo lớn hơn như: ngày, tháng, giờ, canh giờ, phút.

Như đã khảo sát hàm số ΔS_{i-j} tại mục 3.2, trong đó bội nguyên gia số ΔS_{i-j} được tính theo công thức:

$$\Delta S_{i-j} = \frac{F_{0i}(M)}{\pi}.\sin(\frac{\pi}{n_{0i-j}})$$

Khi: F_{0i} *(M) = Constant*; (1 vòng luân hồi nhưng có nhiều hệ dung sai). F_{0i} *(M) = Constant*

Giá trị của bội nguyên gia số ΔS_{i-j} sẽ phụ thuộc vào giá trị của số bội nguyên gia số n_{0i-j} theo quy luật như đã biểu diễn tại Hình 12.

Khi: n_{0i-l} = *Constant* (nhiều vòng luân hồi nhưng chỉ có 1 hệ dung sai)

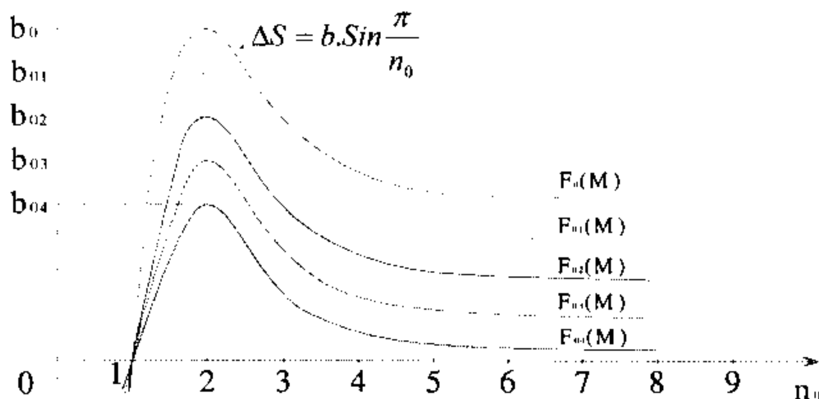
Đồ thị biểu diễn quan hệ giữa giá trị ΔS_{i-j} và chu vi vòng luân hồi bất kỳ $F_{0i}(M)$ sẽ là đường xiên bậc nhất đi qua gốc tọa độ và có hệ số góc α không đổi. Trong đó:

$$Tg(\alpha) = a;\ \text{với: } a = \frac{1}{\pi}\sin(\frac{\pi}{n_{0i-j}}) \quad \text{(Hình 9)}$$

Như vậy: *Có thể tìm được bội nguyên gia số ΔS_{i-j} của bất kỳ vòng luân hồi $F_{0i}(M)$ với bất kỳ số lượng hành n_{0i-j} trong phạm vi giới hạn của giả thuyết về tính tròn đều của các vòng luân hồi $F_{0i}(M)$ của Thái cực luân hồi T_0 và điều kiện xác định của hệ số dung sai nhân định ψ_n. Trong đó:* $1 < n_{0i-j} < N_0 = 2.10^{13}$.

Tập hợp các giá trị bội nguyên gia số ΔS_{i-j} của 5 trụ thời gian: hưởng dương, năm, tháng, ngày, canh giờ của Thái cực Hoa giáp đa hệ: T = 50-6-15-6-3 khi $F_{0i-j}(M)$ không đổi nhưng thay đổi hệ dung sai $j = n_{0i-j}$ là 5 đường cong định tính (Hình 12) với một số giá trị của chúng ghi trong Bảng 2.

$$\Delta S_{i-j} = \frac{F_{0i-j}(M)}{\pi}.\sin(\frac{\pi}{n_{0i-j}})$$



Hình 12 : Bội nguyên gia số của Thái cực thời gian

Bước số 2: Xác định chu trình cân bằng động

Quan trọng nhất trong việc xác định chu trình cân bằng động của Thái cực Hoa giáp là tìm chu vi vòng luân hồi của các chu trình cân bằng động $F_m(M)$ của tự nhiên có liên quan đến mất cân bằng của Thái cực con người T_n.

Ví dụ chu kỳ:

Ngày - đêm: $F_{03}(M)$ = 23,93x 3600.10^9 ns = 0, 086148.10^{15} ns ;

Năm - tháng: $F_{01}(M)$ = 365,26x $F_{03}(M)$ = 31,466400.10^{15} ns

Liên quan trực tiếp đến Thái cực con người có thể liệt kê rất nhiều chu trình cân bằng động: chu kỳ sinh học của lục phủ, ngũ tạng, chu kỳ tuần hoàn máu, chu kỳ sinh dục, chu vi của các mặt cắt cơ thể con người, chu kỳ luân hồi, sinh tử v.v...

Liên quan đến môi trường Thái cực con người có thể kể tới các chu trình cân bằng động như: gia đình, con cái, nhà ở, việc làm, chu kỳ sinh tử của sinh vật xung quanh, chu kỳ ngày - đêm, chu kỳ trăng, sao, chu kỳ Trái đất quay quanh Mặt trời, chu kỳ Trái đất tự quay quanh chính nó, chu kỳ luân chuyển các hành tinh của hệ Mặt trời, chu kỳ thời tiết khí hậu của Trái đất và của vũ trụ v.v...

Việc chọn chu trình $F_m(M)$ này hay chu trình $F_m(M)$ khác làm đối tượng nghiên cứu của Phong thủy học thay cho Thái cực con người hoàn toàn phụ thuộc vào kinh nghiệm của các nhà Phong thủy. Nếu việc lựa chọn mang đến hiệu quả dự đoán được số đông chấp nhận thì trường phái Phong thủy đó tồn tại lâu hơn và ngược lại sẽ bị đào thải theo thời gian.

Việc chọn bản mệnh làm đối tượng nghiên cứu thay cho con người trong Phong thủy học đã tồn tại hàng nghìn năm nay. Mặc dù có nhiều thông số cần chỉnh sửa cho chuẩn xác nhưng rõ ràng mô hình Thái cực Hoa giáp phổ thông nếu được xây dựng trên nền tảng kinh nghiệm của Lục thập Hoa giáp với những sửa đổi cần thiết sẽ

phát huy hiệu quả thực tế rất nhanh vì giảm được nhiều thời gian khảo cứu trước khi dùng. Ngoài ra sự kết hợp này còn giúp người sử dụng có thể tận dụng trải nghiệm bản thân do niềm tin vào thuyết Âm - Dương Ngũ hành mang lại. Cho dù còn bán tin bán nghi thì nay sẽ nhanh chóng loại bỏ được trạng thái đó vì đã có nguyên lý thiết lập Thái cực Hoa giáp làm căn cứ giúp mình xét và loại bỏ các dự đoán truyền khẩu vô căn cứ.

Để sử dụng được $F_{oi}(M)$, bản mệnh trong Thái cực Hoa giáp cần chuẩn xác lại một số quan niệm về sinh - tử, thọ - yểu như sau:

Cơ chế sinh - tử của Thái cực

Xét "Con người" T_0 trong hệ Mặt trời:

SINH:

Vào thời khắc khi Thái cực "Con người" hội đủ thành tố của con người như vốn nó phải có, khi đó con người được sinh ra, bí mật gien di truyền đã được giải mã thành công. Một Thái cực mới thành hình. Trong không gian R^n ký hiệu sinh linh đó là T_0.

Trong Thái dương hệ: T_0 sẽ được mô phỏng cụ thể bằng hình hài với ΔS_{oi-j} của các biến nguyên độc lập $F_{oi}(M)$ của Thái cực "Con người".

Đơn nguyên gia số thỏa mãn nguyên lý bất biến Thái cực ΔS_{oi-j} được lượng hóa qua kích thước của các vòng luân hồi $F_{oi}(M)$ của từng chu trình cân bằng động tương ứng theo công thức:

$$\Delta S_{oi-j} = \lambda . F_{oi}(M);$$

Trong đó: hằng số luân hồi: $\lambda = 5.10^{-14}$

Độ dài thời khắc hình thành Thái cực T_0 được tính bằng giá trị đơn nguyên gia số $(\Delta S_{oi-j})_{max}$ - ΔS_{oi-j} lớn nhất trong số tất cả các đơn nguyên gia số có thể có của T_0.

ΔS_{oi-j} được dùng làm đơn vị đo chu vi vòng luân hồi $F_{oi}(M)$ của

từng gien phục vụ cho việc xây dựng các bảng Hoa giáp và công tác dự đoán về con người.

Bài toán khó nhất và cũng là đối tượng nghiên cứu của Dự trắc học là tìm thời điểm có khả năng có thể xảy ra hiệu ứng chuyển dịch trạng thái Thái cực do cân bằng nội hàm bị phá vỡ dưới tác động của tác nhân từ bên trong hay từ bên ngoài Thái cực; Thời điểm quan trọng nhất quyết định độ chính xác của dự đoán sau phương pháp dự đoán là thời khắc xuất hiện Thái cực con người.

Xưa nay, tuyệt đại đa số tính gần đúng thời gian hưởng dương là khoảng thời gian bắt đầu từ thời điểm trẻ sơ sinh cất tiếng khóc chào đời trừ đi 1 năm thời kỳ còn nằm trong bụng mẹ. Để chính xác hóa sự kiện này, chúng ta phải tính lại như sau:

$$t = t_0 - [(9th + 10ng) \pm \Delta t]$$, nanogiây, ns

Trong đó:

t - Điểm đầu khởi phát giai đoạn hưởng dương của con người: là thời khắc khi khí vũ trụ tụ kết ở tinh cha, huyết mẹ. Trong trường hợp thông thường, do nhân duyên tình thương phối kết, sẽ dẫn đến trạng thái phá hủy cân bằng Thái cực cha và Thái cực mẹ. Sau thời lượng đơn nguyên gia số ΔS_{m}, trạng thái cân bằng mới của Thái cực mẹ được hình thành với sự xuất hiện đơn nguyên Thái cực T_0 trong bụng mẹ.

t_0 - Thời điểm thai nhi cất tiếng khóc chào đời.

$9th + 10ng$ = 9 tháng + 10 ngày - thời gian thai kỳ bình thường của thai nhi.

= 9x2,6222.10^{15} ns + 10x0,086148.10^{15} ns = 24,4613. 10^{15} ns

Δt - Gia số thời gian của thai kỳ so với thời lượng chuẩn trung bình: $9th + 10ng$

Thông thường ít ai ghi chép được thời điểm giao phối trừ một số vua chúa phong kiến. Do đó việc tìm chính xác thời điểm t phần lớn

phải theo phương pháp tiếp cận vi phân. Lịch Phong thủy sẽ là công cụ hữu hiệu phục vụ công tác tính và tìm t.

Thứ nguyên của t phụ thuộc vào độ chính xác khi ghi nhận giá trị của thời khắc t_0 - thời điểm thai nhi cất tiếng khóc chào đời. Điều này rất quan trọng vì nó liên quan đến hệ dung sai được sử dụng để xác định độ lớn 1 hành của Thái cực Hoa giáp được dùng làm nền tảng dự đoán cho trẻ.

Việc ghi lại t_0 càng tỷ mỉ, càng chính xác càng tốt. Nên ghi luôn thời khắc sinh trong giấy khai sinh cho trẻ như lá số trước kia ông cha chúng ta đã từng làm. Đây là món quà vô giá mà cha mẹ có thể dành cho con như vật bảo bối của riêng từng người trước khi bước vào cuộc hưởng dương đầy bất ngờ không lường trước. Những thông số đầu đời, vô hình chung, đôi khi lại là khe hở của tạo hóa có thể mở lối thoát khi không biết theo đường nào cho khỏi uổng phí thời gian.

<u>TỬ:</u>

Thái cực T_0 được coi là tử khi:

Trong thời khắc $t \geq (\Delta S_{0i-j})_{min}$ - ΔS_{0i-j} nhỏ nhất trong số các đơn nguyên gia số của T_0. Một trong các biến nguyên độc lập $F_{0i}(M)$ của Thái cực T_0 rơi vào miền không xác định của bảng mã hóa nòi giống của người Trái đất. $F_{0i}(M)$ nằm ngoài T_0 và như vậy chu trình $F_{0i}(M)$ nằm ngoài hiểu biết của khoa học về con người trên Trái đất hiện nay. Hoặc khi vòng luân hồi bản mệnh $F_{0i}(M)$ không còn liên tục, Thái cực nhân ngộ T_0 vượt ra ngoài tầm kiểm soát thông thường của các công cụ kiểm dương: hơi thở, âm thanh, mầu da, xúc cảm, phản xạ sinh tồn v.v...

Vòng luân hồi Bản mệnh được chia thành 2 phần: hưởng dương và hỗn mang vũ trụ. Khi tinh cha, huyết mẹ phối kết thành Thái cực gọi là sinh, cuộc hưởng dương bắt đầu. Khi nhắm mắt lìa trần gọi là tử, chấm hết cuộc hưởng dương của con người Trái đất bình thường.

Thái cực "con" tách thành công khỏi Thái cực "mẹ" được đánh dấu bằng tiếng khóc chào đời.

Trạng thái sinh tách khỏi trạng thái tử được đánh dấu bằng 1 hơi thở. Hơi thở là mối liên hệ cảm nhận được, là trụ cột duy nhất hay còn gọi là "Nhất trụ" ngăn cách xu thế cuốn hút con người trở lại với trạng thái tiền thân của nó, cố gắng giữ trạng thái tụ dương khí tách khỏi trạng thái hỗn mang vũ trụ. Hơi thở cũng là nguồn sinh khí giữ cho mọi vòng luân hồi $F_{0t}(M)$ của con người T_0 ở mức giới hạn cho phép dưới ánh sáng mặt trời trong suốt thời kỳ hưởng dương.

Khi giới hạn cho phép bị phá vỡ, chu kỳ hưởng dương chấm dứt, Thái cực con người trở lại trạng thái mất cân bằng. Nó sẽ tiếp tục cuộc chuyển dịch trong nửa kia của vòng luân hồi để xác lập chu trình cân bằng mới với đơn nguyên gia số ΔS_{0t-j} mới không bao giờ giống ΔS_{0t-j} tiền thân của nó về mặt chất - vật thể.

<u>THO - YỂU</u>:

Thọ là thời gian hưởng dương của con người đạt giá trị gần bằng số lượng thời gian mà thiên nhiên quy định cho sự tồn tại của Thái cực T_0 dưới ánh mặt trời. Thời gian đó gọi là tuổi trời.

Ký hiệu:

$HD(M)$ - Thời gian hưởng dương của con người;

$HD_0(M)$ - Tuổi trời.

Theo nghiên cứu: Tuổi trời dao động từ 75-175 năm trái đất, gấp 3-7 lần thời gian để một người bình thường hoàn toàn trưởng thành về mặt thể chất. Với tiến bộ khoa học về dinh dưỡng và vệ sinh môi trường sống, cận dưới của tuổi trời ngày càng được nâng lên. Tuy nhiên giai đoạn hiện nay chúng ta giả thiết tuổi trời trung bình là:

$HD_0(M) = 100$ năm trái đất.

Hệ số trong đó cho biết thời gian hưởng dương của con người bằng

bao nhiêu lần tuổi trời gọi là hệ số thọ – yểu, ký hiệu Ty. Trong đó:

$$Ty = \frac{HD(M)}{HD_0(M)}$$

Lịch Phong thủy và một số ứng dụng khác trên cơ sở Thái cực Hoa giáp sẽ giúp con người sử dụng có hiệu quả thời gian $HD(M)$, tiết kiệm được sinh lực, bảo tồn được nguồn năng lượng do trời đất quy định được hiển thị qua độ dài $HD_0(M)$, góp phần tăng chất lượng và số lượng hệ số Ty.

Bước số 3: Xác định giá trị bội nguyên gia số ΔS_{t-j}

Giá trị bội nguyên gia số ΔS_{t-j} của Thái cực Hoa giáp bất kỳ đều được xác định theo công thức:

$$\Delta S_{t-j} = \frac{F_{0t}(M)}{\pi}.\sin(\frac{\pi}{n_{0t-j}})$$

Trong số các bội nguyên gia số của Thái cực gần đúng T, giá trị ΔS_{t-j} của tứ trụ thời gian có vai trò đặc biệt trong Dự trắc học vì nó là lưới định vị mục tiêu cần dự đoán theo trục thời gian; ΔS_{t-j} phụ thuộc vào số bội nguyên n_{0t-j} và độ lớn vòng luân hồi $F_{0t}(M)$ (xem Bảng 2).

Ví dụ: Giá trị ΔS_t của tứ trụ thời gian với n_{0t-j} = 5 trong Thái cực Ngũ hành Hoa giáp như tính toán trong mục 3.2. Đây là Thái cực Hoa giáp đơn hệ hành.

Thời lượng 1 hành của Thái cực gần đúng của vòng luân hồi 100 năm trong hệ dung sai Ngũ hành:

$\Delta S_{100-5} = 588,73.10^{15}(ns)$ = 18,7098 (năm) = 224,5175 (tháng)

= 6833,9369 (ngày)

Thời lượng 1 hành của Thái cực gần đúng của vòng luân hồi năm trong hệ dung sai Ngũ hành

$\Delta S_{1-5} = 5{,}8873.10^{15}(ns)$ = 2,245 (tháng) = 68,339 (ngày)

Thời lượng 1 hành của Thái cực gần đúng của vòng luân hồi tháng trong hệ dung sai Ngũ hành:

$\Delta S_{2-5} = 0{,}490608.10^{15}(ns)$ = 5,694 (ngày) = 68,14 (canh giờ)

Thời lượng 1 hành của Thái cực gần đúng của vòng luân hồi ngày trong hệ dung sai Ngũ hành:

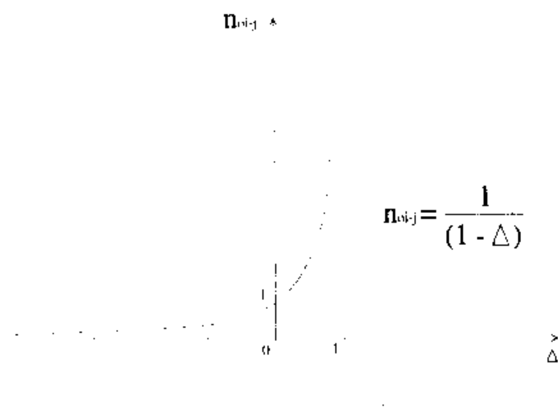
$\Delta S_{3-5} = 0{,}016118.10^{15}(ns)$ = 2,238 (canh giờ) = 4,476 (giờ)

Thời lượng 1 hành của Thái cực gần đúng của vòng luân hồi canh giờ trong hệ dung sai Ngũ hành:

$\Delta S_{4-5} = 0{,}001347.10^{15}(ns)$ = 0,374166 (giờ) = 22,45 (phút)

Thời lượng 1 hành của Ngũ hành 1 canh giờ $\Delta S_{4-5} = 22{,}45$ (phút) không choán hết cả canh giờ. Do vậy người xưa đã phân biệt: sinh đầu canh giờ, giữa canh giờ, cuối canh giờ như sách *Ngọc hạp chánh tông* đã dự đoán trẻ sinh vào khoảng thời lượng khác nhau của cùng 1 canh giờ có tính khí khác nhau là xuất phát từ nguyên nhân này. Tuy nhiên tác giả *Ngọc hạp chính tông* không dùng hệ dung sai Ngũ hành mà đã sử dụng hệ dung sai $j = n_{0i-j} = 3$ với bội nguyên gia số: $\Delta S_{4-3} = 33.07$ (phút) (xem Bảng 2).

Sử dụng hệ dung sai $j = n_{0i-j} > 5$ có thể xây dựng được Thái cực Hoa giáp với độ lớn của 1 hành ΔS_{i-j} của nó có giá trị nhỏ hơn phút, thậm chí tới nanogiây. Nói cách khác: *Chúng ta sẽ có thước đo vòng luân hồi của các chu trình cân bằng động của thiên nhiên với đơn vị đo tùy ý dựa vào khả năng có thể thay đổi hệ dung sai* n_{0i-j} (Hình 13).



Hình 13: Tương quan giữa hệ dung sai
Thái cực Hoa giáp và Chỉ số hoàn nguyên

Thái cực Hoa giáp với đơn vị đo có giá trị lớn, bé tùy ý là công cụ vô cùng hữu hiệu trong Dự trắc học, tương tự như chúng ta có "gậy như ý" trong tay. Sử dụng mô hình Thái cực Hoa giáp có độ phân giải cao (n_0 lớn) sẽ cho giá trị của 1 hành của Thái cực Hoa giáp $\Delta S_{i,j}$ nhỏ (Hình 12). *Đơn vị đo nhỏ, phạm vi truy tìm thời điểm xảy ra sự kiện mất cân bằng Thái cực sẽ nhỏ. Do đó khả năng đoán trúng mục tiêu sẽ rất cao.*

Máy tính Phong thủy (Geomancy personal computer - GPC) sẽ giúp con người thực hiện việc này.

Bước số 4: *Định hình Thái cực Hoa giáp (Hình 14 - 19)*

Thái cực Hoa giáp là Thái cực gần đúng mô phỏng sự hình thành Thái cực mới trong quá trình vận khí của vũ trụ.

Thái cực Hoa giáp có cấu trúc hình xoắn ốc gồm 5 vòng thuận chiều kim đồng hồ (Hình 14). Theo chức năng của các biến nguyên

độc lập có thể chia cấu trúc Thái cực Hoa giáp thành 2 lớp: nhân Thái cực (Hình 15) và vỏ Thái cực (Hình 16).

Mô hình cấu trúc tổng quát của Thái cực Hoa giáp theo quan điểm dung sai nhân định có dạng:

T = $([N_0]-[k-j]-[l-m])-([c-t])$

Trong đó:

T - Tên Thái cực Hoa giáp.

N_0 - Số chia hoàn nguyên Thái cực của biến nguyên độc lập "Thiên nhiên", $N_0 = 2.10^{13}$

k - Chỉ số hệ dung sai của vòng luân hồi "Xu thế vận khí"

j - Chỉ số hệ dung sai của vòng luân hồi "Vật chất vũ trụ"

l - Chỉ số hệ dung sai của vòng luân hồi "Trạng thái vận khí"

m - Chỉ số hệ dung sai của vòng luân hồi "Khí độ"

c - Chỉ số hệ dung sai của vòng luân hồi "Cơ số Hoa giáp"

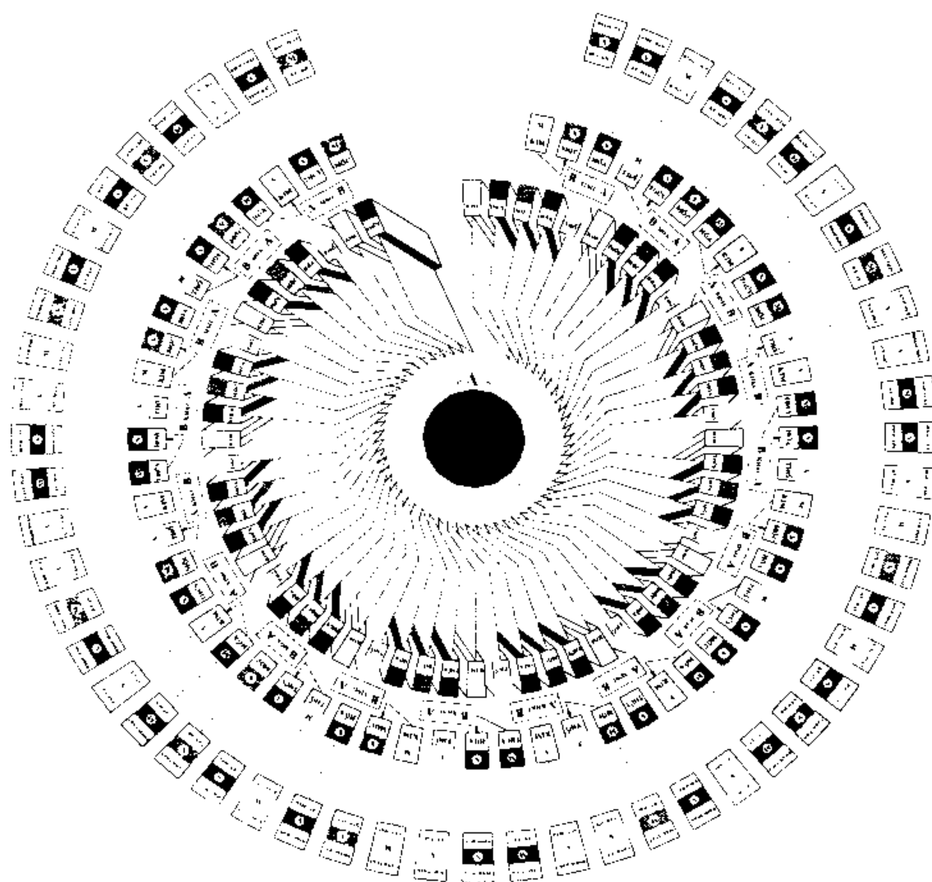
t - Chỉ số hệ dung sai của vòng luân hồi "Tứ trụ thời gian"

(N_0 - k - j - l - m) - Nhóm vòng luân hồi thuộc lớp nhân của T.

(c-t) - Nhóm vòng luân hồi thuộc lớp vỏ của Thái cực Hoa giáp T.

NGUYÊN LÝ ĐỊNH VỊ NGŨ HÀNH CHO

THÁI CỰC



TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

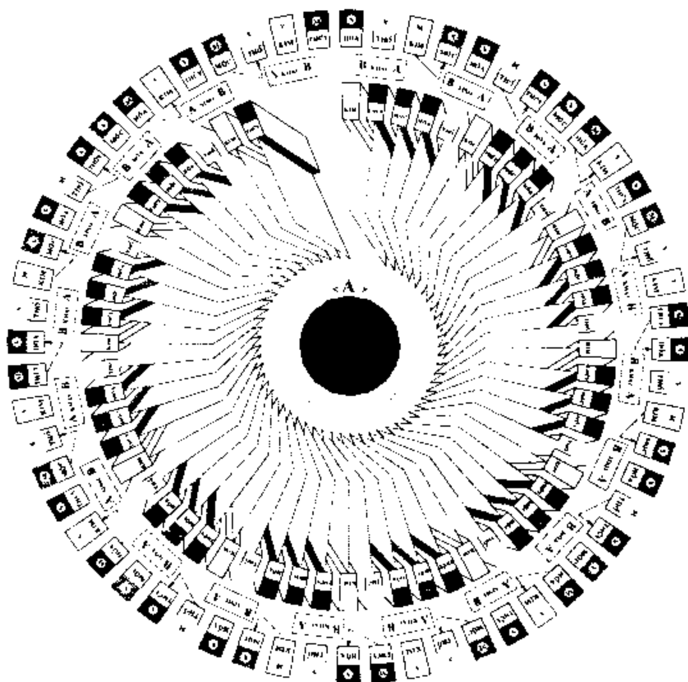
Hình 14: Mô hình Thái cực Hoa giáp

Model: $T = (2.10^{13}\text{-}5\text{-}5\text{-}5\text{-}15)\text{-}(60)$

NGUYÊN LÝ ĐỊNH VỊ NGŨ HÀNH CHO

THÁI CỰC

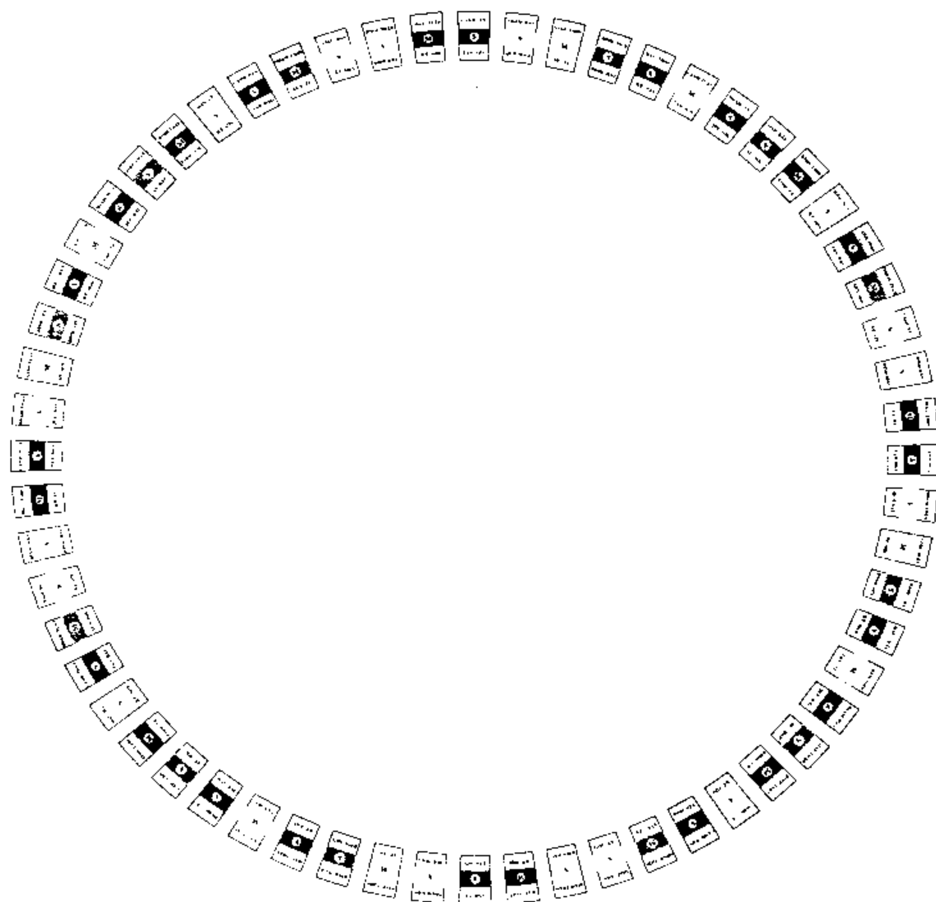
CHIỀU VẬN KHÍ CỦA VŨ TRỤ : TƯƠNG SINH



TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

Hình 15: Phần nhân Thái cực Hoa giáp
Model: T = $(2.10^{13}$-5-5-5-15)-(60)

NGUYÊN LÝ ĐỊNH VỊ NGŨ HÀNH CHO
THÁI CỰC



TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

Hình 16: Phần vỏ Thái cực Hoa giáp
Model: T = $(2.10^{13}$-5-5-5-15)-(60)

Phần 1

NHÂN THÁI CỰC HOA GIÁP

Nhân Thái cực nằm trong hệ quy chiếu nhân tâm gồm 5 biến nguyên độc lập hình thành 4 vòng xoắn (Hình 15).

Vòng xoắn thứ 1:

Tâm xoắn là các chu trình cân bằng động tụ - tán khí vũ trụ. Thái cực nhân ngộ của khu vực này là Thái cực đồ, hoặc hình ảnh tự nhiên bất kỳ. Cấu trúc Thái cực Hoa giáp T tại vòng xoắn số 1 có dạng: T = ($\lfloor 2.10^{13} \rfloor$) (Hình 17).

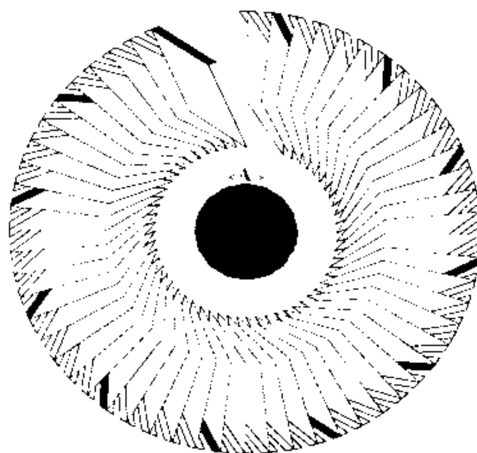
Thông số định vị tâm xoắn số 1 trong hệ thống dung sai nhân định có giá trị sau:

$n_{01-X_0} = 2.10^{13}$ tương ứng với: $\Delta_1^{TP} = \Delta_{1-X_0}^{TP} = 1.00 = 100\%$

NGUYÊN LÝ ĐỊNH VỊ NGŨ HÀNH CHO

THÁI CỰC

CHIỀU VẬN KHÍ CỦA VŨ TRỤ : TƯƠNG SINH



VŨ TRỤ
TRONG HỆ TỰ THÂN

TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

Hình 17: Vòng xoắn số 1 của Thái Cực Hoa giáp
Model: T = $(2.10^{13}-5-5-5-15)-(60)$

<u>Vòng xoắn thứ 2 từ trong ra</u> (Hình 18)

Vòng xoắn này gồm 2 biến nguyên độc lập: "Xu thế vận khí" (k) và cấu tạo "vật chất vũ trụ" (j) mô phỏng trật tự và xu thế vận động vật chất của vũ tru. Trong đó:

Coi vũ trụ cấu tạo từ chất gì? Có bao nhiêu loại khác nhau? Tương tác giữa chúng trong lòng Thái cực?

Cấu trúc Thái cực Hoa giáp T tại vòng xoắn số 2 có dạng: $T = ([2.10^{13}] - [k - j])$

Hệ dung sai nhân định thành phần:

$n_{02-k} = k$; tương ứng với: $\Delta^{TP}{}_{2-k} = ...\%$

$n_{02-j} = j$; tương ứng với: $\Delta^{TP}{}_{2-j} = ...\%$

Chỉ số hoàn nguyên nhân định của Thái cực Hỏa giáp tại vòng xoắn số 2:

$$\Delta_2^{TP} = \Delta_1^{TP}.\Delta^{TP}{}_{2-j}.\Delta^{TP}{}_{2-k}$$

Ví dụ: Theo thuyết Âm – Dương Ngũ hành, vũ trụ cấu tạo từ 5 loại chất cơ bản: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ theo 4 xu thế vận khí: tương sinh, tương khắc, tương thừa, tương vũ. Thái cực Hoa giáp T sẽ có dạng:

$T = (2.10^{13}-4-5)$

Quan niệm tứ khí cho biết hệ dung sai nhân định của vòng luân hồi "Xu thế vận khí" được chọn là: $n_{02-4} = 4$;

Tương ứng với: $\Delta_{2-4}^{TP} = 0{,}75 = 75\%$

Quan niệm Ngũ hành cho biết hệ dung sai nhân định của vòng luân hồi "Vật chất vũ trụ" được chọn là: $n_{02-5} = 5$ tương ứng với: $\Delta_{2-5}^{TP} = 0{,}80 = 80\%$

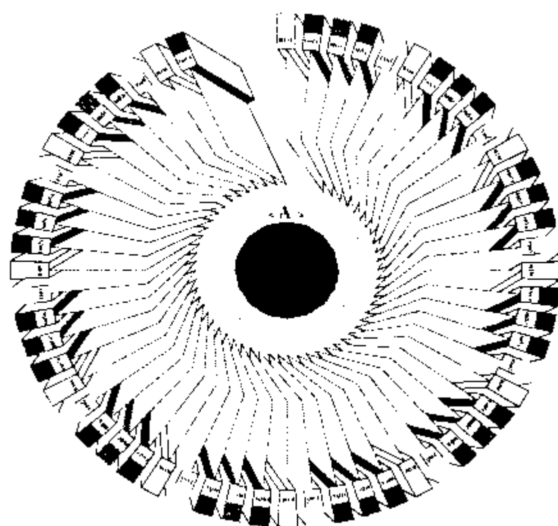
Chỉ số hoàn nguyên của $T = (2.10^{13}-4-5)$ tại vòng xoắn số 2:

$$\Delta_2^{TP} = \Delta_1^{TP}.\Delta_{2-4}^{TP}\Delta_{2-5}^{TP} = 0{,}75x0{,}80 = 0{,}60 = 60\%$$

NGUYÊN LÝ ĐỊNH VỊ NGŨ HÀNH CHO

THÁI CỰC

CHIỀU VẬN KHÍ CỦA VŨ TRỤ : **TƯƠNG SINH**



TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

Hình 18: Vòng xoắn số 2 của Thái cực Hoa giáp

Model: $T = (2.10^{13}\text{-}5\text{-}5\text{-}5\text{-}15)\text{-}(60)$

Với những quan niệm khác về số lượng chất cấu thành vũ trụ và số lượng xu thế vận khí vũ trụ, giá trị các thông số của hệ dung sai Thái cực Hoa giáp tại vòng xoắn số 2 sẽ khác so với các giá trị trên.

Vận khí dẫn đến trạng thái tụ dương khí gọi là xu thế vận khí tương sinh, vận khí dẫn đến tán dương khí của Thái cực gọi là xu thế vận khí tương khắc. Giữa 2 xu thế sinh và khắc có thể tồn tại nhiều xu thế khác như: tương thừa, tương vũ, bất tương v.v... Trong đó: *Tụ khí thái quá gọi là tương thừa, xu thế tụ khí không thắng nổi xu thế tán khí gọi là tương vũ, cân bằng giữa tụ khí và tán khí gọi là xu thế bất tương - xu thế tốt cho cưới hỏi hay dùng trên Trái đất.*

Sinh - khắc ở đây hàm ý nói vận khí tác động trực tiếp đến chu trình cân bằng động của Thái cực. Tác động làm Thái cực trở nên cân bằng hơn gọi là xu thế vận khí tương sinh. Tác động làm mất cân bằng thêm gọi là tương khắc. Tác động đi quá mức độ cần thiết cho cân bằng tụ khí gọi là tương thừa. Tác động tụ khí không đủ phá vỡ xu thế tán khí gọi là tương vũ. Tác động không gây ra bất kỳ dịch chuyển theo xu thế vận khí nào gọi là bất tương.

Theo nguyên lý *dung thông vô ngại* của triết lý Hoa Nghiêm: tương sinh, tương khắc và tất cả các xu thế vận khí khác của Thái cực cùng tồn tại trong mỗi trạng thái vận khí của vũ trụ. Ngược lại, *Mỗi trạng thái vận khí đều có trong mọi xu thế vận khí.* Trong đó: *Tụ dương khí là giai đoạn khí tương sinh ở thế thượng phong so với khí tương khắc. Biểu hiện tán dương khí là giai đoạn khí tương khắc ở thế thượng phong so với khí tương sinh. Các dạng xu thế vận khí khác được cho là đối tượng nghiên cứu của Phong thủy học là do nó có tính trội tương đối so với các xu thế vận khí còn lại mà con người biết được do tuệ thiền.*

Vào thời khắc không còn biểu hiện vị thế thượng-hạ, hơn-kém giữa các xu thế vận khí, trạng thái cân bằng mới sẽ xuất hiện trong lòng Thái cực sau lần mất cân bằng trước đó, bắt đầu hình thức tồn tại mới của Thái cực - đó là cơ chế tụ - tán khí của vũ trụ theo triết lý Hoa Nghiêm.

Vòng xoắn số 3 từ trong ra (Hình 19)

Trong vòng xoắn này, Thái cực Hoa giáp có 2 biến nguyên độc lập: "trạng thái vận khí", ký hiệu: l, mô phỏng trình tự và quy định tự nhiên cho việc tái lập trạng thái cân bằng mới của Thái cực, và biến nguyên "Khí độ", ký hiệu: m, mô phỏng quy luật luân hồi của mỗi khí độ trong chu trình vận khí của vũ trụ.

Cấu trúc Thái cực Hoa giáp T tại vòng xoắn số 3 có dạng:

T = $([2.10^{13}]-[k-j]-[l-m])$

Chỉ số gần đúng của thành phần "trạng thái vận khí" và "khí độ" của Thái cực Hoa giáp T tại vòng xoắn 3:

Hệ dung sai nhân định: $n_{03-l}=l$, tương ứng với: $\Delta^{TP}_{3-l}=...\%$

Hệ dung sai nhân định: $n_{03-m}=m$, tương ứng với: $\Delta^{TP}_{3-m}=...\%$

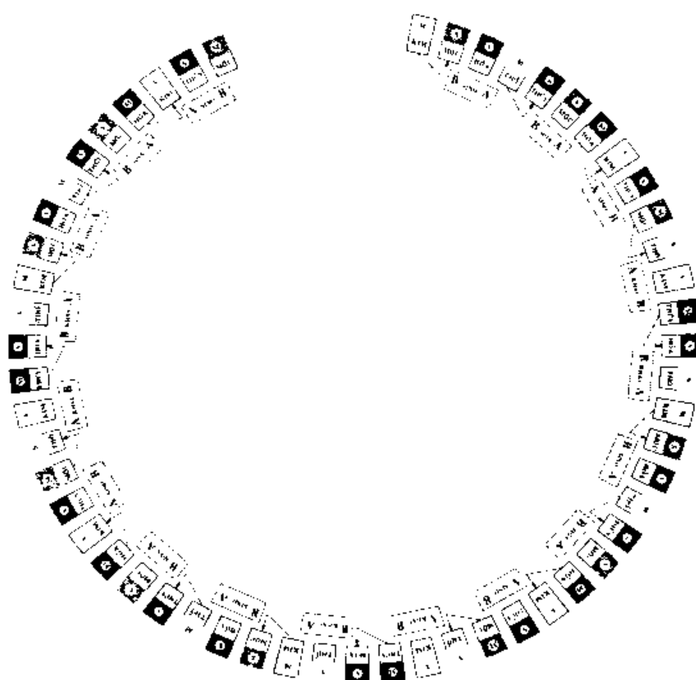
Chỉ số hoàn nguyên tổng thể của T tại vòng xoắn số 3:

$$\Delta^{TP}_{3}=\Delta^{TP}_{2}.\Delta^{TP}_{3-l}.\Delta^{TP}_{3-m}$$

NGUYÊN LÝ ĐỊNH VỊ NGŨ HÀNH CHO

THÁI CỰC

CHIỀU VẬN KHÍ CỦA VŨ TRỤ : **TƯƠNG SINH**



TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

Hình 19: Vòng xoắn số 3 của Thái cực Hoa giáp

Model: T = $(2.10^{13}$-5-5-5-15)-(60)

Ví dụ: Quá trình sinh sản của động vật có vú từ lúc thụ tinh cho tới khi ra đời có thể phân ra 5 trạng thái cơ bản: sinh, khắc, khắc ngược, sinh ngược, hòa.

Trong hệ thống dung sai nhân định, các thông số gần đúng mô phỏng trạng thái vận khí này của Thái cực có giá trị như sau:

Hệ dung sai nhân định: $n_{03-5} = 5$, tương ứng với: $\Delta^{TP}_{3-5} = 0{,}80 = 80\%$

Nếu cho rằng, mỗi trạng thái vận khí có 6 giai đoạn phát triển: sinh - thành - hưu - tù - tử - tuyệt => Vòng luân hồi của 1 hành khí độ theo quan niệm Ngũ hành - Lục khí độ phải có: 6x5 = 30 bội nguyên gia số ⇒ hệ dung sai nhân định của "Khí độ" $n_{03-l} = 30$, Thái cực Hoa giáp T sẽ có dạng:

$T = ([2.10^{13}] - [4-5] - [5-30])$.

Trong đó: hệ dung sai nhân định của vòng luân hồi "Khí độ": $n_{03-30} = 30$, tương ứng: $\Delta^{TP}_{3-30} = 0{,}966 = 96{,}6\%$

Chỉ số hoàn nguyên của T = (2.10^{13}- 4-5-5-30) tại vòng xoắn số 3:
$\Delta^{TP}_{3} = \Delta^{TP}_{2} . \Delta^{TP}_{3-5} \Delta^{TP}_{3-15} = 0.60.0.80.0.966 = 0.4636 = 46{,}36\ \%$

Vòng xoắn thứ 4 từ trong ra (Hình 18)

Vòng xoắn này có tên gọi: "Lập mạng" - là vòng luân hồi gần đúng của Thái cực nhân ngộ "Thiên nhiên" trong vòng xoắn số 1 sau khi triển khai phép dung sai hóa 5 biến nguyên độc lập: "Thiên nhiên", "Xu thế vận khí", "Vật chất vũ trụ", "Trạng thái vận khí", "Khí độ" ở vòng xoắn số 2 và số 3.

Cấu trúc Thái cực Hoa giáp T tại vòng xoắn số 4 có dạng:

$$T = ([2.10^{13}] - [k-j] - [l-m])$$

Trong hệ thống dung sai Thái cực, chỉ số gần đúng của Thái cực Hoa giáp ở vòng xoắn thứ 4 là:

Hệ dung sai nhân định: $n_{04-N_0} = n_{01-N_0} = 2.10^{13}$; $\Delta^{TP}_{4-N_0} = \Delta^{TP}_{1} = 1.00$

$n_{04-j} = n_{02-j}$; tương ứng với: $\Delta^{TP}_{4-j} = \Delta^{TP}_{2-j}$

$n_{04-k} = n_{02-k}$; tương ứng với: $\Delta^{TP}_{4-k} = \Delta^{TP}_{2-k}$

$n_{04-l} = n_{03-l}$; tương ứng với: $\Delta^{TP}_{4-l} = \Delta^{TP}_{3-l}$

$n_{04-m} = n_{03-m}$; tương ứng với: $\Delta^{TP}_{4-m} = \Delta^{TP}_{3-m}$

Trong đó: $\Delta^{TP}_{2} = \Delta^{TP}_{1}.\Delta^{TP}_{2-j}.\Delta^{TP}_{2-k} = \Delta^{TP}_{1}.\Delta^{TP}_{4-j}.\Delta^{TP}_{4-k}$; $\Delta^{TP}_{3} = \Delta^{TP}_{2}.\Delta^{TP}_{3-l}.\Delta^{TP}_{3-m}$

Chỉ số hoàn nguyên nhân định của Thái cực Hoa giáp tại vòng xoắn thứ 4: $\Delta^{TP}_{4} = \Delta^{TP}_{4-N_0}.\Delta^{TP}_{4-j}.\Delta^{TP}_{4-k}.\Delta^{TP}_{4-l}\Delta^{TP}_{4-m} = .\Delta^{TP}_{3}$

<u>Suy ra:</u> Chỉ số hoàn nguyên nhân định của phần nhân Thái cực Hoa giáp:

$$\Delta^{TCHG}_{\sum Nhân} = \Delta^{TP}_{4}$$

<u>Ví dụ:</u> Trong Thái cực Hoa giáp dạng: "Tứ khí - Ngũ hành - Ngũ trạng thái - Lục khí độ"; T = $([2.10^{13}]-[4-5]-[5-30])$ có các chỉ số gần đúng sau:

Hệ dung sai nhân định:

$n_{04-N_0} = 2.10^{13}$; tương ứng: $\Delta^{TP}_{4-N_0} = 1.0$

$n_{04-4} = n_{02-4} = 4$; tương ứng: $\Delta^{TP}_{4-4} = 0.75$

$n_{04-5} = n_{02-5} = 5$; tương ứng: $\Delta^{TP}_{4-5} = 0.80$

$n_{04-5} = n_{03-5} = 5$; tương ứng: $\Delta^{TP}_{4-5} = 0.80$

$n_{04-30} = n_{03-30} = 30$; tương ứng: $\Delta^{TP}_{4-30} = 0.966$

Chỉ số hoàn nguyên nhân định của: T = $(2.10^{13}$-4-5-5-30) tại vòng xoắn số 4:

$\Delta^{TP}_{4} = \Delta^{TP}_{4}$ =1,0. 0,75. 0,80.0,80. 0,966 = 0,4608 = 46,36%

Phần 2

VỎ THÁI CỰC HOA GIÁP

Vỏ Thái cực Hoa giáp nằm trong hệ quy chiếu địa tâm, với "Cơ số Hoa giáp" và "Tứ trụ thời gian" là 2 trục tọa độ.

Vòng xoắn thứ 5 từ trong ra: (Hình 16)

Biến nguyên độc lập của Thái cực Hoa giáp trong vòng xoáy thứ 5 là: "Cơ số Hoa giáp" và "Tứ trụ thời gian" dùng để định vị Thái cực Hoa giáp đã được hình thành tại vòng xoắn số 4 trong hệ quy chiếu địa tâm. Cấu trúc Thái cực Hoa giáp tại vòng xoắn số 5 có dạng:

$$T = ([N_0]-[k-j]-[l-m])-([c-t]).$$

Chỉ số gần đúng mô phỏng vòng luân hồi "Hoa giáp" và "Tứ trụ" của Thái cực Hoa giáp tại vòng xoắn số 5 có giá trị sau:

Hệ dung sai nhân định: n_{05-C}; tương ứng với: $\Delta^{TT}_{5-C} = ...\%$

n_{05-t} = t; tương ứng với: $\Delta^{TT}_{5-t} = ...\%$

t - Hệ dung sai nhân định của 1 trong các trụ thời gian.

Chỉ số hoàn nguyên nhân định của T = (2.10^{13} -k-j - l - m)- (c-t):

$$\Delta^{TT}_{5} = \Delta^{TT}_{4}.\Delta^{TT}_{5-C}.\Delta^{TT}_{5-t}$$

Chỉ số hoàn nguyên nhân định của phần vỏ Thái cực Hoa giáp:

$$\Delta^{TCHG}_{\sum VO} = \Delta^{TT}_{5}$$

Chỉ số hoàn nguyên nhân định tổng thể của Thái cực Hoa giáp:

$$\Delta^{TCHG}_{\sum} = \Delta^{TCHG}_{\sum VO}$$

5 hành khởi đầu có thể có của vỏ Thái cực Hoa giáp truyền thống ghi ở Hình 23-26, tổng hợp ở Hình 27.

Ví dụ 1:

Trong hệ đếm cơ số 60 của vỏ Thái cực Hoa giáp dạng:

T = (2.10^{13}-4-5-5-30)-(60) có:

Hệ dung sai nhân định thành phần: $n_{05-C} = n_{05-60} = 60$;

$\Delta^{TP}_{5-C} = \Delta^{TP}_{5-60} = 98{,}3\%$

Chỉ số hoàn nguyên của Thái cực Hoa giáp:

T = (2.10^{13}-4-5-5-30)-(60) tại vòng xoắn số 5 trong hệ đếm Thái cực Hoa giáp cơ số 60:

$$\Delta^{TP}_{5} = \Delta^{TP}_{4}\Delta^{TP}_{5-C} = 1{,}0x0{,}75x0{,}8x0{,}8x0{,}966x0{,}983$$

$$= 0{,}4636x\ 0{,}983 = 0{,}4557 = 45{,}57\%$$

Ví dụ 2: Trong hệ đếm cơ số 64 của vỏ Thái cực Hoa giáp dạng: T = (2.10^{13}-4-5-5-30)-(64) có:

Hệ dung sai nhân định: $n_{05-C} = n_{05-64} = 64$;

$$\Delta^{TP}_{5-C} = \Delta^{TP}_{5-64} = 98{,}4\%.$$

Chỉ số hoàn nguyên nhân định của: T = (2.10^{13}-4-5-5-30)-(64) tại vòng xoắn số 5 trong hệ đếm cơ số 64 là:

$$\Delta^{TP}_{5} = \Delta^{TP}_{5\ t}.\Delta^{TP}_{4} = 0{,}984\ x0{,}46368 = 0{,}4562 = 45{,}62\ \%$$

Ví dụ 3: Trong hệ tọa độ (60 - 50) của vỏ Thái cực Hoa giáp dạng: T = (2.10^{13}-5-5-5-15)-(60-50); trong đó 50 là chỉ số của hệ dung sai trụ thời gian "100 năm" (xem Bảng 2). Thái cực Hoa giáp dạng: T = (2.10^{13}-5-5-5-15)-(60-50) có:

$$n_{05-C} = n_{05-60} = 60\ ;\ \Delta^{TP}_{5-C} = \Delta^{TP}_{5-60} = 98{,}3\%.$$

$$n_{05-t} = n_{05-50} = 50\ ;\ \Delta^{TP}_{5-t} = \Delta^{TP}_{5-50} = 97{,}9\%$$

Chỉ số hoàn nguyên nhân định của T = (2.10^{13}-5-5-5-15)-(60-50) tại vòng xoắn số 5 trong hệ tọa độ (60-50) là:

$$\Delta^{TP}_{5} = \Delta^{TP}_{4}.\Delta^{TP}_{5-C}.\Delta^{TP}_{5-t} = 0{,}983\ x\ 0{,}979\ x\ 0{,}47769 = 0{,}4597 = 45{,}97\%$$

<u>Ví dụ 4</u>: Trong hệ tọa độ (60 - 6) của vỏ Thái cực Hoa giáp dạng: T = (2.10^{13}-5-5-5-15)-(60-6). Trong đó 6 là chỉ số của hệ dung sai trụ thời gian "năm" (xem Bảng 2). Thái cực Hoa giáp dạng: T = (2.10^{13}-5-5-5-15)-(60-6) có:

$$n_{05-C} = n_{05-60} = 60\ ;\ \Delta^{TP}_{5-C} = \Delta^{TP}_{5-60} = 98{,}3\%.$$

$$n_{05-J} = n_{05-6} = 6\ ;\ \Delta^{TP}_{5-J} = \Delta^{TP}_{5-6} = 83{,}3\%$$

Chỉ số hoàn nguyên nhân định của Thái cực Hoa giáp T = (2.10^{13}-5-5-5-15)-(60-6) tại vòng xoắn số 5 trong hệ tọa độ (60-6):

$$\Delta^{TP}_{5} = \Delta^{TP}_{4}.\Delta^{TP}_{5-C}.\Delta^{TP}_{5-t} = 0{,}47769 \text{ x}0{,}983\text{x}0{,}833 = 0{,}3912 = 39{,}12\%$$

Ví dụ 5: Trong hệ tọa độ (60 - 15) của vỏ Thái cực Hoa giáp dạng: T = (2.10^{13}-5-5-5-15)-(60-15). Trong đó 15 là chỉ số của hệ dung sai trụ thời gian "tháng" (xem Bảng 2). Thái cực Hoa giáp dạng: T = (2.10^{13}-5-5-5-15)-(60-15) có:

$$n_{05-C} = n_{05-60} = 60\ ;\ \Delta^{TP}_{5-C} = \Delta^{TP}_{5-60} = 98{,}3\%$$

$$n_{05-t} = n_{05-15} = 15\ ;\ \Delta^{TP}_{5-t} = \Delta^{TP}_{5-15} = 93{,}3\%$$

Chỉ số hoàn nguyên nhân định của Thái cực Hoa giáp

T = (2.10^{13}-5-5-5-15)-(60-15) tại vòng xoắn số 5 trong hệ tọa độ (60-15):

$$\Delta^{TP}_{5} = \Delta^{TP}_{4}.\Delta^{TP}_{5-C}.\Delta^{TP}_{5-t} = 0{,}983\text{x}0{,}933\text{x}0{,}47769 = 0{,}4381 = 43{,}81\%$$

Ví dụ 6: Trong hệ tọa độ (60 - 6) của vỏ Thái cực Hoa giáp dạng: T = (2.10^{13}-5-5-5-15)-(60-6). Trong đó 6 là chỉ số của hệ dung sai trụ thời gian "ngày" (xem Bảng 2). Thái cực Hoa giáp dạng: T = (2.10^{13}-5-5-5-15)-(60-6) có:

$$n_{05-C} = n_{05-60} = 60\ ;\ \Delta^{TP}_{5-C} = \Delta^{TP}_{5-60} = 98{,}3\%$$

$$n_{05-t} = n_{05-6} = 6\ ;\ \Delta^{TP}_{5-t} = \Delta^{TP}_{5-6} = 83{,}3\%$$

Chỉ số hoàn nguyên nhân định của Thái cực Hoa giáp

T = (2.10^{13}-5-5-5-15)-(60-6) tại vòng xoắn số 5 trong hệ tọa độ (60 - 6):

$$\Delta^{TP}_{5} = \Delta^{TP}_{4}.\Delta^{TP}_{5-C}.\Delta^{TP}_{5-t} = 0{,}983\text{x}0{,}833\text{x}0{,}47769 = 0{,}3912 = 39{,}12\%$$

Ví dụ 7: Trong hệ tọa độ (60 - 3) của vỏ Thái cực Hoa giáp dạng: T = (2.10^{13}-5-5-5-15)-(60-3); với 3 là chỉ số của hệ dung sai trụ thời gian "canh giờ" (xem Bảng 2). Thái cực Hoa giáp dạng: T = (2.10^{13}-5-5-5-15)-(60- 3) có:

$$n_{05-C} = n_{05-60} = 60 \; ; \; \Delta^{TP}_{5-C} = \Delta^{TP}_{5-60} = 98{,}3\%$$

$$n_{05-J} = n_{05-3} = 3 \; ; \; \Delta^{TP}_{5-J} = \Delta^{TP}_{5-3} = 66{,}6\%$$

Chỉ số hoàn nguyên nhân định của Thái cực Hoa giáp

T = (2.10^{13}-5-5-5-15)-(60 - 3) tại vòng xoắn số 5 trong hệ tọa độ (60 - 3):

$$\Delta^{TP}_{5} = \Delta^{TP}_{4}.\Delta^{TP}_{5-C}.\Delta^{TP}_{5-J} = 0{,}983x0{,}666x0{,}47769 = 0{,}3127 = 31{,}27\%$$

NGUYÊN LÝ DỰ ĐOÁN

Thái cực gần đúng của Thái cực nhân ngộ "Thiên nhiên" có vòng luân hồi là tập hợp tất cả bội nguyên gia số có vị trí, có thứ tự, có độ lớn, có khí độ, có nguồn gốc xu thế vận khí, và có tên gọi như hiển thị ở vòng xoắn thứ 5 của Thái cực Hoa giáp nhờ hệ thống dung sai nhân định mà chúng ta vừa xây dựng.

Mỗi bội nguyên gia số như đã quen gọi trong thuyết Âm - Dương Ngũ hành là các hành, hay còn gọi là bản mệnh của Thái cực.

Tùy theo quan niệm về cấu trúc vật chất của tự nhiên và sự khám phá bí mật về mối tương quan giữa chúng mà số lượng các hành trở nên nhiều hay ít và hệ quả cuối cùng là mức độ chính xác của việc mô phỏng thiên nhiên nhờ phương tiện Thái cực Hoa giáp cao hay thấp.

Ví dụ: Với quan niệm 5 hành và 4 xu thế vận khí, mỗi Thái cực gần đúng sẽ được định vị đồng thời bằng 5 thông số bản mệnh có giá trị như nhau nhưng thể hiện ở những thời điểm khác nhau.

Sau khi hệ thống định vị Thái cực được xác lập trong Thái cực Hoa giáp, vũ trụ cũng được định vị trong hệ thống này theo nguyên lý

dung thông vô ngại của triết lý Hoa Nghiêm. Đây là căn nguyên của Dự trắc học: *Bội nguyên gia số của Thái cực gần đúng dùng định vị bản mệnh Thái cực "Con người" trong Thái cực Hoa giáp là cố định; các thông số định vị vũ trụ luôn đổi thay theo thời gian. Chính sự lệch pha này cho biết tương quan giữa các hành: một bên đại diện cho đối tương nghiên cứu, một bên là môi trường có ảnh hưởng tới sự sống còn của nó.* Tất cả các thông số này đều xuất phát từ mô hình Thái cực: Thái cực Hoa giáp trong hệ Mặt trời.

Tuy nhiên cần lưu ý: Thái cực Hoa giáp là Thái cực gần đúng của Thái cực nhân ngộ T_0. Trong khi đó T_0 chưa phải là tự nhiên như vốn sự thật đã có. Suy ra: *Sự thật tự nhiên của Thái cực mãi mãi vẫn là bí mật đối với phương pháp tiếp cận Thái cực theo tư duy vi phân mà hiện thân tinh hoa của vi phân pháp là các bảng Hoa giáp.*

Việc mô phỏng Thái cực bằng các bảng Hoa giáp có độ chính xác có thể trở nên rất cao khi thay đổi số bội nguyên gia số n_0, nhưng kết quả dự đoán về Thái cực bằng công cụ vi phân pháp cũng chỉ có thể đạt tới tiệm cận sự thật.

Sự thật khách quan không phụ thuộc vào các thông số mà Thái cực Hoa giáp hay bất cứ bảng Hoa giáp nào cung cấp.

Ngộ được sai số của dự đoán theo vi phân pháp là lúc thoát khỏi tư duy siêu hình về thế giới khách quan do chìm đắm trong vòng kiềm tỏa của các bảng Hoa giáp, là thời khắc bước sang phương pháp tiếp cận mới với thế giới khách quan - thiền định, khởi đầu cho đẳng cấp tư duy vô pháp như người xưa nói: pháp vạn pháp vô pháp.

Vật thể là hình thức tồn tại của vật chất trong không gian R^n chiều. Phong thủy học là một ngành khoa học chuyên nghiên cứu đối sách của con người trong quá trình đấu tranh sinh tồn. Biểu hiện có thể thấy được của các đối sách trước tác động có nguy cơ làm phá vỡ cân bằng hiện hữu là hiện tượng thay đổi bằng cách dịch chuyển

cho phù hợp. Dịch chuyển là phương thức tồn tại của vật chất như đã vận dụng trong quy tắc ứng xử: "Cùng tắc biến, biến tắc thông".

Chuyển dịch ở đây có thể là sự thay đổi vị trí trong không gian hoặc có thể là sự thay đổi hình dạng, kích thước bản thân (tự sửa mình), hoặc cả hai phương thức thay đổi xảy ra cùng một lúc. Trong đó, đổi mới tư duy *là dạng đặc thù của chuyển dịch Phong thủy.*

Tất cả các đối sách của con người đều có mục đích chiến thắng bệnh tật, hoặc kẻ thù: vật, sự vật, hiện tượng, thời tiết, khí hậu v.v...

Con người là một tiểu vũ trụ. Các quy luật vận động và biến hóa của các đại lượng vật chất cấu thành nên cơ thể là những biến nguyên độc lập của Thái cực "con người". Trong đó "Bản mệnh" là một trong những biến nguyên quan trọng nhất nên hay được dùng làm đối tượng để dự đoán trong Phong thủy học.

3.4. THÁI CỰC HOA GIÁP TRUYỀN THỐNG

Lục thập Hoa giáp được sử dụng nhiều trong các phương pháp dự trắc như: *Kinh Dịch, Tử vi, Khổng Minh thần đoán, Thái ất, Mai hoa dịch số, Lục nhâm lục giáp, Ngọc hạp chính tông, Diễn cầm tam thế* v.v... với bề dày lịch sử hàng nghìn năm. Nhưng nguyên lý xây dựng nên bảng Hoa giáp này chưa được minh định: số lượng các hành được sử dụng, nguyên lý sắp xếp các hành, bản chất của các hành, độ chính xác dự đoán, cơ sở của nguyên lý dự đoán v.v... là vấn đề lớn của Phong thủy học chưa được nghiên cứu một cách hệ thống.

DUNG SAI TRONG THÁI CỰC HOA GIÁP

Từ biểu thức tính chỉ số hoàn nguyên tổng thể của Thái cực Hoa giáp và bản chất hệ dung sai Thái cực suy ra các biện pháp nâng cao chỉ số hoàn nguyên của Thái cực Hoa giáp như sau:

Biện pháp 1: Nâng cao chỉ số hoàn nguyên phần nhân của Thái cực Hoa giáp.

Ví dụ: Trong bảng Lục thập Hoa giáp, các bậc hiền nhân đã

tăng số bội nguyên gia số của biến nguyên "khí độ" thuộc vòng xoáy thứ 2 bằng cách chia mỗi hành thành 6 bội nguyên có cùng bản chất vật chất, nhưng khác khí độ thể hiện qua tên gọi khác nhau. Kết quả: Vòng luân hồi gần đúng của "Khí độ" sẽ có 5x6=30 hành như: chất Thổ có 6 tên khác nhưng chung quy vẫn mang bản chất Thổ đó là: Lộ bàng thổ, thành đầu thổ, ốc thượng thổ, bích thượng thổ, đại trạch thổ, sa trung thổ.

Đối với 4 hành còn lại cũng làm tương tự như hành Thổ. Chỉ số hoàn nguyên nhân định của vòng xoắn số 2 đã tăng. Trong đó thay vì : $n_{02-5} = 5$; $\Delta^{TP}_{2-5} = 80.0\%$ đã trở thành:

$n_{02-30} = 30$; $\Delta^{TP}_{2-30} = 96.6\%$. Chỉ số hoàn nguyên của biến nguyên "Vật chất vũ trụ" tại vòng 2 của Thái cực Hoa giáp đã tăng lên: 96,6%-80% = 16,6% (xem Bảng 1).

<u>Biện pháp 2</u>: Tăng số bội nguyên gia số của biến nguyên độc lập "Xu thế vận khí" trong vòng xoắn số 2. Chỉ số hoàn nguyên của phần nhân nói riêng và của cả Thái cực Hoa giáp nói chung không cao. Nguyên nhân là chỉ số hệ dung sai của biến nguyên "xu thế vận khí" quá thấp. Đây là vấn đề xưa nay chưa được đề cập nhiều vì căn cứ làm chuẩn hiện rất tản mát do thất truyền nguyên lý xây dựng bảng Lục thập Hoa giáp.

<u>Ví dụ:</u> Khi mở rộng quan niệm xu thế vận khí từ 2 bội nguyên gia số: tương sinh, tương khắc, sang xu thế vận khí có 5 bội nguyên gia số: tương sinh, tương khắc, tương thừa, tương vũ, bất tương, chỉ số hoàn nguyên nhân định thành phần của biến nguyên này đã tăng lên: 80% - 50 % = 30 % (xem Bảng 1).

<u>Biện pháp 3:</u> Tăng số bội nguyên gia số tại phần vỏ của Thái cực Hoa giáp và không dùng vòng luân hồi "Tứ trụ thời gian".

<u>Ví dụ</u>: Theo nguyên lý dung sai nhân định có thể thấy: *Kinh Dịch* là phiên bản của Thái cực Hoa giáp dạng:

$$T = (2.10^{13}-4-5-5-30)-(64)$$

Lục thập Hoa giáp là phiên bản của Thái cực Hoa giáp dạng:

$$T = (2.10^{13}-4-5-5-30)-(60-t)$$

Tại vòng xoắn thứ 5 có:

Hệ dung sai nhân định: $n_{05-64} = 64$; tương ứng: $\Delta^{TP}_{5-64} = 98.4\%$

Hệ dung sai nhân định: $n_{05-60} = 60$; tương ứng: $\Delta^{TP}_{5-60} = 98.3\%$

Hệ dung sai nhân định: $n_{05-6} = 6$; tương ứng: $\Delta^{TP}_{5-6} = 83.3\%$

Trong đó: t = 6 - chỉ số dung sai nhân định của Thái cực Hoa giáp "Tứ trụ thời gian" có tên là "năm" dạng:

$$T = (2.10^{13}\text{-}4\text{-}5\text{-}5\text{-}30)\text{-}(60\text{-}6)$$

Chỉ số hoàn nguyên của *Kinh Dịch*:

T = (2.1013-4-5-5-30)-(64); $\Delta^{TC}_{\sum} = \Delta^{TP}_{5} \cdot \Delta^{TP}_{5-64} = 0,4562 = 45,62\%$

Chỉ số hoàn nguyên của Lục thập Hoa giáp "năm":

$T = (2.10^{13}\text{-}4\text{-}5\text{-}5\text{-}30)\text{-}(60\text{-}6)$;

$\Delta^{TC}_{\sum} = \Delta^{TP}_{5} \cdot \Delta^{TP}_{5-60} \cdot \Delta^{TP}_{5-6} = 0,3796 = 37,96\%$

Trong biện pháp này chỉ số hoàn nguyên của *Kinh Dịch* đã tăng so với chỉ số cùng loại của Lục thập Hoa giáp "năm" là:

$$45,62\% - 37,97\% = 7,65\ \%.$$

<u>Biện pháp 4:</u> Tăng số bội nguyên gia số của tất cả biến nguyên độc lập của Thái cực Hoa giáp.

Chỉ số hoàn nguyên nhân định của Thái cực Hoa giáp và tương ứng với nó là mức độ chính xác của dự đoán khi vận dụng mô hình Thái cực Hoa giáp có thể được nâng lên bằng cách mở rộng nghiên cứu các thuộc tính của vũ trụ về cấu tạo vật chất. Về chu kỳ cân bằng động sao cho số bội nguyên gia số của Thái cực Hoa giáp gần đúng trong các biến nguyên độc lập trở nên rất lớn.

Về nguyên tắc số bội nguyên gia số của bất kỳ vòng luân hồi gần đúng nào của Thái cực Hoa giáp cũng là con số khổng lồ $N_0 = 2.10^{13}$. Tương ứng với nó, giá trị của bội nguyên gia số có thể giảm xuống rất nhỏ, có thể nhỏ tới mức:

$$\Delta S_{i-j} \approx \Delta S_{0i-j} = \lambda . F_0(M) = 5.10^{-14} . F_0(M)$$

Máy tính Phong thủy sẽ thiết lập logic tương quan hình thức giữa các chu trình cân bằng động của Thái cực Hoa giáp ở cấp độ số chia

hoàn nguyên Thái cực N_0. Mỗi hành của Thái cực Hoa giáp sẽ là một tọa độ điểm lưu trữ thông tin về con người. Kho dữ liệu này sẽ luôn được cập nhật qua chiêm nghiệm thực tế theo dòng thời gian.

Trải qua thời gian hàng nghìn năm nay, các chu trình cân bằng động của con người đã thay đổi. Đơn cử như quan niệm về hôn nhân và gia đình, về tương quan giữa thành thị và nông thôn, về vóc dáng thể xác và hàm lượng tri thức trong mỗi con người; nhưng những thay đổi đó chưa được cập nhật có hệ thống. Máy tính Phong thủy trên cơ sở Thái cực Hoa giáp sẽ thực thi sứ mạng này. Có thể thấy đây sẽ là phương thức mới tiếp cận thuyết Âm - Dương Ngũ hành - phiên bản đầu tiên diễn giải tư tưởng triết học của kinh *Hoa Nghiêm* bằng mô hình hữu hạn trong hệ Mặt trời. Muốn kết nối thành công 2 module tri thức nhân loại tạm phân chia là khoa học tổng hợp và khoa học phân tích. *Người đương thời phải ngộ triết lý kinh Hoa Nghiêm bằng cách vượt qua nhiều rào cản của thời gian và thời đại như: Tự giải thoát bản thân khỏi ngôn từ cổ xưa vốn chỉ là cái vỏ của thuyết Âm - Dương Ngũ hành; tự kiểm điểm lại trí tuệ của bản thân bằng cách trở về gốc* với suy tư về những triết luận tưởng là hiển nhiên. Nhưng nghĩ kỹ không hẳn đã như vậy, dạng: *"Quan trọng nhất không có gì quan trọng"* hoặc *"Tin mà không cần chứng minh là mê tín"* hoặc *"Tiên đề của khoa học là tin mà không chứng minh"*, *"Khoa học là gì?"*... Ngược lại tư tưởng triết lý của kinh *Hoa Nghiêm* cũng cần được thời đại hóa bằng ngôn ngữ thông dụng nhất, tăng cơ hội ngộ giác cho nhiều người có trình độ học vấn phổ thông. Hy vọng Thái cực Hoa giáp và các triển khai của nó phần nào đáp ứng được nhu cầu này.

Bảng Thái cực Hoa giáp thông dụng, công cụ định vị phong thủy và máy tính Phong thủy là những cố gắng đầu tiên theo định hướng trên.

Một trong những phương án xây dựng máy tính Phong thủy ghi ở Hình 20.

MÁY TÍNH PHONG THỦY

PRINT

So sánh với thực tế xảy ra

Lưu trữ và chiêm nghiệm cá nhân

STOP

Hình 20: Logic cập nhật thông tin bổ sung *KINH DỊCH* tiền thân của Máy tính phong thuỷ

Theo quan điểm dung sai như đã chứng minh ở phần định hình Thái cực Hoa giáp, bảng Lục thập Hoa giáp là phiên bản của Thái cực Hoa giáp đa hệ dung sai và đa hành dạng:

$T = (2.10^{13}\text{-}4\text{-}5\text{-}5\text{-}30)\text{-}(60\text{-}t)$ có 4 phiên bản gọi là "Tứ trụ thời gian" gồm: "100 năm", "năm", "tháng", "ngày".

Trong đó:

Thái cực Hoa giáp "100 năm", ký hiệu T_1:

$$T_1 = (2.1013\text{-}4\text{-}5\text{-}5\text{-}30)\text{-}(60\text{-}50); \Delta_{\Sigma}^{T_1} = 0{,}4462 \approx 44{,}62\%$$

Thái cực Hoa giáp "năm", ký hiệu T_2:

$$T_2 = (2.1013\text{-}4\text{-}5\text{-}5\text{-}30)\text{-}(60\text{-}6); \Delta_{\Sigma}^{T_2} = 0{,}3796 = 37{,}96\%$$

Thái cực Hoa giáp "tháng", ký hiệu T_3:

$$T_3 = (2.1013\text{-}4\text{-}5\text{-}5\text{-}30)\text{-}(60\text{-}15); \Delta_{\Sigma}^{T_3} = 0{,}4252 = 42{,}52\%$$

Thái cực Hoa giáp "ngày", ký hiệu T_4:

$$T_4 = (2.1013\text{-}4\text{-}5\text{-}5\text{-}30)\text{-}(60\text{-}6); \Delta_{\Sigma}^{T_4} = 0{,}3796 = 37{,}96\%$$

Một số phương pháp dự trắc không trực tiếp sử dụng bội nguyên gia số của 5 vòng Thái cực Hoa giáp trong dự đoán nhưng cơ sở dữ liệu làm tiền đề cho dự đoán thực chất lại là kết quả suy ra từ nguyên lý tương sinh, tương khắc, tương thừa, tương vũ của chu trình vận khí vũ trụ.

Ví dụ: *Kinh Dịch, Khổng Minh thần đoán,* các phương pháp này đã thay đổi cơ số đếm Thái cực Hoa giáp (c) trong Thái cực Hoa giáp dạng "Lục thập Hoa giáp" $T = (2.10^{13}\text{-}4\text{-}5\text{-}5\text{-}30)\text{-}(60\text{-}t)$. Không sử dụng hệ tọa độ "Tứ trụ Thời gian", đồng thời tăng thêm số bội nguyên gia số của biến nguyên "Hoa giáp" (*Kinh Dịch*: 64; *Khổng Minh thần đoán*: 384) và thâm nhập hệ thống dự trắc nhờ gieo quẻ. Độ chính xác dự đoán phụ thuộc vào trạng thái "Tách tâm" lúc gieo quẻ, giải đoán quẻ đã có sẵn hàng nghìn năm nay. Tuy nhiên, một câu

hỏi được đặt ra: Giải đoán quẻ từ đâu mà có? Nó được xây dựng như thế nào? Theo thời gian, những giải đoán có sẵn đó còn đúng không? Tại sao chỉ có bấy nhiêu quẻ? *Lời xưa, ý hiểu lại của người ngày nay, chênh lệch đúng sai chỉ có Thầy biết.* Nếu đi sâu vào cách dựng quẻ có thể hiểu lờ mờ ra rằng những lời giải đoán của nhiều phương pháp dự trắc còn lưu truyền tới nay được xây dựng trên cơ sở tổng kết thành quả dự đoán theo quan điểm: tương sinh, tương khắc, tương thừa, tương vũ của quan niệm 4 xu thế vận khí như thuyết Âm - Dương - Ngũ hành. Thái cực Hoa giáp dạng *Kinh Dịch* hay dạng *Khổng Minh thần đoán* tiện lợi, nhanh có phương án trả lời. Nhưng để thuyết phục, người nghe phải tin vào lời giải đoán đã có từ lâu đời mặc dù lời tiên đoán đó có do các nhà tri thức nổi tiếng dịch lại chăng nữa thì nó vẫn là điều rất mơ hồ. Đó là một trong các lý do đọc cả đời vẫn chưa dám khẳng định hiểu hết *Kinh Dịch*.

Để khắc phục tình trạng loạn tin trong dự trắc cần một sợi chỉ đỏ kết nối căn nguyên triết lý Phật giáo về vũ trụ quan và nhân sinh quan với thành quả khoa học hiện đại. Đó là khái niệm Thái cực và hiện thân của nó trong Thái dương hệ là Thái cực Hoa giáp.

Thái cực Hoa giáp kết nối hai tư tưởng nâng cao chỉ số hoàn nguyên nhân định của Thái cực Hoa giáp, nhưng có cơ sở giảm thiểu những nghi ngại như khi dùng *Kinh Dịch* hay một số phương pháp dự trắc khác. Đó là 4 phiên bản của Thái cực Hoa giáp "Tứ trụ thời gian" dạng T. Trong đó:

$T_1 = (2.10^{13}-5-5-5-15)-(60-50)$; $\Delta^{T_1}_{\Sigma} = 0{,}4597 = 45{,}97\%$

$T_2 = (2.10^{13}-5-5-5-15)-(60-6)$; $\Delta^{T_2}_{\Sigma} = 0{,}3911 = 39{,}11\%$

$T_3 = (2.10^{13}-5-5-5-15)-(60-15)$; $\Delta^{T_3}_{\Sigma} = 0{,}4381 = 43{,}81\%$

$T_4 = (2.10^{13}-5-5-5-15)-(60-6)$; $\Delta^{T_4}_{\Sigma} = 0{,}3911 = 39{,}11\%$

Thái cực Hoa giáp dạng *Kinh Dịch* sẽ được cập nhật lại trên cơ sở kết quả kiểm chứng của các phiên bản Thái cực Hoa giáp dạng

"Tứ trụ thời gian". Khi đó chúng ta có thể sử dụng *Kinh Dịch* một cách có cơ sở hơn.

Nhằm mục đích tìm lại nguyên lý thiết lập Lục thập Hoa giáp nhưng không làm khác biệt quá xa so với thói quen truyền thống trong cách gọi tên các hành, chúng ta sẽ xây dựng bảng Thái cực Hoa giáp đa hệ dung sai đa hành dạng: $T = (2.10^{13}\text{-}5\text{-}5\text{-}5\text{-}15)\text{-}(60\text{-}t)$. *Để phân biệt với Lục thập Hoa giáp đã có, chúng ta sẽ gọi phiên bản* $T = (2.10^{13}\text{-}5\text{-}5\text{-}5\text{-}15)\text{-}(60\text{-}t)$ *của Thái cực Hoa giáp là: Thái cực Hoa giáp truyền thống (Hình 14).* Các phiên bản khác của Thái cực Hoa giáp với độ chính xác cao hơn sẽ được triển khai trong máy tính Phong thủy.

Nhận xét: Khảo sát Thái cực Hoa giáp truyền thống thấy: bảng *Lạc thư Hoa giáp là vỏ của Thái cực truyền thống với điểm đầu là GIÁP TÝ trùng với hành KIM(s) của nhân Thái cực dạng:* $T = (2.10^{13}\text{-}5\text{-}5\text{-}5\text{-}15)\text{-}(60)$.

Bảng Lục thập Hoa giáp được hình thành bằng cách ghép 3 loại vỏ khác nhau của $T = (2.10^{13}\text{-}5\text{-}5\text{-}5\text{-}15)\text{-}(60)$ *với hành HỎA lấy từ dạng vỏ thứ 4 với điểm khởi đầu là GIÁP TÝ trùng với hành MỘC(s) của nhân Thái cực. Hành THỦY lấy từ dạng vỏ thứ 3 với điểm khởi đầu là GIÁP TÝ trùng với hành HỎA(s) của nhân Thái cực. Các hành còn lại: KIM, MỘC, THỔ lấy từ dạng vỏ số 1 của Thái cực Hoa giáp:* $T = (2.10^{13}\text{-}5\text{-}5\text{-}5\text{-}15)\text{-}(60)$*; xu thế vận khí tương sinh với điểm khởi đầu là GIÁP TÝ trùng với hành KIM(s) của nhân Thái cực* - xem trong Hình 27 - tổng hợp 5 dạng vỏ của Thái cực Hoa giáp truyền thống.

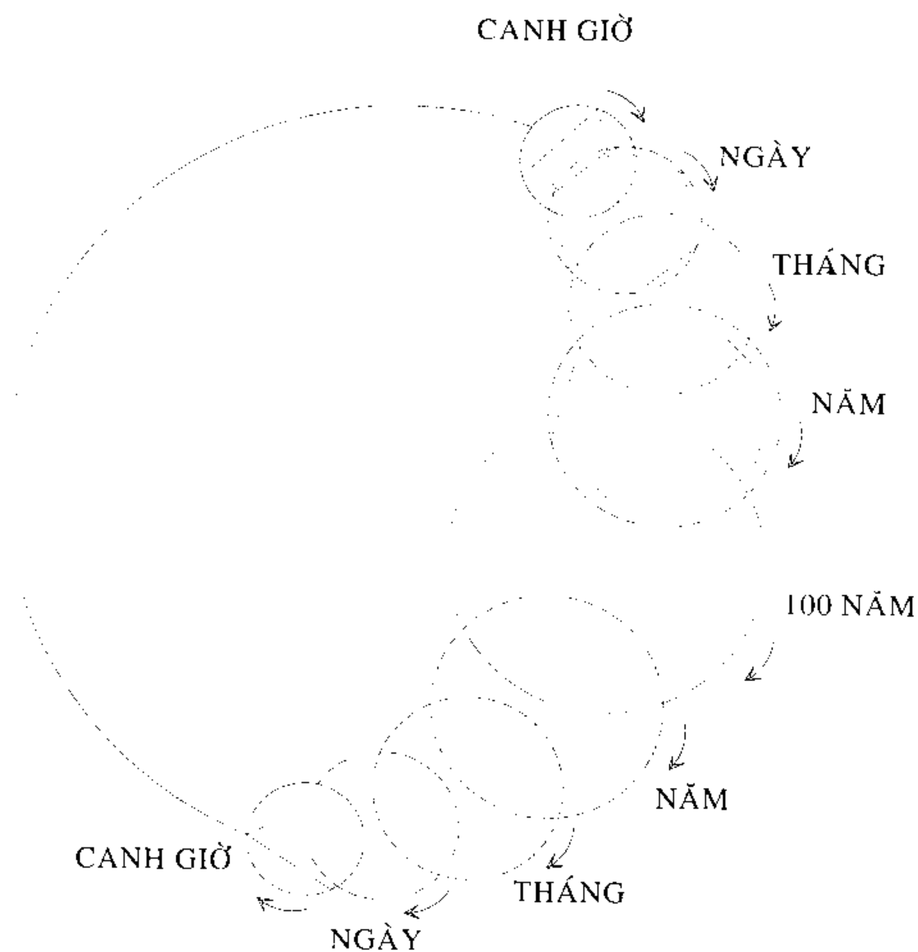
KẾT LUẬN: Theo nguyên lý hoàn nguyên Thái cực và tính liên tục của hàm Thái cực, việc sử dụng bảng Lục thập Hoa giáp trong dự trắc học đối với 24 điểm định vị sau đã được nạp hành không đúng với nguyên lý hình thành Thái cực gồm: *Bính Dần, Đinh Mão, Giáp Tuất, Ất Hợi, Bính Tý, Đinh Sửu, Giáp Thân, Ất Dậu, Mậu Tý,*

Kỷ Sửu, Nhâm Thìn, Quý Tị, Bính Thân. Đinh Dậu, Giáp Thìn, Ất Tị, Bính Ngọ, Đinh Mùi, Giáp Thân, Ất Mão, Mậu Ngọ, Kỷ Mùi, Nhâm Tuất, Quý Hợi.

Để sử dụng cần đổi hành THỦY thành HỎA và HỎA thành THỦY trong 24 Thái cực này tương ứng như trong vỏ Thái cực Hoa giáp dạng số 1 (Hình 28); 36 Thái cực còn lại của Lục thập Hoa giáp chính xác như loại vỏ số 1 của Thái cực Hoa giáp truyền thống.

LƯU Ý: 30 tên gọi khác nhau của 5 HÀNH trong Lạc thư Hoa giáp, trong Lục thập Hoa giáp và 15 tên gọi khác nhau của 5 hành trong Thái cực Hoa giáp có bản chất không khác nhau vì đều nói về khí độ của Ngũ hành. Tuy nhiên dùng tên gọi như trong Thái cực Hoa giáp sẽ thuận lợi hơn vì tránh được ngộ nhận do ngôn ngữ tượng hình cổ xưa mang lại. Đây cũng là rào cản đối với những người mới tiếp xúc với phong thủy, như thường mắc phải trong Lục thập Hoa giáp hay Lạc thư Hoa giáp.

Quỹ tích tâm vòng luân hồi của tứ trụ thời gian (t) thể hiện trên Hình 21, giá trị của bội nguyên gia số của mỗi trụ ghi trong bảng số 2.



Hình 21: Quỹ tích tâm vòng luân hồi của Tứ trụ Thời gian Thái cực
Model: T = 50-6-15-6-3

Để giữ nguyên truyền thống coi giá trị của mỗi bội nguyên gia số của biến nguyên độc lập tứ trụ thời gian được định vị xấp xỉ bằng 2 đơn vị đo thời gian thông thường trong Lục thập Hoa giáp, hệ dung sai nhận định của tứ trụ thời gian sẽ được co dãn cho phù hợp. Trong đó, theo tính toán tại Bảng 2, hệ dung sai nhận định của tứ trụ thời gian trong Thái cực Hoa giáp Thông dụng sẽ như sau:

1,998 (năm) = 1 hành ⇒ vòng luân hồi gần đúng của biến nguyên "100 năm" phải nằm trong hệ dung sai:

$n_{HS-50} = 50$; tương ứng với: $\Delta^{TT}_{5-50} = 97.9\%$

1,909 (tháng) = 1 hành ⇒ vòng luân hồi gần đúng của biến nguyên "năm" phải nằm trong hệ dung sai:

$n_{HS-6} = 6$; tương ứng với: $\Delta^{TT}_{5-6} = 83.3\%$

2,0144 (ngày) = 1 hành ⇒ vòng luân hồi gần đúng của biến nguyên "tháng" phải nằm trong hệ dung sai:

$n_{HS-15} = 15$; tương ứng với: $\Delta^{TT}_{5-15} = 93.3\%$

1,904 (canh giờ) = 1 hành ⇒ vòng luân hồi gần đúng của biến nguyên "ngày" phải nằm trong hệ dung sai:

$n_{HS-6} = 6$; tương ứng với: $\Delta^{TT}_{5-6} = 83.3\%$

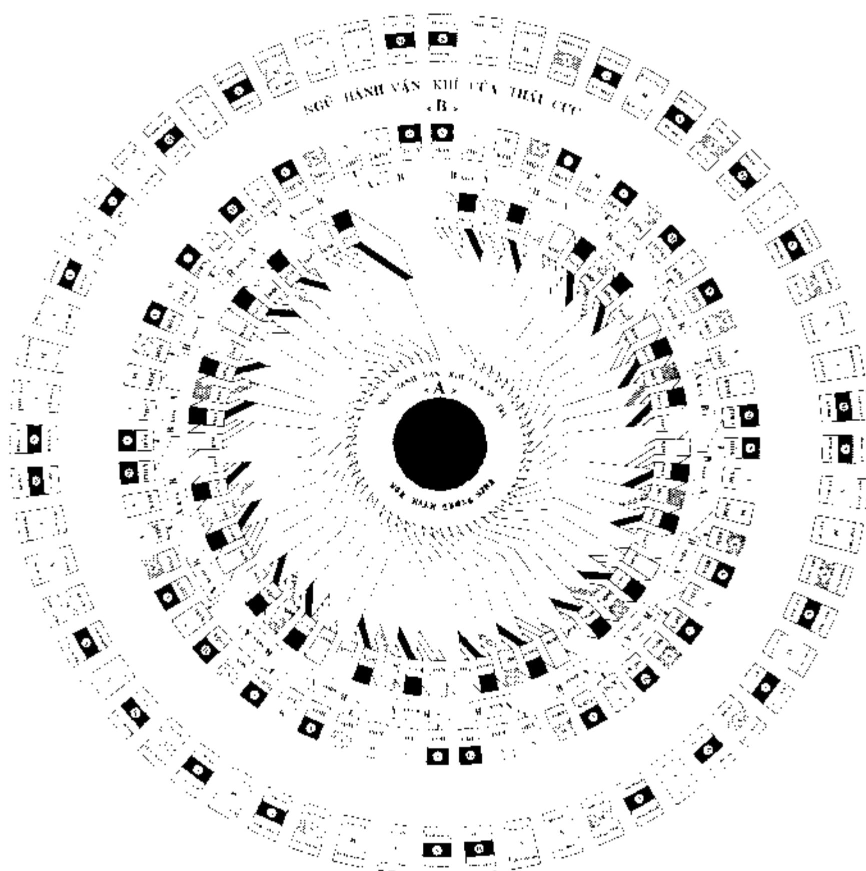
Chỉ số hoàn nguyên của Thái cực Hoa giáp trong hệ dung sai thuyết Âm Dương - Ngũ hành - Lục thập Hoa giáp - Tứ trụ thời gian như đã tính ở trên.

Triển khai mô hình Thái cực Hoa giáp dạng:

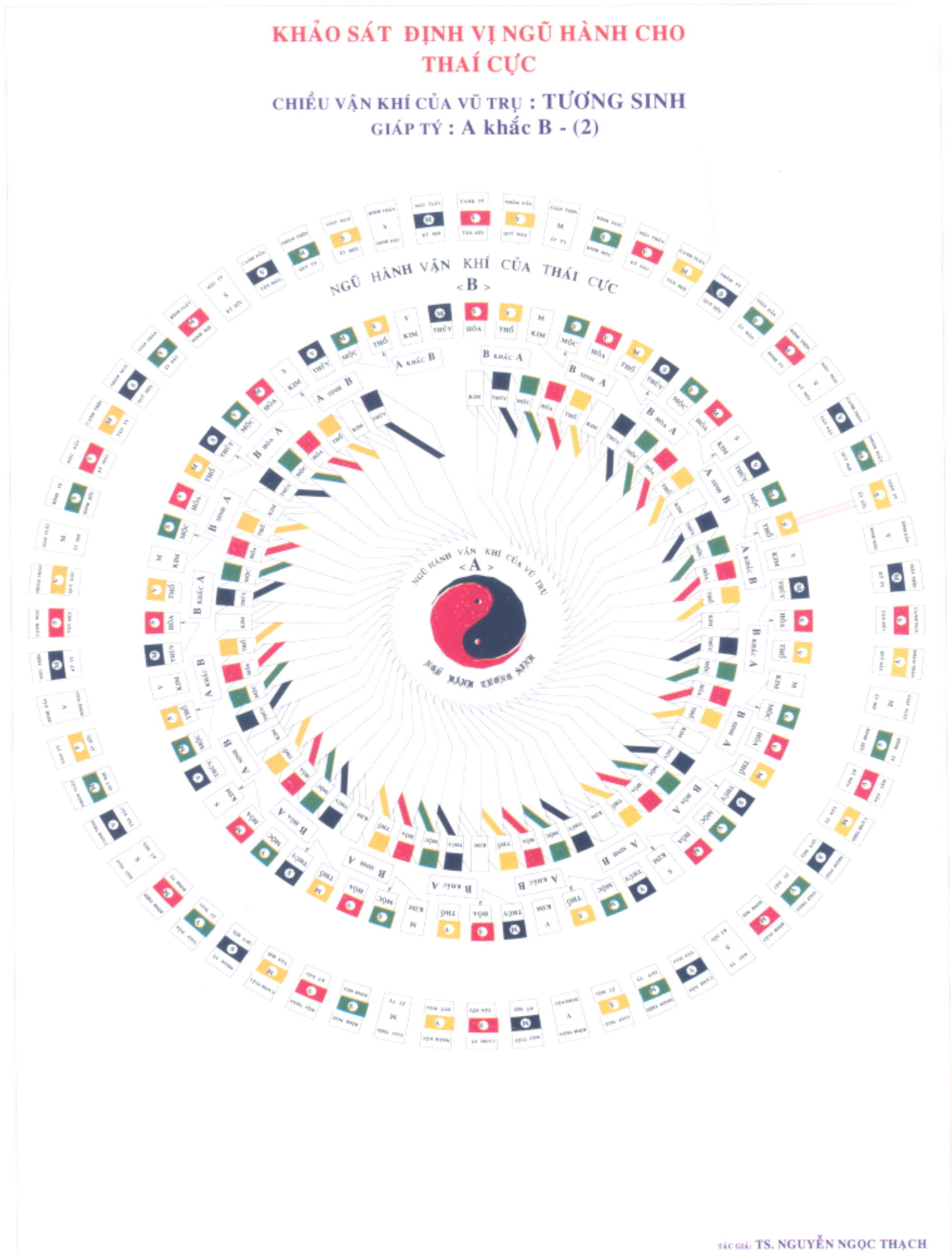
$$T = (2.10^{13}-5-5-5-15)-(60-t)$$

được ghi ở các Hình 14 - 19; 5 dạng vỏ của Thái cực Hoa giáp truyền thống dạng này được tổng hợp tại Hình 27 và 28.

KHẢO SÁT ĐỊNH VỊ NGŨ HÀNH CHO
THÁI CỰC
CHIỀU VẬN KHÍ CỦA VŨ TRỤ : TƯƠNG SINH
GIÁP TÝ : A sinh B - (1)



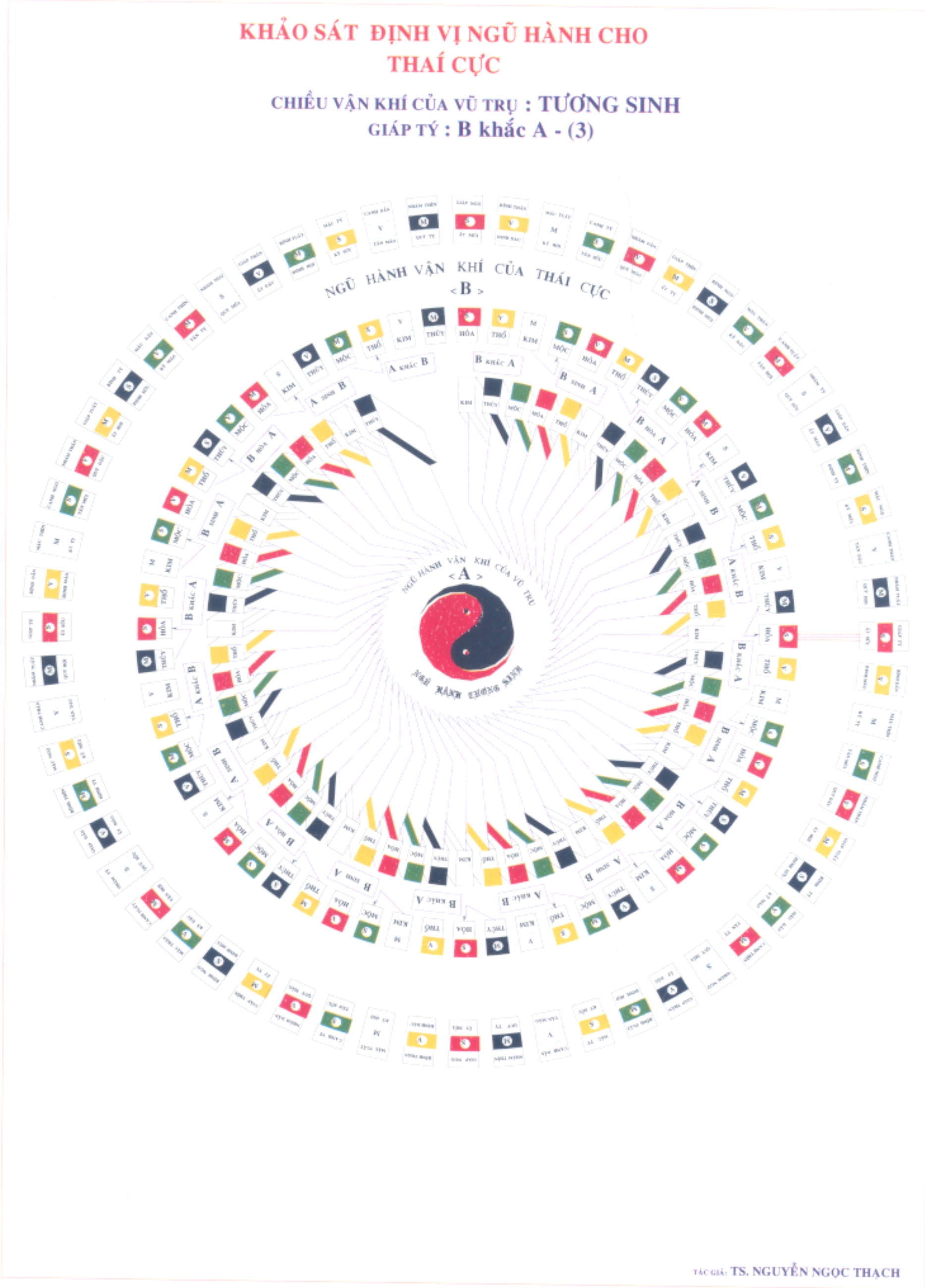
HÌNH 22: Dạng vỏ số 1 của Thái cực Hoa giáp truyền thống
T = $(2.10^{13}$-5 -5-5-15)-(60)
GIÁP TÝ là hành KIM(s)



Hình 23: Dạng vỏ số 2 của Thái cực Hoa giáp truyền thống

$T = (2.10^{13}\text{-}5\text{-}5\text{-}5\text{-}15)\text{-}(60)$

GIÁP TÝ là hành THỔ(s)



Hình 24: Dạng vỏ số 3 của Thái cực Hoa giáp truyền thống

$T = (2.10^{13}-5-5-5-15)-(60)$

GIÁP TÝ là hành HOẢ(s)

KHẢO SÁT ĐỊNH VỊ NGŨ HÀNH CHO THÁI CỰC

CHIỀU VẬN KHÍ CỦA VŨ TRỤ : TƯƠNG SINH

GIÁP TÝ : B sinh A - (4)



TÁC GIẢ: TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

Hình 25: Dạng vỏ số 4 của Thái cực Hoa giáp truyền thống

$T = (2.10^{13}\text{-}5\text{-}5\text{-}5\text{-}15)\text{-}(60)$

GIÁP TÝ là hành MỘC (s)



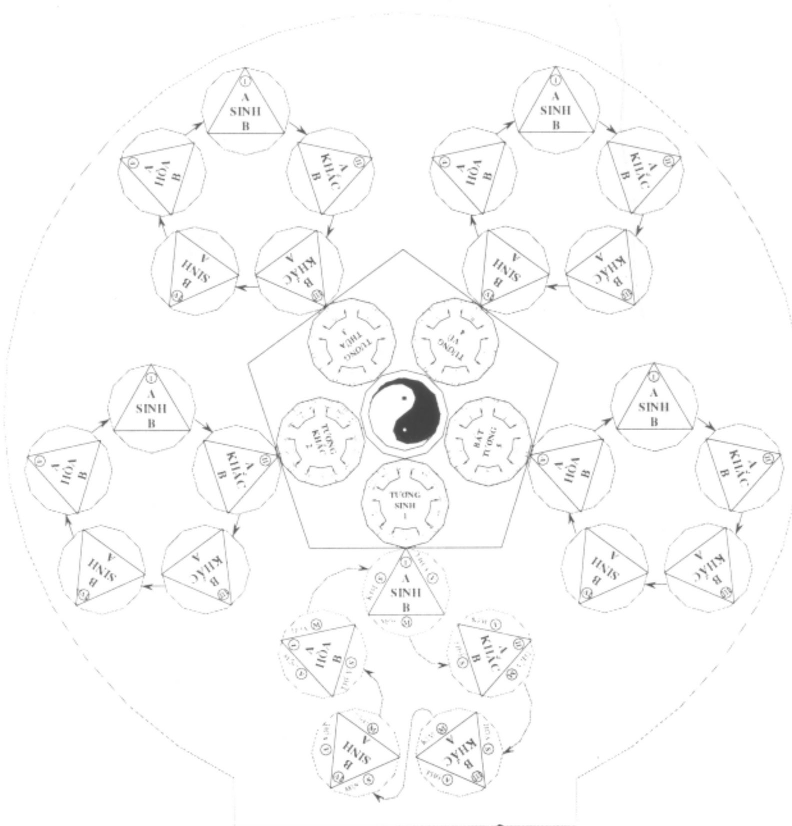
Hình 26: Dạng vỏ số 5 của Thái cực Hoa giáp truyền thống

$T = (2.10^{13}\text{-}5\text{-}5\text{-}5\text{-}15)\text{-}(60)$

GIÁP TÝ là hành THỦY (s)

HỆ THỐNG ĐỊNH HÌNH THÁI CỰC HOA GIAP

MODEL: T = $(2.10^{13} - 5 - 5 - 5 - 15) - (60)$



I			II			III			IV			V			I			II			III			IV			V		
A SINH B			A KHẮC B			B KHẮC A			B SINH A			A HÒA B			A SINH B			A KHẮC B			B KHẮC A			B SINH A			A HÒA B		
KIM	THỦY	MỘC	THỔ	KIM	THỦY	HỎA	THỔ	KIM	MỘC	HỎA	THỔ	THỦY	MỘC	HỎA	KIM	THỦY	MỘC	THỔ	KIM	THỦY	HỎA	THỔ	KIM	MỘC	HỎA	THỔ	THỦY	MỘC	HỎA
S	V	M	S	V	M	S	V	M	S	V	M	S	V	M	S	V	M	S	V	M	S	V	M	S	V	M	S	V	M
[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]
[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]
[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]
[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]
[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]
XU THẾ VẬN KHÍ: TƯƠNG SINH																													

TÁC GIẢ: TS. Nguyễn Ngọc Thạch

Hình 27: Tổng hợp 5 dạng vỏ của Thái cực Hoa giáp truyền thống
Model: T = $(2.10^{13}-5-5-5-15)-(60)$

BẢNG THÁI CỰC HOA GIÁP TRUYỀN THỐNG

(LỤC THẬP HOA GIÁP - LẠC THƯ HOA GIÁP - THÁI CỰC HOA GIÁP)

Tác giả: TS. Nguyễn Ngọc Thanh

STT	Tên gọi Thái cực		Lục thập Hoa giáp – Hành	Khí độ	Lạc thư Hoa giáp – Hành	Khí độ	Thái cực Hoa giáp – Trạng thái VK
1	GIÁP	TÝ	KIM	VÀNG DƯỚI BIỂN	KIM	HẢI TRUNG KIM	KIM
2	ẤT	SỬU					
3	BÍNH	DẦN	HỎA	LỬA TRONG LÒ	THỦY	GIẢN HẠ THỦY	THỦY
4	ĐINH	MÃO					
5	MẬU	THÌN	MỘC	CÂY RỪNG LỚN	MỘC	ĐẠI LÂM MỘC	MỘC
6	KỶ	TỴ					
7	CANH	NGỌ	THỔ	ĐẤT ĐƯỜNG LỘ	THỔ	LỘ BÀNG THỔ	THỔ
8	TÂN	MÙI					
9	NHÂM	THÂN	KIM	VÀNG GƯƠM NHỌN	KIM	KIẾM PHONG KIM	KIM
10	QUÝ	DẬU					
11	GIÁP	TUẤT	HỎA	LỬA TRÊN NÚI	THỦY	TUYỀN TRUNG THỦY	THỦY
12	ẤT	HỢI					
13	BÍNH	TÝ	THỦY	NƯỚC DƯỚI SÔNG	HỎA	LƯ TRUNG HỎA	HỎA
14	ĐINH	SỬU					
15	MẬU	DẦN	THỔ	ĐẤT ĐẦU THÀNH	THỔ	THÀNH ĐẦU THỔ	THỔ
16	KỶ	MÃO					
17	CANH	THÌN	KIM	VÀNG CHÂN ĐÈN	KIM	BẠCH LẠP KIM	KIM
18	TÂN	TỴ					
19	NHÂM	NGỌ	MỘC	CÂY DƯƠNG LIỄU	MỘC	DƯƠNG LIỄU MỘC	MỘC
20	QUÝ	MÙI					
21	GIÁP	THÂN	THỦY	NƯỚC TRONG GIẾNG	HỎA	SƠN ĐẦU HỎA	HỎA
22	ẤT	DẬU					
23	BÍNH	TUẤT	THỔ	ĐẤT NÓC NHÀ	THỔ	ỐC THƯỢNG THỔ	THỔ
24	ĐINH	HỢI					
25	MẬU	TÝ	HỎA	LỬA SẤM CHỚP	THỦY	TRƯỜNG LƯU THỦY	THỦY
26	KỶ	SỬU					
27	CANH	DẦN	MỘC	CÂY TÙNG BÁ	MỘC	TÙNG BÁCH MỘC	MỘC
28	TÂN	MÃO					
29	NHÂM	THÌN	THỦY	NƯỚC CHẢY DÀI	HỎA	TÍCH LỊCH HỎA	HỎA
30	QUÝ	TỴ					
31	[illegible]	NGỌ	KIM	VÀNG TRONG ĐẤT	KIM	SA TRUNG KIM	KIM
32	[illegible]	MÙI					
33	[illegible]	THÂN	HỎA	LỬA DƯỚI NÚI	THỦY	THIÊN HÀ THỦY	THỦY
34	[illegible]	DẬU					
35	[illegible]	TUẤT	MỘC	CÂY ĐẤT BẰNG	MỘC	BÌNH ĐỊA MỘC	MỘC
36	KỶ	HỢI					
37	CANH	[illegible]	THỔ	ĐẤT VÁCH NHÀ	THỔ	BÍCH THƯỢNG THỔ	THỔ
38	TÂN	[illegible]					
39	NHÂM	DẦN	KIM	VÀNG LÁ TRẮNG	KIM	KIM BẠC KIM	KIM
40	QUÝ	MÃO					
41	GIÁP	THÌN	HỎA	LỬA NGỌN ĐÈN	THỦY	ĐẠI KHÊ THỦY	THỦY
42	ẤT	[illegible]					
43	BÍNH	[illegible]	THỦY	NƯỚC TRÊN TRỜI	HỎA	SƠN HẠ HỎA	HỎA
44	ĐINH	[illegible]					
45	MẬU	[illegible]	THỔ	ĐẤT NỀN CHÒI	THỔ	ĐẠI TRẠCH THỔ	THỔ
46	KỶ	[illegible]					
47	CANH	[illegible]	KIM	VÀNG ĐEO TAY	KIM	THOA XUYẾN KIM	KIM
48	TÂN	[illegible]					
49	NHÂM	TÝ	MỘC	CÂY DÂU TẰM	MỘC	TANG ĐỐ MỘC	MỘC
50	QUÝ	SỬU					
51	GIÁP	DẦN	THỦY	NƯỚC KHE LỚN	HỎA	PHÚC ĐĂNG HỎA	HỎA
52	ẤT	MÃO					
53	BÍNH	THÌN	THỔ	ĐẤT TRONG CÁT	THỔ	SA TRUNG THỔ	THỔ
54	ĐINH	TỴ					
55	MẬU	NGỌ	HỎA	LỬA TRÊN TRỜI	THỦY	ĐẠI HẢI THỦY	THỦY
56	KỶ	MÙI					
57	CANH	THÂN	MỘC	CÂY LỰU ĐÁ	MỘC	THẠCH LỰU MỘC	MỘC
58	TÂN	DẬU					
59	NHÂM	TUẤT	THỦY	NƯỚC BIỂN LỚN	HỎA	THIÊN THƯỢNG HỎA	HỎA
60	QUÝ	HỢI					

Hình 28: Bảng Thái cực Hoa giáp truyền thống
và định vị Ngũ hành Thái cực hệ Mặt trời (mục 3-5)

Hình 29: Định vị Ngũ hành Thái cực Mặt trời

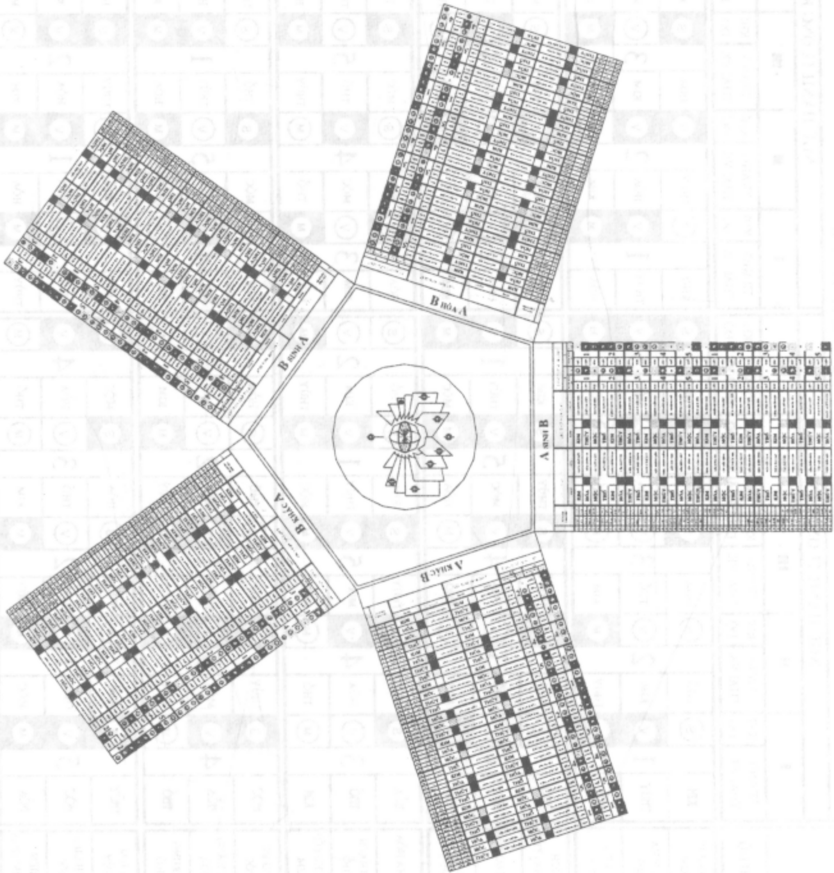
LỤC THẬP HOA GIÁP - LẠC THƯ HOA GIÁP - THÁI CỰC HOA GIÁP

TÁC GIẢ : TS. Nguyễn Ngọc Thạch

STT	TÊN GỌI THÁI CỰC	LỤC THẬP HOA GIÁP				THÁI CỰC HOA GIÁP																			
						NGŨ HÀNH TƯƠNG SINH										NGŨ HÀNH TƯƠNG KHẮC									
						I		II		III		IV		V		I		II		III		IV		V	
		HÀNH	KHÍ ĐỘ	HÀNH	KHÍ ĐỘ	TRẠNG THÁI VK	KHÍ ĐỘ	TRẠNG THÁI VK	KHÍ ĐỘ	TRẠNG THÁI VK	KHÍ ĐỘ	TRẠNG THÁI VK	KHÍ ĐỘ	TRẠNG THÁI VK	KHÍ ĐỘ	TRẠNG THÁI VK	KHÍ ĐỘ	TRẠNG THÁI VK	KHÍ ĐỘ	TRẠNG THÁI VK	KHÍ ĐỘ	TRẠNG THÁI VK	KHÍ ĐỘ	TRẠNG THÁI VK	KHÍ ĐỘ
1 2	GIÁP TÝ ẤT SỬU	KIM	VÀNG DƯỚI BIỂN	KIM	HẢI TRUNG KIM	KIM	S	THỔ	S	HỎA	S	MỘC	S	THỦY	S	THỔ	S	THỦY	S	HỎA	S	KIM	S	MỘC	S
3 4	BÍNH DẦN ĐINH MÃO	HỎA	LỬA TRONG LÒ	THỦY	GIẢN HẠ THỦY	THỦY 1	V	KIM 2	V	THỔ 3	V	HỎA 4	V	MỘC 5	V	THỦY 1	V	HỎA 2	V	KIM 3	V	MỘC 4	V	THỔ 5	V
5 6	MẬU THÌN KỶ TỴ	MỘC	CÂY RỪNG LỚN	MỘC	ĐẠI LÂM MỘC	MỘC	M	THỦY	M	KIM	M	THỔ	M	HỎA	M	HỎA	M	KIM	M	MỘC	M	THỔ	M	THỦY	M
7 8	CANH NGỌ TÂN MÙI	THỔ	ĐẤT ĐƯỜNG LỘ	THỔ	LỘ BÀNG THỔ	THỔ	S	HỎA	S	MỘC	S	THỦY	S	KIM	S	THỦY	S	HỎA	S	KIM	S	MỘC	S	THỔ	S
9 10	NHÂM THÂN QUÝ DẬU	KIM	VÀNG GƯƠM NHỌN	KIM	KIẾM PHONG KIM	KIM 2	V	THỔ 3	V	HỎA 4	V	MỘC 5	V	THỦY 1	V	HỎA 2	V	KIM 3	V	MỘC 4	V	THỔ 5	V	THỦY 1	V
11 12	GIÁP TUẤT ẤT HỢI	HỎA	LỬA TRÊN NÚI	THỦY	TUYỀN TRUNG THỦY	THỦY	M	KIM	M	THỔ	M	HỎA	M	MỘC	M	KIM	M	MỘC	M	THỔ	M	THỦY	M	HỎA	M
13 14	BÍNH TÝ ĐINH SỬU	THỦY	NƯỚC DƯỚI SÔNG	HỎA	LƯ TRUNG HỎA	HỎA	S	MỘC	S	THỦY	S	KIM	S	THỔ	S	HỎA	S	KIM	S	MỘC	S	THỔ	S	THỦY	S
15 16	MẬU DẦN KỶ MÃO	THỔ	ĐẤT ĐẦU THÀNH	THỔ	THÀNH ĐẦU THỔ	THỔ 3	V	HỎA 4	V	MỘC 5	V	THỦY 1	V	KIM 2	V	KIM 3	V	MỘC 4	V	THỔ 5	V	THỦY 1	V	HỎA 2	V
17 18	CANH THÌN TÂN TỴ	KIM	VÀNG CHÂN ĐÈN	KIM	BẠCH LẠP KIM	KIM	M	THỔ	M	HỎA	M	MỘC	M	THỦY	M	MỘC	M	THỔ	M	THỦY	M	HỎA	M	KIM	M
19 20	NHÂM NGỌ QUÝ MÙI	MỘC	CÂY DƯƠNG LIỄU	MỘC	DƯƠNG LIỄU MỘC	MỘC	S	THỦY	S	KIM	S	THỔ	S	HỎA	S	KIM	S	MỘC	S	THỔ	S	THỦY	S	HỎA	S
21 22	THÂN DẬU	THỦY	NƯỚC TRONG GIẾNG	HỎA	SƠN ĐẦU HỎA	HỎA 4	V	MỘC 5	V	THỦY 1	V	KIM 2	V	THỔ 3	V	MỘC 4	V	THỔ 5	V	THỦY 1	V	HỎA 2	V	KIM 3	V
23 24	TUẤT HỢI	THỔ	ĐẤT NÓC NHÀ	THỔ	ỐC THƯỢNG THỔ	THỔ	M	HỎA	M	MỘC	M	THỦY	M	KIM	M	THỔ	M	THỦY	M	HỎA	M	KIM	M	MỘC	M
25 26		HỎA	LỬA SẤM CHỚP	THỦY	TRƯỜNG LƯU THỦY	THỦY	S	KIM	S	THỔ	S	HỎA	S	MỘC	S	MỘC	S	THỔ	S	THỦY	S	HỎA	S	KIM	S
27 28		MỘC	CÂY TÒNG BA	MỘC	TÙNG BÁCH MỘC	MỘC 5	V	THỦY 1	V	KIM 2	V	THỔ 3	V	HỎA 4	V	THỔ 5	V	THỦY 1	V	HỎA 2	V	KIM 3	V	MỘC 4	V
29 30		THỦY	NƯỚC CHẢY DÀI	HỎA	TÍCH LỊCH HỎA	HỎA	M	MỘC	M	THỦY	M	KIM	M	THỔ	M	THỦY	M	HỎA	M	KIM	M	MỘC	M	THỔ	M

STT	TÊN GỌI THÁI CỰC		LỤC THẬP HOA GIÁP				THÁI CỰC HOA GIÁP																													
							NGŨ HÀNH TƯƠNG SINH															NGŨ HÀNH TƯƠNG KHẮC														
							I			II			III			IV			V			I			II			III			IV			V		
			HÀNH	KHÍ ĐỘ	HÀNH	KHÍ ĐỘ	TRẠNG THÁI VK		KHÍ ĐỘ	TRẠNG THÁI VK		KHÍ ĐỘ	TRẠNG THÁI VK		KHÍ ĐỘ	TRẠNG THÁI VK		KHÍ ĐỘ	TRẠNG THÁI VK		KHÍ ĐỘ	TRẠNG THÁI VK		KHÍ ĐỘ	TRẠNG THÁI VK		KHÍ ĐỘ	TRẠNG THÁI VK		KHÍ ĐỘ	TRẠNG THÁI VK		KHÍ ĐỘ	TRẠNG THÁI VK		KHÍ ĐỘ
31 32	GIÁP ẤT		KIM	VÀNG TRONG ĐẤT	KIM	SA TRUNG KIM	KIM		S	THỔ		S	HỎA		S	MỘC		S	THỦY		S	THỔ		S	THỦY		S	HỎA		S	KIM		S	MỘC		S
33 34	BÍNH ĐINH		HỎA	LỬA DƯỚI NÚI	THỦY	THIÊN HÀ THỦY	THỦY	1	V	KIM	2	V	THỔ	3	V	HỎA	4	V	MỘC	5	V	THỦY	1	V	HỎA	2	V	KIM	3	V	MỘC	4	V	THỔ	5	V
35 36	MẬU KỶ		MỘC	CÂY ĐẤT BẰNG	MỘC	BÌNH ĐỊA MỘC	MỘC		M	THỦY		M	KIM		M	THỔ		M	HỎA		M	HỎA		M	KIM		M	MỘC		M	THỔ		M	THỦY		M
37 38	CANH TÂN	TÝ SỬU	THỔ	ĐẤT VÁCH NHÀ	THỔ	BÍCH THƯỢNG THỔ	THỔ		S	HỎA		S	MỘC		S	THỦY		S	KIM		S	THỦY		S	HỎA		S	KIM		S	MỘC		S	THỔ		S
39 40	NHÂM QUÝ	DẦN MÃO	KIM	VÀNG LÁ TRẮNG	KIM	KIM BẠC KIM	KIM	2	V	THỔ	3	V	HỎA	4	V	MỘC	5	V	THỦY	1	V	HỎA	2	V	KIM	3	V	MỘC	4	V	THỔ	5	V	THỦY	1	V
41 42	GIÁP ẤT	THÌN TỴ	HỎA	LỬA NGỌN ĐÈN	THỦY	ĐẠI KHÊ THỦY	THỦY		M	KIM		M	THỔ		M	HỎA		M	MỘC		M	KIM		M	MỘC		M	THỔ		M	THỦY		M	HỎA		M
43 44	BÍNH ĐINH	NGỌ MÙI	THỦY	NƯỚC TRÊN TRỜI	HỎA	SƠN HẠ HỎA	HỎA		S	MỘC		S	THỦY		S	KIM		S	THỔ		S	HỎA		S	KIM		S	MỘC		S	THỔ		S	THỦY		S
45 46	MẬU KỶ	THÂN DẬU	THỔ	ĐẤT NỀN CHÒI	THỔ	ĐẠI TRẠCH THỔ	THỔ	3	V	HỎA	4	V	MỘC	5	V	THỦY	1	V	KIM	2	V	KIM	3	V	MỘC	4	V	THỔ	5	V	THỦY	1	V	HỎA	2	V
47 48	CANH TÂN	TUẤT HỢI	KIM	VÀNG ĐEO TAY	KIM	THOA XUYẾN KIM	KIM		M	THỔ		M	HỎA		M	MỘC		M	THỦY		M	MỘC		M	THỔ		M	THỦY		M	HỎA		M	KIM		M
49 50	NHÂM QUÝ	TÝ SỬU	MỘC	CÂY DÂU TẰM	MỘC	TANG ĐỐ MỘC	MỘC		S	THỦY		S	KIM		S	THỔ		S	HỎA		S	KIM		S	MỘC		S	THỔ		S	THỦY		S	HỎA		S
51 52	GIÁP ẤT	DẦN MÃO	THỦY	NƯỚC KHE LỚN	HỎA	PHÚC ĐĂNG HỎA	HỎA	4	V	MỘC	5	V	THỦY	1	V	KIM	2	V	THỔ	3	V	MỘC	4	V	THỔ	5	V	THỦY	1	V	HỎA	2	V	KIM	3	V
53 54	BÍNH ĐINH	THÌN TỴ	THỔ	ĐẤT TRONG CÁT	THỔ	SA TRUNG THỔ	THỔ		M	HỎA		M	MỘC		M	THỦY		M	KIM		M	THỔ		M	THỦY		M	HỎA		M	KIM		M	MỘC		M
55 56	MẬU KỶ	NGỌ MÙI	HỎA	LỬA TRÊN TRỜI	THỦY	ĐẠI HẢI THỦY	THỦY		S	KIM		S	THỔ		S	HỎA		S	MỘC		S	MỘC		S	THỔ		S	THỦY		S	HỎA		S	KIM		S
57 58	CANH TÂN	THÂN DẬU	MỘC	CÂY LỰU ĐÁ	MỘC	THẠCH LỰU MỘC	MỘC	5	V	THỦY	1	V	KIM	2	V	THỔ	3	V	HỎA	4	V	THỔ	5	V	THỦY	1	V	HỎA	2	V	KIM	3	V	MỘC	4	V
59 60	NHÂM QUÝ	TUẤT HỢI	THỦY	NƯỚC BIỂN LỚN	HỎA	THIÊN THƯỢNG HỎA	HỎA		M	MỘC		M	THỦY		M	KIM		M	THỔ		M	THỦY		M	HỎA		M	KIM		M	MỘC		M	THỔ		M

Hình 30: Định vị Ngũ hành Thái cực Mặt trời (tiếp)



Hình 31: 5 trạng thái của Thái cực Hoa giáp truyền thống
Model: T = $(2.10^{13}$-5-5-5-15)-(60)

PHẦN C

ỨNG DỤNG
THÁI CỰC HOA GIÁP

Chương 4

QUY HOẠCH THỜI GIAN VÀ CÂN BẰNG KHÍ

4.1. LỊCH PHONG THỦY

Người xưa thường nói: Trong cuộc đời của mỗi người, có 3 thứ quý giá ra đi không bao giờ trở lại: tuổi trẻ, lời nói và thời gian, mà lãng phí thời gian là đáng trách nhất.

Thời gian vô bổ có thể có 3 nguyên nhân: *Thời gian bất khả kháng vì tật bệnh; thời gian do dự không biết phải quyết theo đường nào và lãng phí thời gian vào những việc không đâu do chính ta định hướng sai hoặc đi theo định hướng sai.*

Trong cuốn Lịch Phong thuỷ mỗi người có thể tìm được con đường riêng để khám phá những tiềm năng của bản thân và tìm được bạn đường trung thành nhất trong những quyết sách. Lịch Phong thủy dùng riêng cho từng người và vào những việc cụ thể, là ứng dụng trực tiếp từ Thái cực Hoa giáp đã nghiên cứu ở phần A và phần B.

Phương châm **"Giờ nào - Việc đó"** là kim chỉ nam cho những ai có ước nguyện thành công.

Lịch này nằm trong phần triển khai thuyết Phong thuỷ Thế giới tiền Tâm linh về thời gian - một chủ thuyết được xây dựng trên định hướng **Giải thoát** của đạo Phật với thuyết Âm Dương - Ngũ hành là công cụ và xu thế vận động của cái **Tâm** của con người là đối tượng nghiên cứu.

Lịch gồm hai phần: Hướng dẫn một số ứng dụng cơ bản và triển khai lịch từ 7/2006 - 2043; Nguyên lý xây dựng lịch Phong thủy được

trình bày trong cuốn sách: *Phong thủy thế giới tiền tâm linh.*

CÁCH SỬ DỤNG LỊCH

Công dụng 1: Xem ngày, giờ hàng ngày

1. Hãy nhớ kỹ **Vận khí** của bản thân thuộc hành gì? (ghi ở góc trái phía dưới của lịch). Trước tiên chỉ nên để ý đến chữ đầu trong mục vận khí.

2. Căn cứ vào hành của ngày ghi trong phần Tên thông thường của **ngày** và căn cứ vào hành của giờ ghi trong cột **Giờ nào - Việc đó** mà suy xét và quyết định ngày tốt, giờ tốt đối với **Vận khí** của bản thân và đối với công việc đang quan tâm.

Hãy vận dụng nguyên lý tương sinh - tương khắc của Ngũ hành mà suy xét và lựa chọn ngày, giờ thích hợp. Trong đó:

Ngũ hành tương sinh: Mộc sinh Hoả, Hoả sinh Thổ, Thổ sinh Kim, Kim sinh Thuỷ, Thuỷ sinh Mộc.

Ngũ hành tương khắc: Mộc khắc Thổ, Hoả khắc Kim, Thổ khắc Thuỷ, Kim khắc Mộc, Thuỷ khắc Hoả.

Công dụng 2: Truy xét nhanh **Hành** của tuổi, của năm, của tháng, của ngày, của giờ khi biết tên **Can - Chi** của chúng.

Cách sử dụng: Dóng từ hàng **Chi**: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tị, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi trong cột **Giờ nào - Việc đó** xuống phía dưới tới khi nào gặp đúng tên **Can** của đối tượng cần truy xét thì dừng lại. Đáp số được ghi trong ô vuông bên dưới **Can** đó.

Công dụng 3: Nếu vội có thể xem gợi ý về giờ tốt, ngày tốt, màu sắc được ghi ở dưới bảng để sử dụng. Nhưng nên nhớ, phải tự suy ngẫm về mức độ chính xác giữa điều ta mong ước và thực tế xảy ra để chỉnh sửa cho phù hợp với bản thân, bởi vì những số liệu và giờ, ngày, tháng, năm sinh của bạn chưa chắc đã chính xác. Do vậy, lời phán quyết của người khác trên cơ sở những thông số đó chỉ nên

dùng để tham khảo mà thôi. Với sự giúp đỡ của *Lịch Phong thuỷ* bạn sẽ trở thành người thầy của chính mình.

Để minh họa, trong phần Phụ lục của sách sẽ trình bày lịch của 3 năm: 2007, 2008, 2009.

Lịch Phong thủy 2008-2043 là Phụ lục của cuốn *Phong thuỷ thế giới tiền tâm linh*.

4.2. CÂN BẰNG KHÍ

4.2.1. Định vị âm phần

Âm phần chủ yếu là mồ mả của nội tộc và dòng họ. Muốn bình ổn âm phần, trước hết trưởng họ phải ý thức được trọng trách lưu giữ, cập nhật, xây dựng và nghiền ngẫm gia phả của dòng giống nhà mình. Tùy vào nhân duyên mà kiến tạo nghĩa trang, nhà thờ của dòng tộc, sau đó xây dựng Ngũ hành phả. Trên cơ sở đó tìm ra quy luật thịnh suy của dòng họ mà có chiến lược bình ổn lâu dài.

Kinh nghiệm xây dựng một dòng tộc tốt có rất nhiều. Trong khuôn khổ cho phép, tác giả xin giới thiệu một mô hình định vị âm phần của dòng họ NGUYỄN tại Ninh Bình để tham khảo

Bài viết nhân kỷ niệm 90 năm ngày khánh thành nhà thờ họ với rất nhiều thông tin bổ ích có thể áp dụng cho nhiều dòng họ khác, nếu đã có những cơ sở vật chất ban đầu tương tự thì có thể mạnh dạn áp dụng mô hình này.

NGUYỄN TỘC THẾ TÔN

PL: 2549

PHONG THỦY THẾ GIỚI TIỀN TÂM LINH

CHUYÊN ĐỀ 2

NHẤT ĐƯỜNG TỔ KHẢO TỰ ANH LINH

*Công trình chào mừng 90 năm Khánh thành **Nguyễn gia từ** (1916 - 2006)*

TP. HCM, 5-2005

Thực tế mách bảo: *"Có thờ có thiêng - Có kiêng có lành"*; một trong những mối liên hệ vô hình níu kéo hoặc phù trợ con người trong nỗ lực vươn tới giải thoát *Tâm - Thân* chính là mồ mả nhiều thế hệ.

"Mồ yên - mả đẹp" phải hiểu là thể xác và linh hồn được an táng theo phong thủy truyền thống.

Họ Nguyễn chúng ta đã tồn tại gần 500 năm.

Kể từ khi *Gia phả* ghi nhận cụ *Nguyễn Văn Đăng* sinh năm Giáp Tý (1564) là *Thủy tổ* tới ngày nay đều được an táng theo truyền thống phong thủy Phật giáo.

Nhà thờ *họ* được xây dựng cách đây gần 100 năm; sự sinh sôi nảy nở và trưởng thành của nhiều thế hệ con cháu họ *Nguyễn* - Thoong Bái - Trường Yên - Hoa Lư - Ninh Bình suốt gần 500 năm qua minh chứng cho công đức của tổ tiên *Nguyễn tộc* đã đạt tới linh ứng tụ dương khí trên mảnh đất này.

Sứ mệnh ngàn đời của con cháu mai sau là phải biết gìn giữ nguyên khí của dòng họ được ấn chỉ trong tủy sống của mỗi người. Sinh khí cũng từ đó mà ra, dòng giống cũng từ đó mà tồn tại, quên cội nguồn đại khí của mình xuất phát từ đâu và quy tụ về đâu - đồng nghĩa với mất tủy sống vậy.

Mỗi sinh linh chúng ta không hơn, không kém chỉ như một viên gạch nhỏ trong cấu hình linh khí tổng thể của dòng họ hoặc cũng chỉ như là giọt nước làm đầy ly đức trong đại dương âm đức mênh mông của tổ tiên.

Làm tổn thương nguyên khí của mình trong tổng thể đại khí của dòng họ dưới bất kỳ hình thức nào đều là tội nhân của *tiên tổ* và chắc chắn không khá được vì mất gốc.

Ý nguyện ghi trong sách này là một trong những yếu quyết xây

dựng gốc *Gia quy của dòng họ*. Nếu không ngộ được tức là sinh linh đang tiềm ẩn nguy cơ tự đánh mất mình trong đại khí của dòng họ; là cánh chim lạc đàn rất đáng thương đang mỏi cánh rã rời trong thế giới *tham sân si* không có ngày mai.

"Nhất đường tổ khảo tụ anh linh" là một trong *Tứ linh nguyện* của Tổ tiên:

1. Đạo dĩ an nhân cư nghĩa chỉ

Xu nhi bái hiếu tử từ tôn.

Ý nói: *Con cháu phải noi theo người nhân nghĩa hiếu thảo.*

2. Khổng cố nghĩa bằng tiên thế trạch

Quan liêu trâng duệ hậu nhân xương.

Ý nói: *Làm người phải biết gìn giữ bản sắc theo chuẩn mực chân, thiện, mỹ mà Đạo Khổng đã dạy.*

3. Thiên tải hoàng đô chung vượng khí

Nhất đường tổ khảo tụ anh linh.

Ý nói: *Cố đô Hoa Lư là nơi tụ hội hồn thiêng sông núi. Tổ đường - đây là nơi các cố tổ đã trụ lại sinh cơ lập nghiệp trong khí thiêng đó của cố đô.*

4. Tổ tiên công đức thiên niên tải

Hiếu tử từ tôn vạn đại như.

Ý nói: *Con cháu phải gìn giữ lưu truyền công đức của tổ tiên tới muôn đời sau bằng đạo hiếu thảo.*

Đồng nam, thiện nữ; những ai là con cháu *Nguyễn tộc thế tôn* hãy nguyện:

Đời đời kiếp kiếp tĩnh tâm hồi hướng tụ khí anh linh cho nguyên khí dòng họ ngày càng viên mãn và trường tồn trên mảnh đất này.

NỘI DUNG

Chuyên đề: *Nhất đường tổ khảo tụ anh linh* gồm 4 phần chính:

1. Bảng tra địa cung phục vị của nam và nữ:

Đây là kết quả đúc kết văn hoá phương Đông nhiều nghìn năm và đã được thuyết Phong thủy thế giới tiền tâm linh khái quát, diễn giải và minh chứng.

2. Giải thích ý nghĩa của từng phương hướng với từng người:

Đây là hệ quả suy ra từ *Kinh Dịch* - Biến quẻ của hậu thiên bát quái.

3. Quy hoạch tổng thể mồ mả của dòng họ khi lấy nhà thờ làm tâm; sơ đồ chỉ dẫn vị trí của từng người trong quy hoạch chung.

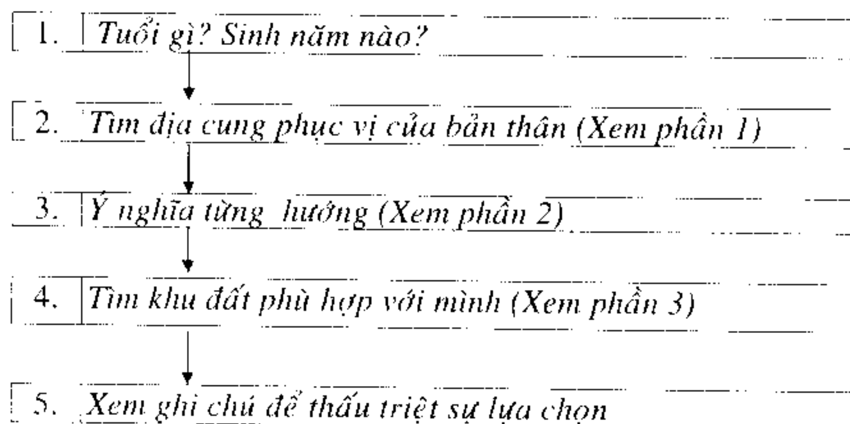
Đây là hệ quả từ thuyết Phong thủy thế giới tiền tâm linh khai triển theo ý nguyện của gia tiên đã được ghi tại cột đá của nhà thờ: *Nhất đường tổ khảo tụ anh linh.*

4. Chú thích:

Giải nghĩa một số khái niệm cơ bản, một số lưu ý khi an táng và cách tính trùng tang để chúng ta kịp thời biết hướng xử lý hậu quả có thể xảy ra cho người thân trong gia đình ngay sau khi phát tang.

Quy trình sử dụng sách:

Xem thứ tự từ phần đầu tới phần cuối của từng chuyên mục; đôi chỗ có khác biệt giữa nam và nữ.



Mọi thắc mắc sẽ được thuyết trình tại Đạo tràng của Nguyễn tộc thế tôn trong khuôn khổ: "TU TẠI GIA"

Đôi nét về thời gian và không gian tồn tại của dòng họ:

Dựa vào quy luật thiên văn học: 9 hành tinh của hệ Mặt trời là sao Hỏa, sao Kim, sao Mộc, sao Thổ, sao Thủy, sao Thiên Vương, sao Hải Vương, sao Diêm Vương và Trái đất nằm trên một đường thẳng sau mỗi chu kỳ 180 năm. Mỗi chu kỳ này là một kỷ nguyên. Trong Phong thủy thế giới tiền tâm linh chúng ta gọi là một *vòng luân tinh.*

60 năm đầu của kỷ nguyên gọi là thượng nguyên, 60 năm tiếp theo gọi là trung nguyên, 60 năm cuối cùng gọi là hạ nguyên.

Cách thời điểm viết cuốn sách này 2005 năm Đức Chúa Jesus đời. Sự kiện này được coi là điểm mốc đánh dấu năm đầu tiên của *Công nguyên.* Những năm trước sự kiện này gọi là năm *trước Công nguyên*; những năm sau sự kiện này gọi là năm *sau Công nguyên.* Theo cách tính thời gian của lịch phương Đông (lịch Can - Chi) thì năm Đức Chúa Jesus ra đời là năm Canh Thân - năm đầu tiên của Công nguyên.

Như vậy cụ Thủy tổ *Nguyễn Văn Đăng* sinh năm Giáp Tý (1564)

là năm sau Công nguyên, vào năm thứ 3 thời vua Mạc Mậu Hợp. Đây là năm thuộc vòng luân tinh thứ 10; nói chính xác hơn là năm đầu tiên thuộc trung nguyên của vòng luân tinh thứ 10.

Vòng luân tinh thứ 11 bắt đầu từ năm 1684 kết thúc năm 1863.

Vòng luân tinh thứ 12 bắt đầu năm 1864 kết thúc năm 2043.

Như vậy hiện nay chúng ta đang ở vào những năm cuối của vòng luân tinh thứ 12; nói chính xác hơn là những năm cuối thuộc hạ nguyên của vòng luân tinh thứ 12.

Vòng luân tinh thứ 13 bắt đầu từ năm 2044 kết thúc năm 2223.

Chúng ta phải làm sao để con cháu thuộc vòng luân tinh thứ 13, 14 và mai sau không những trường tồn mà còn tự hào về tổ tiên của chúng như chúng ta đã tự hào về tổ tiên của mình đã sống ở vòng luân tinh thứ 10, thứ 11 và 141 năm đầu của vòng luân tinh thứ 12 này.

Cuốn *Phong thủy thế giới tiền tâm linh* và cuốn sách *Tu tại Gia* là cơ sở cho chuyên đề *Nhất đường tổ khảo tụ anh linh* này.

Do giới hạn của cuốn sách, trong phần tìm Địa cung phục vị chỉ ghi trọn vẹn vòng luân tinh thứ 12 - là những năm liên quan trực tiếp đến chúng ta và ngũ đại gần nhất.

Địa cung phục vị của 3.000 năm trước Công nguyên và 3.000 năm sau Công nguyên được ghi trong cuốn *Phong thủy thế giới tiền tâm linh*.

Phần 1

TÌM ĐỊA CUNG PHỤC VỊ CỦA TỪNG NGƯỜI

(Nam, nữ khác nhau)

TRA CỨU ĐỊA CUNG PHỤC VỊ CỦA MỖI NGƯỜI

(Vòng luân tinh thứ 12)

STT	TUỔI (Can chi)	NĂM SINH (DL)	CUNG PHỤC VỊ		
			THIÊN	ĐỊA	
				Nam	Nữ
1	Giáp Tý	1864	1	1	8 (5)
2	Ất Sửu	1865	2	9	6
3	Bính Dần	1866	3	8	7
4	Đinh Mão	1867	4	7	8
5	Mậu Thìn	1868	5	6	9
6	Kỷ Tỵ	1869	6	2 (5)	1
7	Canh Ngọ	1870	7	4	2
8	Tân Mùi	1871	8	3	3
9	Nhâm Thân	1872	9	2	4
10	Quý Dậu	1873	1	1	8 (5)
11	Giáp Tuất	1874	2	9	6
12	Ất Hợi	1875	3	8	7
13	Bính Tý	1876	4	7	8
14	Đinh Sửu	1877	5	6	9
15	Mậu Dần	1878	6	2 (5)	1
16	Kỷ Mão	1879	7	4	2
17	Canh Thìn	1880	8	3	3
18	Tân Tỵ	1881	9	2	4
19	Nhâm Ngọ	1882	1	1	8 (5)
20	Quý Mùi	1883	2	9	6
21	Giáp Thân	1884	3	8	7

22	**Ất Dậu**	**1885**	**4**	**7**	**8**
23	**Bính Tuất**	**1886**	**5**	**6**	**9**
24	**Đinh Hợi**	**1887**	**6**	**2 (5)**	**1**
25	**Mậu Tý**	**1888**	**7**	**4**	**2**
26	**Kỷ Sửu**	**1889**	**8**	**3**	**3**
27	**Canh Dần**	**1890**	**9**	**2**	**4**
28	**Tân Mão**	**1891**	**1**	**1**	**8 (5)**
29	**Nhâm Thìn**	**1892**	**2**	**9**	**6**
30	**Quý Tỵ**	**1893**	**3**	**8**	**7**
31	**Giáp Ngọ**	**1894**	**4**	**7**	**8**
32	**Ất Mùi**	**1895**	**5**	**6**	**9**
33	**Bính Thân**	**1896**	**6**	**2 (5)**	**1**
34	**Đinh Dậu**	**1897**	**7**	**4**	**2**
35	**Mậu Tuất**	**1898**	**8**	**3**	**3**
36	**Kỷ Hợi**	**1899**	**9**	**2**	**4**
37	**Canh Tý**	**1900**	**1**	**1**	**8 (5)**
38	**Tân Sửu**	**1901**	**2**	**9**	**6**
39	**Nhâm Dần**	**1902**	**3**	**8**	**7**
40	**Quý Mão**	**1903**	**4**	**7**	**8**
41	**Giáp Thìn**	**1904**	**5**	**6**	**9**
42	**Ất Tỵ**	**1905**	**6**	**2 (5)**	**1**
43	**Bính Ngọ**	**1906**	**7**	**4**	**2**
44	**Đinh Mùi**	**1907**	**8**	**3**	**3**
45	**Mậu Thân**	**1908**	**9**	**2**	**4**
46	**Kỷ Dậu**	**1909**	**1**	**1**	**8 (5)**
47	**Canh Tuất**	**1910**	**2**	**9**	**6**
48	**Tân Hợi**	**1911**	**3**	**8**	**7**
49	**Nhâm Tý**	**1912**	**4**	**7**	**8**
50	**Quý Sửu**	**1913**	**5**	**6**	**9**
51	**Giáp Dần**	**1914**	**6**	**2 (5)**	**1**
52	**Ất Mão**	**1915**	**7**	**4**	**2**
53	**Bính Thìn**	**1916**	**8**	**3**	**3**
54	**Đinh Tỵ**	**1917**	**9**	**2**	**4**

55	**Mậu Ngọ**	**1918**	**1**	**1**	**8 (5)**
56	**Kỷ Mùi**	**1919**	**2**	**9**	**6**
57	**Canh Thân**	**1920**	**3**	**8**	**7**
58	**Tân Dậu**	**1921**	**4**	**7**	**8**
59	**Nhâm Tuất**	**1922**	**5**	**6**	**9**
60	**Quý Hợi**	**1923**	**6**	**2 (5)**	**1**
61	**Giáp Tý**	**1924**	**7**	**4**	**2**
62	**Ất Sửu**	**1925**	**8**	**3**	**3**
63	**Bính Dần**	**1926**	**9**	**2**	**4**
64	**Đinh Mão**	**1927**	**1**	**1**	**8 (5)**
65	**Mậu Thìn**	**1928**	**2**	**9**	**6**
66	**Kỷ Tỵ**	**1929**	**3**	**8**	**7**
67	**Canh Ngọ**	**1930**	**4**	**7**	**8**
68	**Tân Mùi**	**1931**	**5**	**6**	**9**
69	**Nhâm Thân**	**1932**	**6**	**2 (5)**	**1**
70	**Quý Dậu**	**1933**	**7**	**4**	**2**
71	**Giáp Tuất**	**1934**	**8**	**3**	**3**
72	**Ất Hợi**	**1935**	**9**	**2**	**4**
73	**Bính Tý**	**1936**	**1**	**1**	**8 (5)**
74	**Đinh Sửu**	**1937**	**2**	**9**	**6**
75	**Mậu Dần**	**1938**	**3**	**8**	**7**
76	**Kỷ Mão**	**1939**	**4**	**7**	**8**
77	**Canh Thìn**	**1940**	**5**	**6**	**9**
78	**Tân Tỵ**	**1941**	**6**	**2 (5)**	**1**
79	**Nhâm Ngọ**	**1942**	**7**	**4**	**2**
80	**Quý Mùi**	**1943**	**8**	**3**	**3**
81	**Giáp Thân**	**1944**	**9**	**2**	**4**
82	**Ất Dậu**	**1945**	**1**	**1**	**8 (5)**
83	**Bính Tuất**	**1946**	**2**	**9**	**6**
84	**Đinh Hợi**	**1947**	**3**	**8**	**7**
85	**Mậu Tý**	**1948**	**4**	**7**	**8**
86	**Kỷ Sửu**	**1949**	**5**	**6**	**9**
87	**Canh Dần**	**1950**	**6**	**2 (5)**	**1**

88	**Tân Mão**	**1951**	**7**	**4**	**2**
89	**Nhâm Thìn**	**1952**	**8**	**3**	**3**
90	**Quý Tỵ**	**1953**	**9**	**2**	**4**
91	**Giáp Ngọ**	**1954**	**1**	**1**	**8 (5)**
92	**Ất Mùi**	**1955**	**2**	**9**	**6**
93	**Bính Thân**	**1956**	**3**	**8**	**7**
94	**Đinh Dậu**	**1957**	**4**	**7**	**8**
95	**Mậu Tuất**	**1958**	**5**	**6**	**9**
96	**Kỷ Hợi**	**1959**	**6**	**2 (5)**	**1**
97	**Canh Tý**	**1960**	**7**	**4**	**2**
98	**Tân Sửu**	**1961**	**8**	**3**	**3**
99	**Nhâm Dần**	**1962**	**9**	**2**	**4**
100	**Quý Mão**	**1963**	**1**	**1**	**8 (5)**
101	**Giáp Thìn**	**1964**	**2**	**9**	**6**
102	**Ất Tỵ**	**1965**	**3**	**8**	**7**
103	**Bính Ngọ**	**1966**	**4**	**7**	**8**
104	**Đinh Mùi**	**1967**	**5**	**6**	**9**
105	**Mậu Thân**	**1968**	**6**	**2 (5)**	**1**
106	**Kỷ Dậu**	**1969**	**7**	**4**	**2**
107	**Canh Tuất**	**1970**	**8**	**3**	**3**
108	**Tân Hợi**	**1971**	**9**	**2**	**4**
109	**Nhâm Tý**	**1972**	**1**	**1**	**8 (5)**
110	**Quý Sửu**	**1973**	**2**	**9**	**6**
111	**Giáp Dần**	**1974**	**3**	**8**	**7**
112	**Ất Mão**	**1975**	**4**	**7**	**8**
113	**Bính Thìn**	**1976**	**5**	**6**	**9**
114	**Đinh Tỵ**	**1977**	**6**	**2 (5)**	**1**
115	**Mậu Ngọ**	**1978**	**7**	**4**	**2**
116	**Kỷ Mùi**	**1979**	**8**	**3**	**3**
117	**Canh Thân**	**1980**	**9**	**2**	**4**
118	**Tân Dậu**	**1981**	**1**	**1**	**8 (5)**
119	**Nhâm Tuất**	**1982**	**2**	**9**	**6**
120	**Quý Hợi**	**1983**	**3**	**8**	**7**

121	**Giáp Tý**	**1984**	**4**	**7**	**8**
122	**Ất Sửu**	**1985**	**5**	**6**	**9**
123	**Bính Dần**	**1986**	**6**	**2 (5)**	**1**
124	**Đinh Mão**	**1987**	**7**	**4**	**2**
125	**Mậu Thìn**	**1988**	**8**	**3**	**3**
126	**Kỷ Tỵ**	**1989**	**9**	**2**	**4**
127	**Canh Ngọ**	**1990**	**1**	**1**	**8 (5)**
128	**Tân Mùi**	**1991**	**2**	**9**	**6**
129	**Nhâm Thân**	**1992**	**3**	**8**	**7**
130	**Quý Dậu**	**1993**	**4**	**7**	**8**
131	**Giáp Tuất**	**1994**	**5**	**6**	**9**
132	**Ất Hợi**	**1995**	**6**	**2 (5)**	**1**
133	**Bính Tý**	**1996**	**7**	**4**	**2**
134	**Đinh Sửu**	**1997**	**8**	**3**	**3**
135	**Mậu Dần**	**1998**	**9**	**2**	**4**
136	**Kỷ Mão**	**1999**	**1**	**1**	**8 (5)**
137	**Canh Thìn**	**2000**	**2**	**9**	**6**
138	**Tân Tỵ**	**2001**	**3**	**8**	**7**
139	**Nhâm Ngọ**	**2002**	**4**	**7**	**8**
140	**Quý Mùi**	**2003**	**5**	**6**	**9**
141	**Giáp Thân**	**2004**	**6**	**2 (5)**	**1**
142	**Ất Dậu**	**2005**	**7**	**4**	**2**
143	**Bính Tuất**	**2006**	**8**	**3**	**3**
144	**Đinh Hợi**	**2007**	**9**	**2**	**4**
145	**Mậu Tý**	**2008**	**1**	**1**	**8 (5)**
146	**Kỷ Sửu**	**2009**	**2**	**9**	**6**
147	**Canh Dần**	**2010**	**3**	**8**	**7**
148	**Tân Mão**	**2011**	**4**	**7**	**8**
149	**Nhâm Thìn**	**2012**	**5**	**6**	**9**
150	**Quý Tỵ**	**2013**	**6**	**2 (5)**	**1**
151	**Giáp Ngọ**	**2014**	**7**	**4**	**2**
152	**Ất Mùi**	**2015**	**8**	**3**	**3**
153	**Bính Thân**	**2016**	**9**	**2**	**4**

154	**Đinh Dậu**	**2017**	**1**	**1**	**8 (5)**
155	**Mậu Tuất**	**2018**	**2**	**9**	**6**
156	**Kỷ Hợi**	**2019**	**3**	**8**	**7**
157	**Canh Tý**	**2020**	**4**	**7**	**8**
158	**Tân Sửu**	**2021**	**5**	**6**	**9**
159	**Nhâm Dần**	**2022**	**6**	**2 (5)**	**1**
160	**Quý Mão**	**2023**	**7**	**4**	**2**
161	**Giáp Thìn**	**2024**	**8**	**3**	**3**
162	**Ất Tỵ**	**2025**	**9**	**2**	**4**
163	**Bính Ngọ**	**2026**	**1**	**1**	**8 (5)**
164	**Đinh Mùi**	**2027**	**2**	**9**	**6**
165	**Mậu Thân**	**2028**	**3**	**8**	**7**
166	**Kỷ Dậu**	**2029**	**4**	**7**	**8**
167	**Canh Tuất**	**2030**	**5**	**6**	**9**
168	**Tân Hợi**	**2031**	**6**	**2 (5)**	**1**
169	**Nhâm Tý**	**2032**	**7**	**4**	**2**
170	**Quý Sửu**	**2033**	**8**	**3**	**3**
171	**Giáp Dần**	**2034**	**9**	**2**	**4**
172	**Ất Mão**	**2035**	**1**	**1**	**8 (5)**
173	**Bính Thìn**	**2036**	**2**	**9**	**6**
174	**Đinh Tỵ**	**2037**	**3**	**8**	**7**
175	**Mậu Ngọ**	**2038**	**4**	**7**	**8**
176	**Kỷ Mùi**	**2039**	**5**	**6**	**9**
177	**Canh Thân**	**2040**	**6**	**2 (5)**	**1**
178	**Tân Dậu**	**2041**	**7**	**4**	**2**
179	**Nhâm Tuất**	**2042**	**8**	**3**	**3**
180	**Quý Hợi**	**2043**	**9**	**2**	**4**

Phần 2

Ý NGHĨA CỦA TỪNG HƯỚNG, HƯỚNG CÓ THỂ ĐẶT MỘ CHO TỪNG NGƯỜI

Đối với nam và nữ như nhau và thường đặt theo 8 trường hợp sau:

C.1. **Người có địa cung phục vị là 1**: Trong địa lý phong thủy gọi là người cung KHẢM.

Cung KHẢM có thể đặt được theo 4 hướng sau:

1. Hướng chính Bắc: Phục vị	(Tý + Quý)
2. Hướng chính Nam: Diên niên	(Ngọ + Đinh)
3. Hướng chính Đông: Thiên y	(Mão)
4. Hướng Đông Nam: Sinh khí	Không dùng

C.2. **Người có địa cung phục vị là 2**: Trong địa lý phong thủy gọi là người cung KHÔN.

Cung KHÔN có thể đặt được theo 4 hướng sau:

1. Hướng Tây Nam: Phục vị	Không dùng
2. Hướng chính Tây: Thiên y	(Tân)
3. Hướng Tây Bắc: Diên niên	(Hợi)
4. Hướng Đông Bắc: Sinh khí	(Dần)

C.3. **Người có địa cung phục vị là 3**: Trong địa lý phong thủy gọi là người cung CHẤN.

1. Hướng chính Đông: Phục vị (Mão + Ất)

2. Hướng Đông Nam : Diên niên Không dùng

3. Hướng chính Nam : Sinh khí (Ngọ)

4. Hướng chính Bắc : Thiên y (Tý)

C.4. **Người có địa cung phục vị là 4**: Trong địa lý phong thủy gọi là người cung TỐN.

Cung TỐN có thể đặt được theo 4 hướng sau:

1. Hướng Đông Nam: Phục vị Không dùng

2. Hướng chính Nam: Thiên y (Ngọ)

3. Hướng chính Đông: Diên niên (Ất)

4. Hướng chính Bắc: Sinh khí (Tý)

C.5. **Người có địa cung phục vị là 6**: Trong địa lý phong thủy gọi là người cung CÀN.

Cung CÀN có thể đặt được theo 4 hướng sau:

1. Hướng Tây Bắc: Phục vị Không dùng

2 Hướng chính Tây: Sinh khí (Dậu)

3. Hướng Tây Nam: Diên niên Không dùng

4. Hướng Đông Bắc: Thiên y Không dùng

C.6. **Người có địa cung phục vị là 7**: Trong địa lý phong thủy gọi là người cung ĐOÀI.

Cung ĐOÀI có thể đặt được theo 4 hướng sau:

1. Hướng chính Tây: Phục vị (Dậu + Tân)

2. Hướng Tây Nam: Thiên y Không dùng

3. Hướng Tây Bắc: Sinh khí Không dùng

4. Hướng Đông Bắc: Diên niên Không dùng

C.7. **Người có địa cung phục vị là 8**: Trong địa lý phong thủy gọi là người cung CẤN.

Cung CẤN có thể đặt được theo 4 hướng sau:

1. Hướng Đông Bắc: Phục vị	Không dùng
2. Hướng Tây Bắc: Thiên y	(Hợi)
3. Hướng Tây Nam: Sinh khí	Không dùng
4. Hướng chính Tây: Diên niên	(Tân)

C.8. **Người có địa cung phục vị là 9**: Trong địa lý phong thủy gọi là người cung LY.

Cung LY có thể đặt được theo 4 hướng sau:

1. Hướng chính Nam: Phục vị	(Ngọ + Đinh)
2. Hướng Đông Nam: Thiên y	Không dùng
3. Hướng chính Đông: Sinh khí	(Mão)
4. Hướng chính Bắc: Diên niên	(Tý + Quý)

Phần 3

QUY HOẠCH TỔNG THỂ MỒ MẢ DÒNG HỌ

VỊ TRÍ KHU ĐẤT ĐẶT MỘ KHI LẤY NHÀ THỜ LÀM TÂM QUY TỤ

(Đầu hướng về phía nhà thờ)

D.1. Người cung KHẢM: (Địa cung phục vị là 1)

Người cung KHẢM có thể chọn 1 trong 4 khu đất sau:

1. Khu vực phía Nam của nhà thờ. Đầu quay hướng Bắc - Phục vị.

2. Khu vực phía Bắc của nhà thờ. Đầu quay hướng Nam - Diên niên.

3. Khu vực phía Tây của nhà thờ. Đầu quay hướng Đông - Thiên y.

4. Khu vực Tây Bắc của nhà thờ. Đầu quay Đông Nam - Sinh khí.

D.2. Người cung KHÔN: (Địa cung phục vị là 2)

Người cung KHÔN có thể chọn 1 trong 4 khu đất sau:

1. Khu vực Đông Bắc của nhà thờ. Đầu quay Tây Nam - Phục vị.

2. Khu vực phía Đông của nhà thờ. Đầu quay hướng Tây - Thiên y.

3. Khu vực Đông Nam của nhà thờ. Đầu quay Tây Bắc - Diên niên.

4. Khu vực Tây Nam của nhà thờ. Đầu quay Đông Bắc - Sinh khí.

D.3. Người cung CHẤN: (Địa cung phục vị là 3)

Người cung CHẤN có thể chọn 1 trong 4 khu đất sau:

1. Khu vực phía Tây của nhà thờ. Đầu quay hướng Đông - Phục vị.

2. Khu vực Tây Bắc của nhà thờ. Đầu quay Đông Nam - Diên niên.

3. Khu vực phía Bắc của nhà thờ. Đầu quay hướng Nam - Sinh khí.

4. Khu vực phía Nam của nhà thờ. Đầu quay hướng Bắc - Thiên y.

D.4. Người cung TỐN: (Địa cung phục vị là 4)

Người cung TỐN có thể chọn 1 trong 4 khu đất sau:

1. Khu vực Tây Bắc của nhà thờ. Đầu quay Đông Nam - Phục vị.

2. Khu vực phía Bắc của nhà thờ. Đầu quay hướng Nam - Thiên y.

3. Khu vực phía Tây của nhà thờ. Đầu quay hướng Đông - Diên niên.

4. Khu vực phía Nam của nhà thờ. Đầu quay hướng Bắc - Sinh khí.

D.5. Người cung CÀN: (Địa cung phục vị là 6)

Người cung CÀN có thể chọn 1 trong 4 khu đất sau:

1. Khu Đông Nam của nhà thờ. Đầu quay Tây Bắc - Phục vị.

2. Khu phía Đông của nhà thờ. Đầu quay hướng Tây - Sinh khí.

3. Khu Đông Bắc của nhà thờ. Đầu quay Tây Nam - Diên niên.

4. Khu Tây Nam của nhà thờ. Đầu quay Đông Bắc - Thiên y.

D.6. Người cung ĐOÀI: (Địa cung phục vị là 7)

Người cung ĐOÀI có thể chọn 1 trong 4 khu đất sau:

1. Khu phía Đông của nhà thờ. Đầu quay hướng Tây - Phục vị.

2. Khu Động Bắc của nhà thờ. Đầu quay Tây Nam - Thiên y.

3. Khu Đông Nam của nhà thờ. Đầu quay Tây Bắc - Sinh khí.

4. Khu Tây Nam của nhà thờ. Đầu quay Đông Bắc - Diên niên.

D.7. Người cung CẤN: (Địa cung phục vị là 8)

Người cung CẤN có thể chọn 1 trong 4 khu đất sau:

1. Khu Tây Nam của nhà thờ. Đầu quay Đông Bắc - Phục vị

2. Khu Đông Nam của nhà thờ. Đầu quay Tây Bắc - Thiên y.

3. Khu Đông Bắc của nhà thờ. Đầu quay Tây Nam - Sinh khí.

4. Khu phía Đông của nhà thờ. Đầu quay hướng Tây - Diên niên.

D.8. Người cung LY: (Địa cung phục vị là 9)

Người cung LY có thể chọn 1 trong 4 khu đất sau:

1. Khu phía Bắc của nhà thờ. Đầu quay hướng Nam - Phục vị.

2. Khu Tây Bắc của nhà thờ . Đầu quay Đông Nam - Thiên y.

3. Khu phía Tây của nhà thờ. Đầu quay hướng Đông - Sinh khí.

4. Khu phía Nam của nhà thờ. Đầu quay hướng Bắc - Diên niên.

Lưu ý: Việc lấy dương hướng cho chuẩn xác là khó, người tìm hướng đặt mộ cần sử dụng la bàn và phải có con mắt nghề phong thủy để nhìn địa hình, địa vật phù hợp với bản mệnh của thân chủ, tránh được các cung độ xấu và thuận theo quy tắc đặt mộ nói chung.

Ví dụ: Phạm huỳnh tuyền trong Lục thập Hoa giáp được đúc kết như sau: "*Đinh, Canh, Khôn thị huỳnh tuyền; Ất, Bính tư phòng Tốn thủy tiên; Giáp, Quý hướng lai hưu kiến Cấn; Tân, Nhâm thủy lộ phạ dương Càn*" - (17).

Dụng cụ định vị phương hướng sẽ giúp giảm thiểu các sai sót rất dễ mắc phải khi thực hành đặt hướng nhà và hướng mộ.

Một trong những dụng cụ đã đăng ký bản quyền xem ở Hình 31

VỊ TRÍ ĐẶT MỘ

	ĐỊA CUNG	KHẢM	KHÔN	CHẤN	TỐN	CÀN	ĐOÀI	CẤN	LY
KHU ĐẤT PHÍA		1	2	3	4	5	6	7	8
1	BẮC	X		X	X				X
2	ĐÔNG BẮC		X			X	X	X	
3	ĐÔNG		X			X	X	X	
4	ĐÔNG NAM		X			X	X	X	
5	NAM	X		X	X				X
6	TÂY NAM		X			X	X	X	
7	TÂY	X		X	X				X
8	TÂY BẮC	X		X	X				X

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

BẰNG ĐỘC QUYỀN
KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP
Số: 8645

Hình 31: Dụng cụ định vị phương hướng "La bàn phong thuỷ"

Phần 4

KHUYẾN CÁO - GIẢI THÍCH - GHI CHÚ

1. Tùy theo từng người và từng vị trí đất cụ thể, hướng mộ sẽ được điều chỉnh theo *24 hướng chuyên biệt* tốt hơn hoặc xấu hơn về khía cạnh nào đó.

Tuy nhiên phải chấp nhận: trong họa có phúc và trong phúc lại có họa nếu người đặt mộ không tường minh mọi việc.

2. Không phải bất kỳ cặp vợ chồng nào cũng có thể được đặt song huyệt.

Nguyên tắc tối thượng của phong thủy phải tôn trọng: **Thiên sinh nhất nhân - địa sinh nhất huyệt** - tức là *mỗi người một mộ.*

3. Khu vực đất xung quanh nhà thờ:

Khái niệm này được hiểu là không gian không bị giới hạn trong bất kỳ ranh giới nào kể cả biên giới lãnh thổ quốc gia. Do vậy con cháu họ *Nguyễn tộc thế tôn* khi thấu ngộ nguyên lý: **Nhất đường tổ khảo tụ anh linh** vẫn có thể tụ khí về nhà thờ họ không nhất thiết phải cải táng về nghĩa trang gần nhà thờ. Dĩ nhiên càng về gần nhà thờ họ được bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu.

Ngạn ngữ Việt Nam có câu: *Nhập gia tùy tục.* Điều kiện để tâm linh và vong linh thuần nhập long mạch của dòng họ chính là đạo hạnh: *Thuận tự nhiên, Họ có hàng, Đạo tự thân - Đạo không cầu mà có"*, là: *Tha hóa tự thân* như Phật Thích ca Mâu Ni từng dạy.

Trước ta, trong ta, sau ta theo dòng chảy của thời gian chính là *Cửu Huyền Thất Tổ;* không ngộ được gia đạo cơ bản này, lấy đâu sinh khí mà tụ khí anh linh.

Thật là phúc nhiều kiếp cho dòng họ chúng ta vì đã ngộ được yếu chỉ này của văn hóa dân tộc.

4. Nhà thờ họ Nguyễn của chúng ta được xây dựng theo hướng Cấn với thời gian khánh thành được ghi lại bởi hai câu đối sau:

"Đế quốc Duy Tân, Nhâm Tý, quý Thu thành xá hiệu"

"Hoàng triều Khải Định, Bính Thìn, trong hạ kiến Gia từ"

Hai câu đối này cho biết: Xã được thành lập vào tháng 9-1912 - thời vua Duy Tân. Vua Duy Tân tại vị 10 năm từ giữa năm 1007 đến giữa năm 1916.

Nhà thờ của chúng ta được khánh thành vào mùa hè, tháng 5-1916 - thời vua Khải Định. Vua Khải Định tại vị cũng 10 năm - giữa năm 1916 đến cuối năm 1926.

Lý do: Một năm được chia ra 4 mùa : Xuân - Hạ - Thu - Đông. Trong 3 tháng của mỗi mùa được phân thành: tháng đầu tiên của mùa có tên gọi là tháng Mạnh; tháng giữa của mùa có tên là tháng Trọng; tháng cuối cùng của mùa có tên là tháng Quý.

Do đó:

- Quý Thu - là tháng cuối của mùa thu, sẽ là tháng 9 Âm lịch.
- Trọng Hạ - là tháng giữa của mùa hạ, sẽ là tháng 5 Âm lịch.

Từ *"Tứ quý"* mà chúng ta thường gặp khi chơi bài xuất phát từ: quý Xuân (tháng 3), quý Hạ (tháng 6), quý Thu (tháng 9), quý Đông (tháng 12) Âm lịch. Vào thời gian này thời tiết thay đổi mạnh do chuyển mùa làm cho con người dễ bệnh tật và hay chết nhiều vào những tháng này. Do đó nếu ai bị ốm nặng mà vượt qua được các tháng cuối của từng mùa thì rất *quý*.

Việc tìm ra ngày khánh thành và khởi công nhà thờ sẽ căn cứ vào quy luật phát triển của dòng họ và vào bản mệnh của các vị tiền bối trực tiếp đại diện cho dòng tộc xây dựng nhà thờ.

5. Về hình dáng và kích thước mộ phần:

Hình bát giác và hình tròn là phù hợp nhất đối với dương phần của ngôi mộ.

Kết hợp này những yếu tố này là phương án tối ưu để đáp ứng yêu cầu của khoa Phong thủy và thẩm mỹ văn hóa dòng họ đã có từ xa xưa.

2 phương án chúng ta có thể chọn:

a) Nếu phần đế mộ hình tròn thì phần thân mộ có hình bát giác.

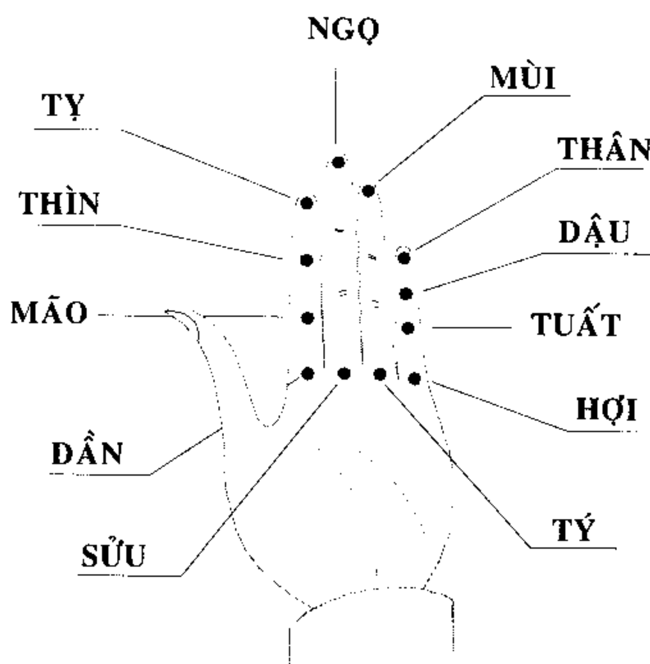
b) Nếu phần đế mộ hình bát giác thì phần thân mộ hình tròn.

Tỷ lệ giữa chiều cao thân mộ và đế mộ là: 5/1. Kích thước này luôn cho chữ LÃO trong nhiều cách tính.

6. Ca quyết về cách tính trùng tang:

Khi có sự bất tương giữa tam thân sẽ dẫn đến vấn đề trùng tang và thiên di. Cách tính thiên di - trùng tang và nhập mộ như sau:

Trước tiên phải thuộc bàn tay địa chi:



Hình 33: Bàn tay Địa chi

Mỗi chấm đen trên bàn tay gọi là một cung. Cung Tý bắt đầu từ vị trí đốt ngón tay đeo nhẫn của bàn tay trái.

Theo thuận chiều kim đồng hồ sẽ đến các cung thứ tự cố định sau: Tý → Sửu → Dần → Mão → Thìn → Tỵ → Ngọ → Mùi → Thân → Dậu → Tuất → Hợi.

Tuổi thọ, tháng, ngày, giờ của người mất rơi vào cung nào thì cung đó sẽ là cơ sở để biết vong linh quy thân ra sao theo ca quyết sau:

Tý - Ngọ - Mão - Dậu: Thiên di.
Dần - Thân - Tỵ - Hợi: Trùng tang.
Thìn - Tuất - Sửu - Mùi: Nhập mộ.

Cách tính:

Bắt đầu từ tuổi thọ đến → tháng mất đến → ngày mất đến → giờ mất.

a) Đối với nam:

Khởi tính tuổi thọ từ cung Dần; vòng xoay tính tháng, ngày, giờ theo chiều thuận kim đồng hồ.

Ví dụ: Tìm trùng tang cho người mất là đàn ông thọ 66 tuổi, mất ngày 11 tháng 3 Âm lịch, vào 14g30 (giờ Mùi).

Cách tính:

- *Bắt đầu từ cung Dần để đếm tuổi thọ:*

DẦN → Mão → Thìn → Tỵ → Ngọ → Mùi → Thân → 10 → 20 → 30 → 40 → 50 → 60 → 61 → Dậu → Tuất → Hợi → Tý → SỬU

62 63 64 65 66

Như vậy tuổi thọ kết thúc tại cung Sửu.

- *Bắt đầu từ cung Sửu để tính tháng giêng:*

1 → 2 → 3
SỬU - Dần - MÃO

Như vậy tháng mất rơi vào cung Mão.

- *Bắt đầu từ cung Mão để tính ngày mùng 1:*

1 → 2 → 3 → 4 → 5 → 6 → 7 → 8

MÃO Thìn Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất

9 → 10 → 11

Hợi Tý SỬU

Như vậy ngày mất rơi vào cung Sửu.

- *Bắt đầu từ cung Sửu để tính giờ Tý:*

TÝ - Sửu - Dần - Mão - Thìn - Tỵ - Ngọ - MÙI

SỬU - Dần - Mão - Thìn - Tỵ - Ngọ - Mùi - THÂN Tỵ

Như vậy giờ mất rơi vào cung Thân.

- Kết luận:

Người đàn ông này có:

Tuổi thọ rơi vào cung Sửu - Nhập mộ.

Tháng mất rơi vào cung Mão - Thiên di.

Ngày mất rơi vào cung Sửu - Nhập mộ.

Giờ mất rơi vào cung Thân - Trùng tang.

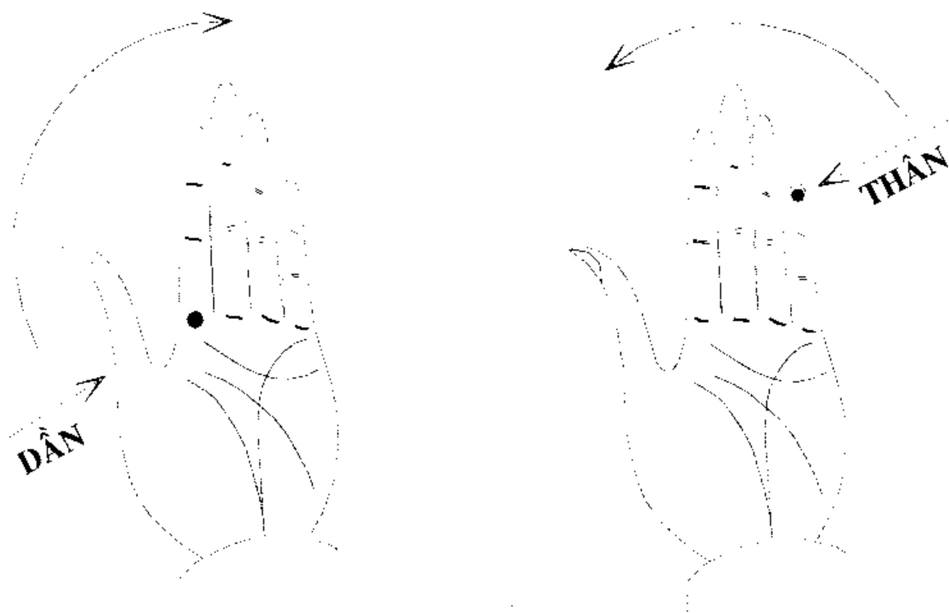
Căn cứ vào các biểu chứng này mà các thầy sẽ cho cách hóa giải để vong linh sớm được siêu thoát.

b) Đối với nữ:

Các bước tính tương tự như với nam, nhưng chỉ khác ở cung khởi để tính tuổi thọ và vòng xoay tính tháng, ngày, giờ mất phải đi ngược vòng xoay kim đồng hồ.

Đếm tuổi thọ bắt đầu từ cung THÂN và đi ngược chiều kim đồng hồ. Lý do tại sao? Được minh giải trong thuyết Phong thủy thế giới tiền tâm linh.

Lưu ý: Tuổi thọ là con số được tính bằng số năm hưởng dương (năm mất trừ đi năm sinh cộng thêm 1 - là năm còn nằm trong bụng mẹ).



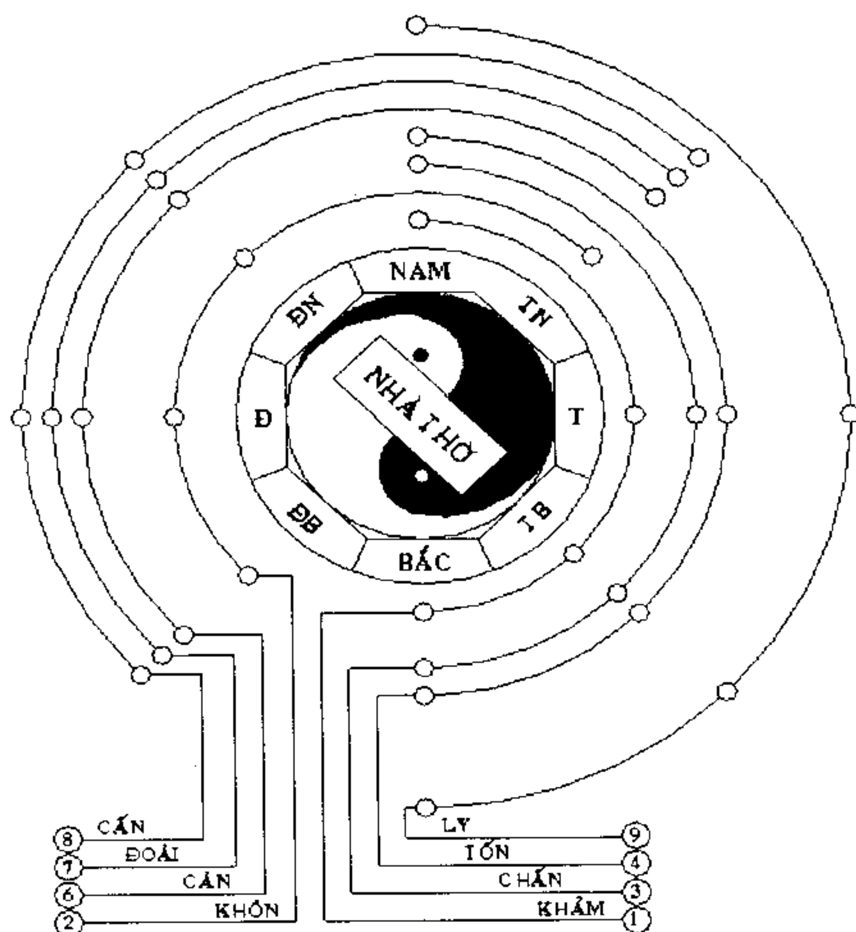
Bàn tay dùng cho nam **Bàn tay dùng cho nữ**

Hình 34: Bàn tay nhập mộ

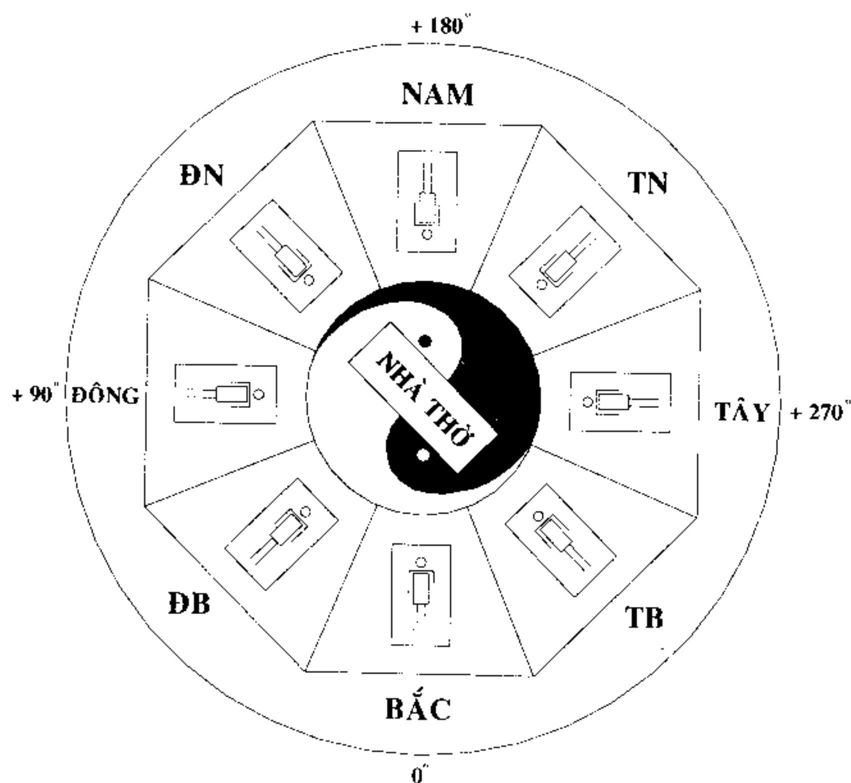
Tuổi thọ là số năm tính từ khi mỗi người được tác thành từ nguyên khí dương của người cha và nguyên khí âm của người mẹ hợp nhất thành vòng Thái cực - là nguyên khí của mỗi con người không kể nam hay nữ.

Tương ứng giữa tên can chi của giờ với thời lượng của giờ được biểu thị bằng con số trong một ngày đêm như sau: *giờ Tý*: 23 - 1 giờ; *giờ Sửu*: 1 - 3 giờ; *giờ Dần*: 3 - 5 giờ; *giờ Mão*: 5 - 7 giờ; *giờ Thìn*: 7 - 9 giờ; *giờ Tỵ*: 9 - 11 giờ; *giờ Ngọ*: 11 - 13 giờ; *giờ Mùi*: 13 - 15 giờ; *giờ Thân*: 15 - 17 giờ; *giờ Dậu*: 17 - 19 giờ; *giờ Tuất*: 19 - 21 giờ; *giờ Hợi*: 21 - 23 giờ.

Hình ảnh nghĩa trang dòng họ trong tương lai sẽ giống như Hình 34a và Hình 34b.



Hình 35a: Mô hình quy tập nghĩa trang



Hình 35b: Mô hình quy tập nghĩa trang

4.2.2. Ngũ hành phả

Ngũ hành phả là phiên bản của Thái cực Hoa giáp trong quan niệm Ngũ hành dùng để kiểm đếm **"Nguyên khí"** của mỗi gia đình, mỗi dòng họ, là cơ sở của quy hoạch và lập kế sách cân bằng khí lâu dài trong gia đình và cộng đồng.

<u>Tác dụng: Ngũ hành phả giúp:</u>

1. Tự kiểm chứng được tính cách bản thân dựa vào tính tương sinh, tương khắc của tứ trụ thời gian sinh, từ đó có thể tự điều chỉnh hành vi sống của bản thân.

2. Trên cơ sở đã "Biết mình" nhờ xem trong lịch Phong thủy, sau khi định vị được Ngũ hành của tứ trụ thời gian sinh, mỗi người sẽ tìm cho mình chiến lược hành động phù hợp nhất về: nghề nghiệp, chuyện riêng tư, giao hữu bạn bè một cách có lợi nhất về mặt lý thuyết (Hình 35).

3. Tương tự với hai người, cho một gia đình nhỏ, một gia đình lớn, một tập thể, một cộng đồng dân cư v.v... chúng ta cũng có thể áp dụng Ngũ hành phả như trên. Sẽ có chuyên đề riêng về vấn đề quy hoạch cộng đồng. Một trong những việc cần triển khai trong dòng họ là lập Ngũ hành phả (Xem *Ngũ hành phả của dòng họ NGUYỄN để tham khảo*).

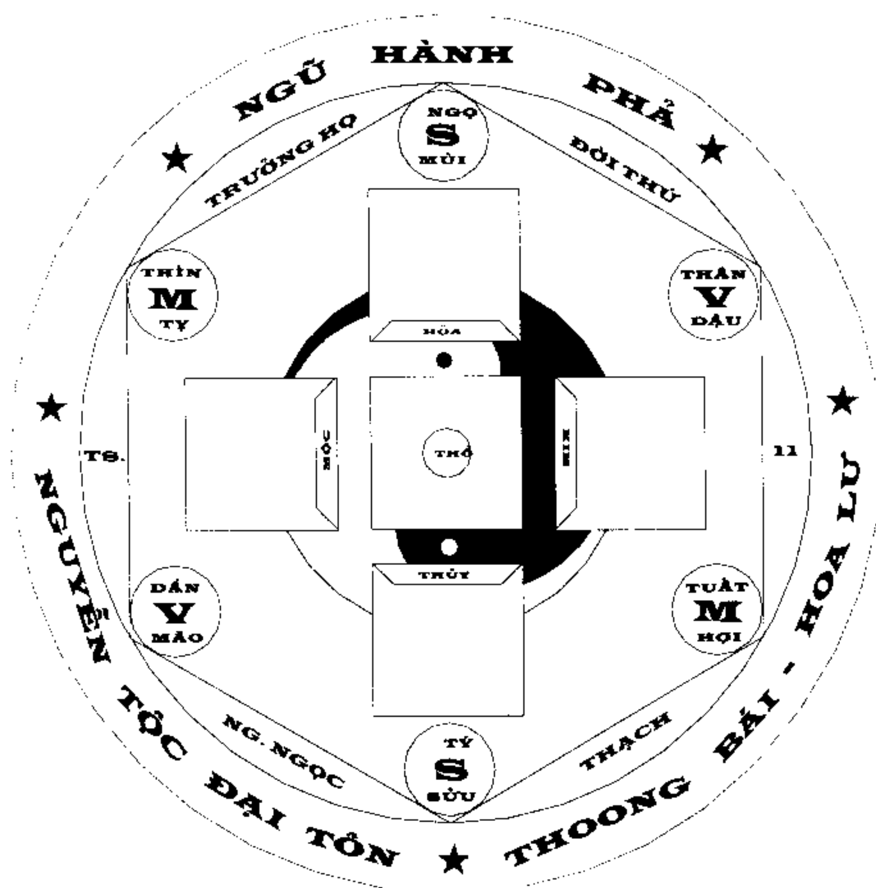
NGŨ HÀNH PHẢ TÌM NGƯỜI

(CÔNG CỤ TÌM "HÒA", "HỢP" TRONG THUẬN THIÊN ĐẠO; NGUYÊN LÝ "ĐỒNG THANH TƯƠNG ỨNG, ĐỒNG KHÍ TƯƠNG CẦU")

HÀNH CỦA THIÊN CAN	THIÊN CAN \ VẬN KHÍ		KHÍ ĐỘ CỦA VẬN KHÍ : SINH (S) - VƯỢNG (V) - MỘ (M)														
			MỘC						THỔ			KIM			THỦY		
			S	V		S	V		S	V		S	V		S	V	
MỘC	GIÁP	+					DẦN THÂN					TỴ NGỌ					THÌN TUẤT
MỘC	ẤT	-					MÃO DẬU					SỬU MÙI					TỴ HỢI
	BÍNH	+				TỴ NGỌ					THÌN TUẤT					DẦN THÂN	
	ĐINH	-				SỬU MÙI					TỴ HỢI					MÃO DẬU	
THỔ	MẬU	+			THÌN TUẤT					DẦN THÂN					TỴ NGỌ		
THỔ	KỶ	-			TỴ HỢI					MÃO DẬU					SỬU MÙI		
KIM	CANH	+		DẦN THÂN					TỴ NGỌ					THÌN TUẤT			
KIM	TÂN	-		MÃO DẬU					SỬU MÙI					TỴ HỢI			
THỦY	NHÂM	+	TỴ NGỌ					THÌN TUẤT					DẦN THÂN				
THỦY	QUÝ	-	SỬU MÙI					TỴ HỢI					MÃO DẬU				

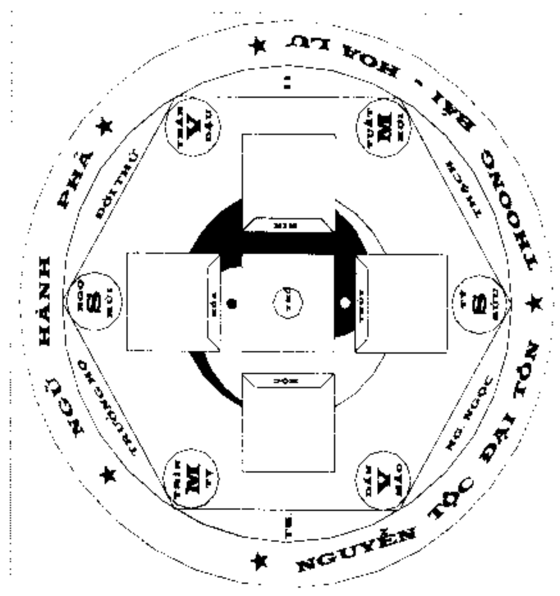
Hình 36: Ngũ hành phả tìm tuổi tương sinh

NGŨ HÀNH PHẢ

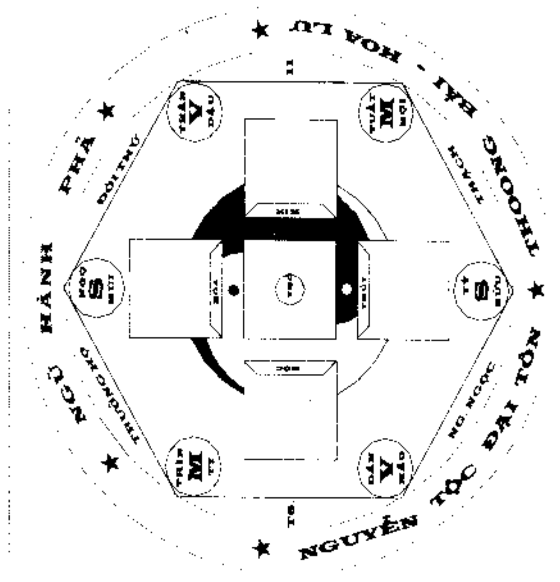


Hình 37: Mẫu dấu Ngũ hành phả

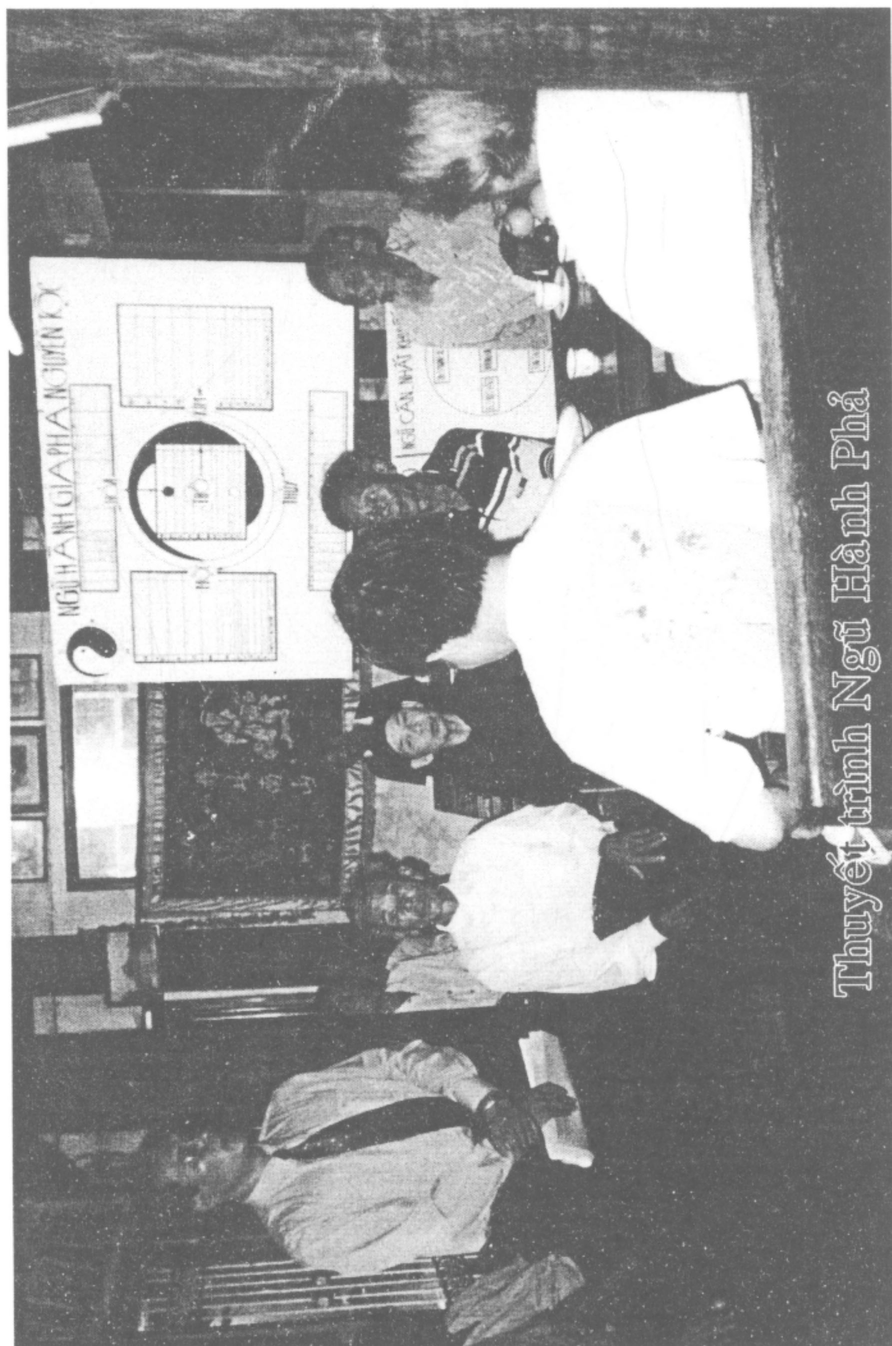
PHẦN CẤP CHO THÂN TỘC



PHẦN PHẢ LƯU



Hình 38: Mẫu Ngũ hành phả



Hình 38: Thuyết trình về Ngũ hành phả tại đạo tràng Nguyễn tộc

PHẦN D

PHỤ LỤC

LỊCH PHONG THỦY

LỊCH
PHONG THỦY
NĂM
2007

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
4	732739	**01/01/2007** THỨ HAI ẤT MÙI KIM (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
5	732740	02/01/2007 THỨ BA BÍNH THÂN THỦY (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
6	732741	03/01/2007 THỨ TƯ ĐINH DẬU THỦY (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
7	732742	04/01/2007 THỨ NĂM MẬU TUẤT MỘC (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
8	732743	05/01/2007 THỨ SÁU KỶ HỢI MỘC (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
9	732744	06/01/2007 THỨ BẢY CANH TÝ THỔ (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
1	732745	07/01/2007 **CHỦ NHẬT** TÂN SỬU THỔ (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
2	732746	08/01/2007 THỨ HAI NHÂM DẦN KIM (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
3	732747	09/01/2007 THỨ BA QUÝ MÃO KIM (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
4	732748	10/01/2007 THỨ TƯ GIÁP THÌN THỦY (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY / TÊN: THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	23h ↓ 1h TÝ	1h ↓ 3h SỬU	3h ↓ 5h DẦN	5h ↓ 7h MẸO	7h ↓ 9h THÌN	9h ↓ 11h TỴ	11h ↓ 13h NGỌ	13h ↓ 15h MÙI	15h ↓ 17h THÂN	17h ↓ 19h DẬU	19h ↓ 21h TUẤT	21h ↓ 23h HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
5	732749	11/01/2007 THỨ NĂM ẤT TỴ THỦY (M)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
6	732750	12/01/2007 THỨ SÁU BÍNH NGỌ HỎA (S)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
7	732751	13/01/2007 THỨ BẢY ĐINH MÙI HỎA (S)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
8	732752	14/01/2007 CHỦ NHẬT MẬU THÂN THỔ (V)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
9	732753	15/01/2007 THỨ HAI KỶ DẬU THỔ (V)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
1	732754	16/01/2007 THỨ BA CANH TUẤT KIM (M)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
2	732755	17/01/2007 THỨ TƯ TÂN HỢI KIM (M)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
3	732756	18/01/2007 THỨ NĂM NHÂM TÝ MỘC (S)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
4	732757	19/01/2007 THỨ SÁU QUÝ SỬU MỘC (S)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
5	732758	20/01/2007 THỨ BẢY GIÁP DẦN HỎA (V)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY / TÊN			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	23h ↓ 1h TÝ	1h ↓ 3h SỬU	3h ↓ 5h DẦN	5h ↓ 7h MÃO	7h ↓ 9h THÌN	9h ↓ 11h TỴ	11h ↓ 13h NGỌ	13h ↓ 15h MÙI	15h ↓ 17h THÂN	17h ↓ 19h DẬU	19h ↓ 21h TUẤT	21h ↓ 23h HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
6	732759	21/01/2007 CHỦ NHẬT ẤT MÃO HỎA (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
7	732760	22/01/2007 THỨ HAI BÍNH THÌN THỔ (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
8	732761	23/01/2007 THỨ BA ĐINH TỴ THỔ (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
9	732762	24/01/2007 THỨ TƯ MẬU NGỌ THỦY (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
1	732763	25/01/2007 THỨ NĂM KỶ MÙI THỦY (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
2	732764	26/01/2007 THỨ SÁU CANH THÂN MỘC (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
3	732765	27/01/2007 THỨ BẢY TÂN DẬU MỘC (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
4	732766	28/01/2007 CHỦ NHẬT NHÂM TUẤT HỎA (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
5	732767	29/01/2007 THỨ HAI QUÝ HỢI HỎA (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
6	732768	30/01/2007 THỨ BA GIÁP TÝ KIM (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :							SINH :			TUỔI :	
7	732769	31/01/2007 THỨ TƯ ẤT SỬU KIM (S)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
8	732770	01/02/2007 THỨ NĂM BÍNH DẦN THỦY (V)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
9	732771	02/02/2007 THỨ SÁU ĐINH MÃO THỦY (V)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
1	732772	03/02/2007 THỨ BẢY MẬU THÌN MỘC (M)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
2	732773	04/02/2007 CHỦ NHẬT KỶ TỴ MỘC (M)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
3	732774	05/02/2007 THỨ HAI CANH NGỌ THỔ (S)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
4	732775	06/02/2007 THỨ BA TÂN MÙI THỔ (S)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
5	732776	07/02/2007 THỨ TƯ NHÂM THÂN KIM (V)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
6	732777	08/02/2007 THỨ NĂM QUÝ DẬU KIM (V)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
7	732778	09/02/2007 THỨ SÁU GIÁP TUẤT THỦY (M)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY / TÊN			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
			TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
8	732779	10/02/2007 THỨ BẢY ẤT HỢI THỦY (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
9	732780	11/02/2007 CHỦ NHẬT BÍNH TÝ HỎA (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
1	732781	12/02/2007 THỨ HAI ĐINH SỬU HỎA (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
2	732782	13/02/2007 THỨ BA MẬU DẦN THỔ (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
3	732783	14/02/2007 THỨ TƯ KỶ MÃO THỔ (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
4	732784	15/02/2007 THỨ NĂM CANH THÌN KIM (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
5	732785	16/02/2007 THỨ SÁU TÂN TỴ KIM (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
6	732786	17/02/2007 THỨ BẢY NHÂM NGỌ MỘC (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
7	732787	18/02/2007 CHỦ NHẬT QUÝ MÙI MỘC (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
8	732788	19/02/2007 THỨ HAI GIÁP THÂN HỎA (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
9	732789	20/02/2007 THỨ BA ẤT DẬU HỎA (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
1	732790	21/02/2007 THỨ TƯ BÍNH TUẤT THỔ (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
2	732791	22/02/2007 THỨ NĂM ĐINH HỢI THỔ (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
3	732792	23/2/2007 THỨ SÁU MẬU TÝ THỦY (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
4	732793	24/02/2007 THỨ BẢY KỶ SỬU THỦY (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
5	732794	25/02/2007 CHỦ NHẬT CANH DẦN MỘC (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
6	732795	26/02/2007 THỨ HAI TÂN MÃO MỘC (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
7	732796	27/02/2007 THỨ BA NHÂM THÌN HỎA (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
8	732797	28/02/2007 THỨ TƯ QUÝ TỴ HỎA (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
9	732798	01/3/2007 THỨ NĂM GIÁP NGỌ KIM (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY / TÊN			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	23h ↓ 1h TÝ	1h ↓ 3h SỬU	3h ↓ 5h DẦN	5h ↓ 7h MÃO	7h ↓ 9h THÌN	9h ↓ 11h TỴ	11h ↓ 13h NGỌ	13h ↓ 15h MÙI	15h ↓ 17h THÂN	17h ↓ 19h DẬU	19h ↓ 21h TUẤT	21h ↓ 23h HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
1	732799	02/3/2007 THỨ SÁU ẤT MÙI KIM (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
2	732800	03/3/2007 THỨ BẢY BÍNH THÂN THỦY (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
3	732801	04/3/2007 CHỦ NHẬT ĐINH DẬU THỦY (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
4	732802	05/3/2007 THỨ HAI MẬU TUẤT MỘC (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
5	732803	06/3/2007 THỨ BA KỶ HỢI MỘC (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
6	732804	07/3/2007 THỨ TƯ CANH TÝ THỔ (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
7	732805	08/3/2007 THỨ NĂM TÂN SỬU THỔ (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
8	732806	09/3/2007 THỨ SÁU NHÂM DẦN KIM (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
9	732807	10/3/2007 THỨ BẢY QUÝ MÃO KIM (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
1	732808	11/3/2007 CHỦ NHẬT GIÁP THÌN THỦY (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
VẬN KHÍ :			NGÀY TỐT :											
THIÊN CUNG :			GIỜ TỐT :											
ĐỊA CUNG :			MÀU HỢP :											

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :						SINH :			TUỔI :		
2	732809	12/3/2007 THỨ HAI ẤT TỴ THỦY (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) → MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) → THỦY (S)	
3	732810	13/3/2007 THỨ BA BÍNH NGỌ HỎA (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) → KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) → THỔ (S)	
4	732811	14/3/2007 THỨ TƯ ĐINH MÙI HỎA (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) → HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) → MỘC (S)	
5	732812	15/3/2007 THỨ NĂM MẬU THÂN THỔ (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) → THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) → KIM (S)	
6	732813	16/3/2007 THỨ SÁU KỶ DẬU THỔ (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) → THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) → HỎA (S)	
7	732814	17/3/2007 THỨ BẢY CANH TUẤT KIM (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) → MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) → THỦY (S)	
8	732815	18/3/2007 CHỦ NHẬT TÂN HỢI KIM (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) → KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) → THỔ (S)	
9	732816	19/3/2007 THỨ HAI NHÂM TÝ MỘC (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) → HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) → MỘC (S)	
1	732817	20/3/2007 THỨ BA QUÝ SỬU MỘC (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) → THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) → KIM (S)	
2	732818	21/3/2007 THỨ TƯ GIÁP DẦN HỎA (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) → THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) → HỎA (S)	

THIÊN CUNG : ____

ĐỊA CUNG : ____

NGÀY TỐT : ____

GIỜ TỐT : ____

MÀU HỢP : ____

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY

TÊN

GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ

HỌ và TÊN : SINH : TUỔI :

THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	23h ↓ 1h TÝ	1h ↓ 3h SỬU	3h ↓ 5h DẦN	5h ↓ 7h MÃO	7h ↓ 9h THÌN	9h ↓ 11h TỴ	11h ↓ 13h NGỌ	13h ↓ 15h MÙI	15h ↓ 17h THÂN	17h ↓ 19h DẬU	19h ↓ 21h TUẤT	21h ↓ 23h HỢI
3	732819	22/3/2007 THỨ NĂM ẤT MÃO HỎA (V)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
4	732820	23/3/2007 THỨ SÁU BÍNH THÌN THỔ (M)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
5	732821	24/3/2007 THỨ BẢY ĐINH TỴ THỔ (M)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
6	732822	25/3/2007 CHỦ NHẬT MẬU NGỌ THỦY (S)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
7	732823	26/3/2007 THỨ HAI KỶ MÙI THỦY (S)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
8	732824	27/3/2007 THỨ BA CANH THÂN MỘC (V)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
9	732825	28/3/2007 THỨ TƯ TÂN DẬU MỘC (V)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
1	732826	29/3/2007 THỨ NĂM NHÂM TUẤT HỎA (M)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
2	732827	30/3/2007 THỨ SÁU QUÝ HỢI HỎA (M)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
3	732828	31/3/2007 THỨ BẢY GIÁP TÝ KIM (S)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY / TÊN			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
4	732829	01/4/2007 CHỦ NHẬT ẤT SỬU KIM (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
5	732830	02/4/2007 THỨ HAI BÍNH DẦN THỦY (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
6	732831	03/4/2007 THỨ BA ĐINH MÃO THỦY (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
7	732832	04/4/2007 THỨ TƯ MẬU THÌN MỘC (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
8	732833	05/4/2007 THỨ NĂM KỶ TỴ MỘC (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
9	732834	06/4/2007 THỨ SÁU CANH NGỌ THỔ (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
1	732835	07/4/2007 THỨ BẢY TÂN MÙI THỔ (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
2	732836	08/4/2007 CHỦ NHẬT NHÂM THÂN KIM (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
3	732837	09/4/2007 THỨ HAI QUÝ DẬU KIM (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
4	732838	10/4/2007 THỨ BA GIÁP TUẤT THỦY (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ : ....

THIÊN CUNG : ....

ĐỊA CUNG : ....

NGÀY TỐT : ....

GIỜ TỐT : ....

MÀU HỢP : ....

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23 h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
			TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
5	732839	11/4/2007 THỨ TƯ ẤT HỢI THỦY (M)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
6	732840	12/4/2007 THỨ NĂM BÍNH TÝ HỎA (S)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
7	732841	13/4/2007 THỨ SÁU ĐINH SỬU HỎA (S)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
8	732842	14/4/2007 THỨ BẢY MẬU DẦN THỔ (V)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
9	732843	15/4/2007 CHỦ NHẬT KỶ MÃO THỔ (V)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
1	732844	16/4/2007 THỨ HAI CANH THÌN KIM (M)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
2	732845	17/4/2007 THỨ BA TÂN TỴ KIM (M)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
3	732846	18/4/2007 THỨ TƯ NHÂM NGỌ MỘC (S)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
4	732847	19/4/2007 THỨ NĂM QUÝ MÙI MỘC (S)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
5	732848	20/4/2007 THỨ SÁU GIÁP THÂN HỎA (V)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY - TÊN			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
6	732849	21/4/2007 THỨ BẢY ẤT DẬU HỎA (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
7	732850	22/4/2007 CHỦ NHẬT BÍNH TUẤT THỔ (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
8	732851	23/4/2007 THỨ HAI ĐINH HỢI THỔ (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
9	732852	24/4/2007 THỨ BA MẬU TÝ THỦY (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
1	732853	25/4/2007 THỨ TƯ KỶ SỬU THỦY (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
2	732854	26/4/2007 THỨ NĂM CANH DẦN MỘC (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
3	732855	27/4/2007 THỨ SÁU TÂN MÃO MỘC (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
4	732856	28/4/2007 THỨ BẢY NHÂM THÌN HỎA (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
5	732857	29/4/2007 CHỦ NHẬT QUÝ TỴ HỎA (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
6	732858	30/4/2007 THỨ HAI GIÁP NGỌ KIM (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ : ....

THIÊN CUNG : ....

ĐỊA CUNG : ....

NGÀY TỐT : ....

GIỜ TỐT : ....

MÀU HỢP : ....

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23 h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :						SINH :				TUỔI :	
7	732859	**01/5/2007** THỨ BA ẤT MÙI KIM (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
8	732860	02/5/2007 THỨ TƯ BÍNH THÂN THỦY (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
9	732861	03/5/2007 THỨ NĂM ĐINH DẬU THỦY (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
1	732862	04/5/2007 THỨ SÁU MẬU TUẤT MỘC (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
2	732863	05/5/2007 THỨ BẢY KỶ HỢI MỘC (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
3	732864	06/5/2007 **CHỦ NHẬT** CANH TÝ THỔ (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
4	732865	07/5/2007 THỨ HAI TÂN SỬU THỔ (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
5	732866	08/5/2007 THỨ BA NHÂM DẦN KIM (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
6	732867	09/5/2007 THỨ TƯ QUÝ MÃO KIM (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
7	732868	10/5/2007 THỨ NĂM GIÁP THÌN THỦY (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ : ....

THIÊN CUNG : ....

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT : ....

GIỜ TỐT : ....

MÀU HỢP : ....

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY — **TÊN** — **GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ**

HỌ và TÊN : SINH : TUỔI :

THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	23h ↓ 1h TÝ	1h ↓ 3h SỬU	3h ↓ 5h DẦN	5h ↓ 7h MÃO	7h ↓ 9h THÌN	9h ↓ 11h TỴ	11h ↓ 13h NGỌ	13h ↓ 15h MÙI	15h ↓ 17h THÂN	17h ↓ 19h DẬU	19h ↓ 21h TUẤT	21h ↓ 23h HỢI
8	732869	11/5/2007 THỨ SÁU ẤT TỴ THỦY (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) → MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) → THỦY (S)	
9	732870	12/5/2007 THỨ BẢY BÍNH NGỌ HỎA (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) → KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) → THỔ (S)	
1	732871	13/5/2007 CHỦ NHẬT ĐINH MÙI HỎA (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) → HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) → MỘC (S)	
2	732872	14/5/2007 THỨ HAI MẬU THÂN THỔ (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) → THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) → KIM (S)	
3	732873	15/5/2007 THỨ BA KỶ DẬU THỔ (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) → THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) → HỎA (S)	
4	732874	16/5/2007 THỨ TƯ CANH TUẤT KIM (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) → MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) → THỦY (S)	
5	732875	17/5/2007 THỨ NĂM TÂN HỢI KIM (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) → KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) → THỔ (S)	
6	732876	18/5/2007 THỨ SÁU NHÂM TÝ MỘC (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) → HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) → MỘC (S)	
7	732877	19/5/2007 THỨ BẢY QUÝ SỬU MỘC (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) → THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) → KIM (S)	
8	732878	20/5/2007 CHỦ NHẬT GIÁP DẦN HỎA (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) → THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) → HỎA (S)	

VẬN KHÍ : ....

THIÊN CUNG : ....

ĐỊA CUNG : ....

NGÀY TỐT : ....

GIỜ TỐT : ....

MÀU HỢP : ....

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY TÊN THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ 23h ↓ 1h TÝ	1h ↓ 3h SỬU	3h ↓ 5h DẦN	5h ↓ 7h MẸO	7h ↓ 9h THÌN	9h ↓ 11h TỴ	11h ↓ 13h NGỌ	13h ↓ 15h MÙI	15h ↓ 17h THÂN	17h ↓ 19h DẬU	19h ↓ 21h TUẤT	21h ↓ 23h HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
9	732879	21/5/2007 THỨ HAI ẤT MÃO HỎA (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
1	732880	22/5/2007 THỨ BA BÍNH THÌN THỔ (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
2	732881	23/5/2007 THỨ TƯ ĐINH TỴ THỔ (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
3	732882	24/5/2007 THỨ NĂM MẬU NGỌ THỦY (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
4	732883	25/5/2007 THỨ SÁU KỶ MÙI THỦY (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
5	732884	26/5/2007 THỨ BẢY CANH THÂN MỘC (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
6	732885	27/5/2007 **CHỦ NHẬT** TÂN DẬU MỘC (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
7	732886	28/5/2007 THỨ HAI NHÂM TUẤT HỎA (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
8	732887	29/5/2007 THỨ BA QUÝ HỢI HỎA (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
9	732888	30/5/2007 THỨ TƯ GIÁP TÝ KIM (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ : ....

THIÊN CUNG : ....

ĐỊA CUNG : ....

NGÀY TỐT : ....

GIỜ TỐT : ....

MÀU HỢP : ....

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY

TÊN

GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ

HỌ và TÊN : SINH : TUỔI :

THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	23h ↓ 1h TÝ	1h ↓ 3h SỬU	3h ↓ 5h DẦN	5h ↓ 7h MÃO	7h ↓ 9h THÌN	9h ↓ 11h TỴ	11h ↓ 13h NGỌ	13h ↓ 15h MÙI	15h ↓ 17h THÂN	17h ↓ 19h DẬU	19h ↓ 21h TUẤT	21h ↓ 23h HỢI
1	732889	31/5/2007 THỨ NĂM ẤT SỬU KIM (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
2	732890	**01/6/2007** THỨ SÁU BÍNH DẦN THỦY (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
3	732891	02/6/2007 THỨ BẢY ĐINH MÃO THỦY (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
4	732892	03/6/2007 **CHỦ NHẬT** MẬU THÌN MỘC (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
5	732893	04/6/2007 THỨ HAI KỶ TỴ MỘC (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
6	732894	05/6/2007 THỨ BA CANH NGỌ THỔ (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
7	732895	06/6/2007 THỨ TƯ TÂN MÙI THỔ (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
8	732896	07/6/2007 THỨ NĂM NHÂM THÂN KIM (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
9	732897	08/6/2007 THỨ SÁU QUÝ DẬU KIM (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
1	732898	09/6/2007 THỨ BẢY GIÁP TUẤT THỦY (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ :
THIÊN CUNG :
ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :
GIỜ TỐT :
MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY

TÊN

GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ

HỌ và TÊN : SINH : TUỔI :

THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	23h ↓ 1h TÝ	1h ↓ 3h SỬU	3h ↓ 5h DẦN	5h ↓ 7h MÃO	7h ↓ 9h THÌN	9h ↓ 11h TỴ	11h ↓ 13h NGỌ	13h ↓ 15h MÙI	15h ↓ 17h THÂN	17h ↓ 19h DẬU	19h ↓ 21h TUẤT	21h ↓ 23h HỢI
2	732899	10/6/2007 CHỦ NHẬT ẤT HỢI THỦY (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
3	732900	11/6/2007 THỨ HAI BÍNH TÝ HỎA (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
4	732901	12/6/2007 THỨ BA ĐINH SỬU HỎA (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
5	732902	13/6/2007 THỨ TƯ MẬU DẦN THỔ (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
6	732903	14/6/2007 THỨ NĂM KỶ MÃO THỔ (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
7	732904	15/6/2007 THỨ SÁU CANH THÌN KIM (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
8	732905	16/6/2007 THỨ BẢY TÂN TỴ KIM (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
9	732906	17/6/2007 CHỦ NHẬT NHÂM NGỌ MỘC (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
1	732907	18/6/2007 THỨ HAI QUÝ MÙI MỘC (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
2	732908	19/6/2007 THỨ BA GIÁP THÂN HỎA (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ : ....

THIÊN CUNG : ....

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT : ....

GIỜ TỐT : ....

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23 h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
			TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	HỌ và TÊN :							SINH :			TUỔI :	
3	732909	20/6/2007 THỨ TƯ ẤT DẬU HỎA (V)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
4	732910	21/6/2007 THỨ NĂM BÍNH TUẤT THỔ (M)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
5	732911	22/6/2007 THỨ SÁU ĐINH HỢI THỔ (M)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
6	732912	23/6/2007 THỨ BẢY MẬU TÝ THỦY (S)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
7	732913	24/6/2007 CHỦ NHẬT KỶ SỬU THỦY (S)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
8	732914	25/6/2007 THỨ HAI CANH DẦN MỘC (V)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
9	732915	26/6/2007 THỨ BA TÂN MÃO MỘC (V)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) THỔ (S)	
1	732916	27/6/2007 THỨ TƯ NHÂM THÌN HỎA (M)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
2	732917	28/6/2007 THỨ NĂM QUÝ TỴ HỎA (M)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
3	732918	29/6/2007 THỨ SÁU GIÁP NGỌ KIM (S)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ : ....

THIÊN CUNG : ....

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT : ....

GIỜ TỐT : ....

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY TÊN			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :							SINH :			TUỔI :	
4	732919	30/6/2007 THỨ BẢY ẤT MÙI KIM (S)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
5	732920	**01/7/2007 CHỦ NHẬT** BÍNH THÂN THỦY (V)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
6	732921	02/7/2007 THỨ HAI ĐINH DẬU THỦY (V)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
7	732922	03/7/2007 THỨ BA MẬU TUẤT MỘC (M)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
8	732923	04/7/2007 THỨ TƯ KỶ HỢI MỘC (M)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
9	732924	05/7/2007 THỨ NĂM CANH TÝ THỔ (S)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
1	732925	06/7/2007 THỨ SÁU TÂN SỬU THỔ (S)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
2	732926	07/7/2007 THỨ BẢY NHÂM DẦN KIM (V)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
3	732927	08/7/2007 **CHỦ NHẬT** QUÝ MÃO KIM (V)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
4	732928	09/7/2007 THỨ HAI GIÁP THÌN THỦY (M)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
VẬN KHÍ :			NGÀY TỐT :											
THIÊN CUNG :			GIỜ TỐT :											
ĐỊA CUNG :			MÀU HỢP :											

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY / TÊN			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	23h ↓ 1h TÝ	1h ↓ 3h SỬU	3h ↓ 5h DẦN	5h ↓ 7h MẸO	7h ↓ 9h THÌN	9h ↓ 11h TỴ	11h ↓ 13h NGỌ	13h ↓ 15h MÙI	15h ↓ 17h THÂN	17h ↓ 19h DẬU	19h ↓ 21h TUẤT	21h ↓ 23h HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
5	732929	10/7/2007 THỨ BA ẤT TỴ THỦY (M)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
6	732930	11/7/2007 THỨ TƯ BÍNH NGỌ HỎA (S)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
7	732931	12/7/2007 THỨ NĂM ĐINH MÙI HỎA (S)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
8	732932	13/7/2007 THỨ SÁU MẬU THÂN THỔ (V)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
9	732933	14/7/2007 THỨ BẢY KỶ DẬU THỔ (V)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
1	732934	15/7/2007 CHỦ NHẬT CANH TUẤT KIM (M)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
2	732935	16/7/2007 THỨ HAI TÂN HỢI KIM (M)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
3	732936	17/7/2007 THỨ BA NHÂM TÝ MỘC (S)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
4	732937	18/7/2007 THỨ TƯ QUÝ SỬU MỘC (S)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
5	732938	19/7/2007 THỨ NĂM GIÁP DẦN HỎA (V)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY TÊN			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
6	732939	20/7/2007 THỨ SÁU ẤT MÃO HỎA (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
7	732940	21/7/2007 THỨ BẢY BÍNH THÌN THỔ (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
8	732941	22/7/2007 CHỦ NHẬT ĐINH TỴ THỔ (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
9	732942	23/7/2007 THỨ HAI MẬU NGỌ THỦY (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
1	732943	24/7/2007 THỨ BA KỶ MÙI THỦY (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
2	732944	25/7/2007 THỨ TƯ CANH THÂN MỘC (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
3	732945	26/7/2007 THỨ NĂM TÂN DẬU MỘC (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
4	732946	27/7/2007 THỨ SÁU NHÂM TUẤT HỎA (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
5	732947	28/7/2007 THỨ BẢY QUÝ HỢI HỎA (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
6	732948	29/7/2007 CHỦ NHẬT GIÁP TÝ KIM (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
7	732949	30/7/2007 THỨ HAI ẤT SỬU KIM (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) → MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) → THỦY (S)	
8	732950	31/7/2007 THỨ BA BÍNH DẦN THỦY (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) → KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) → THỔ (S)	
9	732951	**01/8/2007** THỨ TƯ ĐINH MÃO THỦY (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) → HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) → MỘC (S)	
1	732952	02/8/2007 THỨ NĂM MẬU THÌN MỘC (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) → THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) → KIM (S)	
2	732953	03/8/2007 THỨ SÁU KỶ TỴ MỘC (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) → THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) → HỎA (S)	
3	732954	04/8/2007 THỨ BẢY CANH NGỌ THỔ (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) → MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) → THỦY (S)	
4	732955	05/8/2007 **CHỦ NHẬT** TÂN MÙI THỔ (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) → KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) → THỔ (S)	
5	732956	06/8/2007 THỨ HAI NHÂM THÂN KIM (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) → HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) → MỘC (S)	
6	732957	07/8/2007 THỨ BA QUÝ DẬU KIM (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) → THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) → KIM (S)	
7	732958	08/8/2007 THỨ TƯ GIÁP TUẤT THỦY (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) → THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) → HỎA (S)	

VẬN KHÍ : ....

THIÊN CUNG : ....

ĐỊA CUNG : ....

NGÀY TỐT : ....

GIỜ TỐT : ....

MÀU HỢP : ....

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
			TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
8	732959	09/8/2007 THỨ NĂM ẤT HỢI THỦY (M)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
9	732960	10/8/2007 THỨ SÁU BÍNH TÝ HỎA (S)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
1	732961	11/8/2007 THỨ BẢY ĐINH SỬU HỎA (S)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
2	732962	12/8/2007 CHỦ NHẬT MẬU DẦN THỔ (V)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
3	732963	13/8/2007 THỨ HAI KỶ MÃO THỔ (V)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
4	732964	14/8/2007 THỨ BA CANH THÌN KIM (M)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
5	732965	15/8/2007 THỨ TƯ TÂN TỴ KIM (M)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
6	732966	16/8/2007 THỨ NĂM NHÂM NGỌ MỘC (S)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
7	732967	17/8/2007 THỨ SÁU QUÝ MÙI MỘC (S)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
8	732968	18/8/2007 THỨ BẢY GIÁP THÂN HỎA (V)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
9	732969	19/8/2007 CHỦ NHẬT ẤT DẬU HỎA (V)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
1	732970	20/8/2007 THỨ HAI BÍNH TUẤT THỔ (M)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
2	732971	21/8/2007 THỨ BA ĐINH HỢI THỔ (M)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
3	732972	22/8/2007 THỨ TƯ MẬU TÝ THỦY (S)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
4	732973	23/8/2007 THỨ NĂM KỶ SỬU THỦY (S)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
5	732974	24/8/2007 THỨ SÁU CANH DẦN MỘC (V)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
6	732975	25/8/2007 THỨ BẢY TÂN MÃO MỘC (V)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
7	732976	26/8/2007 CHỦ NHẬT NHÂM THÌN HỎA (M)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
8	732977	27/8/2007 THỨ HAI QUÝ TỴ HỎA (M)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
9	732978	28/8/2007 THỨ BA GIÁP NGỌ KIM (S)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ : ....

THIÊN CUNG : ....

ĐỊA CUNG : ....

NGÀY TỐT : ....

GIỜ TỐT : ....

MÀU HỢP : ....

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY / TÊN			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
1	732979	29/8/2007 THỨ TƯ ẤT MÙI KIM (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
2	732980	30/8/2007 THỨ NĂM BÍNH THÂN THỦY (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
3	732981	31/8/2007 THỨ SÁU ĐINH DẬU THỦY (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
4	732982	01/9/2007 THỨ BẢY MẬU TUẤT MỘC (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
5	732983	02/9/2007 CHỦ NHẬT KỶ HỢI MỘC (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
6	732984	03/9/2007 THỨ HAI CANH TÝ THỔ (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
7	732985	04/9/2007 THỨ BA TÂN SỬU THỔ (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
8	732986	05/9/2007 THỨ TƯ NHÂM DẦN KIM (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
9	732987	06/9/2007 THỨ NĂM QUÝ MÃO KIM (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
1	732988	07/9/2007 THỨ SÁU GIÁP THÌN THỦY (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ : .... NGÀY TỐT : ....

THIÊN CUNG : .... GIỜ TỐT : ....

ĐỊA CUNG : .... MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
2	732989	08/9/2007 THỨ BẢY ẤT TỴ THỦY (M)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
3	732990	09/9/2007 CHỦ NHẬT BÍNH NGỌ HỎA (S)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
4	732991	10/9/2007 THỨ HAI ĐINH MÙI HỎA (S)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
5	732992	11/9/2007 THỨ BA MẬU THÂN THỔ (V)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
6	732993	12/9/2007 THỨ TƯ KỶ DẬU THỔ (V)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
7	732994	13/9/2007 THỨ NĂM CANH TUẤT KIM (M)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
8	732995	14/9/2007 THỨ SÁU TÂN HỢI KIM (M)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
9	732996	15/9/2007 THỨ BẢY NHÂM TÝ MỘC (S)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
1	732997	16/9/2007 CHỦ NHẬT QUÝ SỬU MỘC (S)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
2	732998	17/9/2007 THỨ HAI GIÁP DẦN HỎA (V)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ : ____

THIÊN CUNG : ____

ĐỊA CUNG : ____

NGÀY TỐT : ____

GIỜ TỐT : ____

MÀU HỢP : ____

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
			TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
3	732999	18/9/2007 THỨ BA ẤT MÃO HỎA (V)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
4	733000	19/9/2007 THỨ TƯ BÍNH THÌN THỔ (M)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
5	733001	20/9/2007 THỨ NĂM ĐINH TỴ THỔ (M)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
6	733002	21/9/2007 THỨ SÁU MẬU NGỌ THỦY (S)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
7	733003	22/9/2007 THỨ BẢY KỶ MÙI THỦY (S)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
8	733004	23/9/2007 **CHỦ NHẬT** CANH THÂN MỘC (V)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
9	733005	24/9/2007 THỨ HAI TÂN DẬU MỘC (V)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
1	733006	25/9/2007 THỨ BA NHÂM TUẤT HỎA (M)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
2	733007	26/9/2007 THỨ TƯ QUÝ HỢI HỎA (M)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
3	733008	27/9/2007 THỨ NĂM GIÁP TÝ KIM (S)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY / TÊN			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	23h ↓ 1h TÝ	1h ↓ 3h SỬU	3h ↓ 5h DẦN	5h ↓ 7h MÃO	7h ↓ 9h THÌN	9h ↓ 11h TỴ	11h ↓ 13h NGỌ	13h ↓ 15h MÙI	15h ↓ 17h THÂN	17h ↓ 19h DẬU	19h ↓ 21h TUẤT	21h ↓ 23h HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
4	733009	28/9/2007 THỨ SÁU ẤT SỬU KIM (S)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
5	733010	29/9/2007 THỨ BẢY BÍNH DẦN THỦY (V)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
6	733011	30/9/2007 CHỦ NHẬT ĐINH MÃO THỦY (V)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
7	733012	01/10/2007 THỨ HAI MẬU THÌN MỘC (M)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
8	733013	02/10/2007 THỨ BA KỶ TỴ MỘC (M)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
9	733014	03/10/2007 THỨ TƯ CANH NGỌ THỔ (S)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
1	733015	04/10/2007 THỨ NĂM TÂN MÙI THỔ (S)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
2	733016	05/10/2007 THỨ SÁU NHÂM THÂN KIM (V)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
3	733017	06/10/2007 THỨ BẢY QUÝ DẬU KIM (V)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
4	733018	07/10/2007 CHỦ NHẬT GIÁP TUẤT THỦY (M)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ : ______

THIÊN CUNG : ______

ĐỊA CUNG : ______

NGÀY TỐT : ______

GIỜ TỐT : ______

MÀU HỢP : ______

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY / TÊN			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	23h ↓ 1h TÝ	1h ↓ 3h SỬU	3h ↓ 5h DẦN	5h ↓ 7h MÃO	7h ↓ 9h THÌN	9h ↓ 11h TỴ	11h ↓ 13h NGỌ	13h ↓ 15h MÙI	15h ↓ 17h THÂN	17h ↓ 19h DẬU	19h ↓ 21h TUẤT	21h ↓ 23h HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
5	733019	08/10/2007 THỨ HAI ẤT HỢI THỦY (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
6	733020	09/10/2007 THỨ BA BÍNH TÝ HỎA (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
7	733021	10/10/2007 THỨ TƯ ĐINH SỬU HỎA (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
8	733022	11/10/2007 THỨ NĂM MẬU DẦN THỔ (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
9	733023	12/10/2007 THỨ SÁU KỶ MÃO THỔ (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
1	733024	13/10/2007 THỨ BẢY CANH THÌN KIM (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
2	733025	14/10/2007 CHỦ NHẬT TÂN TỴ KIM (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
3	733026	15/10/2007 THỨ HAI NHÂM NGỌ MỘC (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
4	733027	16/10/2007 THỨ BA QUÝ MÙI MỘC (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
5	733028	17/10/2007 THỨ TƯ GIÁP THÂN HỎA (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
VẬN KHÍ :			NGÀY TỐT :											
THIÊN CUNG :			GIỜ TỐT :											
ĐỊA CUNG :			MÀU HỢP :											

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
6	733029	18/10/2007 THỨ NĂM ẤT DẬU HỎA (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
7	733030	19/10/2007 THỨ SÁU BÍNH TUẤT THỔ (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
8	733031	20/10/2007 THỨ BẢY ĐINH HỢI THỔ (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
9	733032	21/10/2007 CHỦ NHẬT MẬU TÝ THỦY (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
1	733033	22/10/2007 THỨ HAI KỶ SỬU THỦY (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
2	733034	23/10/2007 THỨ BA CANH DẦN MỘC (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
3	733035	24/10/2007 THỨ TƯ TÂN MÃO MỘC (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
4	733036	25/10/2007 THỨ NĂM NHÂM THÌN HỎA (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
5	733037	26/10/2007 THỨ SÁU QUÝ TỴ HỎA (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
6	733038	27/10/2007 THỨ BẢY GIÁP NGỌ KIM (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
VẬN KHÍ :			NGÀY TỐT :											
THIÊN CUNG :			GIỜ TỐT :											
ĐỊA CUNG :			MÀU HỢP :											

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY TÊN			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
7	733039	28/10/2007 **CHỦ NHẬT** ẤT MÙI KIM (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
8	733040	29/10/2007 THỨ HAI BÍNH THÂN THỦY (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
9	733041	30/10/2007 THỨ BA ĐINH DẬU THỦY (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
1	733042	31/10/2007 THỨ TƯ MẬU TUẤT MỘC (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
2	733043	**01/11/2007** THỨ NĂM KỶ HỢI MỘC (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
3	733044	02/11/2007 THỨ SÁU CANH TÝ THỔ (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
4	733045	03/11/2007 THỨ BẢY TÂN SỬU THỔ (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
5	733046	04/11/2007 **CHỦ NHẬT** NHÂM DẦN KIM (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
6	733047	05/11/2007 THỨ HAI QUÝ MÃO KIM (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
7	733048	06/11/2007 THỨ BA GIÁP THÌN THỦY (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ : ....

THIÊN CUNG : ....

ĐỊA CUNG : ....

NGÀY TỐT : ....

GIỜ TỐT : ....

MÀU HỢP : ....

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY / TÊN			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
8	733049	07/11/2007 THỨ TƯ ẤT TỴ THỦY (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
9	733050	08/11/2007 THỨ NĂM BÍNH NGỌ HỎA (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
1	733051	09/11/2007 THỨ SÁU ĐINH MÙI HỎA (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
2	733052	10/11/2007 THỨ BẢY MẬU THÂN THỔ (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
3	733053	11/11/2007 CHỦ NHẬT KỶ DẬU THỔ (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
4	733054	12/11/2007 THỨ HAI CANH TUẤT KIM (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
5	733055	13/11/2007 THỨ BA TÂN HỢI KIM (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
6	733056	14/11/2007 THỨ TƯ NHÂM TÝ MỘC (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
7	733057	15/11/2007 THỨ NĂM QUÝ SỬU MỘC (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
8	733058	16/11/2007 THỨ SÁU GIÁP DẦN HỎA (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY — **TÊN** | **GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ**

HỌ và TÊN : SINH : TUỔI :

THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	23h ↓ 1h TÝ	1h ↓ 3h SỬU	3h ↓ 5h DẦN	5h ↓ 7h MẸO	7h ↓ 9h THÌN	9h ↓ 11h TỴ	11h ↓ 13h NGỌ	13h ↓ 15h MÙI	15h ↓ 17h THÂN	17h ↓ 19h DẬU	19h ↓ 21h TUẤT	21h ↓ 23h HỢI
9	733059	17/11/2007 THỨ BẢY ẤT MÃO HỎA (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
1	733060	18/11/2007 CHỦ NHẬT BÍNH THÌN THỔ (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
2	733061	19/11/2007 THỨ HAI ĐINH TỴ THỔ (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
3	733062	20/11/2007 THỨ BA MẬU NGỌ THỦY (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
4	733063	21/11/2007 THỨ TƯ KỶ MÙI THỦY (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
5	733064	22/11/2007 THỨ NĂM CANH THÂN MỘC (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
6	733065	23/11/2007 THỨ SÁU TÂN DẬU MỘC (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
7	733066	24/11/2007 THỨ BẢY NHÂM TUẤT HỎA (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
8	733067	25/11/2007 CHỦ NHẬT QUÝ HỢI HỎA (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
9	733068	26/11/2007 THỨ HAI GIÁP TÝ KIM (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ : ....

THIÊN CUNG : ....

ĐỊA CUNG : ....

NGÀY TỐT : ....

GIỜ TỐT : ....

MÀU HỢP : ....

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY – TÊN			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :							SINH :			TUỔI :	
1	733069	27/11/2007 THỨ BA ẤT SỬU KIM (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
2	733070	28/11/2007 THỨ TƯ BÍNH DẦN THỦY (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
3	733071	29/11/2007 THỨ NĂM ĐINH MÃO THỦY (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
4	733072	30/11/2007 THỨ SÁU MẬU THÌN MỘC (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
5	733073	**01/12/2007** THỨ BẢY KỶ TỴ MỘC (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
6	733074	02/12/2007 **CHỦ NHẬT** CANH NGỌ THỔ (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
7	733075	03/12/2007 THỨ HAI TÂN MÙI THỔ (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
8	733076	04/12/2007 THỨ BA NHÂM THÂN KIM (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
9	733077	05/12/2007 THỨ TƯ QUÝ DẬU KIM (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
1	733078	06/12/2007 THỨ NĂM GIÁP TUẤT THỦY (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
VẬN KHÍ :			NGÀY TỐT :											
THIÊN CUNG :			GIỜ TỐT :											
ĐỊA CUNG :			MÀU HỢP :											

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
			TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
2	733079	07/12/2007 THỨ SÁU ẤT HỢI THỦY (M)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
3	733080	08/12/2007 THỨ BẢY BÍNH TÝ HỎA (S)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
4	733081	09/12/2007 CHỦ NHẬT ĐINH SỬU HỎA (S)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
5	733082	10/12/2007 THỨ HAI MẬU DẦN THỔ (V)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
6	733083	11/12/2007 THỨ BA KỶ MÃO THỔ (V)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
7	733084	12/12/2007 THỨ TƯ CANH THÌN KIM (M)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
8	733085	13/12/2007 THỨ NĂM TÂN TỴ KIM (M)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
9	733086	14/12/2007 THỨ SÁU NHÂM NGỌ MỘC (S)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
1	733087	15/12/2007 THỨ BẢY QUÝ MÙI MỘC (S)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
2	733088	16/12/2007 CHỦ NHẬT GIÁP THÂN HỎA (V)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
VẬN KHÍ :			NGÀY TỐT :											
THIÊN CUNG :			GIỜ TỐT :											
ĐỊA CUNG :			MÀU HỢP											

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23 h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
			TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
3	733089	17/12/2007 THỨ HAI ẤT DẬU HỎA (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
4	733090	18/12/2007 THỨ BA BÍNH TUẤT THỔ (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
5	733091	19/12/2007 THỨ TƯ ĐINH HỢI THỔ (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
6	733092	20/12/2007 THỨ NĂM MẬU TÝ THỦY (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
7	733093	21/12/2007 THỨ SÁU KỶ SỬU THỦY (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
8	733094	22/12/2007 THỨ BẢY CANH DẦN MỘC (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
9	733095	23/12/2007 CHỦ NHẬT TÂN MÃO MỘC (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
1	733096	24/12/2007 THỨ HAI NHÂM THÌN HỎA (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
2	733097	25/12/2007 THỨ BA QUÝ TỴ HỎA (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
3	733098	26/12/2007 THỨ TƯ GIÁP NGỌ KIM (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
VẬN KHÍ :			NGÀY TỐT :											
THIÊN CUNG :			GIỜ TỐT :											
ĐỊA CUNG :			MÀU HỢP :											

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2007

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
			TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
4	733099	27/12/2007 THỨ NĂM ẤT MÙI KIM (S)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
5	733100	28/12/2007 THỨ SÁU BÍNH THÂN THỦY (V)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
6	733101	29/12/2007 THỨ BẢY ĐINH DẬU THỦY (V)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
7	733102	30/12/2007 **CHỦ NHẬT** MẬU TUẤT MỘC (M)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
8	733103	31/12/2007 THỨ HAI KỶ HỢI MỘC (M)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ : ....

THIÊN CUNG : ....

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT : ....

GIỜ TỐT : ....

MÀU HỢP :

LỊCH
PHONG THỦY
NĂM
2008

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :							SINH :			TUỔI :	
9	733104	**01/01/2008** THỨ BA CANH TÝ THỔ (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
1	733105	02/01/2008 THỨ TƯ TÂN SỬU THỔ (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
2	733106	03/01/2008 THỨ NĂM NHÂM DẦN KIM (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
3	733107	04/01/2008 THỨ SÁU QUÝ MÃO KIM (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
4	733108	05/01/2008 THỨ BẢY GIÁP THÌN THỦY (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
5	733109	06/01/2008 **CHỦ NHẬT** ẤT TỴ THỦY (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
6	733110	07/01/2008 THỨ HAI BÍNH NGỌ HỎA (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
7	733111	08/01/2008 THỨ BA ĐINH MÙI HỎA (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
8	733112	09/01/2008 THỨ TƯ MẬU THÂN THỔ (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
9	733113	10/01/2008 THỨ NĂM KỶ DẬU THỔ (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ : .... NGÀY TỐT : ....

THIÊN CUNG : .... GIỜ TỐT : ....

ĐỊA CUNG : .... MÀU HỢP : ....

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY — **TÊN**

GIỜ NÀO : VIỆC ĐÓ

HỌ và TÊN : SINH : TUỔI :

THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	23h ↓ 1h TÝ	1h ↓ 3h SỬU	3h ↓ 5h DẦN	5h ↓ 7h MÃO	7h ↓ 9h THÌN	9h ↓ 11h TỴ	11h ↓ 13h NGỌ	13h ↓ 15h MÙI	15h ↓ 17h THÂN	17h ↓ 19h DẬU	19h ↓ 21h TUẤT	21h ↓ 23h HỢI
1	733114	11/01/2008 THỨ SÁU CANH TUẤT KIM (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
2	733115	12/01/2008 THỨ BẢY TÂN HỢI KIM (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
3	733116	13/01/2008 CHỦ NHẬT NHÂM TÝ MỘC (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
4	733117	14/01/2008 THỨ HAI QUÝ SỬU MỘC (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
5	733118	15/01/2008 THỨ BA GIÁP DẦN HỎA (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
6	733119	16/01/2008 THỨ TƯ ẤT MÃO HỎA (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
7	733120	17/01/2008 THỨ NĂM BÍNH THÌN THỔ (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
8	733121	18/01/2008 THỨ SÁU ĐINH TỴ THỔ (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
9	733122	19/01/2008 THỨ BẢY MẬU NGỌ THỦY (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
1	733123	20/01/2008 CHỦ NHẬT KỶ MÙI THỦY (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ : ....

THIÊN CUNG : ....

ĐỊA CUNG : ....

NGÀY TỐT : ....

GIỜ TỐT : ....

MÀU HỢP : ....

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
2	733124	21/01/2008 THỨ HAI CANH THÂN MỘC (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
3	733125	22/01/2008 THỨ BA TÂN DẬU MỘC (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
4	733126	23/01/2008 THỨ TƯ NHÂM TUẤT HỎA (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
5	733127	24/01/2008 THỨ NĂM QUÝ HỢI HỎA (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
6	733128	25/01/2008 THỨ SÁU GIÁP TÝ KIM (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
7	733129	26/01/2008 THỨ BẢY ẤT SỬU KIM (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
8	733130	27/01/2008 **CHỦ NHẬT** BÍNH DẦN THỦY (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
9	733131	28/01/2008 THỨ HAI ĐINH MÃO THỦY (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
1	733132	29/01/2008 THỨ BA MẬU THÌN MỘC (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
2	733133	30/01/2008 THỨ TƯ KỶ TỴ MỘC (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
3	733134	31/01/2008 THỨ NĂM CANH NGỌ THỔ (S)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) → MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) → THỦY (S)	
4	733135	01/02/2008 THỨ SÁU TÂN MÙI THỔ (S)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) → KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) → THỔ (S)	
5	733136	02/02/2008 THỨ BẢY NHÂM THÂN KIM (V)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) → HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) → MỘC (S)	
6	733137	03/02/2008 CHỦ NHẬT QUÝ DẬU KIM (V)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) → THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) → KIM (S)	
7	733138	04/02/2008 THỨ HAI GIÁP TUẤT THỦY (M)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) → THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) → HỎA (S)	
8	733139	05/02/2008 THỨ BA ẤT HỢI THỦY (M)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) → MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) → THỦY (S)	
9	733140	06/02/2008 THỨ TƯ BÍNH TÝ HỎA (S)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) → KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) → THỔ (S)	
1	733141	07/02/2008 THỨ NĂM ĐINH SỬU HỎA (S)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) → HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) → MỘC (S)	
2	733142	08/02/2008 THỨ SÁU MẬU DẦN THỔ (V)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) → THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) → KIM (S)	
3	733143	09/02/2008 THỨ BẢY KỶ MÃO THỔ (V)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) → THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) → HỎA (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
4	733144	10/02/2008 CHỦ NHẬT CANH THÌN KIM (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
5	733145	11/02/2008 THỨ HAI TÂN TỴ KIM (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
6	733146	12/02/2008 THỨ BA NHÂM NGỌ MỘC (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
7	733147	13/02/2008 THỨ TƯ QUÝ MÙI MỘC (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
8	733148	14/02/2008 THỨ NĂM GIÁP THÂN HỎA (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
9	733149	15/02/2008 THỨ SÁU ẤT DẬU HỎA (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
1	733150	16/02/2008 THỨ BẢY BÍNH TUẤT THỔ (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
2	733151	17/02/2008 CHỦ NHẬT ĐINH HỢI THỔ (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
3	733152	18/02/2008 THỨ HAI MẬU TÝ THỦY (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
4	733153	19/02/2008 THỨ BA KỶ SỬU THỦY (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
VẬN KHÍ :			NGÀY TỐT :											
THIÊN CUNG :			GIỜ TỐT :											
ĐỊA CUNG :			MÀU HỢP :											

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
5	733154	20/02/2008 THỨ TƯ CANH DẦN MỘC (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
6	733155	21/02/2008 THỨ NĂM TÂN MÃO MỘC (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
7	733156	22/02/2008 THỨ SÁU NHÂM THÌN HỎA (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
8	733157	23/02/2008 THỨ BẢY QUÝ TỴ HỎA (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
9	733158	24/02/2008 CHỦ NHẬT GIÁP NGỌ KIM (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
1	733159	25/02/2008 THỨ HAI ẤT MÙI KIM (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
2	733160	26/02/2008 THỨ BA BÍNH THÂN THỦY (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
3	733161	27/02/2008 THỨ TƯ ĐINH DẬU THỦY (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
4	733162	28/02/2008 THỨ NĂM MẬU TUẤT MỘC (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
5	733163	29/02/2008 THỨ SÁU KỶ HỢI MỘC (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY / TÊN			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
6	733164	01/3/2008 THỨ BẢY CANH TÝ THỔ (S)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
7	733165	02/3/2008 CHỦ NHẬT TÂN SỬU THỔ (S)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
8	733166	03/3/2008 THỨ HAI NHÂM DẦN KIM (V)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
9	733167	04/3/2008 THỨ BA QUÝ MÃO KIM (V)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
1	733168	05/3/2008 THỨ TƯ GIÁP THÌN THỦY (M)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
2	733169	06/3/2008 THỨ NĂM ẤT TỴ THỦY (M)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
3	733170	07/3/2008 THỨ SÁU BÍNH NGỌ HỎA (S)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
4	733171	08/3/2008 THỨ BẢY ĐINH MÙI HỎA (S)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
5	733172	09/3/2008 CHỦ NHẬT MẬU THÂN THỔ (V)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
6	733173	10/3/2008 THỨ HAI KỶ DẬU THỔ (V)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23 h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
7	733174	11/3/2008 THỨ BA CANH TUẤT KIM (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
8	733175	12/3/2008 THỨ TƯ TÂN HỢI KIM (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
9	733176	13/3/2008 THỨ NĂM NHÂM TÝ MỘC (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
1	733177	14/3/2008 THỨ SÁU QUÝ SỬU MỘC (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
2	733178	15/3/2008 THỨ BẢY GIÁP DẦN HỎA (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
3	733179	16/3/2008 CHỦ NHẬT ẤT MÃO HỎA (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
4	733180	17/3/2008 THỨ HAI BÍNH THÌN THỔ (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
5	733181	18/3/2008 THỨ BA ĐINH TỴ THỔ (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
6	733182	19/3/2008 THỨ TƯ MẬU NGỌ THỦY (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
7	733183	20/3/2008 THỨ NĂM KỶ MÙI THỦY (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ :	NGÀY TỐT :
THIÊN CUNG :	GIỜ TỐT :
ĐỊA CUNG :	MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY / TÊN: THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ: 23h ↓ 1h TÝ	1h ↓ 3h SỬU	3h ↓ 5h DẦN	5h ↓ 7h MÃO	7h ↓ 9h THÌN	9h ↓ 11h TỴ	11h ↓ 13h NGỌ	13h ↓ 15h MÙI	15h ↓ 17h THÂN	17h ↓ 19h DẬU	19h ↓ 21h TUẤT	21h ↓ 23h HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
8	733184	21/3/2008 THỨ SÁU CANH THÂN MỘC (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
9	733185	22/3/2008 THỨ BẢY TÂN DẬU MỘC (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
1	733186	23/3/2008 CHỦ NHẬT NHÂM TUẤT HỎA (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
2	733187	24/3/2008 THỨ HAI QUÝ HỢI HỎA (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
3	733188	25/3/2008 THỨ BA GIÁP TÝ KIM (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
4	733189	26/3/2008 THỨ TƯ ẤT SỬU KIM (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
5	733190	27/3/2008 THỨ NĂM BÍNH DẦN THỦY (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
6	733191	28/3/2008 THỨ SÁU ĐINH MÃO THỦY (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
7	733192	29/3/2008 THỨ BẢY MẬU THÌN MỘC (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
8	733193	30/3/2008 CHỦ NHẬT KỶ TỴ MỘC (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
9	733194	31/3/2008 THỨ HAI CANH NGỌ THỔ (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
1	733195	**01/4/2008** THỨ BA TÂN MÙI THỔ (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
2	733196	02/4/2008 THỨ TƯ NHÂM THÂN KIM (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
3	733197	03/4/2008 THỨ NĂM QUÝ DẬU KIM (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
4	733198	04/4/2008 THỨ SÁU GIÁP TUẤT THỦY (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
5	733199	05/4/2008 THỨ BẢY ẤT HỢI THỦY (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
6	733200	06/4/2008 **CHỦ NHẬT** BÍNH TÝ HỎA (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
7	733201	07/4/2004 THỨ HAI ĐINH SỬU HỎA (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
8	733202	08/4/2008 THỨ BA MẬU DẦN THỔ (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
9	733203	09/4/2008 THỨ TƯ KỶ MÃO THỔ (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ : ....

THIÊN CUNG : ....

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT : ....

GIỜ TỐT : ....

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY – TÊN			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MẸO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
1	733204	10/4/2008 THỨ NĂM CANH THÌN KIM (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
2	733205	11/4/2008 THỨ SÁU TÂN TỴ KIM (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
3	733206	12/4/2008 THỨ BẢY NHÂM NGỌ MỘC (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
4	733207	13/4/2008 **CHỦ NHẬT** QUÝ MÙI MỘC (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
5	733208	14/4/2008 THỨ HAI GIÁP THÂN HỎA (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
6	733209	15/4/2008 THỨ BA ẤT DẬU HỎA (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
7	733210	16/4/2008 THỨ TƯ BÍNH TUẤT THỔ (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
8	733211	17/4/2008 THỨ NĂM ĐINH HỢI THỔ (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
9	733212	18/4/2008 THỨ SÁU MẬU TÝ THỦY (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
1	733213	19/4/2008 THỨ BẢY KỶ SỬU THỦY (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
VẬN KHÍ :			NGÀY TỐT :											
THIÊN CUNG :			GIỜ TỐT :											
ĐỊA CUNG :			MÀU HỢP :											

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
2	733214	20/4/2008 **CHỦ NHẬT** CANH DẦN MỘC (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
3	733215	21/4/2008 THỨ HAI TÂN MÃO MỘC (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
4	733216	22/4/2008 THỨ BA NHÂM THÌN HỎA (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
5	733217	23/4/2008 THỨ TƯ QUÝ TỴ HỎA (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
6	733218	24/4/2008 THỨ NĂM GIÁP NGỌ KIM (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
7	733219	25/4/2008 THỨ SÁU ẤT MÙI KIM (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
8	733220	26/4/2008 THỨ BẢY BÍNH THÂN THỦY (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
9	733221	27/4/2008 **CHỦ NHẬT** ĐINH DẬU THỦY (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
1	733222	28/4/2008 THỨ HAI MẬU TUẤT MỘC (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
2	733223	29/4/2008 THỨ BA KỶ HỢI MỘC (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ : ....

THIÊN CUNG : ....

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT : ....

GIỜ TỐT : ....

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY / TÊN			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
3	733224	30/4/2008 THỨ TƯ CANH TÝ THỔ (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) → MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
4	733225	**01/5/2008** THỨ NĂM TÂN SỬU THỔ (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) → KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
5	733226	02/5/2008 THỨ SÁU NHÂM DẦN KIM (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
6	733227	03/5/2008 THỨ BẢY QUÝ MÃO KIM (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
7	733228	04/5/2008 **CHỦ NHẬT** GIÁP THÌN THỦY (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
8	733229	05/5/2008 THỨ HAI ẤT TỴ THỦY (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) → MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) → THỦY (S)	
9	733230	06/5/2008 THỨ BA BÍNH NGỌ HỎA (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) → KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
1	733231	07/5/2008 THỨ TƯ ĐINH MÙI HỎA (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
2	733232	08/5/2008 THỨ NĂM MẬU THÂN THỔ (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
3	733233	09/5/2008 THỨ SÁU KỶ DẬU THỔ (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ : ....

THIÊN CUNG : ....

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT : ....

GIỜ TỐT : ....

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY / **TÊN** — **GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ**

HỌ và TÊN : SINH : TUỔI :

THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	23h ↓ 1h TÝ	1h ↓ 3h SỬU	3h ↓ 5h DẦN	5h ↓ 7h MÃO	7h ↓ 9h THÌN	9h ↓ 11h TỴ	11h ↓ 13h NGỌ	13h ↓ 15h MÙI	15h ↓ 17h THÂN	17h ↓ 19h DẬU	19h ↓ 21h TUẤT	21h ↓ 23h HỢI
4	733234	10/5/2008 THỨ BẢY CANH TUẤT KIM (M)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
5	733235	11/5/2008 CHỦ NHẬT TÂN HỢI KIM (M)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
6	733236	12/5/2008 THỨ HAI NHÂM TÝ MỘC (S)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
7	733237	13/5/2008 THỨ BA QUÝ SỬU MỘC (S)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
8	733238	14/5/2008 THỨ TƯ GIÁP DẦN HỎA (V)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
9	733239	15/5/2008 THỨ NĂM ẤT MÃO HỎA (V)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
1	733240	16/5/2008 THỨ SÁU BÍNH THÌN THỔ (M)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
2	733241	17/5/2008 THỨ BẢY ĐINH TỴ THỔ (M)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
3	733242	18/5/2008 CHỦ NHẬT MẬU NGỌ THỦY (S)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
4	733243	19/5/2008 THỨ HAI KỶ MÙI THỦY (S)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ : ....

THIÊN CUNG : ....

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT : ....

GIỜ TỐT : ....

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY / TÊN			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
5	733244	20/5/2008 THỨ BA CANH THÂN MỘC (V)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
6	733245	21/5/2008 THỨ TƯ TÂN DẬU MỘC (V)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
7	733246	22/5/2008 THỨ NĂM NHÂM TUẤT HỎA (M)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
8	733247	23/5/2008 THỨ SÁU QUÝ HỢI HỎA (M)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
9	733248	24/5/2008 THỨ BẢY GIÁP TÝ KIM (S)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
1	733249	25/5/2008 CHỦ NHẬT ẤT SỬU KIM (S)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
2	733250	26/5/2008 THỨ HAI BÍNH DẦN THỦY (V)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
3	733251	27/5/2008 THỨ BA ĐINH MÃO THỦY (V)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
4	733252	28/5/2008 THỨ TƯ MẬU THÌN MỘC (M)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
5	733253	29/5/2008 THỨ NĂM KỶ TỴ MỘC (M)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23 h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :									SINH :		TUỔI :
6	733254	30/5/2008 THỨ SÁU CANH NGỌ THỔ (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
7	733255	31/5/2008 THỨ BẢY TÂN MÙI THỔ (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
8	733256	**01/6/2008 CHỦ NHẬT** NHÂM THÂN KIM (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
9	733257	02/6/2008 THỨ HAI QUÝ DẬU KIM (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
1	733258	03/6/2008 THỨ BA GIÁP TUẤT THỦY (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
2	733259	04/6/2008 THỨ TƯ ẤT HỢI THỦY (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
3	733260	05/6/2008 THỨ NĂM BÍNH TÝ HỎA (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
4	733261	06/6/2008 THỨ SÁU ĐINH SỬU HỎA (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
5	733262	07/6/2008 THỨ BẢY MẬU DẦN THỔ (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
6	733263	08/6/2008 **CHỦ NHẬT** KỶ MÃO THỔ (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
VẬN KHÍ :			NGÀY TỐT :											
THIÊN CUNG :			GIỜ TỐT :											
ĐỊA CUNG :			MÀU HỢP :											

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY – TÊN			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
7	733264	09/6/2008 THỨ HAI CANH THÌN KIM (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
8	733265	10/6/2008 THỨ BA TÂN TỴ KIM (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
9	733266	11/6/2008 THỨ TƯ NHÂM NGỌ MỘC (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
1	733267	12/6/2008 THỨ NĂM QUÝ MÙI MỘC (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
2	733268	13/6/2008 THỨ SÁU GIÁP THÂN HỎA (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
3	733269	14/6/2008 THỨ BẢY ẤT DẬU HỎA (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
4	733270	15/6/2008 **CHỦ NHẬT** BÍNH TUẤT THỔ (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
5	733271	16/6/2008 THỨ HAI ĐINH HỢI THỔ (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
6	733272	17/6/2008 THỨ BA MẬU TÝ THỦY (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
7	733273	18/6/2008 THỨ TƯ KỶ SỬU THỦY (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ : .... NGÀY TỐT : ....

THIÊN CUNG : .... GIỜ TỐT : ....

ĐỊA CUNG : .... MÀU HỢP : ....

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
8	733274	19/6/2008 THỨ NĂM CANH DẦN MỘC (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
9	733275	20/6/2008 THỨ SÁU TÂN MÃO MỘC (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
1	733276	21/6/2008 THỨ BẢY NHÂM THÌN HỎA (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
2	733277	22/6/2008 CHỦ NHẬT QUÝ TỴ HỎA (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
3	733278	23/6/2008 THỨ HAI GIÁP NGỌ KIM (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
4	733279	24/6/2008 THỨ BA ẤT MÙI KIM (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
5	733280	25/6/2008 THỨ TƯ BÍNH THÂN THỦY (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
6	733281	26/6/2008 THỨ NĂM ĐINH DẬU THỦY (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
7	733282	27/6/2008 THỨ SÁU MẬU TUẤT MỘC (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
8	733283	28/6/2008 THỨ BẢY KỶ HỢI MỘC (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
VẬN KHÍ :			NGÀY TỐT :											
THIÊN CUNG :			GIỜ TỐT :											
ĐỊA CUNG :			MÀU HỢP :											

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
9	733284	29/6/2008 **CHỦ NHẬT** CANH TÝ THỔ (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
1	733285	30/6/2008 THỨ HAI TÂN SỬU THỔ (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
2	733286	**01/7/2008** THỨ BA NHÂM DẦN KIM (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
3	733287	02/7/2008 THỨ TƯ QUÝ MÃO KIM (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
4	733288	03/7/2008 THỨ NĂM GIÁP THÌN THỦY (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
5	733289	04/7/2008 THỨ SÁU ẤT TỴ THỦY (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
6	733290	05/7/2008 THỨ BẢY BÍNH NGỌ HỎA (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
7	733291	06/7/2008 **CHỦ NHẬT** ĐINH MÙI HỎA (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
8	733292	07/7/2008 THỨ HAI MẬU THÂN THỔ (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
9	733293	08/7/2008 THỨ BA KỶ DẬU THỔ (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ : ....

THIÊN CUNG : ....

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT : ....

GIỜ TỐT : ....

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY TÊN			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
1	733294	09/7/2008 THỨ TƯ CANH TUẤT KIM (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
2	733295	10/7/2008 THỨ NĂM TÂN HỢI KIM (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
3	733296	11/7/2008 THỨ SÁU NHÂM TÝ MỘC (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
4	733297	12/7/2008 THỨ BẢY QUÝ SỬU MỘC (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
5	733298	13/7/2008 CHỦ NHẬT GIÁP DẦN HỎA (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
6	733299	14/7/2008 THỨ HAI ẤT MÃO HỎA (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
7	733300	15/7/2008 THỨ BA BÍNH THÌN THỔ (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
8	733301	16/7/2008 THỨ TƯ ĐINH TỴ THỔ (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
9	733302	17/7/2008 THỨ NĂM MẬU NGỌ THỦY (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
1	733303	18/7/2008 THỨ SÁU KỶ MÙI THỦY (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ : ______

THIÊN CUNG : ______

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT : ______

GIỜ TỐT : ______

MÀU HỢP : ______

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY — **TÊN** / **GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ**

HỌ và TÊN : SINH : TUỔI :

THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	23h ↓ 1h TÝ	1h ↓ 3h SỬU	3h ↓ 5h DẦN	5h ↓ 7h MÃO	7h ↓ 9h THÌN	9h ↓ 11h TỴ	11h ↓ 13h NGỌ	13h ↓ 15h MÙI	15h ↓ 17h THÂN	17h ↓ 19h DẬU	19h ↓ 21h TUẤT	21h ↓ 23h HỢI
2	733304	19/7/2008 THỨ BẢY CANH THÂN MỘC (V)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
3	733305	20/7/2008 CHỦ NHẬT TÂN DẬU MỘC (V)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
4	733306	21/7/2008 THỨ HAI NHÂM TUẤT HỎA (M)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
5	733307	22/7/2008 THỨ BA QUÝ HỢI HỎA (M)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
6	733308	23/7/2008 THỨ TƯ GIÁP TÝ KIM (S)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
7	733309	24/7/2008 THỨ NĂM ẤT SỬU KIM (S)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
8	733310	25/7/2008 THỨ SÁU BÍNH DẦN THỦY (V)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
9	733311	26/7/2008 THỨ BẢY ĐINH MÃO THỦY (V)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
1	733312	27/7/2008 CHỦ NHẬT MẬU THÌN MỘC (M)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
2	733313	28/7/2008 THỨ HAI KỶ TỴ MỘC (M)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY TÊN			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	23 h ↓ 1h TÝ	1h ↓ 3h SỬU	3h ↓ 5h DẦN	5h ↓ 7h MÃO	7h ↓ 9h THÌN	9h ↓ 11h TỴ	11h ↓ 13h NGỌ	13h ↓ 15h MÙI	15h ↓ 17h THÂN	17h ↓ 19h DẬU	19h ↓ 21h TUẤT	21h ↓ 23h HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
3	733314	29/7/2008 THỨ BA CANH NGỌ THỔ (S)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
4	733315	30/7/2008 THỨ TƯ TÂN MÙI THỔ (S)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
5	733316	31/7/2008 THỨ NĂM NHÂM THÂN KIM (V)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
6	733317	01/8/2008 THỨ SÁU QUÝ DẬU KIM (V)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
7	733318	02/8/2008 THỨ BẢY GIÁP TUẤT THỦY (M)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
8	733319	03/8/2008 CHỦ NHẬT ẤT HỢI THỦY (M)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
9	733320	04/8/2008 THỨ HAI BÍNH TÝ HỎA (S)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
1	733321	05/8/2008 THỨ BA ĐINH SỬU HỎA (S)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
2	733322	06/8/2008 THỨ TƯ MẬU DẦN THỔ (V)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
3	733323	07/8/2008 THỨ NĂM KỶ MÃO THỔ (V)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
VẬN KHÍ :			NGÀY TỐT :											
THIÊN CUNG :			GIỜ TỐT :											
ĐỊA CUNG :			MÀU HỢP :											

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23 h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
4	733324	08/8/2008 THỨ SÁU CANH THÌN KIM (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
5	733325	09/8/2008 THỨ BẢY TÂN TỴ KIM (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
6	733326	10/8/2008 CHỦ NHẬT NHÂM NGỌ MỘC (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
7	733327	11/8/2008 THỨ HAI QUÝ MÙI MỘC (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
8	733328	12/8/2008 THỨ BA GIÁP THÂN HỎA (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
9	733329	13/8/2008 THỨ TƯ ẤT DẬU HỎA (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
1	733330	14/8/2008 THỨ NĂM BÍNH TUẤT THỔ (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
2	733331	15/8/2008 THỨ SÁU ĐINH HỢI THỔ (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
3	733332	16/8/2008 THỨ BẢY MẬU TÝ THỦY (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
4	733333	17/8/2008 CHỦ NHẬT KỶ SỬU THỦY (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
VẬN KHÍ :			NGÀY TỐT :											
THIÊN CUNG :			GIỜ TỐT :											
ĐỊA CUNG :			MÀU HỢP :											

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
5	733334	18/8/2008 THỨ HAI CANH DẦN MỘC (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
6	733335	19/8/2008 THỨ BA TÂN MÃO MỘC (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
7	733336	20/8/2008 THỨ TƯ NHÂM THÌN HỎA (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
8	733337	21/8/2008 THỨ NĂM QUÝ TỴ HỎA (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
9	733338	22/8/2008 THỨ SÁU GIÁP NGỌ KIM (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
1	733339	23/8/2008 THỨ BẢY ẤT MÙI KIM (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
2	733340	24/8/2008 **CHỦ NHẬT** BÍNH THÂN THỦY (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
3	733341	25/8/2008 THỨ HAI ĐINH DẬU THỦY (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
4	733342	26/8/2008 THỨ BA MẬU TUẤT MỘC (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
5	733343	27/8/2008 THỨ TƯ KỶ HỢI MỘC (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ : ....

THIÊN CUNG : ....

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT : ....

GIỜ TỐT : ....

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
6	733344	28/8/2008 THỨ NĂM CANH TÝ THỔ (S)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
7	733345	29/8/2008 THỨ SÁU TÂN SỬU THỔ (S)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
8	733346	30/8/2008 THỨ BẢY NHÂM DẦN KIM (V)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
9	733347	31/8/2008 CHỦ NHẬT QUÝ MÃO KIM (V)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
1	733348	**01/9/2008** THỨ HAI GIÁP THÌN THỦY (M)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
2	733349	02/9/2008 THỨ BA ẤT TỴ THỦY (M)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
3	733350	03/9/2008 THỨ TƯ BÍNH NGỌ HỎA (S)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
4	733351	04/9/2008 THỨ NĂM ĐINH MÙI HỎA (S)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
5	733352	05/9/2008 THỨ SÁU MẬU THÂN THỔ (V)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
6	733353	06/9/2008 THỨ BẢY KỶ DẬU THỔ (V)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ : ....

THIÊN CUNG : ....

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT : ....

GIỜ TỐT : ....

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY	TÊN		GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MẸO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
7	733354	07/9/2008 **CHỦ NHẬT** CANH TUẤT KIM (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
8	733355	08/9/2008 THỨ HAI TÂN HỢI KIM (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
9	733356	09/9/2008 THỨ BA NHÂM TÝ MỘC (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
1	733357	10/9/2008 THỨ TƯ QUÝ SỬU MỘC (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
2	733358	11/9/2008 THỨ NĂM GIÁP DẦN HỎA (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
3	733359	12/9/2008 THỨ SÁU ẤT MÃO HỎA (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
4	733360	13/9/2008 THỨ BẢY BÍNH THÌN THỔ (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
5	733361	14/9/2008 **CHỦ NHẬT** ĐINH TỴ THỔ (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
6	733362	15/9/2008 THỨ HAI MẬU NGỌ THỦY (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
7	733363	16/9/2008 THỨ BA KỶ MÙI THỦY (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ : ....

THIÊN CUNG : ....

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT : ....

GIỜ TỐT : ....

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
8	733364	17/9/2008 THỨ TƯ CANH THÂN MỘC (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
9	733365	18/9/2008 THỨ NĂM TÂN DẬU MỘC (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
1	733366	19/9/2008 THỨ SÁU NHÂM TUẤT HỎA (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
2	733367	20/9/2008 THỨ BẢY QUÝ HỢI HỎA (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
3	733368	21/9/2008 **CHỦ NHẬT** GIÁP TÝ KIM (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
4	733369	22/9/2008 THỨ HAI ẤT SỬU KIM (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
5	733370	23/9/2008 THỨ BA BÍNH DẦN THỦY (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
6	733371	24/9/2008 THỨ TƯ ĐINH MÃO THỦY (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
7	733372	25/9/2008 THỨ NĂM MẬU THÌN MỘC (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
8	733373	26/9/2008 THỨ SÁU KỶ TỴ MỘC (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ : ....

THIÊN CUNG : ....

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT : ....

GIỜ TỐT : ....

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY — TÊN | GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ

HỌ và TÊN : SINH : TUỔI :

THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	23h ↓ 1h TÝ	1h ↓ 3h SỬU	3h ↓ 5h DẦN	5h ↓ 7h MÃO	7h ↓ 9h THÌN	9h ↓ 11h TỴ	11h ↓ 13h NGỌ	13h ↓ 15h MÙI	15h ↓ 17h THÂN	17h ↓ 19h DẬU	19h ↓ 21h TUẤT	21h ↓ 23h HỢI
9	733374	27/9/2008 THỨ BẢY CANH NGỌ THỔ (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
1	733375	28/9/2008 CHỦ NHẬT TÂN MÙI THỔ (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
2	733376	29/9/2008 THỨ HAI NHÂM THÂN KIM (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
3	733377	30/9/2008 THỨ BA QUÝ DẬU KIM (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
4	733378	01/10/2008 THỨ TƯ GIÁP TUẤT THỦY (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
5	733379	02/10/2008 THỨ NĂM ẤT HỢI THỦY (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
6	733380	03/10/2008 THỨ SÁU BÍNH TÝ HỎA (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
7	733381	04/10/2008 THỨ BẢY ĐINH SỬU HỎA (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
8	733382	05/10/2008 CHỦ NHẬT MẬU DẦN THỔ (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
9	733383	06/10/2008 THỨ HAI KỶ MÃO THỔ (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ : ____________

THIÊN CUNG : ____________

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT : ____________

GIỜ TỐT : ____________

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI

HỌ và TÊN : SINH : TUỔI :

Thiên cung	Thống kê	Thông thường	Tý	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi
1	733384	07/10/2008 THỨ BA CANH THÌN KIM (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
2	733385	08/10/2008 THỨ TƯ TÂN TỴ KIM (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
3	733386	09/10/2008 THỨ NĂM NHÂM NGỌ MỘC (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
4	733387	10/10/2008 THỨ SÁU QUÝ MÙI MỘC (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
5	733388	11/10/2008 THỨ BẢY GIÁP THÂN HỎA (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
6	733389	12/10/2008 **CHỦ NHẬT** ẤT DẬU HỎA (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
7	733390	13/10/2008 THỨ HAI BÍNH TUẤT THỔ (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
8	733391	14/10/2008 THỨ BA ĐINH HỢI THỔ (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
9	733392	15/10/2008 THỨ TƯ MẬU TÝ THỦY (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
1	733393	16/10/2008 THỨ NĂM KỶ SỬU THỦY (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :						SINH :				TUỔI :	
2	733394	17/10/2008 THỨ SÁU CANH DẦN MỘC (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
3	733395	18/10/2008 THỨ BẢY TÂN MÃO MỘC (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
4	733396	19/10/2008 CHỦ NHẬT NHÂM THÌN HỎA (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
5	733397	20/10/2008 THỨ HAI QUÝ TỴ HỎA (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
6	733398	21/10/2008 THỨ BA GIÁP NGỌ KIM (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
7	733399	22/10/2008 THỨ TƯ ẤT MÙI KIM (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
8	733400	23/10/2008 THỨ NĂM BÍNH THÂN THỦY (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
9	733401	24/10/2008 THỨ SÁU ĐINH DẬU THỦY (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
1	733402	25/10/2008 THỨ BẢY MẬU TUẤT MỘC (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
2	733403	26/10/2008 CHỦ NHẬT KỶ HỢI MỘC (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23 h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
			TÝ	SỬU	DẦN	MẸO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
3	733404	27/10/2008 THỨ HAI CANH TÝ THỔ (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
4	733405	28/10/2008 THỨ BA TÂN SỬU THỔ (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
5	733406	29/10/2008 THỨ TƯ NHÂM DẦN KIM (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
6	733407	30/10/2008 THỨ NĂM QUÝ MÃO KIM (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
7	733408	31/10/2008 THỨ SÁU GIÁP THÌN THỦY (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
8	733409	**01/11/2008** THỨ BẢY ẤT TỴ THỦY (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
9	733410	02/11/2008 **CHỦ NHẬT** BÍNH NGỌ HỎA (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
1	733411	03/11/2008 THỨ HAI ĐINH MÙI HỎA (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
2	733412	04/11/2008 THỨ BA MẬU THÂN THỔ (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
3	733413	05/11/2008 THỨ TƯ KỶ DẬU THỔ (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
VẬN KHÍ :			NGÀY TỐT :											
THIÊN CUNG :			GIỜ TỐT :											
ĐỊA CUNG :			MÀU HỢP :											

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
4	733414	06/11/2008 THỨ NĂM CANH TUẤT KIM (M)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
5	733415	07/11/2008 THỨ SÁU TÂN HỢI KIM (M)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
6	733416	08/11/2008 THỨ BẢY NHÂM TÝ MỘC (S)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
7	733417	09/11/2008 **CHỦ NHẬT** QUÝ SỬU MỘC (S)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
8	733418	10/11/2008 THỨ HAI GIÁP DẦN HỎA (V)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
9	733419	11/11/2008 THỨ BA ẤT MÃO HỎA (V)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
1	733420	12/11/2008 THỨ TƯ BÍNH THÌN THỔ (M)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
2	733421	13/11/2008 THỨ NĂM ĐINH TỴ THỔ (M)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
3	733422	14/11/2008 THỨ SÁU MẬU NGỌ THỦY (S)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
4	733423	15/11/2008 THỨ BẢY KỶ MÙI THỦY (S)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ : ....

THIÊN CUNG : ....

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT : ....

GIỜ TỐT : ....

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23 h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
5	733424	16/11/2008 **CHỦ NHẬT** CANH THÂN MỘC (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
6	733425	17/11/2008 THỨ HAI TÂN DẬU MỘC (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
7	733426	18/11/2008 THỨ BA NHÂM TUẤT HỎA (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
8	733427	19/11/2008 THỨ TƯ QUÝ HỢI HỎA (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
9	733428	20/11/2008 THỨ NĂM GIÁP TÝ KIM (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
1	733429	21/11/2008 THỨ SÁU ẤT SỬU KIM (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
2	733430	22/11/2008 THỨ BẢY BÍNH DẦN THỦY (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
3	733431	23/11/2008 **CHỦ NHẬT** ĐINH MÃO THỦY (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
4	733432	24/11/2008 THỨ HAI MẬU THÌN MỘC (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
5	733433	25/11/2008 THỨ BA KỶ TỴ MỘC (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
VẬN KHÍ :			NGÀY TỐT :											
THIÊN CUNG :			GIỜ TỐT :											
ĐỊA CUNG :			MÀU HỢP :											

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
6	733434	26/11/2008 THỨ TƯ CANH NGỌ THỔ (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
7	733435	27/11/2008 THỨ NĂM TÂN MÙI THỔ (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
8	733436	28/11/2008 THỨ SÁU NHÂM THÂN KIM (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
9	733437	29/11/2008 THỨ BẢY QUÝ DẬU KIM (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
1	733438	30/11/2008 **CHỦ NHẬT** GIÁP TUẤT THỦY (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
2	733439	**01/12/2008** THỨ HAI ẤT HỢI THỦY (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
3	733440	02/12/2008 THỨ BA BÍNH TÝ HỎA (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
4	733441	03/12/2008 THỨ TƯ ĐINH SỬU HỎA (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
5	733442	04/12/2008 THỨ NĂM MẬU DẦN THỔ (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
6	733443	05/12/2008 THỨ SÁU KỶ MÃO THỔ (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY — **TÊN** — **GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ**

THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
			TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
		HỌ và TÊN :									SINH :		TUỔI :	
7	733444	06/12/2008 THỨ BẢY CANH THÌN KIM (M)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
8	733445	07/12/2008 CHỦ NHẬT TÂN TỴ KIM (M)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
9	733446	08/12/2008 THỨ HAI NHÂM NGỌ MỘC (S)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
1	733447	09/12/2008 THỨ BA QUÝ MÙI MỘC (S)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
2	733448	10/12/2008 THỨ TƯ GIÁP THÂN HỎA (V)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
3	733449	11/12/2008 THỨ NĂM ẤT DẬU HỎA (V)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
4	733450	12/12/2008 THỨ SÁU BÍNH TUẤT THỔ (M)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
5	733451	13/12/2008 THỨ BẢY ĐINH HỢI THỔ (M)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
6	733452	14/12/2008 CHỦ NHẬT MẬU TÝ THỦY (S)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
7	733453	15/12/2008 THỨ HAI KỶ SỬU THỦY (S)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
8	733454	16/12/2008 **THỨ BA** CANH DẦN MỘC (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
9	733455	17/12/2008 **THỨ TƯ** TÂN MÃO MỘC (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
1	733456	18/12/2008 **THỨ NĂM** NHÂM THÌN HỎA (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
2	733457	19/12/2008 **THỨ SÁU** QUÝ TỴ HỎA (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
3	733458	20/12/2008 **THỨ BẢY** GIÁP NGỌ KIM (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
4	733459	21/12/2008 **CHỦ NHẬT** ẤT MÙI KIM (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
5	733460	22/12/2008 **THỨ HAI** BÍNH THÂN THỦY (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
6	733461	23/12/2008 **THỨ BA** ĐINH DẬU THỦY (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
7	733462	24/12/2008 **THỨ TƯ** MẬU TUẤT MỘC (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
8	733463	25/12/2008 **THỨ NĂM** KỶ HỢI MỘC (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	

VẬN KHÍ : ....

THIÊN CUNG : ....

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT : ....

GIỜ TỐT : ....

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2008

NGÀY

TÊN

GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ

HỌ và TÊN : SINH : TUỔI :

THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	23h ↓ 1h TÝ	1h ↓ 3h SỬU	3h ↓ 5h DẦN	5h ↓ 7h MÃO	7h ↓ 9h THÌN	9h ↓ 11h TỴ	11h ↓ 13h NGỌ	13h ↓ 15h MÙI	15h ↓ 17h THÂN	17h ↓ 19h DẬU	19h ↓ 21h TUẤT	21h ↓ 23h HỢI
9	733464	26/12/2008 THỨ SÁU CANH TÝ THỔ (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
1	733465	27/12/2008 THỨ BẢY TÂN SỬU THỔ (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
2	733466	28/12/2008 CHỦ NHẬT NHÂM DẦN KIM (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
3	733467	29/12/2008 THỨ HAI QUÝ MÃO KIM (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
4	733468	30/12/2008 THỨ BA GIÁP THÌN THỦY (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
5	733469	31/12/2008 THỨ TƯ ẤT TỴ THỦY (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH

PHONG THỦY

NĂM

2009

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2009

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
			TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
6	733470	01/01/2009 THỨ NĂM BÍNH NGỌ HỎA (S)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
7	733471	02/01/2009 THỨ SÁU ĐINH MÙI HỎA (S)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
8	733472	03/01/2009 THỨ BẢY MẬU THÂN THỔ (V)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
9	733473	04/01/2009 CHỦ NHẬT KỶ DẬU THỔ (V)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
1	733474	05/01/2009 THỨ HAI CANH TUẤT KIM (M)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
2	733475	06/01/2009 THỨ BA TÂN HỢI KIM (M)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
3	733476	07/01/2009 THỨ TƯ NHÂM TÝ MỘC (S)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
4	733477	08/01/2009 THỨ NĂM QUÝ SỬU MỘC (S)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
5	733478	09/01/2009 THỨ SÁU GIÁP DẦN HỎA (V)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
6	733479	10/01/2009 THỨ BẢY ẤT MÃO HỎA (V)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
VẬN KHÍ :			NGÀY TỐT :											
THIÊN CUNG :			GIỜ TỐT :											
ĐỊA CUNG :			MÀU HỢP :											

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
7	733480	11/01/2009 **CHỦ NHẬT** BÍNH THÌN THỔ (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
8	733481	12/01/2009 THỨ HAI ĐINH TỴ THỔ (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
9	733482	13/01/2009 THỨ BA MẬU NGỌ THỦY (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
1	733483	14/01/2009 THỨ TƯ KỶ MÙI THỦY (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
2	733484	15/01/2009 THỨ NĂM CANH THÂN MỘC (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
3	733485	16/01/2009 THỨ SÁU TÂN DẬU MỘC (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
4	733486	17/01/2009 THỨ BẢY NHÂM TUẤT HỎA (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
5	733487	18/01/2009 **CHỦ NHẬT** QUÝ HỢI HỎA (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
6	733488	19/01/2009 THỨ HAI GIÁP TÝ KIM (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
7	733489	20/01/2009 THỨ BA ẤT SỬU KIM (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
VẬN KHÍ :			NGÀY TỐT :											
THIÊN CUNG :			GIỜ TỐT :											
ĐỊA CUNG :			MÀU HỢP :											

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2009

NGÀY | **TÊN** | **GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ**

HỌ và TÊN : SINH : TUỔI :

THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
			TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
8	733490	21/01/2009 THỨ TƯ BÍNH DẦN THỦY (V)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
9	733491	22/01/2009 THỨ NĂM ĐINH MÃO THỦY (V)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
1	733492	23/01/2009 THỨ SÁU MẬU THÌN MỘC (M)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
2	733493	24/01/2009 THỨ BẢY KỶ TỴ MỘC (M)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
3	733494	25/01/2009 CHỦ NHẬT CANH NGỌ THỔ (S)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
4	733495	26/01/2009 THỨ HAI TÂN MÙI THỔ (S)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
5	733496	27/01/2009 THỨ BA NHÂM THÂN KIM (V)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
6	733497	28/01/2009 THỨ TƯ QUÝ DẬU KIM (V)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
7	733498	29/01/2009 THỨ NĂM GIÁP TUẤT THỦY (M)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
8	733499	30/01/2009 THỨ SÁU ẤT HỢI THỦY (M)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	

VẬN KHÍ :
THIÊN CUNG :
ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :
GIỜ TỐT :
MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2009

NGÀY / **TÊN** — GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ

HỌ và TÊN : SINH : TUỔI :

THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	23h ↓ 1h TÝ	1h ↓ 3h SỬU	3h ↓ 5h DẦN	5h ↓ 7h MÃO	7h ↓ 9h THÌN	9h ↓ 11h TỴ	11h ↓ 13h NGỌ	13h ↓ 15h MÙI	15h ↓ 17h THÂN	17h ↓ 19h DẬU	19h ↓ 21h TUẤT	21h ↓ 23h HỢI
9	733500	31/01/2009 THỨ BẢY BÍNH TÝ HỎA (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
1	733501	**01/02/2009 CHỦ NHẬT** ĐINH SỬU HỎA (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
2	733502	02/02/2009 THỨ HAI MẬU DẦN THỔ (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
3	733503	03/02/2009 THỨ BA KỶ MÃO THỔ (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
4	733504	04/02/2009 THỨ TƯ CANH THÌN KIM (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
5	733505	05/02/2009 THỨ NĂM TÂN TỴ KIM (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
6	733506	06/02/2009 THỨ SÁU NHÂM NGỌ MỘC (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
7	733507	07/02/2009 THỨ BẢY QUÝ MÙI MỘC (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
8	733508	08/02/2009 **CHỦ NHẬT** GIÁP THÂN HỎA (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
9	733509	09/02/2009 THỨ HAI ẤT DẬU HỎA (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	

VẬN KHÍ : ....

THIÊN CUNG : ....

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT : ....

GIỜ TỐT : ....

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2009

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
1	733510	10/02/2009 THỨ BA BÍNH TUẤT THỔ (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
2	733511	11/02/2009 THỨ TƯ ĐINH HỢI THỔ (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
3	733512	12/02/2009 THỨ NĂM MẬU TÝ THỦY (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
4	733513	13/02/2009 THỨ SÁU KỶ SỬU THỦY (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
5	733514	14/02/2009 THỨ BẢY CANH DẦN MỘC (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
6	733515	15/02/2009 **CHỦ NHẬT** TÂN MÃO MỘC (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
7	733516	16/02/2009 THỨ HAI NHÂM THÌN HỎA (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
8	733517	17/02/2009 THỨ BA QUÝ TỴ HỎA (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
9	733518	18/02/2009 THỨ TƯ GIÁP NGỌ KIM (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
1	733519	19/02/2009 THỨ NĂM ẤT MÙI KIM (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
VẬN KHÍ :			NGÀY TỐT :											
THIÊN CUNG :			GIỜ TỐT :											
ĐỊA CUNG :			MÀU HỢP :											

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2009

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
2	733520	20/02/2009 THỨ SÁU BÍNH THÂN THỦY (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
3	733521	21/02/2009 THỨ BẢY ĐINH DẬU THỦY (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
4	733522	22/02/2009 **CHỦ NHẬT** MẬU TUẤT MỘC (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
5	733523	23/02/2009 THỨ HAI KỶ HỢI MỘC (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
6	733524	24/02/2009 THỨ BA CANH TÝ THỔ (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
7	733525	25/02/2009 THỨ TƯ TÂN SỬU THỔ (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
8	733526	26/02/2009 THỨ NĂM NHÂM DẦN KIM (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
9	733527	27/02/2009 THỨ SÁU QUÝ MÃO KIM (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
1	733528	28/02/2009 THỨ BẢY GIÁP THÌN THỦY (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
2	733529	**01/3/2009 CHỦ NHẬT** ẤT TỴ THỦY (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	

VẬN KHÍ : ....

THIÊN CUNG : ....

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT : ....

GIỜ TỐT : ....

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2009

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
			TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
3	733530	02/3/2009 THỨ HAI BÍNH NGỌ HỎA (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
4	733531	03/3/2009 THỨ BA ĐINH MÙI HỎA (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
5	733532	04/3/2009 THỨ TƯ MẬU THÂN THỔ (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
6	733533	05/3/2009 THỨ NĂM KỶ DẬU THỔ (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
7	733534	06/3/2009 THỨ SÁU CANH TUẤT KIM (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
8	733535	07/3/2009 THỨ BẢY TÂN HỢI KIM (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
9	733536	08/3/2009 **CHỦ NHẬT** NHÂM TÝ MỘC (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
1	733537	09/3/2009 THỨ HAI QUÝ SỬU MỘC (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
2	733538	10/3/2009 THỨ BA GIÁP DẦN HỎA (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
3	733539	11/3/2009 THỨ TƯ ẤT MÃO HỎA (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2009

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
4	733540	12/3/2009 THỨ NĂM BÍNH THÌN THỔ (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
5	733541	13/3/2009 THỨ SÁU ĐINH TỴ THỔ (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
6	733542	14/3/2009 THỨ BẢY MẬU NGỌ THỦY (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
7	733543	15/3/2009 CHỦ NHẬT KỶ MÙI THỦY (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
8	733544	16/3/2009 THỨ HAI CANH THÂN MỘC (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
9	733545	17/3/2009 THỨ BA TÂN DẬU MỘC (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
1	733546	18/3/2009 THỨ TƯ NHÂM TUẤT HỎA (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
2	733547	19/3/2009 THỨ NĂM QUÝ HỢI HỎA (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
3	733548	20/3/2009 THỨ SÁU GIÁP TÝ KIM (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
4	733549	21/3/2009 THỨ BẢY ẤT SỬU KIM (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	

VẬN KHÍ :	NGÀY TỐT :
THIÊN CUNG :	GIỜ TỐT :
ĐỊA CUNG :	MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2009

NGÀY / TÊN			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
			TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :							SINH :			TUỔI :	
5	733550	22/3/2009 **CHỦ NHẬT** BÍNH DẦN THỦY (V)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
6	733551	23/3/2009 THỨ HAI ĐINH MÃO THỦY (V)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
7	733552	24/3/2009 THỨ BA MẬU THÌN MỘC (M)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
8	733553	25/3/2009 THỨ TƯ KỶ TỴ MỘC (M)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
9	733554	26/3/2009 THỨ NĂM CANH NGỌ THỔ (S)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
1	733555	27/3/2009 THỨ SÁU TÂN MÙI THỔ (S)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
2	733556	28/3/2009 THỨ BẢY NHÂM THÂN KIM (V)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
3	733557	29/3/2009 **CHỦ NHẬT** QUÝ DẬU KIM (V)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
4	733558	30/3/2009 THỨ HAI GIÁP TUẤT THỦY (M)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
5	733559	31/3/2009 THỨ BA ẤT HỢI THỦY (M)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2009

NGÀY

TÊN

GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ

HỌ và TÊN : SINH : TUỔI :

THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	23h ↓ 1h TÝ	1h ↓ 3h SỬU	3h ↓ 5h DẦN	5h ↓ 7h MÃO	7h ↓ 9h THÌN	9h ↓ 11h TỴ	11h ↓ 13h NGỌ	13h ↓ 15h MÙI	15h ↓ 17h THÂN	17h ↓ 19h DẬU	19h ↓ 21h TUẤT	21h ↓ 23h HỢI
6	733560	01/4/2009 THỨ TƯ BÍNH TÝ HỎA (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
7	733561	02/4/2009 THỨ NĂM ĐINH SỬU HỎA (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
8	733562	03/4/2009 THỨ SÁU MẬU DẦN THỔ (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
9	733563	04/4/2009 THỨ BẢY KỶ MÃO THỔ (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
1	733564	05/4/2009 **CHỦ NHẬT** CANH THÌN KIM (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
2	733565	06/4/2009 THỨ HAI TÂN TỴ KIM (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
3	733566	07/4/2009 THỨ BA NHÂM NGỌ MỘC (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
4	733567	08/4/2009 THỨ TƯ QUÝ MÙI MỘC (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
5	733568	09/4/2009 THỨ NĂM GIÁP THÂN HỎA (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
6	733569	10/4/2009 THỨ SÁU ẤT DẬU HỎA (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2009

NGÀY | **TÊN** | **GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ**

HỌ và TÊN : SINH : TUỔI :

THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	23h ↓ 1h TÝ	1h ↓ 3h SỬU	3h ↓ 5h DẦN	5h ↓ 7h MÃO	7h ↓ 9h THÌN	9h ↓ 11h TỴ	11h ↓ 13h NGỌ	13h ↓ 15h MÙI	15h ↓ 17h THÂN	17h ↓ 19h DẬU	19h ↓ 21h TUẤT	21h ↓ 23h HỢI
7	733570	11/4/2009 THỨ BẢY BÍNH TUẤT THỔ (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
8	733571	12/4/2009 CHỦ NHẬT ĐINH HỢI THỔ (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
9	733572	13/4/2009 THỨ HAI MẬU TÝ THỦY (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
1	733573	14/4/2009 THỨ BA KỶ SỬU THỦY (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
2	733574	15/4/2009 THỨ TƯ CANH DẦN MỘC (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
3	733575	16/4/2009 THỨ NĂM TÂN MÃO MỘC (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
4	733576	17/4/2009 THỨ SÁU NHÂM THÌN HỎA (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
5	733577	18/4/2009 THỨ BẢY QUÝ TỴ HỎA (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
6	733578	19/4/2009 CHỦ NHẬT GIÁP NGỌ KIM (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
7	733579	20/4/2009 THỨ HAI ẤT MÙI KIM (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2009

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
8	733580	21/4/2009 THỨ BA BÍNH THÂN THỦY (V)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
9	733581	22/4/2009 THỨ TƯ ĐINH DẬU THỦY (V)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
1	733582	23/4/2009 THỨ NĂM MẬU TUẤT MỘC (M)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
2	733583	24/4/2009 THỨ SÁU KỶ HỢI MỘC (M)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
3	733584	25/4/2009 THỨ BẢY CANH TÝ THỔ (S)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
4	733585	26/4/2009 **CHỦ NHẬT** TÂN SỬU THỔ (S)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
5	733586	27/4/2009 THỨ HAI NHÂM DẦN KIM (V)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
6	733587	28/4/2009 THỨ BA QUÝ MÃO KIM (V)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
7	733588	29/4/2009 THỨ TƯ GIÁP THÌN THỦY (M)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
8	733589	30/4/2009 THỨ NĂM ẤT TỴ THỦY (M)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	

VẬN KHÍ : ....

THIÊN CUNG : ....

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT : ....

GIỜ TỐT : ....

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2009

NGÀY — **TÊN** | **GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ**

HỌ và TÊN : SINH : TUỔI :

THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
			TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
9	733590	01/5/2009 THỨ SÁU BÍNH NGỌ HỎA (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
1	733591	02/5/2009 THỨ BẢY ĐINH MÙI HỎA (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
2	733592	03/5/2009 CHỦ NHẬT MẬU THÂN THỔ (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
3	733593	04/5/2009 THỨ HAI KỶ DẬU THỔ (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
4	733594	05/5/2009 THỨ BA CANH TUẤT KIM (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
5	733595	06/5/2009 THỨ TƯ TÂN HỢI KIM (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
6	733596	07/5/2009 THỨ NĂM NHÂM TÝ MỘC (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
7	733597	08/5/2009 THỨ SÁU QUÝ SỬU MỘC (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
8	733598	09/5/2009 THỨ BẢY GIÁP DẦN HỎA (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
9	733599	10/5/2009 CHỦ NHẬT ẤT MÃO HỎA (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	

VẬN KHÍ : ....

THIÊN CUNG : ....

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT : ....

GIỜ TỐT : ....

MẦU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2009

NGÀY | **GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ**

TÊN | **HỌ và TÊN :** SINH : TUỔI :

THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	23h ↓ 1h TÝ	1h ↓ 3h SỬU	3h ↓ 5h DẦN	5h ↓ 7h MÃO	7h ↓ 9h THÌN	9h ↓ 11h TỴ	11h ↓ 13h NGỌ	13h ↓ 15h MÙI	15h ↓ 17h THÂN	17h ↓ 19h DẬU	19h ↓ 21h TUẤT	21h ↓ 23h HỢI
1	733600	11/5/2009 THỨ HAI BÍNH THÌN THỔ (M)	*Mậu* THỦY (S)	*Kỷ*	*Canh* MỘC (V)	*Tân*	*Nhâm* HỎA (M) ↓ KIM (S)	*Quý*	*Giáp* KIM (S)	*Ất*	*Bính* THỦY (V)	*Đinh*	*Mậu* MỘC (M) ↓ THỔ (S)	*Kỷ*
2	733601	12/5/2009 THỨ BA ĐINH TỴ THỔ (M)	*Canh* THỔ (S)	*Tân*	*Nhâm* KIM (V)	*Quý*	*Giáp* THỦY (M) ↓ HỎA (S)	*Ất*	*Bính* HỎA (S)	*Đinh*	*Mậu* THỔ (V)	*Kỷ*	*Canh* KIM (M) ↓ MỘC (S)	*Tân*
3	733602	13/5/2009 THỨ TƯ MẬU NGỌ THỦY (S)	*Nhâm* MỘC (S)	*Quý*	*Giáp* HỎA (V)	*Ất*	*Bính* THỔ (M) ↓ THỦY (S)	*Đinh*	*Mậu* THỦY (S)	*Kỷ*	*Canh* MỘC (V)	*Tân*	*Nhâm* HỎA (M) ↓ KIM (S)	*Quý*
4	733603	14/5/2009 THỨ NĂM KỶ MÙI THỦY (S)	*Giáp* KIM (S)	*Ất*	*Bính* THỦY (V)	*Đinh*	*Mậu* MỘC (M) ↓ THỔ (S)	*Kỷ*	*Canh* THỔ (S)	*Tân*	*Nhâm* KIM (V)	*Quý*	*Giáp* THỦY (M) ↓ HỎA (S)	*Ất*
5	733604	15/5/2009 THỨ SÁU CANH THÂN MỘC (V)	*Bính* HỎA (S)	*Đinh*	*Mậu* THỔ (V)	*Kỷ*	*Canh* KIM (M) ↓ MỘC (S)	*Tân*	*Nhâm* MỘC (S)	*Quý*	*Giáp* HỎA (V)	*Ất*	*Bính* THỔ (M) ↓ THỦY (S)	*Đinh*
6	733605	16/5/2009 THỨ BẢY TÂN DẬU MỘC (V)	*Mậu* THỦY (S)	*Kỷ*	*Canh* MỘC (V)	*Tân*	*Nhâm* HỎA (M) ↓ KIM (S)	*Quý*	*Giáp* KIM (S)	*Ất*	*Bính* THỦY (V)	*Đinh*	*Mậu* MỘC (M) ↓ THỔ (S)	*Kỷ*
7	733606	17/5/2009 **CHỦ NHẬT** NHÂM TUẤT HỎA (M)	*Canh* THỔ (S)	*Tân*	*Nhâm* KIM (V)	*Quý*	*Giáp* THỦY (M) ↓ HỎA (S)	*Ất*	*Bính* HỎA (S)	*Đinh*	*Mậu* THỔ (V)	*Kỷ*	*Canh* KIM (M) ↓ MỘC (S)	*Tân*
8	733607	18/5/2009 THỨ HAI QUÝ HỢI HỎA (M)	*Nhâm* MỘC (S)	*Quý*	*Giáp* HỎA (V)	*Ất*	*Bính* THỔ (M) ↓ THỦY (S)	*Đinh*	*Mậu* THỦY (S)	*Kỷ*	*Canh* MỘC (V)	*Tân*	*Nhâm* HỎA (M) ↓ KIM (S)	*Quý*
9	733608	19/5/2009 THỨ BA GIÁP TÝ KIM (S)	*Giáp* KIM (S)	*Ất*	*Bính* THỦY (V)	*Đinh*	*Mậu* MỘC (M) ↓ THỔ (S)	*Kỷ*	*Canh* THỔ (S)	*Tân*	*Nhâm* KIM (V)	*Quý*	*Giáp* THỦY (M) ↓ HỎA (S)	*Ất*
1	733609	20/5/2009 THỨ TƯ ẤT SỬU KIM (S)	*Bính* HỎA (S)	*Đinh*	*Mậu* THỔ (V)	*Kỷ*	*Canh* KIM (M) ↓ MỘC (S)	*Tân*	*Nhâm* MỘC (S)	*Quý*	*Giáp* HỎA (V)	*Ất*	*Bính* THỔ (M) ↓ THỦY (S)	*Đinh*

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2009

NGÀY / TÊN — GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ

HỌ và TÊN : SINH : TUỔI :

THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	23h ↓ 1h TÝ	1h ↓ 3h SỬU	3h ↓ 5h DẦN	5h ↓ 7h MÃO	7h ↓ 9h THÌN	9h ↓ 11h TỴ	11h ↓ 13h NGỌ	13h ↓ 15h MÙI	15h ↓ 17h THÂN	17h ↓ 19h DẬU	19h ↓ 21h TUẤT	21h ↓ 23h HỢI
2	733610	21/5/2009 THỨ NĂM BÍNH DẦN THỦY (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
3	733611	22/5/2009 THỨ SÁU ĐINH MÃO THỦY (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
4	733612	23/5/2009 THỨ BẢY MẬU THÌN MỘC (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
5	733613	24/5/2009 CHỦ NHẬT KỶ TỴ MỘC (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
6	733614	25/5/2009 THỨ HAI CANH NGỌ THỔ (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
7	733615	26/5/2009 THỨ BA TÂN MÙI THỔ (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
8	733616	27/5/2009 THỨ TƯ NHÂM THÂN KIM (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
9	733617	28/5/2009 THỨ NĂM QUÝ DẬU KIM (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
1	733618	29/5/2009 THỨ SÁU GIÁP TUẤT THỦY (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
2	733619	30/5/2009 THỨ BẢY ẤT HỢI THỦY (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2009

NGÀY — **TÊN** | **GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ**

HỌ và TÊN : SINH : TUỔI :

THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	23h ↓ 1h TÝ	1h ↓ 3h SỬU	3h ↓ 5h DẦN	5h ↓ 7h MÃO	7h ↓ 9h THÌN	9h ↓ 11h TỴ	11h ↓ 13h NGỌ	13h ↓ 15h MÙI	15h ↓ 17h THÂN	17h ↓ 19h DẬU	19h ↓ 21h TUẤT	21h ↓ 23h HỢI
3	733620	31/5/2009 CHỦ NHẬT BÍNH TÝ HỎA (S)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
4	733621	01/6/2009 THỨ HAI ĐINH SỬU HỎA (S)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
5	733622	02/6/2009 THỨ BA MẬU DẦN THỔ (V)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
6	733623	03/6/2009 THỨ TƯ KỶ MÃO THỔ (V)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
7	733624	04/6/2009 THỨ NĂM CANH THÌN KIM (M)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
8	733625	05/6/2009 THỨ SÁU TÂN TỴ KIM (M)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
9	733626	06/6/2009 THỨ BẢY NHÂM NGỌ MỘC (S)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
1	733627	07/6/2009 CHỦ NHẬT QUÝ MÙI MỘC (S)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
2	733628	08/6/2009 THỨ HAI GIÁP THÂN HỎA (V)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
3	733629	09/6/2009 THỨ BA ẤT DẬU HỎA (V)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	

VẬN KHÍ : ____

THIÊN CUNG : ____

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT : ____ ____ ____ ____

GIỜ TỐT : ____ ____ ____ ____

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2009

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
4	733630	10/6/2009 THỨ TƯ BÍNH TUẤT THỔ (M)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
5	733631	11/6/2009 THỨ NĂM ĐINH HỢI THỔ (M)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
6	733632	12/6/2009 THỨ SÁU MẬU TÝ THỦY (S)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
7	733633	13/6/2009 THỨ BẢY KỶ SỬU THỦY (S)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
8	733634	14/6/2009 **CHỦ NHẬT** CANH DẦN MỘC (V)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
9	733635	15/6/2009 THỨ HAI TÂN MÃO MỘC (V)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
1	733636	16/6/2009 THỨ BA NHÂM THÌN HỎA (M)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
2	733637	17/6/2009 THỨ TƯ QUÝ TỴ HỎA (M)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
3	733638	18/6/2009 THỨ NĂM GIÁP NGỌ KIM (S)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
4	733639	19/6/2009 THỨ SÁU ẤT MÙI KIM (S)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2009

NGÀY TÊN			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
5	733640	20/6/2009 THỨ BẢY BÍNH THÂN THỦY (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
6	733641	21/6/2009 CHỦ NHẬT ĐINH DẬU THỦY (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
7	733642	22/6/2009 THỨ HAI MẬU TUẤT MỘC (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
8	733643	23/6/2009 THỨ BA KỶ HỢI MỘC (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
9	733644	24/6/2009 THỨ TƯ CANH TÝ THỔ (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
1	733645	25/6/2009 THỨ NĂM TÂN SỬU THỔ (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
2	733646	26/6/2009 THỨ SÁU NHÂM DẦN KIM (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
3	733647	27/6/2009 THỨ BẢY QUÝ MÃO KIM (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
4	733648	28/6/2009 CHỦ NHẬT GIÁP THÌN THỦY (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
5	733649	29/6/2009 THỨ HAI ẤT TỴ THỦY (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2009

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
6	733650	30/6/2009 THỨ BA BÍNH NGỌ HỎA (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
7	733651	**01/7/2009** THỨ TƯ ĐINH MÙI HỎA (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
8	733652	02/7/2009 THỨ NĂM MẬU THÂN THỔ (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
9	733653	03/7/2009 THỨ SÁU KỶ DẬU THỔ (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
1	733654	04/7/2009 THỨ BẢY CANH TUẤT KIM (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
2	733655	05/7/2009 CHỦ NHẬT TÂN HỢI KIM (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
3	733656	06/7/2009 THỨ HAI NHÂM TÝ MỘC (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
4	733657	07/7/2009 THỨ BA QUÝ SỬU MỘC (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
5	733658	08/7/2009 THỨ TƯ GIÁP DẦN HỎA (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
6	733659	09/7/2009 THỨ NĂM ẤT MÃO HỎA (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2009

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23 h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
7	733660	10/7/2009 THỨ SÁU BÍNH THÌN THỔ (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
8	733661	11/7/2009 THỨ BẢY ĐINH TỴ THỔ (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
9	733662	12/7/2009 CHỦ NHẬT MẬU NGỌ THỦY (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
1	733663	13/7/2009 THỨ HAI KỶ MÙI THỦY (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
2	733664	14/7/2009 THỨ BA CANH THÂN MỘC (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
3	733665	15/7/2009 THỨ TƯ TÂN DẬU MỘC (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
4	733666	16/7/2009 THỨ NĂM NHÂM TUẤT HỎA (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
5	733667	17/7/2009 THỨ SÁU QUÝ HỢI HỎA (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
6	733668	18/7/2009 THỨ BẢY GIÁP TÝ KIM (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
7	733669	19/7/2009 CHỦ NHẬT ẤT SỬU KIM (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	

VẬN KHÍ : ....

THIÊN CUNG : ....

ĐỊA CUNG : ....

NGÀY TỐT : ....

GIỜ TỐT : ....

MÀU HỢP : ....

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2009

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
8	733670	20/7/2009 THỨ HAI BÍNH DẦN THỦY (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
9	733671	21/7/2009 THỨ BA ĐINH MÃO THỦY (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
1	733672	22/7/2009 THỨ TƯ MẬU THÌN MỘC (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
2	733673	23/7/2009 THỨ NĂM KỶ TỴ MỘC (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
3	733674	24/7/2009 THỨ SÁU CANH NGỌ THỔ (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
4	733675	25/7/2009 THỨ BẢY TÂN MÙI THỔ (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
5	733676	26/7/2009 CHỦ NHẬT NHÂM THÂN KIM (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
6	733677	27/7/2009 THỨ HAI QUÝ DẬU KIM (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
7	733678	28/7/2009 THỨ BA GIÁP TUẤT THỦY (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
8	733679	29/7/2009 THỨ TƯ ẤT HỢI THỦY (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
VẬN KHÍ :			NGÀY TỐT :											
THIÊN CUNG :			GIỜ TỐT :											
ĐỊA CUNG :			MÀU HỢP :											

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2009

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
9	733680	30/7/2009 THỨ NĂM BÍNH TÝ HỎA (S)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
1	733681	31/7/2009 THỨ SÁU ĐINH SỬU HỎA (S)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
2	733682	**01/8/2009** THỨ BẢY MẬU DẦN THỔ (V)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
3	733683	02/8/2009 **CHỦ NHẬT** KỶ MÃO THỔ (V)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
4	733684	03/8/2009 THỨ HAI CANH THÌN KIM (M)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
5	733685	04/8/2009 THỨ BA TÂN TỴ KIM (M)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
6	733686	05/8/2009 THỨ TƯ NHÂM NGỌ MỘC (S)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
7	733687	06/8/2009 THỨ NĂM QUÝ MÙI MỘC (S)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
8	733688	07/8/2009 THỨ SÁU GIÁP THÂN HỎA (V)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
9	733689	08/8/2009 THỨ BẢY ẤT DẬU HỎA (V)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
VẬN KHÍ :			NGÀY TỐT :											
THIÊN CUNG :			GIỜ TỐT :											
ĐỊA CUNG :			MÀU HỢP :											

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2009

NGÀY / TÊN			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	23h ↓ 1h TÝ	1h ↓ 3h SỬU	3h ↓ 5h DẦN	5h ↓ 7h MÃO	7h ↓ 9h THÌN	9h ↓ 11h TỴ	11h ↓ 13h NGỌ	13h ↓ 15h MÙI	15h ↓ 17h THÂN	17h ↓ 19h DẬU	19h ↓ 21h TUẤT	21h ↓ 23h HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
1	733690	09/8/2009 **CHỦ NHẬT** BÍNH TUẤT THỔ (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
2	733691	10/8/2009 THỨ HAI ĐINH HỢI THỔ (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
3	733692	11/8/2009 THỨ BA MẬU TÝ THỦY (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
4	733693	12/8/2009 THỨ TƯ KỶ SỬU THỦY (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
5	733694	13/8/2009 THỨ NĂM CANH DẦN MỘC (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
6	733695	14/8/2009 THỨ SÁU TÂN MÃO MỘC (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
7	733696	15/8/2009 THỨ BẢY NHÂM THÌN HỎA (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
8	733697	16/8/2009 **CHỦ NHẬT** QUÝ TỴ HỎA (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
9	733698	17/8/2009 THỨ HAI GIÁP NGỌ KIM (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
1	733699	18/8/2009 THỨ BA ẤT MÙI KIM (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
VẬN KHÍ :			NGÀY TỐT :											
THIÊN CUNG :			GIỜ TỐT :											
ĐỊA CUNG :			MÀU HỢP :											

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2009

NGÀY TÊN			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
2	733700	19/8/2009 THỨ TƯ BÍNH THÂN THỦY (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
3	733701	20/8/2009 THỨ NĂM ĐINH DẬU THỦY (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
4	733702	21/8/2009 THỨ SÁU MẬU TUẤT MỘC (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
5	733703	22/8/2009 THỨ BẢY KỶ HỢI MỘC (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
6	733704	23/8/2009 CHỦ NHẬT CANH TÝ THỔ (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
7	733705	24/8/2009 THỨ HAI TÂN SỬU THỔ (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
8	733706	25/8/2009 THỨ BA NHÂM DẦN KIM (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
9	733707	26/8/2009 THỨ TƯ QUÝ MÃO KIM (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
1	733708	27/8/2009 THỨ NĂM GIÁP THÌN THỦY (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
2	733709	28/8/2009 THỨ SÁU ẤT TỴ THỦY (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	

VẬN KHÍ :	NGÀY TỐT :
THIÊN CUNG :	GIỜ TỐT :
ĐỊA CUNG :	MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2009

NGÀY / TÊN: THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	23h ↓ 1h TÝ	1h ↓ 3h SỬU	3h ↓ 5h DẦN	5h ↓ 7h MÃO	7h ↓ 9h THÌN	9h ↓ 11h TỴ	11h ↓ 13h NGỌ	13h ↓ 15h MÙI	15h ↓ 17h THÂN	17h ↓ 19h DẬU	19h ↓ 21h TUẤT	21h ↓ 23h HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
3	733710	29/8/2009 THỨ BẢY BÍNH NGỌ HỎA (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) → KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) → THỔ (S)	
4	733711	30/8/2009 CHỦ NHẬT ĐINH MÙI HỎA (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) → HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) → MỘC (S)	
5	733712	31/8/2009 THỨ HAI MẬU THÂN THỔ (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) → THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) → KIM (S)	
6	733713	01/9/2009 THỨ BA KỶ DẬU THỔ (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) → THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) → HỎA (S)	
7	733714	02/9/2009 THỨ TƯ CANH TUẤT KIM (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) → MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) → THỦY (S)	
8	733715	03/9/2009 THỨ NĂM TÂN HỢI KIM (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) → KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) → THỔ (S)	
9	733716	04/9/2009 THỨ SÁU NHÂM TÝ MỘC (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) → HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) → MỘC (S)	
1	733717	05/9/2009 THỨ BA QUÝ SỬU MỘC (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) → THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) → KIM (S)	
2	733718	06/9/2009 CHỦ NHẬT GIÁP DẦN HỎA (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) → THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) → HỎA (S)	
3	733719	07/9/2009 THỨ HAI ẤT MÃO HỎA (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) → MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) → THỦY (S)	

VẬN KHÍ : ....

THIÊN CUNG : ....

ĐỊA CUNG : ....

NGÀY TỐT : ....

GIỜ TỐT : ....

MÀU HỢP : ....

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2009

NGÀY / TÊN			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
4	733720	08/9/2009 THỨ BA BÍNH THÌN THỔ (M)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
5	733721	09/9/2009 THỨ TƯ ĐINH TỴ THỔ (M)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
6	733722	10/9/2009 THỨ NĂM MẬU NGỌ THỦY (S)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
7	733723	11/9/2009 THỨ SÁU KỶ MÙI THỦY (S)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
8	733724	12/9/2009 THỨ BẢY CANH THÂN MỘC (V)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
9	733725	13/9/2009 CHỦ NHẬT TÂN DẬU MỘC (V)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
1	733726	14/9/2009 THỨ HAI NHÂM TUẤT HỎA (M)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
2	733727	15/9/2009 THỨ BA QUÝ HỢI HỎA (M)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
3	733728	16/9/2009 THỨ TƯ GIÁP TÝ KIM (S)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
4	733729	17/9/2009 THỨ NĂM ẤT SỬU KIM (S)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	

VẬN KHÍ : ....

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT : ....

GIỜ TỐT : ....

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2009

NGÀY / TÊN			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
5	733730	18/9/2009 THỨ SÁU BÍNH DẦN THỦY (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
6	733731	19/9/2009 THỨ BẢY ĐINH MÃO THỦY (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
7	733732	20/9/2009 **CHỦ NHẬT** MẬU THÌN MỘC (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
8	733733	21/9/2009 THỨ HAI KỶ TỴ MỘC (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
9	733734	22/9/2009 THỨ BẢY CANH NGỌ THỔ (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
1	733735	23/9/2009 THỨ TƯ TÂN MÙI THỔ (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
2	733736	24/9/2009 THỨ NĂM NHÂM THÂN KIM (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
3	733737	25/9/2009 THỨ SÁU QUÝ DẬU KIM (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
4	733738	26/9/2009 THỨ BẢY GIÁP TUẤT THỦY (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
5	733739	27/9/2009 **CHỦ NHẬT** ẤT HỢI THỦY (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2009

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
6	733740	28/9/2009 THỨ HAI BÍNH TÝ HỎA (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
7	733741	29/9/2009 THỨ BA ĐINH SỬU HỎA (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
8	733742	30/9/2009 THỨ TƯ MẬU DẦN THỔ (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
9	733743	**01/10/2009** THỨ NĂM KỶ MÃO THỔ (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
1	733744	02/10/2009 THỨ SÁU CANH THÌN KIM (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
2	733745	03/10/2009 THỨ BẢY TÂN TỴ KIM (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
3	733746	04/10/2009 **CHỦ NHẬT** NHÂM NGỌ MỘC (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
4	733747	05/10/2009 THỨ HAI QUÝ MÙI MỘC (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
5	733748	06/10/2009 THỨ BA GIÁP THÂN HỎA (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
6	733749	07/10/2009 THỨ TƯ ẤT DẬU HỎA (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	

VẬN KHÍ :	NGÀY TỐT :
THIÊN CUNG :	GIỜ TỐT :
ĐỊA CUNG :	MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2009

NGÀY — **TÊN** | **GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ**

HỌ và TÊN : SINH : TUỔI :

THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	23h ↓ 1h TÝ	1h ↓ 3h SỬU	3h ↓ 5h DẦN	5h ↓ 7h MÃO	7h ↓ 9h THÌN	9h ↓ 11h TỴ	11h ↓ 13h NGỌ	13h ↓ 15h MÙI	15h ↓ 17h THÂN	17h ↓ 19h DẬU	19h ↓ 21h TUẤT	21h ↓ 23h HỢI
7	733750	08/10/2009 THỨ NĂM BÍNH TUẤT THỔ (M)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
8	733751	09/10/2009 THỨ SÁU ĐINH HỢI THỔ (M)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
9	733752	10/10/2009 THỨ BẢY MẬU TÝ THỦY (S)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
1	733753	11/10/2009 **CHỦ NHẬT** KỶ SỬU THỦY (S)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
2	733754	12/10/2009 THỨ HAI CANH DẦN MỘC (V)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
3	733755	13/10/2009 THỨ BA TÂN MÃO MỘC (V)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
4	733756	14/10/2009 THỨ TƯ NHÂM THÌN HỎA (M)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
5	733757	15/10/2009 THỨ NĂM QUÝ TỴ HỎA (M)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
6	733758	16/10/2009 THỨ SÁU GIÁP NGỌ KIM (S)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
7	733759	17/10/2009 THỨ BẢY ẤT MÙI KIM (S)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2009

NGÀY / TÊN: THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ: 23h ↓ 1h TÝ	1h ↓ 3h SỬU	3h ↓ 5h DẦN	5h ↓ 7h MÃO	7h ↓ 9h THÌN	9h ↓ 11h TỴ	11h ↓ 13h NGỌ	13h ↓ 15h MÙI	15h ↓ 17h THÂN	17h ↓ 19h DẬU	19h ↓ 21h TUẤT	21h ↓ 23h HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
8	733760	18/10/2009 **CHỦ NHẬT** BÍNH THÂN THỦY (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
9	733761	19/10/2009 THỨ HAI ĐINH DẬU THỦY (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
1	733762	20/10/2009 THỨ BA MẬU TUẤT MỘC (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
2	733763	21/10/2009 THỨ TƯ KỶ HỢI MỘC (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
3	733764	22/10/2009 THỨ NĂM CANH TÝ THỔ (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
4	733765	23/10/2009 THỨ SÁU TÂN SỬU THỔ (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
5	733766	24/10/2009 THỨ BẢY NHÂM DẦN KIM (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
6	733767	25/10/2009 **CHỦ NHẬT** QUÝ MÃO KIM (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
7	733768	26/10/2009 THỨ HAI GIÁP THÌN THỦY (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
8	733769	27/10/2009 THỨ BA ẤT TỴ THỦY (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	

VẬN KHÍ : ....

THIÊN CUNG : ....

ĐỊA CUNG : ....

NGÀY TỐT : ....

GIỜ TỐT : ....

MÀU HỢP : ....

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2009

NGÀY / TÊN — **GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ**

HỌ và TÊN : SINH : TUỔI :

THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	23h ↓ 1h TÝ	1h ↓ 3h SỬU	3h ↓ 5h DẦN	5h ↓ 7h MÃO	7h ↓ 9h THÌN	9h ↓ 11h TỴ	11h ↓ 13h NGỌ	13h ↓ 15h MÙI	15h ↓ 17h THÂN	17h ↓ 19h DẬU	19h ↓ 21h TUẤT	21h ↓ 23h HỢI
9	733770	28/10/2009 THỨ TƯ BÍNH NGỌ HỎA (S)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
1	733771	29/10/2009 THỨ NĂM ĐINH MÙI HỎA (S)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
2	733772	30/10/2009 THỨ SÁU MẬU THÂN THỔ (V)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
3	733773	31/10/2009 THỨ BẢY KỶ DẬU THỔ (V)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
4	733774	**01/11/2009 CHỦ NHẬT** CANH TUẤT KIM (M)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
5	733775	02/11/2009 THỨ HAI TÂN HỢI KIM (M)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
6	733776	03/11/2009 THỨ BA NHÂM TÝ MỘC (S)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
7	733777	04/11/2009 THỨ TƯ QUÝ SỬU MỘC (S)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
8	733778	05/11/2009 THỨ NĂM GIÁP DẦN HỎA (V)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
9	733779	06/11/2009 THỨ SÁU ẤT MÃO HỎA (V)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	

VẬN KHÍ : ....

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT : ....

GIỜ TỐT : ....

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2009

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
1	733780	07/11/2009 THỨ BẢY BÍNH THÌN THỔ (M)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
2	733781	08/11/2009 CHỦ NHẬT ĐINH TỴ THỔ (M)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
3	733782	09/11/2009 THỨ HAI MẬU NGỌ THỦY (S)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
4	733783	10/11/2009 THỨ BA KỶ MÙI THỦY (S)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
5	733784	11/11/2009 THỨ TƯ CANH THÂN MỘC (V)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
6	733785	12/11/2009 THỨ NĂM TÂN DẬU MỘC (V)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
7	733786	13/11/2009 THỨ SÁU NHÂM TUẤT HỎA (M)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
8	733787	14/11/2009 THỨ BẢY QUÝ HỢI HỎA (M)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
9	733788	15/11/2009 CHỦ NHẬT GIÁP TÝ KIM (S)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
1	733789	16/11/2009 THỨ HAI ẤT SỬU KIM (S)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	

VẬN KHÍ : ....

THIÊN CUNG : ....

ĐỊA CUNG : ....

NGÀY TỐT : ....

GIỜ TỐT : ....

MÀU HỢP : ....

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2009

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
2	733790	17/11/2009 THỨ BA BÍNH DẦN THỦY (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
3	733791	18/11/2009 THỨ TƯ ĐINH MÃO THỦY (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
4	733792	19/11/2009 THỨ NĂM MẬU THÌN MỘC (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
5	733793	20/11/2009 THỨ SÁU KỶ TỴ MỘC (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
6	733794	21/11/2009 THỨ BẢY CANH NGỌ THỔ (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
7	733795	22/11/2009 CHỦ NHẬT TÂN MÙI THỔ (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
8	733796	23/11/2009 THỨ HAI NHÂM THÂN KIM (V)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
9	733797	24/11/2009 THỨ BA QUÝ DẬU KIM (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
1	733798	25/11/2009 THỨ TƯ GIÁP TUẤT THỦY (M)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
2	733799	26/11/2009 THỨ NĂM ẤT HỢI THỦY (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2009

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23 h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
			TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
3	733800	27/11/2009 THỨ SÁU BÍNH TÝ HỎA (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
4	733801	28/11/2009 THỨ BẢY ĐINH SỬU HỎA (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
5	733802	29/11/2009 CHỦ NHẬT MẬU DẦN THỔ (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
6	733803	30/11/2009 THỨ HAI KỶ MÃO THỔ (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
7	733804	**01/12/2009** THỨ BA CANH THÌN KIM (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
8	733805	02/12/2009 THỨ TƯ TÂN TỴ KIM (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
9	733806	03/12/2009 THỨ NĂM NHÂM NGỌ MỘC (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
1	733807	04/12/2009 THỨ SÁU QUÝ MÙI MỘC (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
2	733808	05/12/2009 THỨ BẢY GIÁP THÂN HỎA (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
3	733809	06/12/2009 CHỦ NHẬT ẤT DẬU HỎA (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	

VẬN KHÍ :

THIÊN CUNG :

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT :

GIỜ TỐT :

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2009

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :							SINH :			TUỔI :	
4	733810	07/12/2009 THỨ HAI BÍNH TUẤT THỔ (M)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
5	733811	08/12/2009 THỨ BA ĐINH HỢI THỔ (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
6	733812	09/12/2009 THỨ TƯ MẬU TÝ THỦY (S)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
7	733813	10/12/2009 THỨ NĂM KỶ SỬU THỦY (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
8	733814	11/12/2009 THỨ SÁU CANH DẦN MỘC (V)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
9	733815	12/12/2009 THỨ BẢY TÂN MÃO MỘC (V)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
1	733816	13/12/2009 **CHỦ NHẬT** NHÂM THÌN HỎA (M)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
2	733817	14/12/2009 THỨ HAI QUÝ TỴ HỎA (M)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
3	733818	15/12/2009 THỨ BA GIÁP NGỌ KIM (S)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
4	733819	16/12/2009 THỨ TƯ ẤT MÙI KIM (S)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	

VẬN KHÍ :	NGÀY TỐT :
THIÊN CUNG :	GIỜ TỐT :
ĐỊA CUNG :	MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2009

NGÀY

TÊN

GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ

HỌ và TÊN : SINH : TUỔI :

THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	23h ↓ 1h TÝ	1h ↓ 3h SỬU	3h ↓ 5h DẦN	5h ↓ 7h MÃO	7h ↓ 9h THÌN	9h ↓ 11h TỴ	11h ↓ 13h NGỌ	13h ↓ 15h MÙI	15h ↓ 17h THÂN	17h ↓ 19h DẬU	19h ↓ 21h TUẤT	21h ↓ 23h HỢI
5	733820	17/12/2009 THỨ NĂM BÍNH THÂN THỦY (V)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) → KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) → THỔ (S)	
6	733821	18/12/2009 THỨ SÁU ĐINH DẬU THỦY (V)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) → HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) → MỘC (S)	
7	733822	19/12/2009 THỨ BẢY MẬU TUẤT MỘC (M)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) → THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) → KIM (S)	
8	733823	20/12/2009 CHỦ NHẬT KỶ HỢI MỘC (M)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) → THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) → HỎA (S)	
9	733824	21/12/2009 THỨ HAI CANH TÝ THỔ (S)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) → MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) → THỦY (S)	
1	733825	22/12/2009 THỨ BA TÂN SỬU THỔ (S)	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) → KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) → THỔ (S)	
2	733826	23/12/2009 THỨ TƯ NHÂM DẦN KIM (V)	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) → HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) → MỘC (S)	
3	733827	24/12/2009 THỨ NĂM QUÝ MÃO KIM (V)	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) → THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) → KIM (S)	
4	733828	25/12/2009 THỨ SÁU GIÁP THÌN THỦY (M)	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) → THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) → HỎA (S)	
5	733829	26/12/2009 THỨ BẢY ẤT TỴ THỦY (M)	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý	Giáp	Ất	Bính	Đinh
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) → MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) → THỦY (S)	

VẬN KHÍ : ______

THIÊN CUNG : ______

ĐỊA CUNG :

NGÀY TỐT : ______

GIỜ TỐT : ______

MÀU HỢP :

LỊCH PHONG THỦY

(2006 - 2010)

Tác giả : TS. NGUYỄN NGỌC THẠCH

ĐỊNH VỊ NGÀY GIỜ - NĂM 2009

NGÀY			GIỜ NÀO - VIỆC ĐÓ											
TÊN			23h ↓ 1h	1h ↓ 3h	3h ↓ 5h	5h ↓ 7h	7h ↓ 9h	9h ↓ 11h	11h ↓ 13h	13h ↓ 15h	15h ↓ 17h	17h ↓ 19h	19h ↓ 21h	21h ↓ 23h
THIÊN CUNG	THỐNG KÊ	THÔNG THƯỜNG	TÝ	SỬU	DẦN	MÃO	THÌN	TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN	DẬU	TUẤT	HỢI
			HỌ và TÊN :								SINH :		TUỔI :	
6	733830	27/12/2009 **CHỦ NHẬT** BÍNH NGỌ HỎA (S)	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*
			THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)		KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)	
7	733831	28/12/2009 THỨ HAI ĐINH MÙI HỎA (S)	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*
			THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)		HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)	
8	733832	29/12/2009 THỨ BA MẬU THÂN THỔ (V)	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*
			MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)		THỦY (S)		MỘC (V)		HỎA (M) ↓ KIM (S)	
9	733833	30/12/2009 THỨ TƯ KỶ DẬU THỔ (V)	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*
			KIM (S)		THỦY (V)		MỘC (M) ↓ THỔ (S)		THỔ (S)		KIM (V)		THỦY (M) ↓ HỎA (S)	
1	733834	31/12/2009 THỨ NĂM CANH TUẤT KIM (M)	*Bính*	*Đinh*	*Mậu*	*Kỷ*	*Canh*	*Tân*	*Nhâm*	*Quý*	*Giáp*	*Ất*	*Bính*	*Đinh*
			HỎA (S)		THỔ (V)		KIM (M) ↓ MỘC (S)		MỘC (S)		HỎA (V)		THỔ (M) ↓ THỦY (S)	
VẬN KHÍ :			NGÀY TỐT :											
THIÊN CUNG :			GIỜ TỐT :											
ĐỊA CUNG :			MÀU HỢP :											

SÁCH THAM KHẢO

1. *Các Lạt Ma hóa thân*, NXB Văn hóa - Thông tin, 2003.
2. **Đỗ Kiên Cường**, *Hiện tượng tâm linh*, NXB Trẻ, 2001.
3. **Hoàng Tuấn**, *Kinh Dịch và hệ nhị phân*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2002.
4. **Ngô Nguyên Phi**, *Nghiên cứu phong thủy và phong thủy Việt Nam dưới góc độ khoa học*, NXB Văn hóa - Thông tin, 2002.
5. **Erơnơ Munđasep**, *Chúng ta thoát thai từ đâu*, NXB Thế giới, Hà Nội, 2004.
6. **Lục Lưu**, *Khí đạo*, NXB Đất Mũi, Cà Mau, 1977.
7. **Nguyễn Vũ Tuấn Anh**, *Tìm về cội nguồn Kinh Dịch*, NXB Đại học Quốc gia TP. HCM, 2001.
8. **Bùi Biên Hòa**, *Hệ thức thời gian độn giáp - Nền văn minh nông nghiệp châu Á cổ xưa*, NXB Văn hóa Dân tộc, 2002.
9. **Nguyễn Ngọc Hải**, *Can chi thông luận*, NXB Văn hóa - Thông tin, 1998.
10. **Nguyễn Hoàng Phương**, *Tích hợp đa văn hóa Đông Tây cho một chiến lược giáo dục tương lai*, NXB Giáo dục, 1996.
11. **Lê Nguyên Khánh**, *Kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại trong lâm sàng*, NXB Y học, 1982.
12. **Giác Dũng**, *Phật Việt Nam - Dân tộc Việt Nam*, NXB Tôn giáo, 2003.
13. **Nguyễn Tôn Nhan**, *Lão Tử - Đạo Đức kinh*, NXB Văn học, 1999.
14. **Thích Duy Lực**, *Kinh Lăng Nghiêm*, NXB Tôn giáo, 1999.
15. **Hồ Kinh Quốc**, *Tìm hiểu cổ dịch Huyền không học*, NXB Đại học Quốc gia TP. HCM, 2001.
16. **Trần Văn Hải**, *Địa lý toàn thư tân biên*, NXB Văn hóa - Thông tin, 2003.
17. **Trần Văn Tam**, *Xây nhà ở theo phong thủy*, NXB Văn hóa - Thông tin, 2000.

18. **Tôn Nữ Hỷ Khương**, *Hãy cho nhau*, NXB Trẻ, 2004.

19. **Võ Văn Tường**, *Những ngôi chùa nổi tiếng Việt Nam*, NXB Văn hóa - Thông tin, 1994.

20. **Thích Trí Tịnh**, *Đại Phương - Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh*, PL.2511.

21. *Từ điển Phật học*, NXB Thuận Hóa, 1999.

22. **Sogyal Rinpoche**, *Tạng thư sống chết*, NXB TP.HCM, 1999.

23. **Trần Đình Tuấn**, *Giấc ngủ và những điều kỳ lạ*, NXB Văn hóa Dân tộc, 2003.

24. **Nguyễn Thế Vững**, *Nhịp sinh học với dịch học trong văn hóa phương Đông*, NXB Hải Phòng, 2003.

25. **Thiệu Vĩ Hoa**, *Dự đoán theo tứ trụ*, NXB Văn hóa - Thông tin, 1996.

27. **Minh Đăng Khánh**, *Đời người dưới con mắt nhà chiêm tinh*, NXB Văn hóa - Thông tin, 2000.

28. **Fritjof Capra**, *Đạo của vật lý*, NXB Trẻ, 2001.

29. **Nguyễn Tường Bách**, *Lưới trời ai dệt*, NXB Trẻ, 2004.

30. **Đình Nguyễn Phu**, *Tìm hiểu và ứng dụng triết lý Âm - Dương*, NXB Văn hóa Dân tộc, 1998.

31. **Thẩm Trúc Nhưng**, *Thẩm thị Huyền không học*, NXB Văn hóa - Thông tin, 2003.

32. **Lê Quý Ngưu**, *Lịch và lịch vạn niên*, NXB Văn hoá Dân tộc, 2001.

33. **Nguyễn Minh Hoàng**, *Tỷ lệ vàng*, NXB Trẻ, 2007.

34. **Lê Huy Hòa**, *Bách khoa tri thức phổ thông*, NXB Văn hóa - Thông tin, 2003.

35. **Thích Thông Bửu**, *Truyện ngắn triết lý Phật giáo bằng tranh*, NXB Tôn giáo, 2004.

36. **Bùi Hạnh Cẩn** biên dịch, *Gia Cát Khổng Minh dự đoán*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà nội, 1999.

37. **Nguyễn Tử Siêu**, *Hoàng đế nội kinh tố vấn*, NXB Văn hóa - Thông tin, 2001.

MỤC LỤC

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ- THÔNG TIN

43 - LÒ ĐÚC - HÀ NỘI

Chịu trách nhiệm xuất bản:	BÙI VIỆT BẮC
Chịu trách nhiệm bản thảo:	PHẠM NGỌC LUẬT
Biên tập:	BAN BIÊN TẬP
Vẽ bìa:	HẢI NAM
Chế bản:	ĐÔNG TÂY

In 1000 cuốn, khổ 16 x 24 cm tại Công ty Cổ phần In Sao Việt
47 Nguyễn Tuân - Hà Nội
Số đăng ký KHXB: 859-2007/CXB/30/-147/VHTT,
cấp ngày 28-11-2007. In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2008

HẰNG SỐ LUÂN HỒI

THÁI CỰC HOA GIÁP

THUYẾT PHONG THUỶ THẾ GIỚI TIỀN TÂM LINH

THUYẾT 3T- PHẬT LỊCH 2551



Nhà sách Đống Đa, 834 Đường Láng, Hà Nội, ĐT:04.7752939

